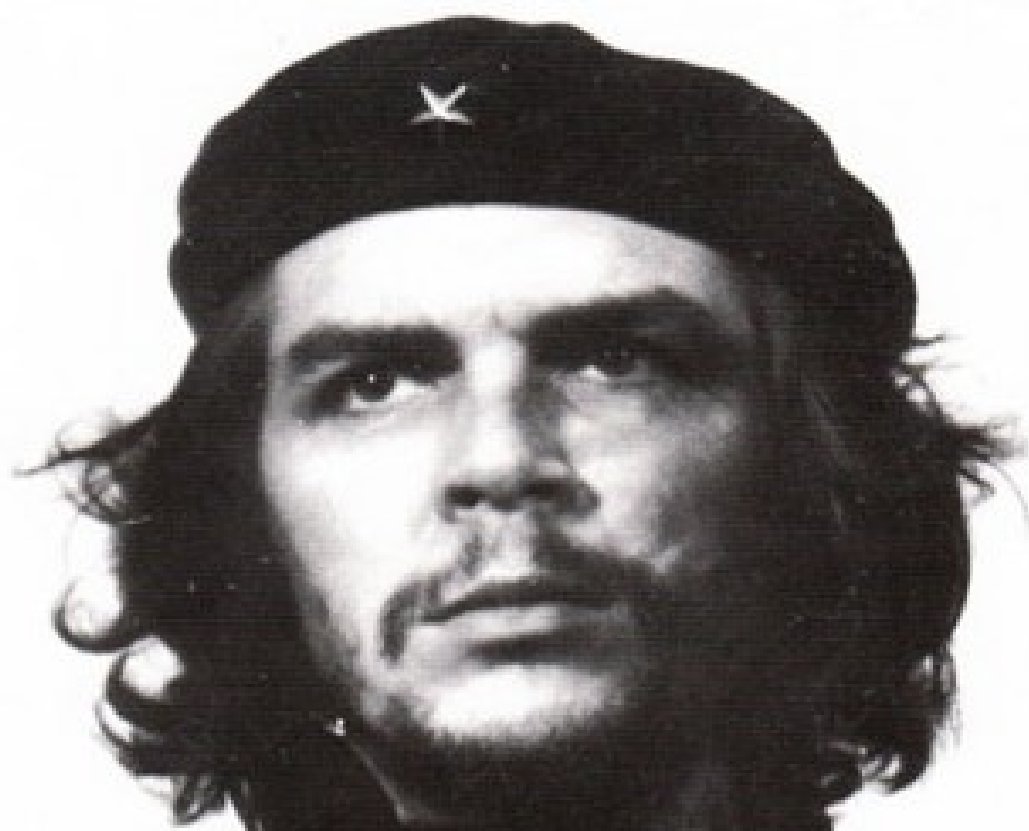


Nhật ký

CHE GUEVARA

THE MOTORCYCLE DIARIES



Đi tìm lý tưởng và mục đích sống...



NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

Nhật ký hành trình xuyên Châu Mỹ La Tinh bằng xe gắn máy

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

“Che là hiện thân của một con người mà ý tưởng và hành động luôn đi cùng nhau. Một con người bản lĩnh và đầy tình người mà ngay cả kẻ thù cũng phải kính nể.” - FIDEL CASTRO.

Tiếp theo cuốn *Huyền Thoại Che*, nhân kỷ niệm 47 năm ngày Quốc khánh Cuba (1/1/1959 - 1/1/2006), First News hân hạnh giới thiệu đến quý độc giả cuốn “Nhật ký hành trình xuyên châu Mỹ La tinh bằng xe gắn máy” của Ernesto Che Guevara.

Cuốn nhật ký đặc biệt này được Che viết lúc mới 23 tuổi khi thực hiện cuộc hành trình xuyên Châu Mỹ La Tinh bằng chiếc xe mô tô 500 phân khối trong 9 tháng với một người bạn thân tên Alberto Granado.

Cuốn nhật ký thể hiện những trăn trở, suy tư và khát vọng của một chàng trai suy tư và khát vọng của một chàng trai tài hoa, lãng tử, ngang tàng, thích phiêu lưu mạo hiểm, có nội tâm gần gũi, dám sống thật và luôn ước mơ về một tình yêu đẹp. Cuộc hành trình này đã góp phần lớn tạo nên tầm nhìn và con người Che sau này.

Từ một sinh viên y khoa đầy tình người, vốn bản tính không chấp nhận sống một cuộc đời chật chội, bó hẹp với những khuôn khổ, những lối mòn đã định sẵn. Che thích khám phá và quyết tâm đi tìm chân giá trị cho chính mình, cho mọi người và đã trở thành một con người bản lĩnh, xem nhẹ tất cả, dám chống lại mọi sự bất công, một con người dám suy nghĩ, hành động và dám hy sinh để thay đổi thế giới, một con người dám đi đến tận cùng với ước mơ hoài bão của mình.

Đây không phải là câu chuyện về những hành động anh hùng phi thường, hay là những ghi chép kể chuyện của một kẻ nhiều chuyện. Đây là những trải nghiệm khám phá cuộc sống và cảm xúc thật cùng những ý tưởng trong một cuộc hành trình phiêu lưu lãng tử, đầy vất vả, gian truân Che Guavara.

Cuộc hành trình thú vị và đầy thử thách của hai con người trẻ tuổi rong ruổi bên nhau trên một chiếc xe gắn máy cũ cùng với những gì chứng kiến chưa từng được thấy từ thực tế đã thổi bùng lên ngọn lửa ước mơ và khát vọng của một con người muốn chinh phục và thay đổi thế giới xung quanh. Và con người đó đã dám sống và làm như vậy. Con người mà sau này cái tên đã trở nên một huyền thoại – Che!

Che sinh ra và lớn lên tại Argentina, tham gia cách mạng và chiến đấu ở Cuba, và hy sinh ở Bolivia khi vừa 39 tuổi. Anh xuất thân từ một gia đình trung lưu thuộc dòng dõi những người thích dẫn thân vào những chuyện phiêu lưu, mạo hiểm.

Ngay từ thuở ấu thơ, Che đã nghĩ mình thuộc về thế giới này và đất nước Argentina chỉ là nơi sinh ra anh chứ không phải là nơi trú ngụ của anh. Và tất cả những yếu tố đó là cội nguồn

của một đứa trẻ mà số phận đã định trước để trở thành một anh hùng.

Đọc những dòng nhật ký chân thật của Che, chúng ta như được sống lại, đi cùng với cuộc hành trình khám phá của Ernesto Che Guevara thời trai trẻ. Bị thôi thúc bởi tiếng gọi của những con đường và những hoài bão lớn trong tim, khi đang là một sinh viên y khoa sắp tốt nghiệp, Ernesto Che Guevara đã cùng người bạn Alberto Granado rong ruổi suốt 9 tháng trời trên khắp các nẻo đường châu Mỹ La tinh bằng chiếc mô tô La Poderosa II 500 phân khối.

Hai người bạn trẻ đã cùng nhau vượt hàng ngàn dặm đường qua nhiều quốc gia với biết bao tình huống nguy hiểm và rủi ro, đói khát, giá lạnh, đau khổ, trôi giạt trong không gian và thời gian, chiêm ngưỡng vẻ đẹp hoang sơ bí ẩn của châu Mỹ La tinh, gặp rất nhiều người thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, và cũng đã tận mắt chứng kiến những cảnh sống khốn cùng, tuyệt vọng của con người...

Chuyến đi đã ảnh hưởng sâu sắc đến chàng trai Ernesto, đã thổi bùng lên ngọn lửa ước mơ và khát vọng của một con người muốn chinh phục và thay đổi thế giới xung quanh. Những nhận thức từ thực tế cuộc hành trình đã nâng cao tầm nhìn của anh, khiến anh chấp nhận từ bỏ danh vọng của một bác sĩ và quyết tâm đem cả tâm huyết và sinh mệnh của mình để đấu tranh cho tự do, cho quyền được sống bình đẳng và ấm no của những con người còn bị áp bức trên thế giới: *"Tôi biết điều này và tôi thấy điều đó in dấu trên nền trời đêm. Tôi biết rằng tôi sẽ vượt lên trên những học thuyết giả dối, chủ nghĩa giáo điều, cầm lấy vũ khí, vượt qua những rào cản và tiến lên. Và tôi thấy tôi hy sinh trong một cuộc cách mạng chân chính, mang lại công bằng và bình đẳng cho con người. Tôi thấy tôi đang hít thở mùi khét lẹt của khói súng và máu quân thù. Tôi rèn luyện bản thân, sẵn sàng chiến đấu, và chuẩn bị cho một vùng trời thiêng liêng, trong đó khúc hát khải hoàn của những người vô sản sẽ âm vang vô tận, cùng với sức sống mới và niềm hy vọng mới."*



"Che là hiện thân của một con người mà ý tưởng và hành động luôn đi cùng nhau. Một con người bản lĩnh và đầy tình người mà ngay cả kẻ thù cũng phải kính nể." - FIDEL CASTRO.

Che Guevara là biểu tượng của hy vọng và niềm tin tuyệt đối, một tấm gương sáng ngời tinh thần quốc tế vô sản, một con người cương trực, thông minh không bao giờ chịu khuất phục, một người dám xả thân vì lẽ sống, vì cuộc sống của mọi người, chống lại mọi bất công từ bất cứ phía nào, bất cứ là ai. Cuộc đời Che là bảo vệ cho lẽ phải, cho những người bị áp bức không phân biệt dân tộc. Với Che: *"Tình người là không biên giới!"*

Chính vì vậy, dù chính kiến khác nhau, Che Guevara vẫn là hình ảnh được cả thế giới kính phục và ca ngợi. Báo chí Mỹ đã nhận định về cuốn “Nhật ký hành trình xuyên châu Mỹ La tinh bằng xe gắn máy” của Che như là một tác phẩm khám phá thế giới và hình thành nên con người Che sau này. Cuốn nhật ký này đã được dịch ra tiếng Anh xuất bản tại Mỹ và được chuyển ngữ qua nhiều ngôn ngữ trên thế giới.

Bản lĩnh, tính cách của Che Guevara và Nhật ký hành trình xuyên châu Mỹ La tinh bằng xe gắn máy đã chinh phục độc giả bằng một giọng văn đặc biệt chân thực với ngôn ngữ thú vị và giàu hình ảnh. Cuốn nhật ký cho thấy ngôn ngữ của Che ngay từ tuổi 23 đã rất sắc sảo và đầy cảm xúc, thể hiện tư chất của một nhà thương thuyết bậc thầy trên thế giới trong không đầy 10 năm sau đó.

Hãy đọc, và đi cùng Che, trên chiếc xe gắn máy qua những ý tưởng và miền đất lạ. Hãy trải nghiệm và khám phá những điều mới mẻ, thú vị cùng với Che – và trong chính bạn.

Cùng bạn đọc "Nhật ký hành trình xuyên Châu Mỹ La Tinh bằng xe gắn máy"

- Trước đây, cũng như các bạn, chúng tôi biết Che, hiểu về Che như một con người chân chính, một con người lạ thường đầy cuốn hút, một biểu tượng anh hùng không riêng của một quốc gia nào.

Nhưng khi dịch và biên tập từng trang, từng dòng của cuốn nhật ký quý giá này của chàng

trai Ernesto Che Guevara viết lúc mới 23 tuổi, chúng tôi thật sự xúc động khi được hiểu rõ về những trăn trở, suy tư và khát vọng của một chàng trai tài hoa, lãng tử, ngang tàng, thích phiêu lưu mạo hiểm, có nội tâm gần gũi, dám sống thật và luôn ước mơ về một tình yêu đẹp.

Một sinh viên y khoa đầy tình người. Một con người không chấp nhận sống một cuộc đời chật chội, bó hẹp với những khuôn khổ, những lối mòn đã định sẵn. Một con người thích khám phá và quyết tâm đi tìm chân giá trị cho chính mình, cho mọi người. Một con người bản lĩnh, xem nhẹ tất cả, dám chống lại mọi sự bất công, một con người dám suy nghĩ, hành động và dám hy sinh để thay đổi thế giới, một con người dám đi đến tận cùng với ước mơ hoài bão của mình. Một con người thật bình dị - lãng tử và bất tử.

Đây không phải là câu chuyện về những hành động anh hùng phi thường, hay là những ghi chép của một kẻ nhiều chuyện. Đây là những trải nghiệm để khám phá cuộc sống và cảm xúc thật cùng những ý tưởng trong một cuộc hành trình phiêu lưu lãng tử, đầy vất vả, gian truân xuyên châu Mỹ La tinh hơn chín tháng của Ernesto Che Guevara và người bạn thân Alberto Granado. Cuộc hành trình thú vị của hai con người trẻ tuổi rong ruổi bên nhau trên một chiếc xe gắn máy cũ cùng với những gì chứng kiến từ thực tế đã thổi bùng lên ngọn lửa ước mơ và khát vọng của một con người muốn chinh phục và thay đổi thế giới xung quanh. Và con người đó đã dám sống và làm như vậy. Con người mà sau này khiến cả thế giới phải nể phục. Con người mà cái tên đã trở nên một huyền thoại - Che!

Đọc những dòng nhật ký chân thật của Che, chúng ta sẽ được sống lại, đi cùng với cuộc hành trình lý thú của Che, hiểu được tâm hồn lãng mạn, tình cảm và tính cách đặc biệt của Che, và hiểu được những gì mà chàng trai Ernesto cảm nhận được qua cuộc hành trình này đã góp phần lớn tạo nên con người Che sau này.

Che sinh ra và lớn lên tại Argentina, tham gia cách mạng và chiến đấu ở Cuba, và hy sinh ở Bolivia khi 39 tuổi. Che xuất thân từ một gia đình trung lưu thuộc dòng dõi những người thích dẫn thân vào những chuyện phiêu lưu, mạo hiểm. Ngay từ thời thơ ấu, Che đã nghĩ mình thuộc về thế giới này và đất nước Argentina chỉ là nơi sinh ra anh chứ không phải là nơi trú ngụ của anh. Và tất cả những yếu tố đó là cội nguồn của một đứa trẻ mà số phận đã định trước để trở thành một anh hùng, một con người của mọi con người.

Hãy đọc, và đi cùng Che, trên chiếc xe gắn máy qua những miền đất lạ, hãy trải nghiệm và khám phá những điều mới mẻ, thú vị trong chàng trai Ernesto, trong Che - và trong chính bạn.

- First News

"Một cuốn nhật ký phi thường. Nếu thế giới cuối cùng cũng biết đến Che Guevara và Con người mới của anh, thì trong Nhật ký hành trình chúng ta thấy chàng trai, một con người đang từng bước trưởng thành. Cuốn sách khắc họa đậm nét hình ảnh cùng tính cách thật của anh và khơi dậy lòng nhân ái của chúng ta khi được hiểu biết về cuộc sống của con người trong những hoàn cảnh thật khắc nghiệt mà cuốn nhật ký mô tả".

- Los Angeles Times

"Những trang sách ngập tràn sự xúc động về chính bản thân Che - một con người luôn suy tư, sâu sắc và ân cần, lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh tất cả, luôn day dứt, trăn trở khôn nguôi về thân phận của con người, về hướng đi của chính mình và không bao giờ để những nỗi thống khổ và sự yếu hèn cản trở bước chân mình."

- New Yorker

"Có những khoảnh khắc trong từng chặng đường phiêu lưu nghiệt ngã, Che nhìn thấy trước vị trí của mình trong vai trò một lãnh tụ cách mạng tương lai. Vào cuối cuộc hành trình, Guevara với nhận thức chính trị sâu sắc đã cho thấy những dự báo về tương lai huyền thoại của mình là chính xác."

- New York Times

"Nhật ký hành trình bằng xe gắn máy là một tổng hợp những mô tả đầy tính cách trữ tình, những cuộc phiêu lưu của tuổi trẻ và những cảm nhận, phân tích chính trị chống lại chủ nghĩa đế quốc... Cuốn nhật ký viết rất chân thành này, một phần tìm kiếm và khám phá châu Mỹ, phần

kia là khám phá con người, đã tỏa ra những tia sáng đầu tiên của một người anh hùng lạ thường và một nhà cách mạng tương lai."

- Publishers' Weekly

"Điều nổi bật trong những trang nhật ký này là thể hiện đầy đủ và sâu sắc mọi khía cạnh con người của Che. Chính nơi những trang nhật ký nghệt thờ này, người đọc cảm nhận được sự tin tưởng của Che, rằng ý chí và niềm tin có thể làm thay đổi một con người và cuộc sống xung quanh. Cuốn nhật ký này xứng đáng để đọc từ trang đầu đến trang cuối cùng."

- Financial Time

"Cuộc hành trình này đã ảnh hưởng đến tình yêu đối với châu Mỹ La tinh và quá trình phát triển nhận thức cách mạng của Che. Cuốn sách cho ta thấy một hình ảnh đầy tính nhân bản của một con người đã trở thành biểu tượng tinh thần và văn hóa trên thế giới từ cuối thập niên 60 cho đến nay. Cuốn nhật ký còn là một cuốn sách du lịch rất có giá trị về Nam Mỹ."

- The Scotsman

"Đây là hình ảnh của một kẻ lữ hành đơn độc, dù đó là con người đấu tranh cho tự do hay chỉ là một người cưỡi xe gắn máy... đã mang niềm hy vọng đến cho những con người trong những hoàn cảnh khó khăn, những người đi tìm lẽ sống, cho những nhà cách mạng trên thế giới, cũng như những người chưa phải là cách mạng."

- Weekend Telegraph

"Che có những nhận xét tinh tế về cái mà anh gọi là giống người 'kỳ lạ'... Điều vĩ đại của cuốn sách này là ở chỗ nó không bao giờ nhàm chán. Nó vừa là cuốn sách có giá trị về du lịch vừa là biên niên sử về quá trình phát triển của một trong những con người lãng mạn nhất của thế kỷ."

- Literary Review

"Cuốn sách độc đáo này rất đáng đọc không phải chỉ vì những giá trị mới lạ. Trong cuộc hành trình xuyên châu Mỹ La tinh, vượt núi Andes và rừng mưa nhiệt đới... với biết bao gian khó, nhật ký của Che tràn ngập những nhận xét, mô tả mới lạ và độc đáo, những biến cố và rủi ro cười ra nước mắt và một sự hiểu biết, cảm thông đầy tình người. Cuốn nhật ký này làm hình ảnh người anh hùng Che Guevara trở nên thật gần gũi và chân tình."

- Briefing

"Bằng tất cả sự khéo léo và thông minh, Che mang đến cho chúng ta cái nhìn sâu sắc đối với một thế giới đã hình thành nơi anh những niềm tin... Độc giả có thể thấy anh đã sắp xếp tài tình những ý tưởng sẽ hình thành nên tương lai con người của anh."

- Impact

"Một cuộc hành trình, một cuộc viễn du, Ernesto Guevara đang trên bước đường phiêu lãng, Ernesto Guevara trong cuộc tìm kiếm châu Mỹ, Ernesto Guevara trong cuộc tìm kiếm 'Che'. Trong cuộc hành trình này, sự đơn độc đã tìm thấy tình người rộng mở, và cái 'tôi' đã tìm thấy 'chúng ta'."

- Eduardo Galeano

"Đây là cuốn nhật ký hành trình sống động và rất hấp dẫn của chàng trai trẻ Che Guevara 23 tuổi. Ấn bản mới lần này có kèm theo những bức ảnh chưa được công bố do Ernesto chụp trong cuộc lữ hành xuyên lục địa, và lời giới thiệu của Aleida Guevara, cho chúng ta một cái nhìn sâu sắc về cha cô - một Con Người thật sự và một biểu tượng, thần tượng của thế giới."

- Ocean Press

Xung quanh "Nhật ký hành trình xuyên Châu Mỹ La Tinh bằng xe gắn máy"

- "Có lẽ bệnh tật đã làm con trai tôi mạnh mẽ và có bản lĩnh hơn do phải học cách tự kiểm soát bản thân, không được nuông chiều theo cảm xúc của mình hoặc dễ dàng nghe theo người khác. Tôi nhận ra nỗi khổ sở CHE phải chịu đựng do bệnh suyễn cuối cùng đã tạo cho nó một bản năng tự vệ riêng"

- Ernesto Guevara Lynch

"Dường như chúng tôi cảm thấy tự do, dễ thở và rộng rãi hơn trong không khí nhẹ nhàng từ những vùng đất xa xôi, trong sự mạo hiểm mới mẻ, tiếng gọi của những con đường và những cuộc hành trình...viễn cảnh về những đất nước chưa được biết, những chiến tích lịch sử anh hùng, xao động từ những cô gái xinh đẹp, đến rồi lại đi, luôn luôn thao thức trong tâm trí của chúng tôi"

- Ernesto Che Guevara, Nhật ký hành trình, 1952

"Hai vợ chồng, tê cóng vì lạnh, rút vào nhau trong đêm sa mạc. họ đại diện cho cuộc sống của những người nghèo trên thế giới. Họ không có lấy một tấm chăn, vì thế chúng tôi cho họ một cái, còn tôi và Alberto đắp chung một cái. Đó là một trong những đêm lạnh nhất đời tôi, nhưng cũng là một đêm lòng tôi thấm đượm tình người với những kẻ xa lạ, mà ít ra đối với tôi, họ thật sự là những con người."

- Ernesto Che Guevara, Nhật ký hành trình, 1952

"Tôi không biết sứ mệnh của mình là gì nhưng tôi biết rằng tôi sẽ luôn đi theo tiếng gọi của những con đường và đứng về phía những con người bị đối xử bất công. Tôi biết điều này và tôi cảm giác rõ như điều đó được in trên nền trời đêm - Như là sứ mệnh vốn thuộc về tôi. Tôi biết rằng tôi sẽ vượt lên trên những lời nói giả dối và chủ nghĩa giáo điều, cầm lấy vũ khí, vượt ra khỏi lộ trình quy ước và những lối mòn, những rào cản và tiến lên. Và tôi thấy tôi có thể sẽ chết trong một cuộc đấu tranh chân chính, mang lại công bằng và bình đẳng cho con người. Tôi cảm thấy tôi đang hít thở mùi khét lẹt của khói súng...Và vượt qua kẻ thù. Tôi tìm cho mình cách nhìn mới và chuẩn bị khả năng dám đối đầu, sẵn sàng chiến đấu... Và nhìn trước được một vùng trời tự do thiêng liêng, nơi đó khúc hát của những con người tự do âm vang cùng một sức sống và niềm tin mới"

- Ernesto Che Guevara, Nhật ký hành trình, 1952

Khát vọng với những con đường

- Khi tôi đọc những dòng nhật ký này lần đầu tiên từ một cuốn sổ đã cũ sòn - lúc chưa được in thành sách - tôi đã không biết người viết là ai. Lúc thiếu thời, tôi đã có sự đồng cảm với người viết này, và nhận ra tác giả quyển nhật ký đã kể lại cuộc hành trình của mình thật chân thật giản dị, sâu sắc và ẩn chứa những khát vọng mạnh mẽ. Càng đọc tôi càng hiểu rõ hơn về Người - và tôi rất tự hào được là con gái Người.

Tôi không muốn nói trước bất cứ điều gì mà bạn có thể suy nghĩ và khám phá trong quyển nhật ký này, nhưng tôi tin chắc rằng sau khi đọc xong, bạn sẽ muốn đọc lại một lần nữa để cảm nhận vẻ đẹp tinh thần cũng như những ý tưởng mãnh liệt, rộng mở từ những trang giấy này.

Đã nhiều lần tôi ngồi trên chiếc mô tô, ở chỗ Granado, ôm lưng cha tôi, rong ruổi cùng Người qua những con đường, những vùng núi non hiểm trở và sông hồ hoang sơ. Có những khi tôi lặng nhìn cha tôi ngồi một mình, viết về những suy nghĩ và những gì bản thân tôi hay những người khác không bao giờ dám nghĩ đến. Khi Người viết, Người bộc lộ con người thật của mình, đầy nội tâm, tự tại, phóng khoáng, và không hề theo một khuôn mẫu nào.

Thành thật mà nói, càng đọc tôi càng cảm thấy yêu thương và cảm phục chàng trai trong quyển nhật ký. Tôi không biết khi đọc, những người khác có cùng những cảm xúc này như tôi không, nhưng với tôi, tôi càng hiểu rõ người thanh niên Ernesto: một chàng trai đã rời Argentina với khát khao lãng du, đi tìm lý tưởng sống và có những ước mơ làm thay đổi thế giới xung quanh. Và khi đã khám phá ra sự thật và cội nguồn đau khổ của những dân tộc ở châu Mỹ La tinh, chàng trai đã thu nhận được một tầm nhìn mới để trưởng thành hơn và sau cùng đã trở thành một con người chân chính, dám nghĩ dám làm - một con người tạo nên cách mạng.

Chúng ta sẽ thấy ước mơ và khát vọng của chàng trai rộng mở qua từng chặng đường. Người thanh niên đó càng lúc càng ý thức hơn về nỗi khổ đau của nhiều người khác, và xem đó cũng là nỗi thao thức trăn trở của mình. Nhận thức đó đã đem đến cho anh một động lực muốn tạo nên một sự đột phá, thay đổi - và không chấp nhận một cuộc sống cam chịu, chấp nhận và những lối mòn của xã hội định sẵn lúc bấy giờ.

Chàng trai lúc đầu có thể khiến chúng ta thú vị vì tính ngang tàng pha lẫn ngây ngô, đã trở nên ngày càng sâu sắc khi chứng kiến, nhận xét và ghi lại về những bất công từ thế giới phức tạp của châu Mỹ La tinh, sự nghèo khó của người dân và những áp bức, bóc lột họ phải chịu đựng. Dù vậy, chàng trai vẫn giữ được tính lạc quan và khôi hài, thể hiện qua cách viết sâu sắc

và tinh tế.

Ernesto đã cho chúng ta thấy một châu Mỹ La tinh mà rất ít người trong chúng ta được biết, mô tả phong cảnh thiên nhiên bằng những ngôn từ đầy sắc màu hình ảnh, đi thẳng vào cảm xúc, khiến chúng ta thấy được cảnh vật như đang hiện ra trước mắt.

Văn của Ernesto thật cụ thể. Ngôn từ của Người chứa đựng những âm thanh, hình tượng mà trước đây ta chưa từng được nghe, làm lay động tâm hồn chúng ta bởi những xúc cảm về vẻ đẹp, nét hoang sơ lãng mạn của những vùng đất châu Mỹ La tinh. Tuy nhiên, Ernesto không bao giờ đánh mất đi sự dịu dàng, ngay cả khi trở nên kiên cường với niềm tin, khao khát đi tìm tự do, trước hết trong tinh thần của mình. Người nhận ra rằng những người dân nghèo không chỉ cần tới kiến thức y học mà còn cần cả sức mạnh và bản lĩnh của mình để mang lại những thay đổi cho xã hội, khiến cho nhân dân có thể sống với những giá trị đích thực của họ, những gì họ đã từng bị bóc lột, bị cướp mất và chà đạp trong nhiều thế kỷ.

Chàng trai phiêu lãng với khát khao được mở rộng tầm nhìn, sự hiểu biết và cảm nhận tình yêu thương con người thực sự đã chứng minh cho chúng ta thấy rằng, một khi con người khám phá được hiện thực cuộc sống và xã hội, nó có thể có những tác động lớn lao làm thay đổi cách nghĩ và tầm nhìn của chính họ.

Những dòng nhật ký này được ghi lại bằng cả tình yêu thương, sự kiêu hãnh, mạo hiểm và ngang tàng của một người trẻ tuổi đặc biệt. Những dòng nhật ký giúp tôi không chỉ hiểu cha tôi hơn mà còn làm tôi biết được rằng khao khát và ước mơ của con người là không có giới hạn. Hy vọng bạn sẽ thú vị và khám phá cùng cha tôi trong cuộc hành trình đáng nhớ nhất, đẹp nhất của một thời tuổi trẻ.

Nếu bạn có dịp thực sự theo những bước chân và hành trình cuộc đời của cha tôi, bạn sẽ có cảm giác buồn khi thấy rằng nhiều thứ vẫn chưa thay đổi, hoặc thậm chí còn trở nên tệ hại hơn, và chính điều này thách thức mỗi người trong chúng ta. Như chàng thanh niên mà sau này trở thành CHE, chúng ta cần phải cảm nhận hết nỗi khổn cùng của con người, phải có ước muốn tạo ra một thế giới mới công bằng hơn.

Bây giờ tôi xin tạm chia tay để các bạn cùng theo bước Ernesto, người mà tôi rất đổi yêu thương vì sức mạnh, bản lĩnh và tình yêu mà Người đã thể hiện trong chính cuộc đời mình.

Hãy đọc và cảm nhận những điều phía sau những dòng chữ!

ALEIDA GUEVARA March năm 2000

Những điều CHE muốn chia sẻ...

- Trong chín tháng vồn vện của một đời người, ta có thể nghĩ đến nhiều thứ, từ chuyện cuộc đời, tình yêu cho đến những trầm tư mặc tưởng về những triết lý cao siêu hay bình dị chỉ là những nỗi khát khao tuyệt vọng để được một bát cháo lút dạ sống qua ngày. Và nếu là một kẻ thích phiêu lưu, ta có thể sống thật với cảm xúc của mình, và những ghi chép tản mạn của ta trong cuốn sổ này như những lời chia sẻ và tâm sự với chính mình.

Và thế là đồng xu đã được tung lên trời, xoay tròn nhiều lần trong không trung rồi rơi xuống đất, có khi sấp và cũng có khi ngửa. Ở đây, con người - thước đo của mọi sự vật - cất lên tiếng nói thông qua tôi, kể lại bằng ngôn ngữ của riêng tôi những điều mà mắt tôi chứng kiến. Trong thực tế, xác suất khả năng sấp hoặc ngửa của đồng xu là 1/10. Và trong thực tế, đó chỉ là một khả năng, không có lý do gì để biện minh phân giải, vì ngôn từ chỉ có thể mô tả lại những gì mà những đôi mắt thực sự nhìn thấy. Phải chăng tầm nhìn của chúng ta chưa bao giờ trọn vẹn, phải chăng nó quá ngắn ngủi phù du và không phải lúc nào cũng hoàn hảo? Phải chăng chúng ta quá quyết liệt trong phán đoán của mình? Vâng, nhưng đó chính là cái cách mà chiếc máy đánh chữ diễn dịch lại những cảm xúc thoáng qua đang hướng những ngón tay của tôi vào những phím chữ, và những cảm xúc ấy không bao giờ chết đi. Hơn thế nữa, không ai có thể chịu trách nhiệm về chúng hết.

Người viết những dòng nhật ký này đã không còn là con người của ngày xưa nữa khi đặt chân trở lại mảnh đất Argentina. Cuộc hành trình xuyên châu Mỹ - châu Mỹ (America) với chữ A viết hoa - đã làm thay đổi con người trong tôi nhiều hơn tôi tưởng. Tôi biết tôi không thể sống một cuộc sống bó hẹp, chật chội trong những khuôn khổ được nữa. Điều đó hình như đã tiềm ẩn từ lâu trong tôi dù chưa rõ ràng, và chuyến hành trình này đã khơi dậy tất cả. Thật hạnh phúc và đầy hứng thú khi ta được thực hiện khát vọng và dấn thân vào mạo hiểm.

"Tôi cần phải tận mắt nhìn thấy thế giới, nhưng trước hết tôi cần phải nhìn thấy Châu Mỹ La Tinh của tôi, một châu lục gồm những con người, những dân tộc đã bao năm gánh chịu những khó khăn gian khổ - Tôi muốn đi, không phải chỉ bằng con mắt của một người khách du lịch thích nhìn cảnh đẹp, tận hưởng những tiện nghi và những niềm hoan lạc phù phiếm - Mà qua cái nhìn của một người bình thường, muốn khám phá vẻ đẹp thật sự của cuộc sống và những gì tiềm ẩn liên quan, về những con người sống ở đó, cũng như biết về những kẻ thù của Châu Mỹ La Tinh, những kẻ dễ bóc lột và đưa con người tới cảnh bần cùng"

- Alberto Granado, Hành trình cùng Che Guevara

Ý nghĩa đằng sau của một tấm ảnh

- Qua những tấm ảnh mà tôi chụp, bạn có thể thấy một hình ảnh thật ấn tượng, được chụp vào ban đêm dưới ánh trăng tròn. Bí mật đằng sau bức ảnh thường được tiết lộ ở những dòng ghi chú kèm theo, bởi vì người đọc sẽ không biết, không hiểu được cảm nhận của tôi, như những gì tôi không chỉ thấy mà còn cảm xúc được, trong tâm trạng nào và bối cảnh như thế nào.

Nếu tôi đưa cho bạn xem một tấm ảnh và bảo rằng nó đã được chụp vào ban đêm, bạn có thể tin hoặc không tin; với tôi điều đó không quan trọng, bởi vì nếu bạn không muốn hiểu biết tường tận về cảnh mà tôi đã chụp trong nhật ký, bạn sẽ khó tìm được sự thật mà tôi muốn nói. Nhưng đã đến lúc tôi phải tạm biệt, rời xa bạn đây, rời xa con người trước đây của tôi...

"Năm 1942, mặc dù mới mười tuổi, nhưng tính nhạy bén kỳ lạ của anh(một phẩm chất mà anh vẫn duy trì trong suốt cuộc đời phi thường của mình) đã cho phép anh thấy hết mục đích và ý nghĩa của chuyến đi, trong khi cha mẹ tôi và thậm chí anh em tôi xem chuyến đi chỉ là một đề tài nói chuyện cho vui, một cái cớ để mở mang kiến thức về địa lý và chính trị. Còn đối với tôi, cuộc hành trình là một hiện thực như việc một ngày nào đó tôi sẽ thực sự trở thành một nhà Hóa Sinh, một nhà khoa học chân chính...

Chúng tôi bàn luận về những tác phẩm của Sartre và Camus, với những hàm ý về triết lý và chiêm nghiệm của họ. Những cuộc thảo luận trở nên sôi nổi hơn khi chúng tôi cắm trại dưới bầu trời đầy sao, cùng uống trà thảo dược và mơ mộng quanh ánh lửa ấm áp. Cứ như thế mà trong gần mười năm..., thời gian không những không ngăn cách chúng tôi mà còn cho chúng tôi càng nhiều lý do để chúng tôi phải thực hiện cuộc hành trình xuyên Châu Mỹ La Tinh"

- Alberto Granado, Hành trình cùng Che Guevara

Tiếng gọi của những con đường

- Đó là một buổi sáng tháng 10. Tranh thủ ngày 17 nghỉ lễ (1) tôi đã đến Cordoba. Bên dưới những giàn nho của nhà Alberto Granado, chúng tôi hóp từng ngụm trà thảo dược

mate (2) ngọt dịu và bình luận về những biến cố gần đây trong "cuộc sống khốn khổ" này, đồng thời cùng sửa chữa chiếc La Poderosa II (3).

Alberto rên rỉ về việc anh phải bỏ việc ở trại phong tại San Francisco del Chanar và phàn nàn về đồng lương ít ỏi hiện tại ở bệnh viện Tây Ban Nha. Tôi cũng đã bỏ việc, nhưng không như Alberto, tôi rất sung sướng khi ra đi. Bởi vì với tâm hồn mơ mộng, với khao khát lãng du, tôi cảm thấy bức bối và chán ngấy trường y, bệnh viện và những kỳ thi.

Mê mải theo cơn mơ, chúng tôi đến những đất nước xa xôi, đến những vùng biển nhiệt đới sầm uất và đi khắp châu Á. Và đôi khi trong trí tưởng tượng của chúng tôi, một câu hỏi đột nhiên nổi lên:

"Tại sao chúng ta không đi Bắc Mỹ?"

"Bắc Mỹ ư? Nhưng bằng cách nào?"

"Trên chiếc La Poderosa, bất chấp mọi điều có thể xảy ra. Sẽ rất thú vị. Đi nhé!"

Chuyến đi đã được quyết định đơn giản như thế. Và nó không bao giờ sai lệch khỏi nguyên tắc cơ bản đã đặt ra từ giây phút đó: tất cả là do niềm hứng khởi. Anh em của Alberto cùng uống trà thảo dược trong khi chúng tôi cam kết sẽ

không bao giờ bỏ cuộc nếu chưa thực hiện được ước mơ đó. Thế là bắt đầu một chuỗi những thủ tục nhằm chần chừ và mất thời gian: xin visa, các loại hồ sơ chứng nhận, nghĩa là phải vượt qua rào cản mà những quốc gia hiện đại dựng lên trên con đường của các nhà du hành tương lai. Trong trường hợp này, để giữ an toàn, chúng tôi quyết định khai báo rằng chúng tôi sẽ đi Chilê.

Việc quan trọng nhất của tôi trước khi lên đường là phải thi càng nhiều môn càng tốt; Alberto phải chuẩn bị bảo dưỡng chiếc xe máy cồng kềnh cho một cuộc hành trình thiên lý, nghiên cứu và lên kế hoạch lộ trình. Đó là những nỗ lực lớn lao cho cuộc lữ hành. Nhưng khoảng thời gian ấy như thoáng qua trong phút chốc, trước mặt chúng tôi đã là bụi đường, là

cảm hứng thám hiểm, là rừng núi và hàng ngàn cây số mịt mù về phía bắc. Con ngựa sắt khởi đầu rất trung thành và gắn bó với hai đứa chúng tôi trên những chặng đường gập ghềnh đầy cảm xúc.

" Người lữ hành đúng nghĩa là người đi chỉ vì được đi; Trái tim không hề vương vấn, như mây bay gió thổi, anh bước theo số phận của mình. Có gì phải có lý do, chỉ một tiếng hô thôi: "Lên đường đi nào!".

- Charles Baudelaire, Les Fleurs du Mal

Biển rộng trời cao

- Trăng tròn in bóng trên biển, bao phủ những đợt sóng bằng ánh trăng bàng bạc. Ngồi trên cồn cát, chúng tôi nhìn thủy triều lên xuống và đắm mình trong suy tư. Đối với tôi, biển là người bạn thủy chung, lắng nghe hết những nỗi niềm và không bao giờ tiết lộ những bí mật đó; biển luôn cho những lời khuyên tốt nhất - bạn có thể lý giải tiếng sóng đầy ý nghĩa theo muôn ngàn cách.

Đối với Alberto, đó là một quang cảnh kỳ lạ. Mắt anh ngạc nhiên theo dõi từng đợt sóng trào dâng rồi tan biến trên bãi cát. Gần ba mươi tuổi, lần đầu tiên Alberto mới thấy Đại Tây Dương và tâm hồn anh tràn ngập những cảnh tượng kỳ bí của muôn vàn con đường dẫn đến những nơi tận cùng của trái đất. Gió biển mát dịu phủ đầy các giác quan bằng sức mạnh và trạng thái của biển; vạn vật đều chuyển biến khi có cơn gió lướt qua. Ngay cả con chó nhỏ Comeback(1) cũng hếch mũi lên, nhìn chăm chăm vào những dải lụa bạc nhấp nhô lăn tăn, lớn dần trước mắt.

Comeback vừa là một biểu tượng vừa là một kẻ thoát chết: biểu tượng của sự hợp nhất đòi hỏi tôi phải trở về; một kẻ sống sót sau những tai nạn - hai lần rớt xuống xe mô tô (trong đó có một lần nó bị văng ra khỏi xe cùng với cái ba lô), mắc bệnh tiêu chảy kinh niên và thậm chí có

lần bị ngựa giẫm phải.

Chúng tôi đang ở Villa Gesell, phía bắc Mar del Plata, sung sướng đón nhận lòng hiếu khách của chú tôi và hồi tưởng lại chặng đường 1.200 km đầu tiên - dường như là chặng đường dễ nhất, nhưng cũng đủ để chúng tôi thấy nể chặng đường xa xôi mà chúng tôi đã vượt qua này. Không biết có thể đến nơi được không, nhưng chúng tôi đều biết là chuyến đi này sẽ rất gian khổ - ít nhất đó là ấn tượng của chúng tôi trong giai đoạn này. Alberto tự chế nhạo mình vì kế hoạch chi tiết đến từng phút của anh cho cuộc hành trình, mà theo đó lẽ ra chúng tôi đã gần đến đích, trong khi thực tế tất cả chỉ mới là bắt đầu.

Chúng tôi cột chặt những túi rau quả và thịt hộp mà chú tôi cho vào chiếc xe và rời khỏi Gesell. Chú dặn chúng tôi gọi điện tín khi chúng tôi đến Bariloche để chú mua vé số, căn cứ vào các con số trên giấy điện báo, điều này với chúng tôi dường như có chút ít tính chất lạc quan. Nhiều người cho rằng chúng tôi nên chạy bộ còn tốt hơn là ngồi trên chiếc xe cà tàng có giá trị đồ cổ hơn là giá trị di chuyển này. Mặc dù chúng tôi cố chứng minh là họ lầm, nhưng một cảm giác lo lắng tự nhiên khiến chúng tôi không dám bày tỏ niềm tin chắc chắn vào cái xe đó hay sự thành công của chuyến đi.

Trên con đường chạy dọc theo bờ biển, con Comeback vẫn còn say sưa với niềm hứng khởi, cổ ngóc đầu nhìn về phía trước đến mức nếu như có bị văng ra khỏi xe một lần nữa thì có lẽ nó cũng chẳng hề hấn gì. Chiếc mô tô thật là khó điều khiển khi có một mớ đồ linh kính phía sau làm mất cân bằng; chỉ cần một chút yếu tay lái hay một sai lầm nhỏ là chúng tôi sẽ bay xuống đất. Chúng tôi dừng lại ở một cửa hàng thịt bên đường để mua thịt nướng; chúng tôi cũng mua một ít sữa cho con chó, nhưng nó không thèm ngó đến. Tôi bắt đầu lo cho sức khỏe của con vật nhỏ hơn là món tiền tôi đã bỏ ra để mua sữa. Nhưng thịt mà chúng tôi mua hóa ra là thịt ngựa, dai như cao su và chúng tôi không thể ăn được. Chán nản, tôi ném một miếng thịt đi và ngạc nhiên thay, con chó liền nhảy theo, cắn lấy miếng thịt nhai ngấu nghiến. Tôi ném một miếng nữa, và nó lại tung người lên. Sự biếng ăn của nó thế là đã có cách khắc phục. Hóa ra nó không thích cái gì cũng đưa tận miệng, ít ra cũng phải lao động chút ít gì đó chứ... Trong tiếng reo hò của những người hoan hô con Comeback, chúng tôi lên xe hướng về Miramar...

Phút giây lãng mạn

- Dự tính của tập nhật ký này không phải để đếm lại những ngày ở Miramar, nơi con Comeback đã tìm được một mái ấm mới. Chuyển đi của chúng tôi bị dừng lại nơi ẩn trú này, do những ràng buộc và lý lẽ của trái tim.

Dù không nói lời nào nhưng có vẻ như Alberto đã thấy trước sự nguy hiểm và đã hình dung cảnh anh phải một mình rong ruổi trên những nẻo đường châu Mỹ. Đó là do sự dè dặt giữa nàng (Chichina) và tôi. Trong giây phút khi tôi chiến thắng ra đi, thì những dòng thơ của Otero Silva⁽¹⁾ vang lên bên tai tôi:

Tâm trạng thật khó tả - nhưng tiếng gọi của tự do và những con đường đã giúp tôi.

Thế nhưng sau đó, như khúc gỗ lênh đênh nổi trôi theo từng lớp sóng, tôi không biết là mình có quyền nói "Ta đã chiến thắng" hay không. Hai ngày dự tính ở lại thế mà đã kéo dài thành tám ngày với những vị cay đắng ngọt ngào của lời giã biệt. Tôi như bị thổi văng ra khỏi những cơn gió phiêu lưu trong những thế giới mà tôi đã tưởng tượng là khoáng đạt lạ thường hơn tất cả, để rơi vào vùng không gian và những khoảng thời gian rất đổi đời thường.

Tôi nhớ ngày mà biển, người bạn thủy chung của tôi đến bên tôi, mang tôi ra khỏi trạng thái lênh đênh. Bãi biển hoang vắng và gió biển thật lạnh. Tôi nằm giữa ranh giới của đất liền và biển cả, ru hồn trong âm thanh của vạn vật xung quanh. Toàn thể vũ trụ trôi qua nhịp nhàng theo tiếng sóng, theo niềm hưng khởi của từng tiếng nói trong tôi. Đột nhiên, một cơn gió mạnh đưa vào tiếng nói khác thường của biển cả. Tôi ngẩng đầu lên ngạc nhiên, nhưng dường như chẳng có gì cả. Tôi lại nằm xuống, trở về với giấc mơ trong tiếng sóng vỗ về. Và rồi, lần cuối cùng tôi nghe thấy lời cảnh báo của biển. Tiếng sóng âm vang, ầm ầm như đập tan tành những thành lũy trong tôi, đe dọa vùng trời bình yên trong tôi.

Chúng tôi cảm thấy lạnh và rời bãi biển, trốn chạy khỏi thực tại náo động không để tôi yên.

Biển vẫn nhảy múa với từng đợt sóng tràn lên bãi cát, không màng để ý đến quy luật muôn đời của nó và tuôn ra những lời cảnh báo của riêng mình. Nhưng người đàn ông đang yêu sẽ có lúc không muốn lắng nghe tiếng gọi của thiên nhiên.

Yêu cầu tiên quyết đối với mọi nhà thám hiểm tài ba là một cuộc hành trình có hai điểm: một điểm khởi hành và một điểm đến. Nếu dự tính của bạn là làm cho điểm đến về mặt lý thuyết trùng khớp với điểm khởi hành thực sự, thì bạn đừng nghĩ về phương tiện cho chuyến đi - bởi vì cuộc hành trình là một ảo ảnh có thể kết thúc vào bất cứ lúc nào, và có rất nhiều phương tiện cũng như có rất nhiều cách để kết thúc.

Tôi chợt nhớ lời khuyên chân tình của Alberto: "Vòng đeo tay! Nếu không thì cậu không còn là cậu nữa mất".

Bàn tay của Chichina nằm gọn ấm trong tay tôi.

"Chichina! Chiếc vòng đeo tay... Anh có thể giữ nó để dẫn đường cho anh và để nhớ về em?"

Thật tội nghiệp nàng! Tôi biết vàng chẳng có nghĩa lý gì, bất chấp ai nói gì về giá trị của nó; những ngón tay nàng im lặng cầm chiếc vòng đeo tay như đang cân nhắc tình yêu khi tôi đề nghị nàng tặng tôi chiếc vòng đó. Đó ít nhất là điều tôi cảm nhận chân thành vào lúc này. Alberto nói (theo tôi, hình như có chút ranh ma nào đó), không cần phải có những ngón tay nhạy cảm để cân đo được tình yêu tròn vẹn 29 carat của tôi.

"Chúng tôi hòa quyện với nhau trong tình thân thiết. Điều đó có nghĩa là chúng tôi có thể chia sẻ cho nhau những niềm vui và nỗi buồn. Cùng lúc đó, do bản lĩnh rụt rè cố hữu của anh về những chuyện thân mật, chúng tôi có thể cùng thấu hiểu nhau chỉ qua vài lời nói mà thôi."

- Tita Infante, bạn học thời sinh viên và là bạn tri kỷ của Che

Tạm biệt và lên đường

- Chúng tôi lên đường, sau đó dừng lại tại Necochea, nơi bạn học của Alberto đang thực tập. Chúng tôi dễ dàng vượt qua một chặng đường dài trong buổi sáng, đến Necochea vừa kịp bữa trưa với món thịt bò bít-tết. Người bạn đón chào chúng tôi thật nồng nhiệt, nhưng vợ của anh ta thì có vẻ không mặn mà gì lắm vì hình như cô ta cảm nhận được mối hiểm nguy trong suy nghĩ và những cách thức không theo một khuôn phép nào của chúng tôi.

"Anh chỉ còn một năm nữa là thành bác sĩ, thế mà anh lại bỏ đi. Anh cũng không cần biết khi nào mới quay về, đúng không? Vì sao vậy?"

Chúng tôi không thể trả lời thỏa đáng và điều này làm cô ta càng khó chịu. Bên ngoài cô ta rất nhã nhặn nhưng vẻ khó chịu biểu hiện rất rõ, mặc dù cô ta biết chắc là cuối cùng thì chiến thắng cũng thuộc về mình - chồng của cô đã nằm ngoài "tầm ảnh hưởng" của chúng tôi.

Tại Mar del Plata, chúng tôi đến nhà một bác sĩ bạn của Alberto. Ông đã gia nhập đảng Peronist với tất cả những ưu đãi và đặc ân. Vị bác sĩ này khi còn ở Necochea vẫn trung thành với quan điểm cực đoan của mình - tuy nhiên về chính trị chúng tôi hoàn toàn xa cách với cả hai phái. Tôi chưa bao giờ ủng hộ phái cấp tiến, còn đối với Alberto, chủ nghĩa cực đoan cũng mất dần tầm quan trọng và ý nghĩa của nó, mặc dù anh đã có một thời thân thiết và trân trọng những lãnh tụ của phái này.

Sau khi cảm ơn vị bác sĩ đã tiếp đãi tử tế và cho chúng tôi lưu lại ba ngày, chúng tôi lại lên xe tiếp tục cuộc hành trình đến Bahia Blanca, cảm thấy hơi cô đơn nhưng tự do hơn nhiều. Bạn bè mong chúng tôi đến đó, lần này là bạn của tôi. Họ tiếp đãi chúng tôi nồng nhiệt và ân cần. Chúng tôi trải qua nhiều ngày ở cảng phía nam này, sửa xe và đi lang thang quanh thành phố. Đây là những ngày cuối cùng chúng tôi không phải bận tâm về vấn đề tiền bạc. Sau đó chúng tôi phải triệt để tuân thủ chế độ ăn uống cực kỳ tiết kiệm các món thịt, cháo, bánh mì. Những

mẫu bánh mì như muốn nói: "Ít lâu nữa, muốn gặp tớ không phải dễ đâu, anh bạn già ạ!", và chúng tôi ngẫu nhiên những miếng bánh mì với tất cả nhiệt tình, như những con lạc đà

tích lũy nước cho cuộc hành trình phía trước.

Đêm trước khi tiếp tục lên đường, tôi bị ho và sốt cao. Kết quả là chúng tôi rời khỏi Bahia Blanca trễ mất một ngày. Cuối cùng, vào lúc ba giờ chiều, chúng tôi ra đi dưới ánh nắng mặt trời chói chang. Mặt trời càng lúc càng như thiêu như đốt khi chúng tôi đến những đồi cát quanh Medanos. Chiếc xe mô tô với đủ thứ đồ đạc chồng chất không cân đối cứ nhảy chồm lên, và tay lái thường xuyên chao đảo không tài nào kiểm soát nổi. Alberto chiến đấu một cách đau khổ với những đồi cát và nhất quyết giành chiến thắng. Chúng tôi đã phải dừng chân tạm nghỉ sáu lần trước khi vượt khỏi vùng đồi cát Medanos.

Từ đây, tôi là người cầm lái, tôi tăng tốc để bù cho thời gian quý báu đã mất. Lốp cát mịn bị che khuất ở một chỗ quanh và - rầm: cú ngã xe tồi tệ nhất trong chuyến đi. Alberto không hề hấn gì nhưng chân tôi bị kẹt và bị bỏng nặng, để lại dấu ấn thật khó chịu một thời gian dài trước khi vết thương lành hẳn.

Một cơn mưa như trút nước buộc chúng tôi phải tìm nơi ẩn trú tại một nông trại, nhưng để đến được nơi đó, chúng tôi phải vượt 300 mét đường lầy lội và phải chạy như bay. Người ta tiếp đãi chúng tôi thật tử tế, nhưng kinh nghiệm đầu tiên trên những con đường chưa được sửa chữa thật là kinh khủng: chín lần ngã xe trong một ngày. Nằm trên giường, chiếc giường đầu tiên chúng tôi có được trong chuyến đi, bên cạnh chiếc xe La Poderosa, con ốc sên tội nghiệp, chúng tôi vẫn nhìn tương lai với một niềm nao nức. Dường như chúng tôi cảm thấy tự do, dễ thở và rộng rãi hơn trong không khí nhẹ nhàng từ những vùng đất xa xôi, trong sự mạo hiểm mới mẻ, tiếng gọi của những con đường và những cuộc hành trình... Viễn cảnh về những đất nước chưa được biết, những chiến tích lịch sử anh hùng, xao động từ những cô gái xinh đẹp, đến rồi lại đi, luôn luôn thao thức trong tâm trí của chúng tôi.

Cặp mắt mệt mỏi của tôi như không muốn ngủ và trong đôi mắt đó hai vùng màu xanh lá quay cuồng, tượng trưng cho cái thế giới mà tôi đã để lại phía sau và như đang trêu chọc cái gọi là sự giải phóng mà tôi đang tìm kiếm. Những hình ảnh đó như quện chặt vào chuyến đi

kỳ thú của tôi, băng qua những vùng đất và biển cả của thế gian.

" Cát hừng hực như đang bốc lửa. Chúng tôi bị ngã xe mười hai lần. Mỗi lần ngã xe trước đó. Sau khi đến Medanos, Ernesto cầm lái. Chúng tôi lại ngã nhào đích đáng khi lao vào một đụn cát với tốc độ cao..."

- Alberto Granado, Hành trình cùng Che Guevara

Con ngựa sắt khốn khổ và bệnh cúm bất ngờ

- Chiếc xe mô tô thở phì phò, ì ạch trên một chặng đường dài mà không bị ngã thêm một lần nào. Và người chúng tôi bám đầy bụi đất, gương mặt phờ phạc vì kiệt sức. Chạy xe trên con đường đầy sỏi đá thô đã khiến chuyến du ngoạn thú vị trở thành một thử thách nặng nề.

Khi màn đêm buông xuống, sau một ngày trời liên tục bị chặn lại ở những trạm kiểm soát, chúng tôi được phép đi tiếp nhưng chỉ muốn ngủ ngay bây giờ vì đã quá mệt, thay vì tiếp tục cuộc hành trình đến thị trấn Choele Choel như dự định, nơi chúng tôi có cơ may tìm được một chỗ trọ miễn phí. Vì vậy chúng tôi dừng lại tại Benjamin Zorrilla, tìm một căn phòng tồi tàn tại nhà ga xe lửa, quăng chiếc xe bên ngoài rồi lăn ra ngủ như chết.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm, nhưng khi tôi đi lấy nước pha trà mate thì một cảm giác kỳ lạ xâm chiếm cơ thể, tiếp theo là một cơn ớn lạnh thật lâu. Mười phút sau, tôi run bắn, lắc lư như kẻ lên đồng. Những viên ký-ninh mang theo chẳng thấm thía gì và đầu tôi như một cái trống đánh lùng bùng những nhịp điệu kỳ lạ. Những hình thù kỳ quái mang nhiều màu sắc như

nhảy múa trên tường và một vài cơn đau thắt khiến tôi nôn ra một chất lỏng màu xanh. Tôi phải chịu tình trạng này cả ngày, không ăn, không uống. Tới chiều, tôi cảm thấy khỏe hơn, đủ để có thể leo lên xe, và tôi tựa vào lưng Alberto ngủ trên đường đến Choele Choel. Ở Choele Choel, chúng tôi đến nhà bác sĩ Barrera, giám đốc một bệnh viện nhỏ và là thành viên của Quốc hội. Ông rất tử tế và cho chúng tôi một phòng để ngủ. Ông cho tôi một liều Penicillin và trong vòng bốn giờ tôi đã hạ sốt, nhưng bất cứ khi nào chúng tôi nói tới chuyện lên đường thì ông lắc đầu và bảo, "Bệnh cúm: phải nằm trên giường". Vậy là chúng tôi phải ở lại nhiều ngày tại Choele Choel, và tôi được chăm sóc kỹ lưỡng như một ông hoàng.

Alberto đã chụp một bức ảnh cho tôi tại bệnh viện. Trông tôi lúc đó thật khủng khiếp: đôi mắt trũng sâu, hốc hác, đỏ ngầu và bộ râu rậm rì kỳ khôi (và hình dáng của nó không thay đổi suốt nhiều tháng trước khi tôi cạo nó đi). Tiếc là tấm ảnh chụp không rõ lắm, nhưng đó là một dấu ấn, ghi nhận hoàn cảnh đang thay đổi của chúng tôi và những đường chân trời mà chúng tôi đang tìm kiếm.

Một buổi sáng, vị bác sĩ không còn lắc đầu như thường lệ nữa. Như thế là đủ. Thu xếp hành lý trong vòng một giờ, chúng tôi lại lên đường, hướng về vùng hồ ở phía tây. Chiếc mô tô lại lắc lư, ị ạch lăn bánh. Nó cũng có những dấu hiệu căng thẳng, hơi rệu rã, đặc biệt là bộ khung xe. Chúng tôi phải liên tục siết ốc lại bằng món đồ nghề mà Alberto rất khoái dùng - dây thép. Không biết hẳn có câu này ở đâu mà tự gán cho là của Oscar Galvez (1): "Khi một cọng dây thép có thể thay thế một con ốc vít, thì hãy đưa cọng dây thép cho tôi, vì nó an toàn hơn". Bàn tay và hai cái quần tả tơi của chúng tôi là bằng chứng rằng chúng tôi đồng tình với Oscar Galvez, ít nhất là sự nhận xét về dây thép.

Trời đã về đêm, đường hoang vắng. Chúng tôi đang cố chạy đến nơi mà con người có thể trú ẩn được. Đèn trước của chiếc xe cà tàng đã hỏng, mà ngủ đêm ở ngoài trời thì chẳng hay ho chút nào. Chúng tôi phải đốt đuốc và chạy thật chậm. Khi chiếc mô tô phát ra một âm thanh lạ lùng và cây đuốc không đủ ánh sáng để tìm ra bộ phận nào hư hỏng thì chúng tôi không còn một lựa chọn nào khác ngoài việc phải dừng lại qua đêm. Chúng tôi dựng tạm một cái lều rồi chui vào, hy vọng có thể đè nén cơn đói khát bằng giấc ngủ mệt mỏi. (Chúng tôi đã hết thịt cũng như thức ăn mang theo, và ở đây cũng chẳng có nước). Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, làn gió chiều êm nhẹ lúc đầu giờ đã trở thành một cơn lốc mạnh, thổi tung chiếc lều và phoi chúng tôi ra giữa cái lạnh thấu xương. Chúng tôi bèn phải buộc chiếc xe vào cột điện thoại, trùm cái

lều lên xe và nằm phía sau để tránh gió lạnh. Chúng tôi không thể dùng giường cá nhân trong cơn gió lốc. Đó là một đêm chẳng mấy dễ chịu, nhưng dù sao, giấc ngủ cuối cùng cũng chiến thắng cơn gió, cái lạnh và đói khát. Chúng tôi thức giấc vào chín giờ sáng hôm sau, khi mặt trời đã lên cao.

Dưới ánh sáng ban ngày, chúng tôi phát hiện âm thanh kỳ lạ đêm qua là do phần trước của khung xe bị gãy. Chúng tôi cột tạm khung xe lại và tìm một thị trấn để hàn chỗ gãy. Còng thép, một người bạn của chúng tôi, đã tạm thời xử lý ổn thỏa vấn đề. Chúng tôi thu xếp đồ đạc và lên đường, không biết còn bao xa nữa mới tới thị trấn gần nhất. Thật là một ngạc nhiên tuyệt vời khi đến khúc quanh thứ hai thì chúng tôi thấy một căn nhà. Họ ân cần tiếp đãi, làm dịu cơn đói của chúng tôi với món thịt cừu nướng tuyệt vời. Từ đó chúng tôi ì ạch dẫn bộ 20 kilômét đến một nơi có tên là Piedra del Aguila, nơi chúng tôi tìm được một nơi hàn xe, nhưng lúc đó trời đã tối và chúng tôi quyết định ngủ đêm tại đó.

Ngoại trừ vài lần ngã xe không làm xe hư hại bao nhiêu, chúng tôi tiếp tục lạng lẽ đến San Martin de los Andes. Khi gần tới nơi thì chúng tôi bị ngã một cú trời giáng ở miền nam (Argentina) tại một khúc quanh tuyệt đẹp nhưng đầy sỏi, gần kề một con lạch nhỏ. Lần này khung chiếc La Poderosa bị hư hỏng nặng, buộc chúng tôi phải dừng lại. Điều tệ hại nhất mà chúng tôi luôn lo sợ đã xảy ra: bánh sau bị thủng. Để vá xe, chúng tôi phải dỡ hết hàng hóa, tháo dây бага, và vật lộn với bánh xe bằng cái xà beng tồi tàn. Chúng tôi uể oải thay bánh xe mất hai tiếng. Vào lúc xế chiều, chúng tôi ghé vào một trang trại. Chủ trại là một người Đức nhiệt tình, rất giống ông chú đã mất của tôi, một người du hành lãng tử kỳ lạ mà tôi đang noi theo. Họ cho chúng tôi câu cá ở con sông chảy qua trang trại. Alberto quăng dây, và trước khi anh biết chuyện gì xảy ra, anh đã giật cần lên, kéo theo đầu lưỡi câu một hình thù lấp lánh giữa dưới ánh mặt trời. Đó là một con cá hồi màu sắc tuyệt đẹp, trông rất ngon lành (thậm chí còn ngon hơn khi đã được nướng lên và nêm nếm bằng món gia vị đói cồn cào của chúng tôi). Tôi làm cá trong khi Alberto thừa thắng thả câu tiếp tục. Nhưng nhiều giờ trôi qua mà chẳng có thêm con cá nào cắn câu. Chắc ở đây chỉ có mỗi một con cá hồi! Trời đã tối và chúng tôi đành phải ngủ đêm trong nhà bếp của trang trại.

Vào năm giờ sáng, cái lò khổng lồ ở giữa gian bếp được đốt lên, khói bay dày đặc. Những người nông dân giúp việc của trang trại chuyền nhau món trà đắng nghét của họ và ném những lời chế giễu cái món "trà mate dành cho đàn bà" của chúng tôi. Họ gọi món trà mate ngọt bằng

một cụm từ như thế. Nói chung, họ không muốn giao tiếp với chúng tôi, như cách thức điển hình của những người bản xứ Arauca, một chủng tộc vẫn còn duy trì một mối ngờ vực, thù hằn sâu xa đối với dân da trắng - những người trong quá khứ đã mang tới cho họ nhiều bất hạnh và tới ngày nay vẫn còn tiếp tục bóc lột họ. Họ chỉ đơn giản trả lời câu hỏi của chúng tôi về vùng đất và về công việc bằng cách nhún vai và nói, "không biết" hoặc "có lẽ" rồi nhanh chóng kết thúc câu chuyện.

Điều may mắn là họ cho phép chúng tôi hái dâu. Tôi ăn nhiều đến nỗi khi chuyển sang cây mận thì đành phải nằm nghỉ một chút. Alberto chỉ ăn một ít để giữ vẻ lịch sự. Nhưng khi trèo lên cây thì chúng tôi ăn ngẫu nhiên như thể đang tranh ăn với nhau. Thằng con trai người chủ trại nhìn lên cây và có vẻ không mấy tin tưởng vào những ông "bác sĩ" ăn mặc lôi thôi lếch thếch và rõ ràng là đang gần như chết đói này. Nhưng nó chẳng nói gì và cứ để chúng tôi ăn thoải mái. Đến lúc ra đi, chúng tôi phải bước thật chậm để khỏi đau bao tử.

Chúng tôi sửa cần đạp và siết lại những ốc vít của chiếc xe máy rồi tiếp tục lên đường. Chúng tôi đến San Martin de los Andes trước khi trời sụp tối.

Và nếu có ai bảo rằng chúng tôi rất lãng mạn, rằng chúng tôi là những kẻ liều lĩnh, rằng chúng tôi chỉ nghĩ đến những điều không thể làm được, thì chúng tôi sẽ chỉ mỉm cười im lặng. Nhưng hành động và suy nghĩ trong chúng tôi sẽ lên tiếng : Vâng! đúng vậy! có gì là sai nào?".

- Ernesto Che Guevara, The CHE Handbook

San Martin De Los Andes

Cảm xúc miền đất lạ

Con đường bò ngoằn ngoèo như con rắn len lỏi giữa những chân đồi có vẻ như là đoạn bắt đầu của dãy Andes đồ sộ, rồi đổ dốc dẫn đến một thị trấn nghèo khổ, tiêu điều, vây quanh bởi những ngọn núi hùng vĩ, dày đặc những rừng cây.

San Martin nằm ở sườn dốc xanh vàng khuất dần vào vùng hồ Lacar xanh thẳm, một vùng nước hẹp, rộng khoảng 35 mét và dài 500 kilômét. Khi những khó khăn về khí hậu và giao thông được giải quyết thì nơi này là trạm dừng chân của du khách, và thị trấn đã có thể tồn tại.

Cuộc tấn công đầu tiên của chúng tôi vào một dưỡng đường địa phương (để xin ở nhờ) đã hoàn toàn thất bại, nhưng chúng tôi quyết tâm duy trì chiến thuật đó với văn phòng Công viên Quốc gia. Người quản lý công viên cho phép chúng tôi được ở trong một nhà kho. Người gác đêm đến, một người mập mạp, to lớn ngoại lệ, cân nặng cỡ 140 kg, gương mặt chai cứng như đá. Nhưng ông ta lại đối xử với chúng tôi rất tử tế, cho phép chúng tôi nấu ăn trong túp lều của ông. Đêm thứ nhất trôi qua êm thắm. Chúng tôi ngủ trong nhà kho, trên nệm rom ấm áp - một thứ cần thiết ở vùng này vì ban đêm trời rất lạnh.

Chúng tôi mua một ít thịt bò rồi đi bộ dọc theo bờ hồ. Dưới bóng mát của những hàng cây to lớn, nơi mà vẻ hoang sơ đã ngăn bước tiến của nền văn minh, chúng tôi dự tính xây dựng một phòng thí nghiệm ở đây khi đã hoàn tất cuộc hành trình. Chúng tôi tưởng tượng những khung cửa sổ nhìn ra toàn cảnh hồ Lacar, tuyết mùa đông phủ trắng mặt đất. Chúng tôi sử dụng xuồng hơi để di chuyển từ nơi này đến nơi khác, đi bắt cá bằng một chiếc thuyền nhỏ, và có

nhiều chuyến du khảo bất tận vào những khu rừng nguyên sinh.

Mặc dù trong suốt chuyến đi chúng tôi thường ao ước được ở những nơi dữ dội, khủng khiếp, nhưng chỉ có rừng già Amazon mới hấp dẫn bản năng phiêu lưu mạo hiểm của chúng tôi một cách mạnh mẽ như nơi này.

Giờ đây tôi biết, gần như định mệnh đã an bài, và tôi không còn chọn lựa nào khác, rằng số phận của tôi là phải lãng du. Chính xác hơn là "số phận của chúng tôi" - vì Alberto cũng nghĩ như vậy. Tuy nhiên, có những lúc tôi tha thiết trông mong được đến những vùng đất tuyệt vời của miền nam nước tôi. Có lẽ vào một ngày nào đó, khi dừng chân phiêu bạt, tôi sẽ trở về Argentina và định cư tại vùng hồ Andean, nếu không ở lại vĩnh viễn thì cũng tạm dừng chân trong một thời gian.

Khi chúng tôi trở lại thì trời đã tối. Thật là một điều ngạc nhiên thú vị khi thấy Don Pedro Olate, người gác đêm, đã chuẩn bị sẵn một bữa thịt nướng ngoài trời để đãi chúng tôi. Chúng tôi đi mua rượu vang để đáp lại cử chỉ nghĩa hiệp đó và chúng tôi đã ăn ngấu nghiến như sư tử. Bữa ăn thật khí thế. Chúng tôi trò chuyện về mùi vị của món thịt nướng, về việc đã từ lâu rồi chúng tôi không còn được ăn uống huy hoàng như khi còn ở nhà. Don Pedro bảo chúng tôi là người ta yêu cầu ông tổ chức tiệc ngoài trời cho những tay đua xe hơi tham dự giải tại địa phương vào Chủ nhật tới. Ông cần thêm hai người giúp việc và đề nghị chúng tôi làm. "Tôi không thể trả tiền cho các anh, nhưng bù lại, các anh có thể giữ lại nhiều thịt để dùng trên đường đi".

Đó là một ý kiến hay và chúng tôi đã chấp nhận làm hai trợ lý cho "Bổ già của buổi tiệc ngoài trời miền nam Argentina".

Cả hai anh chàng trợ lý chỉ nóng lòng chờ đợi cho đến ngày Chủ Nhật. Và sáu giờ sáng hôm ấy, chúng tôi bắt đầu công việc đầu tiên - chất củi lên xe tải và mang đến nơi tổ chức tiệc - chúng tôi làm việc không nghỉ cho đến 11 giờ. Khi nhận được hiệu lệnh nghỉ trưa, mọi người lao đến ăn ngấu nghiến món sườn nướng.

" Chúng tôi tán
g?u v?i Don Pendon,
m?t ngu?i lư?ng
tính. H?n là đàn ông,
nhưng m?i th? trên
ngu?i c?a h?n -
Gi?ng nói, tóc, ng?c
và cách đi đ?ng -
Dư?ng như đ?u là
đàn bà. ?t h?n là
nhi?m s?t th? X c?a
h?n còn nhi?u hơn
các con s? trong m?t
cu?n sách giáo khoa
toán!".

- Alberto
Granado, Hành
trình cùng Che
Guevara

Một người rất kỳ lạ điều hành mọi chuyện ở đây. Người mà khi nói chuyện, tôi thường gọi "Senora(1)" một cách cung kính. Cho đến khi một người cùng làm nhắc nhở, "Này nhóc! Đừng đi quá xa như thế với Don Pendon, ông ta sẽ nổi giận ngay bây giờ đấy!".

"Ai là Don Pendon vậy hả?" Tôi hỏi bằng giọng điệu và cử chỉ như đứa trẻ không mấy có văn hóa. Câu trả lời Don Pendon chính là người này giờ tôi gọi là "Senora" làm tôi thấy hơi lạnh người, nhưng cảm giác đó không kéo dài bao lâu.

Tại các buổi tiệc ngoài trời, lúc nào cũng có rượu thịt ê hề, và chúng tôi được ăn uống thoải mái. Hơn thế nữa, chúng tôi còn có một kế hoạch được chuẩn bị công phu. Tôi giả vờ say và loạng choạng bước ra bờ suối, giấu trong áo được một chai rượu vang đỏ cực ngon. Sau năm lần say như thế, chúng tôi đã có được mấy chai rượu vang giấu dưới nước cạnh gốc liễu. Khi bữa tiệc kết thúc, công việc của chúng tôi là phải dọn dẹp mọi thứ để chất lên xe tải rồi cùng về thị trấn với mọi người. Nhưng tôi giả vờ làm việc miến cưỡng và cãi nhau liên tục với Don Pendon. Cuối cùng tôi nằm dài trên bãi cỏ, giả bộ say và không chịu làm gì cả. Alberto trong vai một người bạn thân, đến xin lỗi ông chủ và ở lại chăm sóc tôi khi chiếc xe tải lăn bánh. Khi tiếng động cơ xe tải xa dần, chúng tôi nhảy căng lên và chạy như bay đến chỗ giấu mấy chai rượu vang, gia tài mới có được, với hy vọng chúng tôi có thể nhâm nhi trong nhiều ngày lang thang.

Alberto lao mình tới cây liễu trước tiên: mặt anh trông thiếu não như một diễn viên hài. Một thực tế quá phũ phàng không thể tin được: Không còn một chai rượu nào ở chỗ đó nữa cả. Thế là toi bao công sức và toi cả ước mơ. Hoặc là tôi đóng kịch quá tồi - ai đó đã thấy tôi đánh cắp mấy chai rượu vang, hoặc là đã có một "cao thủ võ lâm" có hành tung và mục đích giống chúng

tôi. Thế là lại rỗng túi như cũ. Chúng tôi cố hình dung lại lúc ấy và thấy chắc là người ta đã cười trước trò say xỉn của tôi. Rồi chúng tôi cố tìm xem có điểm nào cho thấy là chúng tôi ăn trộm hay không. Nhưng điều đó cũng chẳng có ích lợi gì. Ăn hận cũng vô nghĩa! Đành lôi theo thùng bánh mì phô mai và túi thịt, chúng tôi phải cuốc bộ trở lại thị trấn. Dù được cho ăn uống miễn phí no nê nhưng chúng tôi cảm thấy rất xấu hổ, không phải vì chuyện mấy chai rượu vang mà vì người ta đã cho chúng tôi là hai thằng ngốc. Cảm giác này thật vô cùng khó tả. Nếu trót lọt chắc cảm giác sẽ khác hẳn. Phải chấp nhận quy luật cuộc chơi vậy!

Ngày hôm sau trời mưa và lạnh, và chúng tôi nghĩ cuộc đua sẽ không thể tiến hành được. Chúng tôi đang chờ được nghỉ giải lao để ra bờ hồ nấu nướng thì trên loa phóng thanh người ta nói cuộc đua vẫn tiếp tục. Là người phục vụ tiệc ngoài trời, chúng tôi được vào cổng miễn phí để xem các tay đua của quốc gia thi đấu trong một cuộc đua được tổ chức khá tốt.

Ngay khi chúng tôi nghĩ đến việc đi tiếp, bàn bạc phải chọn tuyến đường nào, thì một chiếc xe jeep chở đầy bạn của Alberto đến. Họ đến từ ngôi làng huyền thoại xa xăm Conception del Tio. Chúng tôi ôm chặt nhau thắm thiết và sau đó là đổ đầy bao tử với những chất lỏng biết sỏi bọt.

Họ mời chúng tôi đến thăm nơi họ làm việc tại thị trấn Junin de los Andes. Thế là chúng tôi lại lên đường, giảm tải cho chiếc mô tô bằng cách để đồ đạc lại nhà kho trong Công viên Quốc gia.

"Gi? đây chúng tôi bi?t, g?n như đ?nh m?nh đã an bài, và tôi không còn l?a ch?n nào khác, r?ng s? ph?n c?a tôi là ph?i l?ng du. Chính xác hơn là "S? ph?n c?a chúng tôi" - V? Alberto c?ng ngh?như v?y. Tuy nhi?n, có nh?ng lúc tôi tha thi?t trông mong đư?c đ?n nh?ng vùng đ?t tuy?t v?i c?a m?n Nam nư?c tôi. Có l? vào m?t ngày nào đó, khi đ?ng chân phi?u b?t, tôi s? tr? v? Argentina..."

- Ernesto Che Guevara, Nh?t ký hành trình, 1952

Núi non mạo hiểm

Junin de los Andes, kém may mắn hơn người anh em bên bờ hồ của nó, tồn tại một cách vô vị trong một góc bị lãng quên của nền văn minh, không thể thoát khỏi sự đơn điệu của một cuộc sống buồn chán, mặc dù người ta đã cố gắng tiếp thêm sinh khí cho nó bằng cách xây dựng một doanh trại ở nơi bạn bè của chúng tôi đang làm việc. Tôi nói "bạn bè của chúng tôi" bởi vì chẳng bao lâu sau thì các bạn của Alberto cũng là bạn của tôi.

Chúng tôi dành đêm đầu tiên để tưởng nhớ đến quá khứ xa xôi ở Villa Concepcion, tâm tình chúng tôi trào dâng theo những dòng rượu vang chùng như bất tận. Không có rượu ăn cắp thì cũng có rượu của bạn. Tầm lượng của tôi không cao, do đó tôi phải bỏ cuộc sớm và ngủ như chết.

Cả ngày hôm sau chúng tôi sửa chữa chiếc mô tô tại xưởng máy của công ty nơi bạn chúng tôi làm việc. Đêm hôm đó họ tổ chức một tiệc chia tay linh đình theo kiểu Argentina: Tiệc ngoài trời với thịt bò và thịt cừu, bánh mì và rau trộn. Sau vài ngày tiệc tùng, chúng tôi lại lên đường sau nhiều vòng tay tạm biệt siết chặt. Chúng tôi hướng đến Carrue, một vùng hồ khác trong khu vực. Đường đi thật là khủng khiếp và chiếc xe đáng thương của chúng tôi lại lê lết trong cát khi tôi cố giúp nó ra khỏi những cồn cát. Chúng tôi vượt 5 km đầu trong một tiếng rưỡi, nhưng sau đó con đường trở nên tốt hơn và chúng tôi đến Carrue Chico, một hồ nhỏ, nước xanh, xung quanh là rừng cây hoang dã và những ngọn đồi trùng điệp. Sau đó chúng tôi

đến Carrue Grande, một vùng hồ rộng lớn hơn nhưng buồn một điều là chúng tôi không thể chạy mô tô quanh hồ bởi vì chỉ có một con đường duy nhất mà bọn buôn lậu địa phương sử dụng để vượt qua Chilê.

Không thấy người bảo vệ công viên ở đâu, chúng tôi để xe tại chòi bảo vệ và leo lên đỉnh đồi đối diện với hồ. Lúc đó gần đến giờ ăn trưa và khẩu phần của chúng tôi chỉ là một mẩu phô mai và một ít thức ăn dự trữ. Một con vịt bay ngang qua hồ. Alberto tính toán khoảng cách, thời gian vắng mặt của người bảo vệ, cả khả năng bị phạt... và dừng! Chính xác! Thật là may mắn, con vịt rơi xuống hồ. Alberto và tôi bắt thăm xem ai phải đi lấy con vịt. Tôi thua và tôi phải lao xuống hồ. Hình như những ngón tay băng giá đang giữ chặt lấy thân thể tôi, cản trở mọi cử động. Tôi bị dị ứng với cái lạnh, cho nên bơi gần 20 mét để nhặt con vịt và bơi trở về đối với tôi là một cực hình. Cuối cùng, thật là tuyệt vời khi được ăn vịt quay trong cơn đói. Chúng tôi nhìn nhau như chia sẻ: không liều thì sẽ chẳng được gì.

Bữa ăn trưa như tiếp thêm sức mạnh, chúng tôi hăng hái leo núi. Tuy nhiên, ngay từ lúc bắt đầu đã có những đàn ruồi to làm bạn đồng hành. Chúng bay không ngừng nghỉ và đốt cả chúng tôi khi có cơ hội. Leo núi thật là khổ sở vì chúng tôi không có kinh nghiệm và thiết bị chuyên dụng; nhưng sau vài giờ vất vả, chúng tôi cũng leo được đến đỉnh. Thật là thất vọng khi chẳng có cảnh tượng nào ngoạn mục để chiêm ngưỡng: những ngọn núi lân cận đã che chắn tất cả. Nhìn hướng nào cũng có một đỉnh núi cao hơn cản trở. Sau vài phút nói chuyện tếu về đốm tuyết trên đỉnh núi, chúng tôi bắt đầu xuống núi vì sợ trời tối. Đoạn đường đầu thì dễ dàng, nhưng con suối dẫn đường lại biến thành thác lũ với những khối đá dốc đứng và trơn trượt rất khó đi qua. Chúng tôi phải bám theo mấy cây liễu mà đi, cuối cùng cũng đến một vùng cỏ tranh rậm rạp. Màn đêm buông xuống mang theo hàng ngàn tiếng động kỳ lạ và cảm giác căng thẳng với từng bước chân bước vào vùng không gian trống vắng. Alberto bị mất cặp kính bảo hộ, còn quần của tôi thì rách nát. Cuối cùng chúng tôi đến một hàng cây và từ đó chúng tôi bước từng bước rất thận trọng, bởi vì bóng tối dày đặc và giác quan thứ sáu tăng cường cao độ đến nỗi mỗi giây, mỗi chuyển động, chúng tôi đều cảm thấy như phía trước là vực thẳm.

Sau một cuộc hành trình vất vả lội qua bùn sâu, chúng tôi phát hiện ra con suối chảy ra Carrue, cây cối hầu như biến mất và chúng tôi đã xuống đến mặt đất. Một con hươu to lớn bất ngờ xuất hiện, phóng nhanh như một mũi tên qua con suối, thân hình của nó lấp lánh dưới ánh trăng rồi mất hút vào tàng cây thấp. Sự cố bất ngờ này làm chúng tôi hơi hoảng hốt. Chúng tôi

bước chậm chậm để không làm khuấy động vẻ thanh bình và thiêng liêng của thiên nhiên hoang dã.

Chúng tôi lội qua một vũng nước, dòng nước chạm vào mắt cá chân làm tôi nhớ đến những ngón tay băng giá mà tôi rất ghét. Cuối cùng, chúng tôi cũng về đến chòi của nhân viên bảo vệ công viên. Người bảo vệ rất tốt khi cho chúng tôi uống trà thảo dược nóng và cho mượn tấm da cừu để chúng tôi ngủ cho đến giữa trưa hôm sau.

Chúng tôi chạy xe chậm chậm trở về, ngang qua những chiếc hồ mà vẻ đẹp có thể so sánh với Carrue, và cuối cùng đến San Martin, nơi Don Pendon đã cho tôi 10 pêsô tiền phục vụ tiệc ngoài trời. Sau đó, chúng tôi tiếp tục đi về hướng nam.

"Sau những kỳ thi tháng 12, thay vì ở lại thủ đô để ôn bài cho kỳ thi tháng 3 anh thu xếp ba lô, leo lên chiếc xe gắn máy - hoặc có đôi khi chỉ đi bộ - Và lang thang khắp mọi miền đất nước."

Alberto Granado, Hồi tưởng về người bạn thời niên thiếu

Nhớ mẹ

Tháng Giêng 1952

Trên đường đến Bariloche Mẹ kính yêu,

Mẹ chưa nhận được tin tức gì về con, và con cũng chưa nhận được tin gì về mẹ. Con lo lắng! Vì vậy con viết những hàng này để kể cho mẹ những gì đã xảy ra cho chúng con. Hai ngày sau khi rời Bahia Blanca, con bị sốt cao đến 40 độ và phải nằm bẹp trên giường cả ngày. Sáng hôm sau con gắng gượng ngồi dậy và đến bệnh viện khu vực Choele Choel. Tại đây họ đã cho con một liều Penicillin, và con hồi phục bốn ngày sau đó...

Chúng con đến San Martin de los Andes, dùng tài xoay xở vốn có của mình để giải quyết muôn vàn chuyện rắc rối, phiền toái trên đường. San Martin de los Andes có một cái hồ tuyệt đẹp nằm giữa khu rừng nguyên sinh, rất đáng để mẹ tham quan. Trên đường đi chúng con thấy nhà nào cũng có vườn. Chúng con tìm thức ăn, chỗ trọ và bất cứ điều gì khác mà người ta có thể giúp đỡ. Chúng con dừng lại trang trại Von Putnamers. Họ là bạn của Jorge, đặc biệt là một người theo phái Peronist, luôn luôn say xỉn, và là người tốt nhất trong ba người bạn ở đây. Bây giờ con có thể chẩn đoán được bệnh bưôu não. Chúng con phải chờ để xem căn bệnh tiến triển ra sao. Trong hai hoặc ba ngày nữa chúng con sẽ đến Bariloche và dự tính sẽ di chuyển với tốc độ vừa phải. Hãy gửi thư cho con nếu như thư có thể đến trước ngày 10 hoặc 12 tháng Hai. Mẹ ơi, trang kế tiếp con sẽ viết cho Chichina. Cho con gửi tình yêu đến tất cả mọi người và hãy cho con biết cha có ở miền Nam hay không.

Con ôm mẹ với muôn vàn yêu thương.

Con trai của mẹ.

Đường Seven Lakes, con báo và phát súng...

Chúng tôi quyết định đến Bariloche bằng đường Seven Lakes. Con đường được đặt tên theo bảy cái hồ mà nó uốn quanh trước khi đến thị trấn. Vài kilômét đầu chúng tôi chạy với tốc độ vừa phải của chiếc La Poderosa mà không gặp bất cứ trục trặc lớn nào.

Trời đã chạng vạng tối mà không biết phải ngủ nơi đâu, chúng tôi bèn nghĩ ra cách ngắt điện của cái đèn xe phía trước vốn đã bị vỡ một mảnh để có cơ xin ngủ nhờ trong lều của một công nhân làm đường. Đó là một mưu mẹo hữu ích bởi vì đêm đó trời lạnh thấu xương. Trời buốt giá đến nỗi có một người đến xin mượn mấy tấm chăn vì vợ chồng ông ta đang cắm trại ở ven hồ và đang bị lạnh cóng. Chúng tôi chia sẻ phần trà thảo dược cho con người giỏi chịu đựng này - vợ chồng họ sống cạnh bờ hồ chỉ với một cái lều và những vật dụng gói gọn trong ba lô. Họ làm chúng tôi cảm thấy xấu hổ.

Chúng tôi lại lên đường, vượt qua vô số hồ nước lớn nhỏ được vây bọc trong khu rừng già. Hương thơm của thiên nhiên hoang dã phảng phất. Nếu chỉ nhìn thoáng qua bên ngoài: hồ nước, khu rừng, một căn nhà đơn độc với một khu vườn... thì bạn sẽ chẳng bao giờ có thể cảm nhận được hết vẻ sâu lắng của một nơi mà lẽ ra bạn phải dừng lại trong nhiều ngày để khám phá.

Cuối cùng chúng tôi đến bờ phía bắc của hồ Nahuel Huapi và ngủ trên bờ hồ, no nê và thỏa mãn sau một bữa tiệc ngoài trời thịnh soạn. Nhưng khi chúng tôi lên đường, bánh sau xe lại bị thủng một lỗ và từ đó là một cuộc vật lộn chán ngắt với chiếc xe khốn khổ. Khi vá xong lỗ này thì nó thủng lỗ kia, cho đến khi chúng tôi không còn một miếng vá nào và đành phải chịu trận ngủ qua đêm trên đường. Một quản gia người Áo thời trẻ từng là tay đua mô tô đã cho chúng tôi tạm trú trong một nhà kho - ông ta vừa muốn giúp chúng tôi lại dường như vừa sợ ông chủ.

Bằng giọng Tây Ban Nha dứt quăng, ông bảo chúng tôi rằng một con báo sư tử đang xuất hiện trong vùng. "Báo sư tử rất dữ tợn, chúng không ngại tấn công con người! Chúng có bờm màu vàng thật lớn..."

Khi đóng cửa, chúng tôi thấy rằng nó giống như một cái cửa chuồng ngựa - cánh cửa chỉ còn có một nửa phần chắn bên dưới. Hình bóng của con báo sư tử lớn vờn trong đầu tôi. Tôi đặt khẩu súng lục bên đầu nằm, phòng khi nửa đêm nó viếng thăm bất ngờ. Tôi thức dậy lúc tờ mờ sáng khi có tiếng móng vuốt cào sột soạt ngoài cửa. Alberto nằm bên cạnh tôi chết lặng vì sợ hãi. Tôi để tay vào cò súng. Hai con mắt sáng rực như mắt mèo trong bóng tối nhìn chăm chăm vào tôi. Hai đốm sáng đó lao tới phía trước và thân hình đen ngòm đồ sộ của nó nhảy qua cửa.

Một cảm giác lạnh chạy dọc xương sống. Phản xạ theo bản năng, tôi bóp cò. Tiếng súng vang dội khắp các bức tường cho đến khi có một bó đuốc sáng rực trước cửa phòng kèm theo tiếng la hét trong tuyệt vọng của viên quản gia. Và bà vợ của ông, trong cơn hốt hoảng tột độ, đang ôm lấy xác con chó Bobby bắn thủ và khó ư của vợ chồng bà. Và chúng tôi "được mời" đi ngay lập tức sau một trận chửi rủa.

Alberto mang bánh xe đến Angostura để tìm chỗ vá. Tôi nghĩ rằng mình phải ngủ qua đêm ở ngoài trời - bởi khó mà tìm một nhà nào cho ngủ nhờ khi chúng tôi bị xem như những "kẻ giết người". May mắn thay, tôi tìm thấy túp lều của một công nhân sửa đường và ông ta cho tôi ngủ trong nhà bếp cùng với một người bạn của ông. Tiếng mưa rơi làm tôi thức giấc vào lúc nửa đêm và tôi định bước ra lấy tấm bạt để trùm xe lại. Nhưng trước khi ngồi dậy, tôi quyết định làm vài hơi thuốc suyễn do bị dị ứng với tấm da cừu. Khi tôi đang dùng bình xịt thuốc thì người bạn nằm chung thức giấc. Hắn đột ngột cử động rồi lại nằm yên. Tôi cảm thấy người hắn cứng lại dưới tấm chăn như đang thủ một con dao và hắn gần như nín thở. Nhưng với kinh nghiệm vẫn còn nóng hổi của đêm trước, tôi quyết định nằm yên quan sát nhưng vẫn lo vì sợ bị đâm bất ngờ.

Ngày hôm sau, chúng tôi đến San Carlos de Bariloche trước khi trời tối và nghỉ qua đêm tại một đồn cảnh sát, chờ con tàu Modesta Victoria để đến biên giới Chilê.

"...Tiếng móng vuốt cào sọt sọt ngoài cửa...Tôi đặt tay vào cò súng.
Hai con mắt sáng rực như mắt con mèo trong bóng tối nhìn chằm
chằm...Mặt cảm giác lạnh chày dẹt xương sống...Tôi bóp cò..."

- Ernesto Che Guevara, Nhật ký hành trình, 1952

Tung cánh tự do...

Chúng tôi đang ẩn tránh cơn bão cuồng nộ bên ngoài trong nhà bếp của trạm cảnh sát. Tôi đọc đi đọc lại lá thư. Và trong thư đó, tất cả những giấc mơ của tôi về quê nhà cùng với đôi mắt tiễn biệt ở Miramar chợt hiện lên rồi lại nhạt nhòa. Tôi như muốn kiệt sức, nửa mê nửa tỉnh.

Trong lúc mơ màng, tôi nghe câu chuyện sống động của một gã tù nhân phiêu bạt khắp nơi. Hắn bịa ra hàng ngàn câu chuyện hấp dẫn trước sự dốt nát của những người bu quanh. Tôi có thể hình dung ra hắn đang hào hứng kể chuyện bằng những ngôn từ lôi cuốn trong khi những khuôn mặt xung quanh hắn càng nhích lại gần hơn để nghe cho rõ.

Và như thể đang nhìn trong sương mù, tôi thấy vị bác sĩ người Mỹ mà tôi đã gặp ở Bariloche đang gật đầu: " Tôi nghĩ anh biết anh phải đi đến đâu. Anh có lòng can đảm và nghị lực. Nhưng anh nên ở lại Mexico một thời gian. Đó là một đất nước tuyệt vời."

Đột nhiên tôi thấy tôi đang bay cùng người thủy thủ đến những vùng đất xa xăm, xa khỏi bi kịch hiện thời của cuộc đời tôi. Một cảm giác bồn khoăn tràn ngập tâm hồn, tôi thấy mình không còn cảm nhận được gì cả. Tôi bắt đầu cảm thấy sợ hãi chính bản thân mình. Tôi bắt đầu viết một lá thư đắm nước mắt, nhưng lại không thể viết được. Tôi đã cố gắng viết trong vô vọng. Trong ánh sáng mờ xung quanh, những ảo ảnh chập chờn ẩn hiện, nhưng "em" không xuất hiện. Tôi vẫn tin rằng tôi còn yêu em cho đến giờ phút ấy, khi tôi biết rằng tôi chẳng còn gì hết.

Tôi tập trung gọi em trở lại trong tâm trí. Tôi phải đấu tranh để giữ hình ảnh đó. Vì tôi. Vì em! Em là của tôi, của tôi... Không có hình ảnh em cuộc sống sẽ mất đi rất nhiều ý nghĩa. Cho dù sau này em có thể nào đi nữa... Và tôi ngủ thiếp đi.

Mặt trời dịu êm chiếu sáng một ngày mới, ngày chúng tôi ra đi, già từ vùng đất Argentina. Mang chiếc xe đáng thương đến tàu Modesta Victoria không phải là chuyện dễ dàng chút nào, nhưng với tất cả sức lực và lòng kiên nhẫn, cuối cùng chúng tôi cũng làm được. Xuống tàu cũng khó khăn không kém. Rồi chúng tôi có mặt tại một nơi nhỏ bé bên bờ hồ có cái tên hoa mỹ là Puerto Blest. Chúng tôi di chuyển vài ba kilômét bằng đường bộ, rồi sau đó bằng đường thủy, trên dòng Frios nước xanh dơ bẩn.

Chúng tôi phải thực hiện một cuộc hành trình ngắn trước khi đến trạm hải quan, rồi đến trạm quản lý di trú Chilê ở phía bên kia dãy núi. Ở đó chúng tôi lại băng qua một cái hồ nữa do nước của sông Tronador đổ vào. Sông Tronador bắt nguồn từ một núi lửa hùng vĩ cùng tên. Hồ Esmeralda, hoàn toàn tương phản với những cái hồ ở Argentina, nước trong tuyệt vời như mời gọi người ta xuống tắm thỏa thích. Trên dãy núi tại một nơi có tên là Casa Pangue có một đồn biên phòng, từ đây có thể nhìn toàn cảnh một dải đất nước Chilê xinh đẹp. Đối với tôi đây là một giao lộ: tôi đang nhìn tới tương lai qua dải đất hẹp của Chilê và nhìn tới những gì còn nằm ở phía trước, những dòng thơ của Otero Silva hiện lên trong tâm trí.

"CHE làm chúng ta nh? đ?n nh?ng đi?u đã đư?c bi?t t? th?i Spartacus nhưng đã có lúc b?lãng quên: Trong cu?c chi?n ch?ng l?i s? b?t công, nhân lo?i có th? tìm th?y m?t b?c thang đ? nâng cu?c chi?n này lên m?t t?m cao hơn, làm cho nó t?t đ?p hơn, và thay đ?i nó thành đi?u gì đó nhân b?n hơn."

- Marcos

Có một con đường...

Nước len vào từ những lỗ rò rỉ của chiếc thuyền cồng kềnh, cũ kỹ đang chở chiếc mô-tô của chúng tôi. Những giấc mơ ban ngày đã kéo tôi ra khỏi thực tại mặc dù tôi vẫn còn hì hục với máy bơm để bơm nước ra khỏi thuyền.

Một bác sĩ từ Peulla trở về trên chiếc tàu chở hành khách Esmeralda, đã chạy ngang qua chiếc thuyền có cột chiếc mô-tô của chúng tôi. Ông ta kinh ngạc nhìn chúng tôi trần trụi, bì bõm trong vùng nước loang lổ dầu, vật lộn đổ mồ hôi với chiếc thuyền sao cho nó đừng chìm.

Chúng tôi đã gặp nhiều bác sĩ qua đây. Họ có những bài giảng về bệnh phong, thêm thắt đôi chút, tạo sự ngưỡng mộ với đồng nghiệp của chúng tôi từ bên kia dãy Andes. Họ đã tạo ấn tượng bởi vì bệnh phong không phải là một vấn đề ở Chilê. Thậm chí họ cũng không có những kiến thức cơ bản về bệnh phong và thành thật nhìn nhận rằng có thể họ chưa từng bao giờ tiếp xúc với một người mắc bệnh phong. Họ nói với tôi về khu vực dành cho người mắc bệnh phong trên đảo Easter. Họ nói đó là một hòn đảo rất lý thú, và thế là niềm đam mê y học của chúng tôi đã được đánh thức.

Vị bác sĩ này đã rất hào phóng giúp đỡ, làm cho chuyến đi của chúng tôi thêm phần thích thú. Nhưng trong những ngày vui ở miền nam Chilê, khi bụng chúng tôi vẫn còn no nê, khi chúng tôi vẫn còn giữ nguyên lòng tự trọng, đơn giản chúng tôi chỉ yêu cầu ông giới thiệu chúng tôi với chủ tịch hội “Những người bạn của đảo Easter” đang sống tại Valparaiso gần đó. Tất nhiên là ông ta rất vui vẻ nhận lời.

Con đường dọc theo hồ dừng lại ở Petrohue, nơi chúng tôi từ biệt mọi người. Trước đó chúng tôi đã chụp một số ảnh với các cô gái da đen người Brazil, các cô sẽ để hình chúng tôi vào album lưu niệm ở miền nam Chilê. Chúng tôi cũng chụp hình với hai vợ chồng nhà môi trường học biết rất rõ về các quốc gia châu Âu. Họ cũng đã trang trọng ghi lại địa chỉ chúng tôi để gửi ảnh sau này.

Một người ở tỉnh nhỏ đề nghị chúng tôi đi bằng xe lửa đến Osorno. Alberto đã lên lớp một bài thật nhanh cho tôi về sự chán ngắt khi đi xe lửa và tôi đã quyết định vẫn di chuyển bằng phương tiện riêng của mình. Như những nhân vật trong phim hoạt hình, tôi nhảy lên yên sau xe Alberto và thế là chúng tôi lại lên đường. Mẹ ơi, mỗi một góc đường là một nỗi khổ ải: thắng, giật, té ngã, nhờ giúp đỡ... Con đường uốn lượn qua miền đồng quê tươi đẹp, uốn quanh hồ Osorno và ngọn núi lửa cùng tên như một người lính gác đang ở phía trên cao. Tôi đã không có may mắn tìm được chỗ dừng chân trên con đường khó đi này để thưởng thức hết vẻ đẹp của thiên nhiên. Tai nạn đáng kể nhất xảy ra do một con lợn nhỏ băng ngang phía trước một chiếc xe hơi trong khi chúng tôi đang đổ dốc và tôi chưa kịp hoàn hồn để bóp thắng xe.

Chúng tôi đến Osorno, chạy vòng quanh hồ, rồi lại tiếp tục theo hướng bắc qua miền đồng quê màu mỡ, phì nhiêu của Chilê. Đồng lúa được chia thành lô để canh tác, hoàn toàn tương phản với vùng đất phía nam cằn cỗi của chúng tôi. Người dân Chilê rất thân thiện, nồng nhiệt chào đón ở bất cứ nơi nào chúng tôi đến. Cuối cùng chúng tôi đến thành phố cảng Valdivia vào Chủ Nhật. Thả bộ quanh thành phố, chúng tôi ghé thăm tòa soạn của tờ báo địa phương Correo de Valdivia, và họ đã cử phóng viên viết một bài thật ấn tượng về cuộc hành trình của chúng tôi. Valdivia đang kỷ niệm bốn trăm năm ngày thành lập và chúng tôi đã tặng cuộc hành trình của mình cho thành phố, cho người Tây Ban Nha sáng lập mà thành phố được vinh dự mang tên. Họ khuyên chúng tôi viết thư cho Molinas Luco, thị trưởng của Valparaiso, về việc đến thăm đảo Easter.

Hải cảng tràn ngập những hàng hóa hoàn toàn xa lạ với chúng tôi. Chợ búa với nhiều loại thức ăn, những căn nhà gỗ kiểu Chilê, quần áo đặc biệt của dân guasos(1) khác xa với những gì chúng tôi biết tại quê nhà. Có một cái gì đó thuần túy Nam Mỹ, không bị ảnh hưởng ngoại lai như miền đồng cỏ ở xứ sở chúng tôi. Có lẽ bởi vì những người Anglo-Saxon di trú tại Chilê không bị pha tạp, vì vậy họ vẫn giữ được tính thuần khiết của bản sắc dân tộc, mà điều này không tồn tại ở đất nước chúng tôi.

Ngoại trừ những khác biệt về ngôn ngữ và tập quán phân biệt chúng tôi với những người anh em cao gầy vùng Andean, thì có một tiếng nói chung: "Cho họ uống nước đi", đó là lời chào mỗi khi thấy bóng dáng cái quần da bò của tôi. Chẳng phải tôi thích quần da bò, nhưng đó là thời trang tôi thừa hưởng được từ lòng quảng đại của một người bạn.

"Nếu có điều gì làm chúng tôi đau buồn chính là những gì chúng tôi đã tận mắt chứng kiến. Cũng như rất nhiều nơi trên đất nước Argentina thân thương của chúng tôi, cần phải có thay đổi triệt để về chính trị - Xã hội để chấm dứt cảnh người bóc lột người và các tập đoàn quốc tế bóc lột đất nước chúng tôi."

- Alberto Granado, Hành trình cùng Che Guevara

Trở thành chuyên gia bệnh phong

Tôi không bao giờ cảm thấy chán khi nói về lòng hiếu khách của người dân Chilê. Tấm lòng hiếu khách đó đã làm cuộc hành trình của chúng tôi đến Chilê trở nên kỳ thú. Và chúng tôi đã tận dụng hết những thuận lợi đó. Tôi từ từ thức giấc bên trong tấm chăn, ước lượng giá trị của cái giường và tính toán hàm lượng calori của bữa ăn đêm hôm trước.

Tôi nhớ lại các biến cố gần đây: chiếc La Poderosa bị bể bánh thật nguy hiểm, làm chúng tôi phải chịu trận trong cơn mưa giữa cánh đồng trống; sự giúp đỡ hào phóng của Raul, chủ cái giường mà chúng tôi đang nằm; và cuộc phỏng vấn của tờ báo El Austral tại Temuco. Raul là

một sinh viên ngành thú y khá siêng năng. Anh đã giúp chúng tôi nâng chiếc xe mô tô tội nghiệp lên xe tải rồi chở chúng tôi đến một thị trấn yên tĩnh ở miền trung Chile.

Thành thật mà nói, có lẽ đôi khi người bạn của chúng tôi ước gì anh ta đừng gặp chúng tôi, bởi vì chúng tôi đã làm giấc ngủ đêm của anh ta chẳng ngon lành gì, nhưng anh lại luôn nhận lỗi về phần mình. Raul huyền thuyên kể về những món tiền đã tiêu tốn vì phụ nữ và mời chúng tôi một đêm viếng thăm vũ trường. Lời mời này là lý do chúng tôi kéo dài thêm thời gian lưu lại vùng đất của Pablo Neruda. Thế nhưng vào phút chót anh ta lại nói là không còn tiền và phải hoãn chuyến đi đến chốn ăn chơi đó. Bù lại, anh ta lo cho chúng tôi chỗ ăn ở. Thế là vào một giờ sáng, chúng tôi đã có một chỗ trọ, cảm thấy hài lòng với chính mình và ăn ngấu ngiến những gì có trên bàn. Thức ăn thật nhiều, chưa kể những món đem đến kế tiếp. Rồi chúng tôi chiếm lĩnh cái giường của ông chủ nhà vì cha anh ta đã chuyển đến Santiago và trong nhà không còn nhiều đồ đạc lắm.

Trong khi tôi đang thay đồ thì Alberto còn nằm ườn trên giường, kháng cự lại những tia nắng mặt trời đang quấy rầy giấc ngủ say của anh. Việc thay đồ cũng khá giản đơn vì sự khác biệt giữa bộ đồ ngủ và đồ mặc ban ngày của tôi chỉ là đôi giày mà thôi. Tờ báo địa phương có nhiều trang thật đẹp, hoàn toàn trái ngược với những tờ nhật báo nghèo nàn tại đất nước chúng tôi, nhưng tôi không quan tâm đến điều gì khác ngoài một mẫu tin địa phương với hàng tít lớn:

HÀNH TRÌNH XUYỀN CHÂU MỸ LA TINH BẰNG MÔ TÔ CỦA HAI CHUYÊN GIA BỆNH PHONG NGƯỜI ARGENTINA

Rồi in nhỏ hơn:

HAI CHUYÊN GIA ĐANG Ở TEMUCO VÀ MUỐN THĂM RAPA-NUI (1)

Đây là bản tóm tắt về tài năng của chúng tôi. Chúng tôi, những chuyên gia, cây đại thụ về bệnh phong tại châu Mỹ, với nhiều kinh nghiệm, đã điều trị hơn 3.000 bệnh nhân, quen thuộc với hầu hết trung tâm bệnh phong trên khắp châu lục và là những nhà nghiên cứu về điều kiện vệ sinh thuộc những trung tâm đó, đã đồng ý viếng thăm thị trấn nhỏ bé, xinh đẹp và sâu mòng này. Chúng tôi nghĩ rằng họ sẽ đánh giá cao sự trân trọng của chúng tôi đối với thị trấn, nhưng

thực sự không ngờ là đến mức đó. Chẳng bao lâu cả gia đình bu quanh bài báo, và những bài báo khác trở thành cỏ rác. Và vì thế, trong sự ngỡ ngàng của họ, chúng tôi đã nói lời từ biệt với những người mà chúng tôi không biết gì về họ, ngay cả cái tên cũng không biết.

Chúng tôi xin phép để xe mô tô trong garage của một người sống ở ngoại ô thị trấn. Và thế là chúng tôi không còn là hai gã lang thang đáng thương rong ruổi trên mô tô nữa; mà bây giờ chúng tôi là "chuyên gia", được đối xử trân trọng. Chúng tôi bỏ cả ngày để sửa xe trong khi thỉnh thoảng có một cô giúp việc người da màu mang thức ăn nhanh đến. Vào lúc năm giờ chiều, sau một bữa trà ngon do ông chủ chiêu đãi, chúng tôi tạm biệt Temuco và tiếp tục hướng về phía bắc.

"CHE biết đau với những nỗi đau của con người - Dù những người đó không hề thân thuộc hay là đồng bào của anh, với CHE - Tình người là không biên giới. Anh căm ghét sự áp bức và bất công khắp nơi trên thế giới

Fidel Castro (nói về Che)

Vĩnh biệt con ngựa sắt La Poderosa II

Chúng tôi thức dậy sớm để sửa nốt phần hư hỏng còn lại của chiếc mô tô và để thoát khỏi một nơi không còn hiếu khách nữa. Nhưng trước đó chúng tôi cũng được mời dùng bữa trưa cuối cùng với gia đình sống bên cạnh garage.

Do linh tính báo trước nên Alberto không chịu lái, vì vậy tôi phải chở anh vài kilômét trước khi dừng lại để sửa hộp số. Xa hơn một chút, khi chúng tôi quẹo một khúc quanh đột ngột với tốc độ cao, thì con ốc giữ phanh chân bánh sau văng ra khỏi xe trong lúc một cái đầu bò xuất hiện ở khúc quanh, và tiếp theo sau là nhiều con bò nữa. Tôi dùng hết sức bóp thắng tay, nhưng cái thắng tay hàn không chắc bị rời ra luôn. Tôi đành đạp ngược vào cần số với hy vọng làm như vậy xe sẽ giảm được tốc độ. Trong thoáng chốc, tôi chẳng còn thấy gì ngoài hình dáng những con bò đang lao đến trong tầm mắt và ủa qua hai bên trong khi chiếc La Poderosa khốn khổ dường như không giảm tốc độ đổ dốc được bao nhiêu. Nhưng thật là kỳ lạ, chúng tôi chỉ quẹt nhẹ vào chân một con bò, nhưng dòng sông phía trước đang gào thét khủng khiếp. Tôi lách qua một bên, và trong nháy mắt chiếc xe bay lên bờ sông cao hai mét, quãng hai đũa chúng tôi vào giữa hai khối đá, nhưng may mắn thay, chúng tôi không hề hấn gì, dù đau ê ẩm.

Nhờ đọc mấy bài báo Chilê ca ngợi chúng tôi, vài người Đức đã đỡ chúng tôi dậy và tiếp đãi chúng tôi rất tử tế. Suốt đêm hôm đó tôi bị tiêu chảy thật tệ hại. Thật xấu hổ nếu như để lại một bộ kỷ niệm dưới gầm giường, vì vậy tôi leo ra ngoài gõ cửa sổ để cho cơn đau tan biến trong đêm đen. Sáng hôm sau tôi nhìn ra ngoài để xem xét kết quả thì hỡi ôi, bên dưới cửa sổ khoảng hai mét có một tấm bạt lớn mà người ta căng ra để phơi những quả đào! Cảnh tượng tiếp theo thật là ấn tượng và khó kể lại. Chúng tôi phải biến ngay thôi!

Mặc dù mới nhìn thoáng qua tai nạn không có vẻ nghiêm trọng lắm, nhưng rõ ràng là chúng tôi đã đánh giá quá thấp sự thiệt hại. Chiếc xe lắc lư kỳ lạ mỗi khi nó phải leo dốc. Trên con

đường dốc đến Malleco, nơi có một chiếc cầu xe lửa mà người Chilê cho là cao nhất châu Mỹ, chiếc mô-tô chạy ì ạch và chúng tôi phải bỏ cả một ngày chờ đợi một tâm hồn cao thượng cứu thế (hóa thân trong tài xế một chiếc xe tải) có thể mang chúng tôi lên đỉnh dốc. Sau khi được cho quá giang đúng như kỳ vọng, chúng tôi đến thị trấn Cullipulli, nghỉ qua đêm tại đó, và ra đi thật sớm vì sợ trên đường đi, chiếc xe gắn máy của mình sẽ lại gặp tai họa. Trên đoạn đường dốc đầu tiên của con đường có quá nhiều đèo dốc này, chiếc La Poderosa rệu rã vô phương cứu chữa cuối cùng đã bỏ cuộc. Chúng tôi ngậm ngùi không muốn chia tay nó. Đành phải vác nó theo vậy! Một chiếc xe tải chở chúng tôi đến Los Angeles. Tại đây chúng tôi để xe tại trạm cứu hỏa và ngủ tại nhà một trung úy quân đội Chilê. Dường như anh ta rất biết ơn về việc từng được đối xử tử tế tại Argentina và không biết làm thế nào để chúng tôi hài lòng. Đó là ngày cuối cùng của hai kẻ phiêu lưu trên mô-tô; giai đoạn kế tiếp sẽ gian khổ hơn nhiều đối với hai kẻ lẳng tử cuộc bộ trên đường xa vạn dặm mà không biết được điều gì sẽ chờ đợi mình vào ngày mai.

"Với lòng tự tin phi thường của một người lái xe không có kinh nghiệm, Ernesto trả xe về số ba, rồi số hai, lúc này xe đã giảm tốc độ được một chút, và cuối cùng, khó khăn lắm anh mới trả xe về số một. Ngay lập tức, lợi dụng tốc độ xe chậm lại, anh lao xe đến bờ sông. Khi tôi nhảy ra khỏi yên sau thì anh xoay chân ra, và tôi thấy anh văng ra khỏi xe ngay trước khi bánh trước đâm sầm vào vách đá. Chúng tôi chạy nhanh đến tắt máy để xe khỏi bốc cháy, rồi ôm nhau sung sướng vì biết mình vẫn còn sống."

- Alberto Granado, Hành trình cùng Che Guevara

Thử thách nối tiếp thử thách

Cuộc hành trình từ Temuco vẫn bình thường cho đến khi ra khỏi thị trấn thì bánh xe sau lại bị thủng và chúng tôi phải dừng lại để thay bánh.

Chúng tôi làm việc khá vất vả, nhưng đến khi lắp cái bánh dự phòng vào thì chúng tôi phát hiện nó cũng bị xì hơi. Có lẽ chúng tôi phải ngủ qua đêm ở ngoài trời vì ai mà vá xe vào lúc đêm tối thế này.

Nhưng chúng tôi không phải là những người dân thường, chúng tôi là "chuyên gia". Và chẳng bao lâu sau, chúng tôi tìm được một công nhân hỏa xa. Anh ta đưa chúng tôi về nhà và tiếp đãi chúng tôi thật chân tình như người thân.

Sáng sớm hôm sau chúng tôi mang vỏ ruột xe ra garage để vá lại. Chúng tôi lại lên đường khi trời gần tối sau khi được đãi một bữa ăn thuần túy Chilê: dạ dày bò và những món làm từ lòng bò, tất cả đều nhiều gia vị, cùng với rượu vang thật ngon. Một lần nữa, lòng hiếu khách của nhân dân Chilê đã chiếm trọn vẹn cảm tình của chúng tôi.

Tất nhiên chúng tôi không thể chạy xa hơn được. Chưa được 80 km thì trời tối hẳn và chúng tôi phải dừng lại ngủ trong nhà một người bảo vệ công viên. Ông này cho chúng tôi trọ với hy vọng kiếm được một ít tiền. Nhưng vì sau đó nhận ra rằng chúng tôi không có tiền, dù chỉ là tiền boa, ông ta bèn không đãi chúng tôi ăn sáng như dự định nữa. Vượt qua tâm trạng không mấy thoải mái, chúng tôi lại lên đường, dự tính đốt lửa pha trà thảo dược uống thay ăn sáng khi chạy được vài kilômét. Chạy được một quãng, và trong khi tôi đang tìm một chỗ để dừng lại thì chiếc mô tô giật nảy lên và hất tung chúng tôi lên không. Cũng may Alberto và tôi không bị thương. Cổ xe bị gãy và tệ hại hơn hết là hộp số đã bị vỡ. Không thể tiếp tục cuộc hành trình. Điều duy nhất phải làm là kiên nhẫn chờ một chiếc xe tải mang chúng tôi đến thị trấn kế tiếp.

Một chiếc xe hơi ngừng lại. Những người trên xe ào ra để xem chuyện gì đã xảy ra và tìm cách giúp đỡ. Họ nói họ sẵn sàng giúp đỡ bất cứ điều gì mà những nhà khoa học như chúng tôi cần đến.

"Chúng tôi đã thấy hình các anh trên báo và nhận ra các anh từ xa," một người nói.

Nhưng chúng tôi không yêu cầu họ điều gì, ngoại trừ một chiếc xe tải có thể chở chúng tôi đi tiếp. Chúng tôi cảm ơn họ và bắt đầu uống trà khi người chủ của túp lều gần đó đến mời chúng tôi về nhà. Chúng tôi uống cạn hai lít rượu vang trong nhà bếp. Ở đó, chúng tôi thấy chiếc đàn charango, một loại đàn có bốn dây căng qua hai cái hộp thiếc gắn vào thùng đàn. Người nhạc sĩ dùng một miếng phím gảy vào dây tạo ra những âm thanh như tiếng đàn guitar đồ chơi trẻ em. Khoảng 12 giờ, một chiếc xe tải chạy ngang qua. Chúng tôi nấn nỉ một hồi, cuối cùng người tài xế cũng đồng ý chở chúng tôi đến thị trấn Lautaro kế tiếp.

Chúng tôi tìm được một chỗ trong một garage tốt nhất thị trấn và một người có thể hàn và sửa chiếc mô tô. Đó là Luna, một chú bé rất thân thiện đã hai ba lần mời chúng tôi về nhà dùng bữa trưa. Chúng tôi dành một khoảng thời gian để sửa xe, phần thời gian còn lại thì đến nhà

những người tò mò đã gặp chúng tôi tại garage để xem có được đãi ăn chút gì không. Kế bên garage là một gia đình gốc Đức. Họ đã tiếp đãi chúng tôi thật ân cần. Chúng tôi ngủ đêm tại một trại lính địa phương.

Chiếc xe đã được sửa chữa tạm ổn và chúng tôi quyết định ra đi vào ngày hôm sau, vì vậy chúng tôi bèn gác sang một bên những ưu tư và theo lời mời của những người bạn mới, chúng tôi làm vài ly. Rượu vang Chilê thật tuyệt! Tôi uống thật tốc độ và thật nhiều. Nhiều đến nỗi khi đến buổi khiêu vũ trong làng tôi đã thấy trời đất như quay cuồng. Buổi tối trôi qua thật vui thú với rượu thịt ê hề. Một người thợ cơ khí rất thân thiện trong garage mời tôi nhảy với vợ anh ta vì anh ta đã ngà ngà say. Vợ anh ta rất nóng bỏng và cũng đã uống khá nhiều rượu. Tôi nắm tay cô ta và cố dìu cô ra ngoài. Cô ngoan ngoãn bước theo bước chân của tôi nhưng rồi thấy chồng mình đang quan sát, cô không đồng ý để tôi dìu đi nữa. Nhưng tôi đã không còn biết trời trăng gì và chúng tôi cãi nhau ngay giữa sàn nhảy. Tôi bắt đầu lôi kéo cô về phía một trong số các cánh cửa, trong khi tất cả mọi con mắt đều đổ dồn vào. Cô kháng cự, đá vào người tôi, rồi cô mất thăng bằng té nhào xuống đất.

Chúng tôi chạy như ma đuổi về làng, theo sau là cả một đám đông la ó giận dữ. Alberto luôn miệng cầu nhàu về những chai rượu vang lẽ ra chồng cô đã mua tặng chúng tôi. Cũng tại cái tội uống rượu!

"Trong những giây phút cuối cùng, đối với những người mà chân trời xa nhất vẫn còn nằm ở ngày mai, họ hiểu được cảnh đời bi thảm của những người bạn cùng, vô sản trên thế giới này. Trong những đôi mắt hấp hối đó, có những lời cầu xin được tha thứ và một niềm an ủi tuyệt vọng đã lạc mất trong cõi hư vô, cũng như thân xác họ rồi cũng mất hút trong những điều bí ẩn bao quanh chúng ta. Cảnh đời này, sự phân biệt giai cấp vô lý này sẽ kéo dài đến khi nào, tôi cũng không thể trả lời được..."

- Ernesto Che Guevara, Nhật ký hành trình, 1952

Theo như tôi biết thì ở Chilê, việc gia nhập lực lượng phòng cháy chữa cháy là tự nguyện. Đó là một công việc rất tốt, bởi vì điều khiển một đội cứu hỏa là một vinh dự lớn lao cho những người có khả năng nhất ở thị trấn cũng như ở quận huyện.

Và đừng nghĩ đó là một công việc trên lý thuyết: ở miền nam Chilê hỏa hoạn xảy ra gần như thường xuyên. Tôi không biết chắc đâu là nguyên do chính của các đám cháy. Có thể bởi vì hầu hết nhà cửa đều được xây dựng bằng gỗ, hoặc có thể vì trình độ văn hóa của người dân vẫn còn thấp, hay là một nguyên nhân nào đó, hoặc là tất cả các nguyên nhân hợp lại. Điều chắc chắn là trong ba ngày chúng tôi ở trạm cứu hỏa, có hai đám cháy lớn và một đám cháy nhỏ.

Tôi đã quên giải thích là sau khi ngủ đêm tại nhà của viên trung úy, chúng tôi quyết định chuyển đến trạm phòng cháy chữa cháy, do bị hấp dẫn bởi nét duyên dáng của ba cô con gái của người bảo vệ. Cả ba là điển hình của phụ nữ Chilê, dù đẹp hay xấu vẫn thanh thoát, tươi mát và quyến rũ... Họ cho chúng tôi một căn phòng, chúng tôi mở cái giường đã chiến ra và lăn vào ngủ như chết, không hề nghe thấy tiếng còi báo động. Những người lính cứu hỏa tình nguyện không biết chúng tôi đang ở trạm, phóng xe vút đi trong khi chúng tôi ngủ mê mết cho đến sáng. Khi biết được điều đó, chúng tôi yêu cầu họ cho chúng tôi tham gia trong lần chữa cháy kế tiếp. Ba ngày sau, chúng tôi tìm được một chiếc xe tải chở chúng tôi và chiếc La Poderosa trong hai ngày đến Santiago với giá rẻ, với điều kiện là chúng tôi phải giúp đỡ họ trong việc bốc xếp.

Những ngày tại Los Angeles trôi qua cùng với những câu chuyện bất tận về những người lính cứu hỏa tình nguyện, về ba cô con gái của người bảo vệ. Trong mắt tôi, hình ảnh đầy tính chất biểu tượng của thị trấn sẽ luôn luôn là những ngọn lửa đầy cuồng nộ. Đó là ngày lưu lại cuối cùng và sau những ly rượu tiễn biệt, chúng tôi thu xếp chăn mền và đi ngủ. Tiếng còi báo động xé tan màn đêm, kêu gọi những tình nguyện viên làm nhiệm vụ, vang dội đến giường của Alberto làm anh giật nảy người lên. Chẳng bao lâu sau chúng tôi đã vào vị trí trong chiếc xe cứu hỏa "Chile - Espana" (1). Chiếc xe rời khỏi trạm với tốc độ chóng mặt, còi xe gầm rú inh ỏi nhưng cũng chẳng làm ai ngạc nhiên vì từ lâu, họ đã quá quen với cảnh tượng này.

Những vòi nước phun lên khung nhà đang bốc cháy, căn nhà gạch-gỗ rung lắc dữ dội. Khói gỗ cháy cay xè bay vào mắt những tình nguyện viên đang cố sức bảo vệ những nhà lân cận bằng nước hoặc bất cứ phương tiện gì. Ngọn lửa đã không lan tới một góc nhỏ của căn nhà. Nơi góc đó có một con mèo quá sợ hãi chỉ biết kêu meo meo mà không dám chạy qua kẻ hở không có lửa. Alberto phát hiện ra sự nguy hiểm, tính toán khoảng cách, chạy ào băng qua lửa, cứu thoát được con mèo nhỏ và trả về cho chủ của nó. Alberto được tán thưởng nhiệt liệt vì hành động dũng cảm, mắt anh sáng lên một niềm kiêu hãnh bên dưới chiếc mũ bảo hộ to đùng mà anh vừa mới mượn.

Nhưng mọi chuyện đều phải có lúc kết thúc, và Los Angeles cùng chúng tôi nói lời từ biệt cuối cùng. Che Nhỏ và Che Lớn (Alberto và tôi) trang trọng bắt tay từ biệt mọi người khi chiếc xe tải bắt đầu cuộc hành trình đến Santiago, mang theo trên lưng nó xác của chiếc La Poderosa II.

Chúng tôi đến Santiago vào một ngày Chủ Nhật và chạy thẳng đến garage Austin. Chúng tôi có giấy giới thiệu của ông chủ nhưng thật ngạc nhiên và đau khổ khi garage đã đóng cửa. Cuối cùng chúng tôi năn nỉ người bảo vệ nhận chiếc xe, và đi bốc xếp trả nợ cho chuyến quá giang.

Làm bốc xếp có những giai đoạn khác nhau: giai đoạn một khá thú vị, gồm cả việc ăn hết hai kí lô nho trong khi vắng mặt ông chủ; giai đoạn hai là bọn họ đến và tiếp theo là công việc nặng nhọc; giai đoạn ba Alberto thấy đồng nghiệp của tên tài xế rất rầu rĩ về sức khỏe của hấn - kết quả là chúng tôi đã thua cá độ khi hấn bốc vác nhiều hơn cả hai đứa chúng tôi và phần của ông chủ cộng lại.

Chúng tôi xoay sở tìm được viên lãnh sự tại cái gọi là văn phòng lãnh sự. Mặt lạnh lùng như đá, hấn chỉ cho phép chúng tôi ngủ ngoài hiên. Sau khi lên lớp chúng tôi một bài tràng giang đại hải về nghĩa vụ công dân, hấn bay lên đến tột đỉnh của lòng quảng đại khi móc túi đưa cho chúng tôi 200 pêsô. Chúng tôi đã thắng thắn từ chối một cách kiêu hãnh. Giá mà hấn gửi cho chúng tôi món tiền đó vào ba tháng sau thì đó sẽ là một chuyện rất khác.

Santiago về một phương diện nào đó cũng cho ta một cảm giác giống như ở Cordoba. Mặc dù cuộc sống hàng ngày hối hả hơn và xe cộ lưu thông dày đặc hơn, nhưng những tòa nhà, đường

phố, thời tiết, và thậm chí gương mặt người dân đã làm cho chúng tôi nhớ đến thành phố Địa Trung Hải của mình. Chúng tôi không thể tìm hiểu nhiều hơn về thành phố này vì chúng tôi phải chịu áp lực của thời gian, chỉ trong vài ngày chúng tôi phải giải quyết xong nhiều việc trước lúc lên tàu.

Lãnh sự Peru từ chối không cấp visa cho chúng tôi nếu như không có giấy chấp thuận từ phía Argentina. Phía Argentina lại cho rằng đi bằng mô tô thì chúng tôi không thể đến Peru được. Cuối cùng chúng tôi phải cầu cứu đến đại sứ quán. Ở đây người ta cũng quên rằng chiếc La Poderosa II đã hoàn thành sứ mệnh của nó nên tỏ ra ít khắt khe hơn. Cuối cùng chúng tôi cũng được cấp visa đi Peru và phải trả 400 pêsô Chilê, một mức giá quá đắt đối với chúng tôi. Trong thời gian đó, có một đội bóng nước tên là Suquia từ Cordoba đang viếng thăm Santiago. Nhiều thành viên của đội bóng là bạn bè của chúng tôi, vì vậy chúng tôi gọi điện cho họ và được mời đi ăn kiểu Chilê. Ngày hôm sau chúng tôi leo lên Santa Lucia, đó là một đồi đá có lịch sử đặc biệt ở trung tâm thành phố. Trong khi chúng tôi đang chụp ảnh thành phố, một đoàn xe chở những thành viên đội bóng Suquia chạy đến, dẫn đầu là một số thành viên trong câu lạc bộ. Một gã thanh niên tội nghiệp cảm thấy bối rối không biết có nên giới thiệu với chúng tôi "những phụ nữ nổi tiếng của xã hội Chilê" hay giả vờ không biết chúng tôi là ai. Nhưng mặc dù vậy, cuối cùng họ cũng vượt qua sự ngại ngùng và giới thiệu các cô với chúng tôi. Tất cả thật là thân thiện, cho dù chúng tôi là những người đến từ thế giới khác biệt với thế giới của họ.

Ngày trọng đại cuối cùng cũng đến và hai hàng nước mắt tuôn rơi trên má của Alberto. Chào vĩnh biệt chiếc La Poderosa để trong một garage bé nhỏ, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình đến Valparaiso. Chiếc xe tải chở hai kẻ lang thang chạy dọc theo con đường núi đồ sộ, một công trình có thể so sánh với những kỳ quan thiên nhiên chưa bị bàn tay con người tàn phá.

"Chạy được khoảng một dặm chúng tôi bắt đầu thấy được ngọn lửa, và sau đó là mùi nhựa cây tùng đang cháy. Bất kể đường sá khó khăn, chúng tôi lao vào đám cháy."

- Alberto Granado, Hành trình cùng Che Guevara

Nụ cười La GioConDa

Chúng tôi bước vào một giai đoạn mới của cuộc hành trình. Trước đây, chúng tôi đã gọi lòng thương hại nơi những người chủ trọ với mấy bộ quần áo lôi thôi lếch thếch cùng với con chiến mã La Poderosa đáng thương thở phì phò. Nhưng về một phương diện nào đó, chúng tôi là những kỵ sĩ của đường xa; chúng tôi là "những nhà quý tộc lang thang".

Người ta gọi chúng tôi bằng những danh hiệu sang trọng gây ấn tượng nhất. Tất cả những điều đó bây giờ không còn nữa. Bây giờ chúng tôi là hai kẻ vai mang ba lô chuyên đi quá giang,

quần áo bám đầy bụi đường làm mờ nhạt hình bóng quý tộc xưa kia.

Người tài xế xe tải thả chúng tôi xuống ngoại ô thành phố. Với đôi chân mệt mỏi, chúng tôi lê ba lô dọc theo đường phố, theo sau là những cái nhìn hiếu kỳ hoặc thờ ơ của dân chúng. Ở phía xa, hải cảng đang lấp lánh ánh sáng đầy sức thu hút của những chiếc tàu. Biển đen thẫm đang mời mọc và vẫy gọi chúng tôi - hương vị của biển mơn man trên da mặt. Chúng tôi mua bánh mì - dường như bánh mì ở đó khá đắt và sẽ rẻ hơn khi chúng tôi đi xa về phía bắc - rồi tiếp tục thả bộ theo con dốc. Alberto đã kiệt sức thấy rõ, và tôi cũng đã thấm mệt mặc dù bên ngoài cố không biểu hiện. Vì vậy khi thấy một chiếc xe tải dừng lại, chúng tôi tấn công ngay bằng gương mặt thảm thương, kể lể về những nỗi nhọc nhằn trên con đường thiên lý từ Santiago. Người chủ xe cho chúng tôi ngủ trên mấy tấm ván gỗ cùng với những kẻ nhờ xe khác, nhưng ít ra chúng tôi cũng có một mái che và một nơi ẩn trú.

Tin tức về chúng tôi đã đến tai một người đồng hương, làm tại một nhà hàng rẻ tiền bên cạnh bãi đậu xe, và anh ta muốn gặp chúng tôi. Gặp gỡ ở Chilê là một biểu hiện của tính hiếu khách và chúng tôi không từ chối ân huệ đó. Người bạn đồng hương đã chứng tỏ là thắm nhuần tính hiếu khách của đất nước Chilê anh em. Từ lúc ăn cá lần trước đến nay đã lâu rồi, rượu vang thì rất ngon, và người chủ thì rất ân cần... Thế là chúng tôi ăn uống nhiệt tình và anh ta mời chúng tôi thăm nhà vào ngày hôm sau.

Quán bar La Gioconda mở cửa sớm và chúng tôi uống trà thảo dược, tán gẫu với ông chủ. Ông ta rất quan tâm đến cuộc hành trình của chúng tôi. Sau đó chúng tôi đi tham quan thành phố. Valparaiso rất đẹp, xây dựng trên bờ biển và nhìn ra vịnh lớn. Thành phố mở rộng lên những ngọn đồi trải dài xuống tận bờ biển. Đường lên đồi được xây dựng thành bậc thang với những căn nhà mái tôn dợn sóng kỳ lạ và màu sắc đa dạng, hoàn toàn tương phản với màu xanh xám xịt của vịnh. Chúng tôi kiên nhẫn đi theo con đường dốc, lần theo những bậc thang dơ bẩn vào những chỗ hẻo lánh tối tăm, nói chuyện với những nhóm người ăn xin. Chúng tôi cũng xuống đến những nơi sâu thẳm đầy khí độc của thành phố. Mũi của chúng tôi sừng lên khi hít thở cái mùi của sự nghèo khổ cùng cực.

Chúng tôi xuống bến tàu để xem có chiếc nào đi đảo Easter không, nhưng sự thật càng làm nản lòng: sáu tháng nữa mới có tàu đến đó. Chúng tôi thu thập được những thông tin mơ hồ về

những chuyến bay, mỗi tháng có một chuyến.

Đảo Easter! Trí tưởng tượng bay bổng với thông tin: "Ở đó, có bạn trai là một vinh dự", "Công việc hả? Hà hà! Phụ nữ làm hết mọi thứ - bạn chỉ ăn, ngủ và làm họ hài lòng". Ở nơi tuyệt vời này thời tiết thật đẹp, phụ nữ thật tuyệt, thức ăn thật ngon, công việc thật thuận lợi. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như chúng tôi ở lại nơi đó một năm? Ai quan tâm đến việc học, công việc, gia đình... Trên cửa sổ quán bar, con tôm to tướng đang nháy mắt với chúng tôi. Cả thân hình của nó trên đĩa rau diếp như muốn nói, "Tôi ở đảo Easter, ở đó thời tiết thật đẹp, phụ nữ thật tuyệt..."

Ở ngưỡng cửa quán La Gioconda, chúng tôi kiên nhẫn chờ người bạn đồng hương xuất hiện, nhưng không có dấu hiệu nào của anh ta. Thay vào đó, chủ quán mời chúng tôi vào tránh nắng và đãi chúng tôi một bữa ăn trưa thịnh soạn với cá chiên và xúp. Trong suốt thời gian ở Valparaiso, chúng tôi không còn được nghe về Argentina nữa, mặc dù vậy, chúng tôi trở nên những người bạn thân thiết của ông chủ bar. Ông ta là một con người kỳ lạ, rất hào phóng với tầng lớp nghèo khổ, nhưng tính giá cắt cổ đối với những khách hàng khác. Chúng tôi đã không phải trả xu nào trong suốt thời gian ở lại Valparaiso. Ông vẫn thường nói: "Lần này tôi trả, lần sau đến lượt các anh.". Và lần nào cũng là lần đầu. Thật ít người tốt bụng như ông ta.

Chúng tôi cố gắng liên lạc với các bác sĩ từ Petrohue, nhưng họ đã trở lại với công việc, không còn thời gian rảnh rỗi nữa và không chịu chính thức gặp chúng tôi. Nhưng ít ra chúng tôi cũng biết họ đang ở đâu. Vào một buổi chiều, chúng tôi đi theo hai hướng - Alberto theo dấu vết của các vị bác sĩ; tôi đến thăm một bà lão bị bệnh suyễn, một khách hàng của quán La Gioconda. Bà lão tội nghiệp sống trong một tình trạng đáng thương, hít thở mùi cay xè của mồ hôi và những bàn chân bẩn đầy cả phòng, trộn với bụi trên hai cái ghế salon, món đồ đáng giá duy nhất trong phòng. Tệ hơn bệnh suyễn, bà còn bị bệnh tim. Khi một người bác sĩ ý thức về sự bất lực của mình, ông ta thường mong mỗi một sự thay đổi: một sự thay đổi để ngăn cản những điều bất công của một hệ thống. Trong hệ thống đó, tháng trước bà lão này vẫn còn kiếm sống bằng nghề phục vụ nhà hàng, mà bây giờ đang khò khè hỗn hển đối diện với số phận của mình. Trong những cảnh ngộ như thế này, những thành viên của những gia đình nghèo, họ không còn là cha, là mẹ, là anh, là chị, mà là một thực thể yếu đuối đang đấu tranh với số phận, là niềm cay đắng đối với những người còn khỏe mạnh trong gia đình. Họ căm ghét bệnh tật như thể đó là một điều sỉ nhục. Trong những giây phút cuối cùng, đối với những người mà

chân trời xa nhất vẫn còn nằm ở ngày mai, họ hiểu được cảnh đời bi thảm của những người bần cùng, vô sản trên thế giới này. Trong những đôi mắt hấp hối đó, có những lời cầu xin được tha thứ và một niềm an ủi tuyệt vọng đã lạc mất trong cõi hư vô, cũng như thân xác họ rồi cũng mất hút trong những điều bí ẩn bao quanh chúng ta. Cảnh đời này, sự phân biệt giai cấp vô lý này sẽ kéo dài đến khi nào, tôi cũng không thể trả lời được. Nhưng đã đến lúc những kẻ thống trị cần phải hạn chế bớt thời gian quảng cáo cho đức hạnh của mình, mà phải bỏ ra nhiều tiền hơn, thật nhiều tiền tài trợ cho những hoạt động phúc lợi xã hội.

Tôi không thể làm gì nhiều cho bà lão đau yếu này. Tôi chỉ khuyên bà nên có chế độ ăn uống hợp lý, cho bà một liều thuốc lợi tiểu và mấy viên thuốc suyễn. Còn vài viên Dramamine tôi cũng cho bà nốt. Tôi ra về, phía sau là những lời cảm ơn rối rít của bà lão và những cái nhìn thờ ơ của gia đình bà.

Alberto cũng đã tìm được chỗ của mấy ông bác sĩ. Chín giờ sáng hôm sau chúng tôi phải có mặt tại bệnh viện. Trong khi đó, trong căn phòng bắn thiu của quán La Gioconda - vừa làm nhà bếp, vừa làm nhà hàng, tiệm giặt, phòng ăn và là chỗ cho chó mèo làm bậy - có một cuộc họp mặt gồm đủ hạng người: ông chủ, với triết lý sống giản đơn; Dona Carolina, một bà điếc đã giúp chúng tôi chùi lại ấm trà như mới; một người đàn ông Mapuche (1) bạc nhược và say xỉn; hai ba người khách hàng bình dân; và Dona Rosita điên khùng, nữ hoàng của các buổi họp mặt. Câu chuyện xoay quanh sự kiện rùng rợn mà Rosita đã chứng kiến. Có vẻ như chỉ có một mình cô ta trông thấy một người đàn ông cầm dao đâm một người hàng xóm.

"Người hàng xóm có la lên không, Rosita?"

"Tất nhiên rồi, ai mà không la! Hấn lộn da sống cô ấy đấy! Chưa hết đâu. Sau đó, hấn mang cô ta ra biển và kéo xác cô ta ra để nước cuốn đi. Trời ơi, nghe cô ta la mà ban ngày tôi vẫn còn sợ đó, mấy ngài ơi! Lẽ ra các người phải tận mắt chứng kiến!"

"Tại sao cô không gọi cảnh sát, Rosita?"

"Để làm gì? Bà không nhớ chuyện người em họ bà bị đánh sao? Tôi đi báo cảnh sát thì họ bảo rằng tôi điên, rằng tôi còn bịa chuyện thì họ sẽ bắt nốt. Không, tôi sẽ không báo cảnh sát

đâu!"

Câu chuyện lại xoay sang "thông điệp của Thượng Đế", một người đàn ông địa phương sử dụng quyền năng Thượng Đế ban tặng để chữa bệnh câm điếc, bại liệt. Hẳn chuyện cái đĩa quyền tiền đến từng người, tiếp theo là những tờ truyền đơn đến trong sự cả tin khờ dại của con người. Nhưng mọi người lại tiếp tục chế nhạo những điều Rosita chứng kiến.

Mấy ông bác sĩ không được thân thiện lắm, nhưng chúng tôi cũng đạt được mục đích của mình: họ giới thiệu chúng tôi với Molinas Luco, thị trưởng của Valparaiso. Chúng tôi lại khẩn gúi đến tòa thị chính. Viên thư ký ngồi tại bàn giấy chẳng lấy gì làm hài lòng với vẻ nhếch nhác và kiệt sức của chúng tôi, nhưng ông ta được lệnh phải cho chúng tôi vào.

Cô thư ký đưa cho chúng tôi một bản copy lá thư phúc đáp, giải thích rằng dự tính của chúng tôi là không khả thi bởi vì chiếc tàu duy nhất đến đảo Easter đã rời bến và trong năm đó không còn một chuyến tàu nào khác. Chúng tôi được hướng dẫn đến văn phòng lộng lẫy của bác sĩ Molinas Luco, ông này đón tiếp chúng tôi thật thân mật. Tuy nhiên chúng tôi có cảm giác là ông ta đang đóng kịch bởi vì mỗi lời nói của ông ta đều hoàn hảo. Ông đặc biệt hứng khởi khi nói về đảo Easter mà ông đã giành giật từ tay người Anh khi chứng minh rằng nó thuộc về Chilê. Ông ta khuyên chúng tôi nên nhớ những biến cố đó và nói sẽ đưa chúng tôi đến đảo Easter vào năm sau. "Có lẽ lúc đó tôi sẽ không còn làm việc ở văn phòng này nữa, nhưng tôi vẫn còn là chủ tịch của Hội những người bạn của đảo Easter", ông nói, ám chỉ thất bại của Gonzalez Videla trong cuộc bầu cử sắp tới. Khi chúng tôi ra về, viên thư ký ngồi ở bàn giấy đột nhiên bảo chúng tôi phải mang con chó về, và chúng tôi kinh ngạc khi ông ta chỉ một con chó con nào đó vừa mới làm một bãi trên tấm thảm phòng khách và đang gặm chân ghế. Có lẽ bị hấp dẫn bởi vẻ lang thang rách rưới của chúng tôi, con chó đã đi theo và người gác cửa nghĩ rằng du thủ du thực như chúng tôi thì chó theo là phải. Thế là con vật tội nghiệp nhận một cú đá vào đít, vừa văng ra ngoài vừa kêu ăng ẳng. Tuy nhiên, thật là một niềm an ủi cho chúng tôi khi biết rằng có một sinh vật sống cần được sự che chở của chúng tôi.

Cho đến lúc này, chúng tôi quyết định sẽ đi tiếp bằng đường biển vì cho rằng như thế thì có thể né tránh được sa mạc ở phía bắc Chilê. Thế là chúng tôi lên bước đến công ty vận tải đường biển xin quá giang đến cảng phía bắc. Thuyền trưởng hứa sẽ cho chúng tôi đi nếu như ban

giám đốc cho phép chúng tôi làm việc trên tàu để đổi lấy chuyến đi miễn phí. Đáp lại sự chờ đợi của chúng tôi là một lời từ chối và chúng tôi thấy mình ngồi ngơ ngác tại cảng. Trong giây phút đó, Alberto đã có một quyết định dũng cảm: chúng tôi sẽ lên tàu và trốn ở một góc nào đó. Chúng tôi phải chờ đêm đến để hành động, cố gắng thuyết phục người thủy thủ trực đêm và chờ đợi những gì sẽ xảy ra. Chúng tôi về thu xếp đồ đạc, rõ ràng là quá nhiều cho một chuyến đi lậu như thế này. Trong sự tiếc nuối lớn lao, chúng tôi từ biệt bạn bè và sau đó băng qua cổng chính vào cảng; quyết tâm không lùi bước, không chừa đường quay lại, chúng tôi quyết tâm cho một cuộc phiêu lưu bằng đường biển - dù không được phép.

Hết tiền và chuyển đi lậu vé tàu...

Chúng tôi vượt qua khu vực hải quan mà không gặp một khó khăn nào và xăm xăm hướng đến mục tiêu. Con tàu mà chúng tôi chọn, chiếc San Antonio, đang ở tâm điểm của những hoạt động náo nhiệt của cảng. Vì tàu nhỏ nên nó không cần phải đậu cặp dọc theo bến cho các cần cầu vươn đến và có một khoảng trống cỡ vài mét giữa tàu và bến.

Chúng tôi không còn một lựa chọn nào khác ngoài việc chờ đến lúc cho tàu vào gần hơn. Vì thế chúng tôi ngồi trên bao hành lý và chờ đợi phút giây thuận tiện. Khi đổi ca trực vào lúc nửa đêm, chiếc tàu cặp dọc theo bến, nhưng tên trưởng cảng, một gã bặm trợn mặt mày lộ lố tất cả những nét thô tục, đang đứng trên cầu tàu kiểm tra công nhân đến và đi.

Tài xế xe cần cầu bảo chúng tôi nên chờ đến giờ phút thuận tiện hơn bởi vì tên trưởng cảng là một gã đê tiện, hèn hạ. Thế là chúng tôi tìm hơi ấm trong chiếc xe cần cầu, một công cụ cổ lỗ chạy bằng hơi nước, và chờ đợi suốt đêm. Đến khi mặt trời lên, chúng tôi vẫn còn ngồi chờ đợi trên bến với bao hành lý. Khi hy vọng của chúng tôi gần tiêu tan thì viên đại úy đến với chiếc cầu tàu mới sửa chữa. Và với chiếc cầu tàu mới này, chiếc San Antonio bây giờ có thể tiếp xúc trực tiếp với đất liền. Được sự chỉ vẽ chu đáo của người tài xế, chúng tôi chuồn lên tàu dễ dàng, và chui ngay vào trong một phòng vệ sinh của nhân viên ở cuối mạn tàu. Và từ đó, chúng tôi phải nói bằng giọng mũi cả chục lần "Xin lỗi, không vào được" hoặc "Đang có người" mỗi khi có ai cố mở cửa.

Mười hai giờ đêm đến nhanh và chiếc tàu nhỏ neo. Nhưng niềm vui của chúng tôi tan biến thật nhanh bởi cái toilet: bị đóng kín cửa trong một thời gian dài, giờ đây nó bốc lên một mùi hôi thối không chịu nổi và nóng kinh khủng. Đến 1 giờ trưa, Alberto không chịu nổi đã nôn hết mọi thứ trong bao tử ra. Cho tới 5 giờ chiều, đói quá và thấy tàu đã đi xa bờ, chúng tôi đành phải đến trình diện viên thuyền trưởng để khai báo mình là kẻ đi lậu tàu. Thuyền trưởng ngạc nhiên khi gặp lại chúng tôi trong cảnh ngộ hy hữu như thế này, nhưng để giấu sự ngạc nhiên trước mặt những nhân viên khác, ông ta nháy mắt và nói giọng oang oang như sấm: "Hai anh có nghĩ đến hậu quả của việc đi lậu như thế này không?".

Sự thật là chúng tôi chẳng nghĩ đến một điều gì cả.

Thuyền trưởng gọi nhân viên phục vụ, ra lệnh cho anh ta giao việc cho chúng tôi và cho

chúng tôi ăn uống. Chúng tôi ăn ngẫu nhiên khẩu phần của mình, nhưng khi biết rằng tôi phải lau toilet thì thức ăn nghen lại ở cổ họng. Alberto thì gọt vỏ khoai tây. Tôi đi xuống dưới mà rửa thầm trong bụng, trong khi phía sau là cái nhìn đặc chí của Alberto. Thú thật, tôi muốn quên tất cả những lời hoa mỹ về tình bạn và yêu cầu đổi việc. Thật là chẳng công bằng chút nào. Alberto bày ra trong bếp thêm một ít rác nữa và tôi phải dọn cho sạch.

Sau khi chúng tôi đã hoàn thành công việc, thuyền trưởng cho gọi chúng tôi. Ông ta nhắc nhở rằng chúng tôi không được hé miệng về việc đã gặp ông ta trước đó và ông ta không bảo đảm chuyện gì sẽ xảy ra khi tàu đến Antofagasta. Ông ta cho phép chúng tôi ngủ trong cabin của một viên sĩ quan đã thôi việc, và đêm hôm đó mời chúng tôi chơi bài canasta và uống vài ly. Sau khi thức dậy, chúng tôi thấy hài lòng với câu ngạn ngữ "chối mới quét sạch hơn". Chúng tôi lao vào công việc với tất cả sự cần mẫn và siêng năng để xứng đáng với giá của chuyến đi. Nhưng cho đến giữa trưa chúng tôi mới biết rằng mình đã làm việc quá sức, và cho đến chiều chúng tôi biết rằng mình là một cặp ngoan nhất trong số những kẻ lang thang. Chúng tôi nghĩ mình sẽ được một giấc ngủ ngon, chuẩn bị cho công việc sáng ngày hôm sau, không cần nghĩ đến việc phải giặt giũ quần áo bám đầy bụi bẩn. Nhưng thuyền trưởng lại rủ chúng tôi chơi bài và thế là đã giết chết mọi dự tính tốt đẹp của chúng tôi.

Người phục vụ chẳng lấy gì làm thân thiện phải mất khoảng một giờ mới đánh thức được chúng tôi dậy để tiếp tục làm việc. Công việc của tôi là lau sàn tàu bằng dầu lửa, một công việc mà tôi làm cả ngày vẫn chưa xong. Alberto quay trở lại nhà bếp ăn uống no nê.

Vào ban đêm, sau khi kiệt sức với những ván bài canasta, chúng tôi nhìn ra biển cả mênh mông đầy những đốm sáng màu trắng và những ánh phản chiếu màu xanh lục. Hai đứa chúng tôi dựa vào nhau bên lan can, mỗi đứa mơ về một phương trời xa xăm của riêng mình. Ở phương trời đó chúng tôi nhận ra rằng nghề nghiệp thực sự của chúng tôi là đi trên những con đường dài vô tận và trên những đại dương mênh mông của thế giới. Lúc nào cũng hồn nhiên, bỡ ngỡ nhìn mọi thứ đến trước mắt, tận hưởng hương vị của từng góc trời, nhưng không bám rề hoặc lưu lại trong một thời gian dài ở bất cứ vùng đất nào để thấy rõ bản chất của sự vật; những dáng vẻ bên ngoài với những giới hạn của nó cũng quá đủ. Sóng biển dạt dào như truyền cảm hứng cho những giấc mơ bay bổng của chúng tôi. Xa xa về hướng đông bắc, đã thấy những ngọn đèn của Antofagasta bắt đầu chiếu sáng. Đó là chặng cuối của chuyến đi lậu, hay ít ra đó là điểm kết thúc chuyến phiêu lưu trên con tàu này, bởi vì con tàu sẽ quay về Valparaiso.

"Một con người, qua cái chết của mình, đã làm sinh sôi biết bao sự sống khác - Một con người trở thành bất tử vì chính những kẻ không bao giờ muốn anh sống."

- **First News**

Những kẻ khốn cùng...

Bây giờ tôi có thể hình dung rõ viên thuyền trưởng đã say, cũng như tất cả sĩ quan của ông ta và người chủ tàu với hàm râu mép to lớn, những cử chỉ thô lỗ do hậu quả của uống rượu quá nhiều. Họ cười phá lên khi bình phẩm về cuộc phiêu lưu của chúng tôi. "Nghe này! Tội nó là thứ dữ đó! Chắc chắn bây giờ lên tàu tội nó không để yên đâu, rồi tội nó sẽ hành động khi tàu ra xa đất liền." Ất hẳn là thuyền trưởng đã để ngoài tai những lời lẽ bình phẩm như thế.

Tất nhiên là lúc ấy chúng tôi đã không biết gì về điều này. Một giờ trước khi tàu nhổ neo trở về Valparaiso, chúng tôi còn nằm thoải mái giữa hàng tấn dừa hấu vây bọc chung quanh. Chúng tôi nói về những thủy thủ tốt bụng, vì nhờ có sự trợ giúp của một người trong số họ mà chúng tôi có thể lên tàu và ẩn nấp trong một nơi an toàn. Rồi sau đó chúng tôi nghe giọng nói của ai đó trong cơn giận dữ, và một hàm râu mép to tướng xuất hiện làm chúng tôi bối rối và kinh hoàng. Vỏ dừa hấu trôi lênh bênh trên đại dương yên tĩnh, phần dừa hấu ăn dở còn lại trên tàu thật đáng xấu hổ, tất cả đã tố cáo sự hiện diện của chúng tôi. Sau đó người thủy thủ nói với chúng tôi, "Tao đã lừa được ông đi chỗ khác, nhưng ông lại thấy vỏ dừa hấu trôi dưới biển và hình như ông muốn ra lệnh "Đừng để dừa nào trốn thoát". Lẽ ra hai dừa tội bay không nên ăn nhiều dừa hấu như thế".

Một trong những người bạn đồng hành với chúng tôi trên tàu San Antonio đã tóm gọn triết lý sống của hẳn trong một câu: "Đừng suy tư vớ vẩn, hỏi han lung tung nữa! Ra khỏi cái chỗ thối tha này và trở về cái quê hương chết tiệt của tụi bay đi." Thế là chúng tôi không xin xỏ gì nữa, thu dọn đồ đạc, vai mang túi hành trang và im lặng lên đường đến Chuquicamata, một mỏ đồng nổi tiếng.

Nhưng chúng tôi không được đi thẳng một mạch đến đó ngay. Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của ban giám đốc khu mỏ, chúng tôi phải ở nán lại một ngày và được các thủy thủ nhiệt tình đưa tiễn.

Nằm bên dưới cái bóng khẳng khiu của hai cây cột đèn trên con đường căn cỗi dẫn đến khu mỏ, thỉnh thoảng chúng tôi lại hướng sang nhau chửi đổng và cãi nhau vô cớ cho đến khi từ phía chân trời hiện ra bóng dáng của một chiếc xe tải nhỏ. Nó chở chúng tôi suốt nửa quãng đường đến một thị trấn có tên là Baquedano.

Tại đó chúng tôi làm quen với hai vợ chồng công nhân, đảng viên Đảng cộng sản⁽¹⁾ Chilê. Bên ánh sáng của ngọn nến, uống trà thảo dược và ăn bánh mì phô mai, hình hài héo hắt của người đàn ông mang một vẻ huyền bí và bi đát. Bằng thứ ngôn ngữ đơn giản và truyền cảm, ông kể về chuyện ba tháng ở tù, về người vợ đói khát đang đứng bên cạnh với lòng thủy chung vô hạn, về những đứa con phải gửi cho người hàng xóm tốt bụng chăm sóc, về những cuộc hành trình gian khổ tìm việc và tìm đồng đội, những người đã biến mất một cách bí ẩn mà người ta cho rằng đang nằm đâu đó dưới đáy đại dương.

Hai vợ chồng, tê cóng vì lạnh, rúc vào nhau trong đêm sa mạc. Họ đại diện cho cuộc sống của những người nghèo trên thế giới. Họ không có lấy một tấm chăn, vì thế chúng tôi cho họ một cái, còn tôi và Alberto đắp chung một cái. Đó là một trong những đêm lạnh nhất đời tôi, nhưng cũng là một đêm lòng tôi thấm đượm tình anh em với những kẻ xa lạ, mà ít ra đối với tôi, họ thật sự là những con người.

Tám giờ sáng hôm sau chúng tôi đón xe tải đến thị trấn Chuquicamata. Chúng tôi chia tay với hai vợ chồng công nhân. Họ đi về khu mỏ lưu huỳnh ở trong núi. Nơi đây khí hậu vô cùng khắc nghiệt và điều kiện sống vô cùng tồi tệ đến nỗi người ta không cần đến giấy phép lao

động và cũng chẳng ai thêm hỏi bạn thuộc phe phái chính trị nào. Điều quan trọng là những giọt mồ hôi công sức mà những người lao động này đổ ra làm tàn lụi sức khỏe của họ để đổi lấy vài mẩu bánh mì khô đắp đổi qua ngày.

Mặc dù hình bóng mờ nhạt của cặp vợ chồng gần như mất hút ở phía xa, chúng tôi vẫn còn nhìn thấy gương mặt cương nghị của người đàn ông và nhớ lời mời thẳng thắn của ông: "Nào cùng dùng bữa, các đồng chí. Tôi cũng là một kẻ lang thang" với giọng đầy chia sẻ trước vẻ cũng lang thang mà ông nhận thấy ở cuộc hành trình phiêu bạt của chúng tôi.

Thật đáng thương khi con người bị ức chế, dồn nén như thế. Bỏ qua tất cả những lời lên án "bọn cộng sản sâu mọt" là mối hiểm nguy đối với cuộc sống đời thường, thì chủ nghĩa cộng sản trong lòng họ chẳng gì khác hơn là một niềm mong mỗi một cái gì đó tốt đẹp hơn, một sự phản kháng đối với cái đói triền miên chuyển thành tình yêu đối với một học thuyết kỳ lạ, mà tinh hoa của nó họ vẫn chưa nắm bắt được. Chủ nghĩa cộng sản đối với người công nhân này đơn giản là "bánh mì cho người nghèo khổ", và quan trọng hơn, nó cho ông một niềm hy vọng để sống, để tin vào.

Khi chúng tôi có mặt ở đó, bọn quản lý tóc vàng, trông rất phũ phê và ngạo mạn, nói với chúng tôi bằng giọng thổ ngữ Tây Ban Nha: "Đây không phải là thị trấn du lịch. Tôi sẽ cho một người hướng dẫn các anh tham quan một vòng quanh khu mỏ rồi làm ơ n xéo đi nơi khác, chúng ta đây còn nhiều việc phải làm". Một cuộc đình công sắp xảy ra. Tuy nhiên, tay hướng dẫn viên, một con chó trung thành của mấy tên chủ Yankee(1), bảo chúng tôi: "Mấy thằng Gringo ngu xuẩn, keo kiệt không muốn trả thêm cho công nhân nghèo vài đồng bạc lại chịu tốn cả ngàn pêsô mỗi ngày cho một cuộc đình công. Khi tướng Ibanez của chúng tôi lên nắm quyền thì tất cả sẽ kết thúc" (2). Và một nhà thơ làm đốc công nói với chúng tôi: "Có nhiều thêm đất chứa quặng đồng. Nhiều người như các anh thường hỏi tôi những vấn đề kỹ thuật, nhưng rất ít người hỏi những mỏ đồng như thế này đã cướp đi bao nhiêu sinh mạng. Tôi không thể trả lời các anh, thưa bác sĩ, nhưng cảm ơn vì đã hỏi".

Lạnh lùng và phần nộ, căm thù và cam chịu để sống đi đôi với nhau trong khu mỏ rộng lớn này... Rồi một ngày, những người phu mỏ sẽ cầm cuốc lên trong niềm hân hoan, lao động đến hơi thở cuối cùng. Họ nói chủ nghĩa cộng sản là như thế đó, rằng ngọn lửa đỏ ngày nay sẽ bùng

cháy chiều khắp thế giới. Họ nói như thế, nhưng tôi cũng không biết nữa.

"Dưới ánh sáng của một mẩu nến và mặt trăng vừa mới nhô lên khỏi những ngọn đồi, Ernesto đang pha trà thảo dược trong khi người vợ và người chồng run rẩy vì lạnh, bởi vì nhiệt độ giảm đột ngột, mà họ chỉ có một manh áo rách, nhưng với lòng tin và sự chính xác đáng khâm phục, người chồng đã xảy đến cho ông và đồng đội, nhiều người đã bị mưu sát hoặc nhận chìm xuống đáy đại dương."

- Alberto Granado, Hành trình cùng Che Guevara

Vùng mỏ CHUQUICAMATA

Chuquicamata giống như một cảnh trong vở kịch hiện đại. Bạn không thể nói nó thiếu vẻ đẹp, nhưng nó là một vẻ đẹp lạnh giá thiếu sự duyên dáng, hùng vĩ. Khi bạn đến gần bất cứ khu vực nào của vùng mỏ, toàn bộ khung cảnh dường như tập trung lại, tạo một cảm giác ngột thở khắp miền đồng bằng.

Xa hơn 200 km, màu xanh nhạt của thị trấn nhỏ Calama làm gián đoạn màu xám đơn điệu của khu mỏ và được chào đón với một niềm hân hoan mà một ốc đảo trong sa mạc xứng đáng nhận được. Đài khí tượng tại Moctezuma, gần "Chuqui" mô tả đây là vùng khô cằn nhất trên thế giới.

Những ngọn núi, nơi cỏ không mọc nổi trên đất nitrate, đã phải gánh chịu sự tàn phá của gió và nước. Sườn núi đá xám nhẵn nhúm, trơ gan cùng mưa nắng. Và có biết bao ngọn núi như thế nằm vây quanh vùng đất mà trong lòng của nó, những con người nghèo khổ, những vị anh hùng vô danh của trận chiến đấu này, đã phải bỏ mạng một cách đáng thương trong muôn ngàn hiểm nguy mà thiên nhiên đã giăng ra để bảo vệ tài nguyên của nó. Vậy mà tất cả những gì họ mong muốn chỉ là kiếm được những mẩu bánh mì cho mỗi bữa ăn.

Chuquicamata là một núi đồng to lớn với những lớp quặng cao 20 mét lấn sâu vào những sườn núi rộng, từ đây quặng mỏ được vận chuyển dễ dàng bằng đường ray, cho phép khai thác trên một quy mô lớn. Mỗi buổi sáng người ta cho nổ mìn và những cần cẩu khổng lồ bắt đầu đổ đầy quặng vào những xe goòng để chuyển đến những máy nghiền. Việc nghiền quặng được thực hiện qua ba công đoạn liên tục, biến quặng thô thành một dạng giống như sỏi mịn vừa. Sau đó người ta trộn quặng vào dung dịch acid sulphuric để chiết xuất đồng dưới dạng sulphate, hình thành nên clorua đồng, khi tiếp xúc với sắt già sẽ thành clorua sắt. Sau đó hợp chất sẽ được dẫn đến chỗ gọi là "nhà kính", tại đây dung dịch sulphate đồng được đổ vào những cái bể khổng lồ và được điện phân bởi một dòng điện 30 volt trong suốt một tuần: hạt đồng bám vào những tấm đồng mỏng đã được bố trí trước trong những cái bể với dung dịch đậm đặc hơn. Sau năm hoặc sáu ngày, những tấm này được đem đến lò nung kim loại. Sau 12 ngày nấu chảy dưới nhiệt độ 2.000oC, sẽ tạo ra những thỏi đồng nặng 350 cân Anh. Mỗi đêm có đoàn tàu 45 xe goòng, mỗi xe chở 20 tấn đồng, chạy xuống Antofagasta. Đó là kết quả của một ngày lao động.

Đây chỉ là tóm tắt đơn giản của quá trình sản xuất. Việc sản xuất này đã phải thuê mướn 3.000 nhân công tại Chuquicamata. Nhưng quá trình này chỉ chiết xuất quặng ôxit. Công ty khai thác mỏ Chilê đang xây dựng một nhà máy khác để khai thác quặng sulphate. Đây là nhà máy khai thác quặng sulphate lớn nhất thế giới, với hai ống khói cao 96 mét và sẽ hầu như sử dụng hết tất cả sản lượng quặng sulphate trong tương lai. Trong khi đó nhà máy cũ sẽ dần dần ngưng hoạt động vì quặng ôxit đang cạn kiệt. Đã có một kho dự trữ khổng lồ nguyên liệu thô cho các lò nung mới và nó sẽ được chế biến vào năm 1954 khi nhà máy bắt đầu hoạt động.

Chilê sản xuất 20% lượng đồng của thế giới, và trong những thời kỳ bất ổn, đồng trở nên cực kỳ quan trọng bởi vì nó là chất liệu chủ yếu để chế tạo vũ khí. Vì vậy những cuộc chiến về kinh tế và chính trị luôn xảy ra ở Chilê, giữa những người theo chủ nghĩa dân tộc và những nhóm tả khuynh; giữa những người muốn quốc hữu hóa các hầm mỏ và những người muốn để tư nhân hay người nước ngoài khai thác hiệu quả hơn nhà nước. Quốc hội đã lên án kịch liệt những công ty hiện đang khai thác vùng mỏ, làm kích động phản ứng của những người theo dân tộc chủ nghĩa quanh việc sản xuất đồng.

Dù kết quả của cuộc xung đột như thế nào, người ta vẫn không nên quên hàng ngàn thợ mỏ đã bị vùi chôn trong những vụ sụp hầm hoặc bỏ mạng trong cái không khí ngột ngạt silica và cái khí hậu như địa ngục của vùng núi.

"...Những con người nghèo khổ, những vị anh hùng vô danh của trận chiến đấu này, đã phải bỏ mạng một cách đáng thương trong muôn ngàn hiểm nguy mà thiên nhiên đã giăng ra để bảo vệ tài nguyên của nó. Vậy mà tất cả những gì họ mong muốn chỉ là kiếm được những mẩu bánh mì cho mỗi bữa ăn."

- Ernesto Che Guevara, Nhật ký hành trình, 1952.

Vượt sa mạc khô cằn

Vì chúng tôi đã mất chai đựng nước nên việc đi bộ ngang qua sa mạc trở nên tệ hại hơn nhiều. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cứ ra đi không một chút sợ hãi, bỏ lại phía sau dãy hàng rào làm cột mốc của thị trấn Chuquicamata. Trong vài cây số đầu, trong tầm nhìn của cư dân thị trấn, chúng tôi đi với bước chân của những vận động viên thể thao.

Nhưng sau đó, dãy Andes trở trụi mênh mông, mặt trời như thiêu như đốt, chiếu những tia nắng khắc nghiệt lên đầu lên cổ và lên cả hai cái balô nặng trĩu đã kéo chúng tôi trở về thực tại. Chúng tôi không dám chắc rằng cuộc bộ vượt sa mạc có phải là một hành động anh hùng hay không, nhưng đã bắt đầu ngờ rằng đó là một quyết định ngu ngốc.

Sau hai giờ đi bộ được khoảng 10 km, chúng tôi quyết định nghỉ dưới cái bóng của một tấm bảng hiệu chẳng biết có ý nghĩa gì, nhưng đó là bóng mát duy nhất giúp chúng tôi tránh được phần nào những tia nắng gay gắt. Chúng tôi ở đó cả ngày, dõi mắt tìm xem có chỗ nào có bóng

mát hay không.

Vào xế chiều, phần nước dự trữ đã hết sạch, và trong cơn khát cháy khô cổ họng, chúng tôi quay ngược trở lại đồn canh ở hàng cột mốc ranh giới của thị trấn, gục đầu thảm bại trước sa mạc mênh mông rực nắng.

Chúng tôi tìm kiếm một nơi ẩn trú trong một căn phòng nhỏ nơi mà ánh lửa có thể duy trì hơi ấm, bắt chập giá lạnh bên ngoài và nghỉ đêm ở đó. Người gác đêm với lòng trắc ẩn kiểu Chilê đã chia sẻ cho chúng tôi phần ăn của ông, một phần ăn đạm bạc nhưng giàu lòng nhân ái, nhất là sau một ngày nhịn đói.

Sáng sớm hôm sau, một chiếc xe tải của công ty thuốc lá chạy ngang qua và chở chúng tôi đến gần nơi muốn đến; nhưng trong khi tiếp tục thẳng hướng đến cảng Tocopilla, chúng tôi lại nghĩ đến việc chuyển sang Ilave về phía bắc, vì vậy chiếc xe tải thả chúng tôi xuống ở ngã tư. Với tất cả nhiệt tình, chúng tôi bắt đầu đi bộ về phía căn nhà mà chúng tôi được cho biết là cách giao lộ khoảng 8 km, nhưng đi được nửa đường thì chúng tôi cảm thấy mệt và quyết định ngủ một chút. Chúng tôi treo tấm chăn giữa cây cột điện tín và một cột mốc rồi chui vào bên dưới - tắm phần thân trên theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ(1) và tắm nắng hai bàn chân.

Hai ba giờ sau, khi mỗi người chúng tôi uống hết khoảng ba lít nước, một chiếc xe Ford nhỏ chạy ngang qua. Trên xe là ba công dân cao quý. Tất cả đều say mèm, luôn miệng hát vang những bài cuecas(1). Họ là những công nhân đang đình công của khu mỏ Magdalena, ăn mừng hơi sớm thắng lợi chính nghĩa của mình. Những công nhân này chở chúng tôi đến nhà ga địa phương. Tại đây chúng tôi gặp một nhóm người lao động đang luyện tập đá bóng chuẩn bị thi đấu. Alberto lôi đôi giày thể thao ra khỏi balô và bắt đầu biểu diễn. Kết quả thật là ngoạn mục. Chúng tôi được mời tham gia đội bóng đá vào Chủ Nhật tới để đổi lấy thức ăn, chỗ trọ và được đi miễn phí đến Iquique.

Hai ngày sau là Chủ Nhật, đánh dấu bằng một chiến thắng huy hoàng của đội bóng chúng tôi và một bữa tiệc ngoài trời với thịt dê do Alberto nấu nướng, làm mọi người kinh ngạc với phong cách ẩm thực Argentina. Chúng tôi đã dành cả hai ngày đó để đến thăm những nhà máy tinh chế nitrat của khu vực.

Các công ty khai thác mỏ đã chẳng gặp khó khăn gì khi khai thác quặng mỏ ở miền đất này của thế giới. Đơn giản chỉ việc cào lớp bề mặt có chứa quặng và vận chuyển đến những bể chứa khổng lồ, tại đây quặng được xử lý qua một quá trình không phức tạp lắm để chiết xuất nitrate, nitrate potassium và bùn. Tất nhiên người Đức được quyền khai thác trước tiên, nhưng rồi nhà máy của họ đã bị quốc hữu hóa và bây giờ phần lớn các nhà máy do người Anh làm chủ. Công nhân của hai mỏ lớn nhất, vì vấn đề sản xuất và lực lượng lao động, lúc này, đang tiến hành đình công. Vì vậy chúng tôi không đến thăm hai mỏ này, mà thăm La Victoria, một nhà máy khá lớn. Tại cổng nhà máy có một bảng đồng đánh dấu nơi Hector Supicci Sedes, tay đua xuất sắc người Uruguay tử nạn sau khi bị một xe đua khác tông ngay tại chỗ tiếp nhiên liệu.

Một chiếc xe tải đã chở chúng tôi đi khắp vùng. Cuộn mình ấm áp trong đồng rơm trên xe không mui, cuối cùng chúng tôi cũng đến được Iquique. Mặt trời đang mọc phía sau in bóng chúng tôi trên mặt nước xanh thẳm của biển cả lúc bình minh. Cảnh vật có vẻ như một cảnh trong truyện Ngàn lẻ một đêm. Như một tấm thảm bay sát mặt đất xuất hiện, chiếc xe tải lượn qua lượn lại trên những con đường dốc phía trên cảng, và khi đổ dốc, chúng tôi thấy cả một thành phố bừng tỉnh như chào đón chúng tôi.

Ở Iquique không có lấy một con thuyền nhỏ, vì vậy ở lại cảng cũng chẳng ích gì và chúng tôi quyết định quá giang chiếc xe tải đầu tiên đến Arica.

Chặng đường từ Iquique đến Arica là những cây số trập trùng, hết lên dốc rồi lại xuống đồi. Chúng tôi được chở đi từ miền cao nguyên khô cằn đến những thung lũng chỉ có vài dòng nước nhỏ chảy qua, chỉ vừa đủ cung cấp cho một vài bụi cây nhỏ bé cần cỗi ven đường.

Những vùng đồng cỏ quanh hiu này bốc lên hơi nóng ngọt ngào vào ban ngày, mặc dù cũng như những vùng khí hậu sa mạc khác, thời tiết cũng tương đối mát mẻ vào ban đêm. Ý nghĩ Valdivia và đoàn quân nhỏ bé của ông đã đi qua con đường này, mỗi ngày vượt 50 hoặc 60 cây số mà không tìm được một giọt nước hay ngay cả vài bụi cây để trú ẩn tránh những giờ nóng gay gắt nhất, đã cho tôi một ấn tượng rất mạnh.

Cuộc hành trình khủng khiếp này đã đưa chiến công của Valdivia trở thành một trong những chiến công hiển hách nhất của quá trình xâm chiếm thuộc địa của người Tây Ban Nha trong suốt lịch sử châu Mỹ, bởi vì có những nhà thám hiểm may mắn đã tìm thấy những vương quốc giàu có vào cuối những cuộc chiến chinh mạo hiểm, biến mồ hôi và xương máu của họ trong công cuộc chinh phục thuộc địa thành vàng.

Kỳ tích của Valdivia tượng trưng cho khát khao không mệt mỏi trong việc chinh phục vùng đất mà ông có thể thực thi đầy đủ quyền lực của mình. Câu nói của Caesar, thà làm người có quyền hành nhất trong ngôi làng Alpine bé nhỏ còn hơn làm kẻ đứng thứ nhì tại Rome, được lặp đi lặp lại ít hoa mỹ hơn nhưng không kém phần hiệu quả trong suốt cuộc trường chinh chinh phục Chilê. Nếu ông có đối diện với cái chết trong tay những người Arauca Caupolica bất khả chiến bại, thì ông cũng không trở nên điên cuồng như một con thú bị săn đuổi, mà Valdivia sẽ cảm thấy rằng cái chết là hoàn toàn công bằng. Ông thuộc về một loại người đặc biệt, một loại người luôn có những khát khao về quyền lực vô hạn. Nỗi khát khao đó mãnh liệt đến nỗi ông xem bất cứ sự hy sinh gian khổ nào để đạt được nó đều là sự hiển nhiên mà thôi. Và đúng là ông đã trở thành kẻ thống trị có quyền lực tuyệt đối của một đất nước đã bị chinh phục.

Arica là một bến cảng bé nhỏ, hiền hòa, và những dấu ấn của người Peru - chủ cũ của nó - vẫn chưa bị mất đi. Nó như vùng đất giao thoa của hai nền văn hóa khác biệt, cho dù đó là hai quốc gia có những điểm tương đồng về địa lý và nguồn gốc tổ tiên. Mũi đất, niềm tự hào của cả thị trấn, nhô lên 100 mét thành một vách đá dốc đứng hùng vĩ. Những cây cọ, cái nóng, trái cây xứ

cận nhiệt đới bán ngoài chợ, tất cả tạo thành diện mạo đặc trưng của một thị trấn miền Caribe, hoàn toàn khác biệt với vùng đất phương nam.

Một bác sĩ, với vẻ khinh miệt của những người trưởng giả đối với hai kẻ lang thang như chúng tôi, đã cho phép chúng tôi ngủ trong bệnh viện của thị trấn. Sáng sớm hôm sau chúng tôi rời khỏi nơi thiếu thốn cảm này và hướng thẳng đến biên giới Peru. Nhưng trước hết chúng tôi muốn nói lời từ biệt với Thái Bình Dương bằng lần tắm biển cuối cùng. Và điều này đã đánh thức khát khao còn ngủ im trong tâm trí Alberto: được ăn đồ biển. Chúng tôi bắt đầu nhẩn nại tìm kiếm những con trai, những con sò nhỏ và những món khác dọc theo bờ biển có những vách núi đá. Chúng tôi ăn sống những món hải sản kiếm được, và cảm nhận hương vị mới mẻ của thức ăn tươi sống. Cho dù những món đó có dính đầy nhớt thì cũng không làm chúng tôi chán hoặc làm làm vơi đi cơn đói cũng như sự khao khát của Alberto. Không có muối chấm, không có gì làm gia vị, việc ăn sống nhưng món đồ biển đó bớt đi rất nhiều thi vị, nhưng quả thật lúc ấy không gì có thể làm hai kẻ lãng tử chúng tôi vui hơn được.

Chúng tôi khởi hành vào thời điểm như mọi khi, sau khi ăn sáng tại đồn cảnh sát và đánh dấu lộ trình dọc theo bờ biển cho tới biên giới. Một chiếc xe tải cho chúng tôi quá giang và chúng tôi đã đến biên giới an toàn. Chúng tôi gặp viên sĩ quan hải quan, người đã từng làm việc tại biên giới Argentina. Biết chúng tôi thích trà thảo dược, nên anh cho chúng tôi nước nóng, trà, bánh kẹp, và tuyệt hơn hết là anh đã tìm cho chúng tôi một chuyến xe đến Tacna. Người cảnh sát trưởng niềm nở chào đón chúng tôi tại biên giới với vài lời tán dương hơi quá mức về những người Argentina tại Peru. Và với một cái bắt tay, chúng tôi giã từ vùng đất Chilê hiếu khách.

Cảm xúc Chile

Khi ghi lại những trang nhật ký hành trình nóng bỏng và đầy trải nghiệm thực tế này với tất cả nhiệt tình, tôi đã viết về một điều gì đó có lẽ không có khuôn khổ và có lúc hơi xa vời đối với tinh thần khoa học. Có lẽ bây giờ không phải là thời điểm thích hợp để tôi đưa ra một số nhận xét về Chile. Nhưng tôi muốn hơn một năm sau tôi sẽ xem lại những gì tôi đã viết.

Bắt đầu bằng lãnh vực chuyên môn của chúng tôi là y khoa. Chúng tôi nhận thấy tình trạng y tế tại Chile còn rất nhiều thứ cần phải chấn chỉnh (mặc dù những trải nghiệm sau này cho tôi biết nơi đây còn tốt hơn nhiều so với những quốc gia khác). Bệnh viện công cộng và miễn phí là cực kỳ hiếm và thậm chí tại những bệnh viện này luôn xuất hiện những tờ áp phích như: "Đừng phàn nàn về việc điều trị tại đây nếu bạn không đóng góp gì cho bệnh viện!".

Trên lý thuyết thì việc chăm sóc y tế ở miền Bắc là miễn phí nhưng thật ra bệnh nhân phải

trả tiền khi sử dụng dịch vụ ăn ở tại bệnh viện. Và những chi phí này có nhiều mức, từ một món tiền rất nhỏ cho đến những món tiền khổng lồ - một hình thức ăn cướp hợp pháp. Công nhân bị bệnh hoặc bị thương ở khu mỏ Chuquicamata được chăm sóc và điều trị tại bệnh viện với chi phí 5 escudo Chilê một ngày, nhưng những ai không làm việc tại khu mỏ phải trả khoảng 300 tới 500 escudo một ngày. Bệnh viện không có tiền nên thiếu thuốc men và thiếu thốn về cơ sở vật chất. Chúng tôi đã nhìn thấy những phòng mổ bẩn thỉu, tối tăm và không đủ ánh sáng, không phải ở những thị trấn nhỏ mà ngay cả ở Valparaiso. Không có đủ dụng cụ giải phẫu. Phòng tắm thì dơ bẩn. Ý thức vệ sinh còn kém. Tập quán của người Chilê (về sau tôi mới biết tập quán này có tại tất cả các quốc gia Nam Mỹ) là không ném giấy vệ sinh trong bồn toilet mà vứt trên nền nhà hoặc bỏ vào một cái thùng bên cạnh.

Mức sống ở Chilê thấp hơn so với Argentina. Lương nhân công tại miền Nam rất thấp, tình trạng thất nghiệp cao và công nhân hầu như không nhận được sự bảo vệ đáng kể nào từ chính quyền (mặc dù nơi đây còn tốt đẹp hơn so với miền Bắc). Điều này đã tạo nên những làn sóng người Chilê di cư đến Argentina để tìm kiếm một "miền đất hứa", mà theo những lời truyền chính trị xảo quyệt, vùng đất ấy kéo dài tới tận phía tây dãy Andes. Ở miền Bắc, công nhân làm việc tại mỏ đồng, nitrate, vàng và lưu huỳnh được trả lương khá hơn, nhưng đời sống đắt đỏ hơn nhiều. Nhìn chung, họ thiếu những vật dụng sinh hoạt thiết yếu, lại thêm khí hậu miền núi vô cùng khắc nghiệt. Điều này làm tôi nhớ đến cái nhún vai đầy ý nghĩa của người quản lý ở Chuquicamata khi trả lời câu hỏi của tôi về vấn đề tiền bồi thường cho hơn 10.000 công nhân được chôn cất tại nghĩa trang địa phương.

Bối cảnh chính trị thật là hỗn loạn (1). Có bốn ứng cử viên tổng thống, trong đó Carlos Ibanez là người rất có khả năng thắng cử. Ông vốn là một sĩ quan có xu hướng độc tài và tham vọng tương tự như Peron, và ông đã hô hào nhân dân với tất cả nhiệt tình của một lãnh tụ. Quyền lực chính của ông là Đảng Xã hội Nhân dân, được hậu thuẫn bởi những phe phái chính trị liên kết. Nhân vật thứ hai theo tôi biết là Pedro Enrique Alfonso, ứng cử viên chính thức của chính phủ, ông là người có quan điểm chính trị mơ hồ: dường như rất thân với những người Mỹ mà cũng tranh thủ hầu như tất cả đảng phái chính trị khác. Còn đứng đầu phía cánh hữu là trùm tư bản Arturo Matte Larraín, con rể của cố tổng thống Alessandri, người thích sự ủng hộ của tất cả phe phái phản động. Cuối cùng là ứng cử viên của Mặt trận Bình dân - Salvador Allende (1) - người được những người cộng sản ủng hộ, mặc dù có đến 40.000 người trong số đó bị tước quyền bầu cử vì đã gia nhập Đảng Cộng sản.

Có thể Ibanez sẽ theo dõi các hoạt động chính trị tại châu Mỹ La tinh, kích động sự hằn thù đối với Mỹ để tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng; quốc hữu hóa các mỏ đồng và những mỏ khác (mặc dù tôi tin rằng việc quốc hữu hóa những quặng mỏ ở Chilê là kém khả thi, ít ra là trong một thời gian ngắn vì Mỹ đang sở hữu những quặng mỏ khổng lồ tại Peru và chuẩn bị khai thác chúng); tiếp tục quốc hữu hóa hệ thống đường sắt và mở rộng mậu dịch giữa Argentina và Chilê.

Chilê là một đất nước hứa hẹn về mặt kinh tế cho những ai không thuộc giai cấp vô sản, nghĩa là bất cứ ai có một trình độ nhất định về giáo dục và kiến thức kỹ thuật. Đất đai của Chilê có khả năng cung cấp đầy đủ gia súc (đặc biệt là cừu) và ngũ cốc cho nhân dân. Có những nguồn khoáng sản thiết yếu để biến Chilê thành một quốc gia công nghiệp giàu mạnh như: sắt, đồng, than, thiếc, vàng, bạc, mangan, và nitrat. Nỗ lực lớn nhất mà Chilê phải làm là hất cẳng những người bạn Yankee khó chịu, một công việc vô cùng khó khăn vào lúc này, vì một lượng lớn đô la mà Mỹ đã đầu tư vào Chilê sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế và phản ứng của Mỹ khi mà lợi nhuận của Mỹ bị đe dọa.

Miền đất mới Tarata

Chỉ còn vài mét nữa là chúng tôi sẽ đến đồn biên phòng tại biên giới của thị trấn, thế nhưng chúng tôi có cảm giác ba lô của mình nặng gấp trăm lần. Ánh nắng như thiêu đốt trên da thịt nhưng lúc nào chúng tôi cũng mặc trên người nhiều lớp áo, để phòng sau đó

trời sẽ rất lạnh. Con đường leo dốc đột ngột và thoáng chốc chúng tôi đã đi ngang qua tòa tháp mà chúng tôi đã thấy từ khi còn ở trong làng.

Tháp này được xây dựng để tưởng nhớ những người Peru đã chết trong cuộc chiến tranh với Chilê(1). Chúng tôi thấy đây là nơi thích hợp cho chặng dừng chân đầu tiên của mình và thử vận may với những chiếc xe tải chạy ngang qua. Tất cả những gì mà chúng tôi có thể thấy theo hướng của con đường là một sườn đồi cằn cỗi, hầu như không có cây cối; ngôi làng Tacna yên tĩnh, với những con đường nhỏ đầy bụi và xa xa là những mái nhà màu nâu đỏ.

Nhìn từ xa, khung cảnh ấy làm chúng tôi nản lòng vô cùng. Chiếc xe tải đầu tiên chạy qua làm chúng tôi phấn chấn hẳn lên; chúng tôi giơ ngón cái ra hiệu xin quá giang và thật ngạc nhiên khi tài xế dừng xe ngay trước mặt chúng tôi. Alberto tiến tới phía trước, giải thích bằng những từ ngữ giờ đây đã trở nên quá quen thuộc về mục đích chuyến đi của chúng tôi và xin quá giang. Tài xế gật đầu đồng ý và ra hiệu chúng tôi leo lên phía sau xe, nơi một nhóm thổ dân đã ngồi sẵn.

Khi chúng tôi xách hành lý trong sự cảm kích tột độ và chuẩn bị trèo lên xe thì tài xế nói lớn: "Năm sol đến Tarata, chịu không? Đưa tiền trước! Không thì xuống." Alberto tức giận hỏi tại sao ông ta không nói sớm khi chúng tôi xin đi miễn phí. Tài xế không hiểu "miễn phí" là gì, nhưng ông khẳng định đến Tarata phải trả năm sol. Không còn đủ tiền, chúng tôi năn nỉ một hồi, nhưng vô ích.

"Tài xế nào cũng như thế cả," Alberto chán nản nói và quăng ba lô xuống đất, đổ tất cả sự thất vọng lên đầu tôi, vì tôi là người đã đề nghị dừng lại để đón xe xin quá giang. Đó là giây phút quyết định. Chúng tôi có thể đi bộ ngược trở lại trong trường hợp chấp nhận thất bại, hoặc là chúng tôi tiếp tục cuộc bộ, bất kể việc gì xảy ra. Chúng tôi quyết định chọn cách thứ hai và tiếp tục cuộc bộ. Chẳng bao lâu sau chúng tôi mới thấy rằng đó là một quyết định không khôn ngoan vì mặt trời bắt đầu lặn và xung quanh chúng tôi không còn bóng dáng của sự sống. Tuy nhiên, với hy vọng rằng gần ngôi làng có thể có vài túp lều, chúng tôi tiếp tục dần bước.

Chẳng bao lâu sau trời tối như mực và chúng tôi không tìm thấy dấu hiệu nào của một nơi ẩn trú. Tệ hại hơn, chúng tôi cũng không còn nước để uống hoặc nấu trà. Trời càng lúc càng lạnh

hơn; khí hậu sa mạc và độ cao mà chúng tôi đang ở đã làm cho thời tiết trở nên khắc nghiệt. Chúng tôi kiệt sức không thể tả và quyết định trải chăn trên mặt đất và ngủ cho đến sáng. Không có ánh trăng và đêm tối sâu thẳm, chúng tôi kiếm chỗ trải tấm chăn và cuộn chặt mình lại để giữ hơi ấm.

Chỉ năm phút sau, Alberto nói anh đã bị lạnh cứng cả người; tôi trả lời là cái thân thảm thương của tôi còn lạnh hơn nhiều. Nhưng đây không phải là lúc so sánh xem ai lạnh hơn mà chúng tôi cần phải giải quyết ngay vấn đề là tìm một mớ củi khô để nhóm lửa. Kết quả thật thảm hại. Đi loanh quanh một vòng, xoay xở lắm, chúng tôi chỉ có thể gom được một nhúm củi khô, nhóm được một đống lửa nhỏ, không đủ để sưởi ấm được gì. Cơn đói cồn cào, nhưng cái lạnh còn khó chịu hơn, lạnh đến độ chúng tôi không còn đủ sức nằm đó nhìn mấy hòn than đang tàn dần trong gió mạnh. Chúng tôi phải thu dọn đồ đạc và tiếp tục bước đi trong bóng tối. Trước tiên, để làm nóng người, chúng tôi phải bước nhanh, và chẳng bao lâu chúng tôi hầu như không còn thở nổi. Bên dưới tấm áo khoác, tôi cảm thấy mồ hôi tuôn ra như suối, nhưng bàn chân tôi lại tê cứng vì lạnh và gió đêm thì như dao cắt vào mặt. Sau hai tiếng đồng hồ, chúng tôi đã kiệt sức và đồng hồ lúc đó chỉ 12 giờ 30 đêm. Chúng tôi ước tính còn phải đi bộ trong đêm thêm năm giờ nữa. Chúng tôi lại tranh cãi và tiếp tục nằm xuống cuộn mình trong chăn ngủ. Nhưng chỉ năm phút sau, chúng tôi lại lên đường. Trời vẫn còn tối đen khi chúng tôi thấy ánh đèn ở phía xa; điều này không làm chúng tôi phấn khởi vì cơ hội để xin quá giang là rất thấp nhưng ít ra đây là dấu hiệu của một con đường có người qua lại. Một chiếc xe tải chạy ngang qua, thờ ơ với tiếng la rối rít của chúng tôi và ánh đèn xe rọi quét cả một vùng đất hoang tàn; không một bóng cây, không một mái nhà. Trong cơn bấn loạn, chúng tôi cảm thấy mỗi phút giây trôi qua vô cùng chậm chạp. Hai ba lần tiếng chó sủa ở phía xa xa làm chúng tôi hy vọng, nhưng chẳng thể thấy gì trong bóng đêm và tiếng chó lại im bặt hoặc chuyển sang hướng khác.

Đến sáu giờ sáng, khi đã kiệt sức thật sự, chúng tôi mới tìm thấy hai túp lều ở ven đường, ánh sáng bình minh bắt đầu chiếu rọi. Chỉ còn vài mét cuối cùng, chúng tôi cố bước đi nhanh như thể trên lưng chúng tôi không mang bất kỳ thứ gì. Dường như chúng tôi chưa bao giờ được chào đón trong tình thân thiện như thế, chưa bao giờ được ăn bánh mì và phô mai ngon như vậy, cũng như chưa bao giờ được uống thứ trà thảo dược mang lại nhiều sức sống đến thế. Những con người mộc mạc này xem chúng tôi như những vị thánh khi Alberto giơ cao giấy chứng nhận là bác sĩ cho họ xem; thêm vào đó, chúng tôi đến từ đất nước Argentina tuyệt vời, nơi Peron sống cùng với phu nhân là Evita, nơi người nghèo cũng sở hữu nhiều như người giàu

và thổ dân không bị áp bức bóc lột như ở đất nước này. Chúng tôi đã trả lời rất nhiều câu hỏi về đất nước và cuộc sống của nhân dân Argentina. Với cái lạnh của đêm hôm trước vẫn còn ẩn sâu trong xương tủy, hình ảnh đất nước Argentina được chúng tôi tô hồng đã trở thành một hình ảnh tuyệt vời của quá khứ. Chúng tôi đã lấy lại tinh thần trước vẻ hiên lành, nhút nhát của những người cholos(1) mà chúng tôi đã gặp ở gần lòng sông khô cạn. Tại đây chúng tôi trải chân và lăn ra ngủ dưới ánh nắng ấm áp của mặt trời buổi sáng.

12 giờ trưa, chúng tôi lại lên đường, với tâm trạng thoải mái hơn, quên đi những nỗi khổ khổ của đêm hôm trước. Mặc dù vậy, chúng tôi thỉnh thoảng vẫn phải dừng lại trên con đường dài thăm thẳm. Lúc năm giờ chiều, chúng tôi dừng lại để nghỉ ngơi, thờ ơ quan sát chiếc xe tải đang tiến lại gần. Cũng như mọi khi, chiếc xe chở đầy người. Chuyên chở chính là công việc kinh doanh mang lại nhiều lợi nhuận nhất ở vùng này. Nhưng thật ngạc nhiên, chiếc xe dừng lại và người sĩ quan biên phòng mà chúng tôi gặp ở Tacna vui vẻ vẫy tay chào và mời chúng tôi lên xe; tất nhiên là lời mời này không cần phải được nhắc lại. Những thổ dân Aymara ở phía sau xe tò mò nhìn chúng tôi nhưng không dám hỏi điều gì. Alberto cố gọi chuyện với một vài người trong số họ, mặc dù tiếng Tây Ban Nha của họ rất kém.

Chiếc xe tiếp tục trèo qua một vùng đất hoang vắng, quạnh hiu, nơi dấu hiệu của sự sống chỉ còn là vài bụi cây gai mọc lay lắt. Rồi đột nhiên chiếc xe gầm rú, tăng tốc để vượt qua một con dốc cao. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm khi xe trở lại chạy trên vùng đất bằng. Chúng tôi đã tiến vào thị trấn Estaque và thấy khung cảnh tuyệt vời vượt ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi. Chúng tôi say mê dán mắt vào khung cảnh xung quanh và phải tự tìm ra tên gọi cũng như tự giải thích cho tất cả những gì mà chúng tôi nhìn thấy. Những thổ dân Aymara hầu như không hiểu chúng tôi, nhưng một vài biểu hiện cộng với tiếng Tây Ban Nha vụng về của họ đã làm tăng thêm tác động tình cảm của môi trường xung quanh đối với chúng tôi.

Chúng tôi đang ở trong một thung lũng huyền thoại mà sự tiến hóa của nó đã dừng lại cách đây hàng trăm năm, và chúng tôi - những người của thế kỷ 20 - đã được diễm phúc chiêm ngưỡng nó. Những kênh tưới tiêu - do người Inca xây dựng để phục vụ tối đa cho cuộc sống của họ - từ núi chảy vào thung lũng, hình thành hàng ngàn thác nước nhỏ bé. Trước mặt chúng tôi, những áng mây thấp là đà che phủ những đỉnh núi, nhưng ở những chỗ không bị mây che, bạn có thể thấy tuyết đang rơi trên những đỉnh núi cao nhất và biến dần đỉnh núi sang một màu trắng xóa. Những vụ mùa khác nhau do thổ dân trồng cẩn thận trên các ruộng bậc thang

giúp chúng tôi hiểu thêm về lĩnh vực mới của ngành thực vật học.

Chúng tôi nhận thấy người dân ở đây ăn mặc giống những thổ dân trên xe tải. Họ mặc áo choàng ngắn bằng len màu sẫm, quần bó sát, và mang giày làm bằng dây thừng hoặc vỏ bánh xe cũ. Mê mải với cảnh vật, chúng tôi tiếp tục xuôi theo thung lũng đến Tarata. Trong ngôn ngữ Aymara, Tarata có nghĩa là đỉnh núi hoặc ngã ba sông. Nó được đặt tên như vậy vì địa thế nằm giữa hình chữ V, được tạo thành bởi hai dãy núi được xem là thần hộ vệ của thị trấn. Đây là một ngôi làng yên tĩnh, cổ kính, nơi cuộc sống vẫn êm đềm trôi qua trong bao nhiêu thế kỷ. Nhà thờ thuộc địa ắt hẳn là một viên ngọc quý của ngành khảo cổ, không những là do tuổi tác của nó, mà đây chính là sự kết hợp giữa nghệ thuật châu Âu du nhập với tinh thần của thổ dân địa phương. Trên những con đường rộng không bằng phẳng được lát bằng đá, những phụ nữ thổ dân cõng con trên lưng...

Nói tóm lại, trong từng quang cảnh cụ thể, thị trấn này gợi nhớ đến quãng thời gian từ trước thời thuộc địa Tây Ban Nha. Nhưng người dân trước mặt chúng tôi không còn là giống dân đầy kiêu hãnh ngày xưa liên tục nổi lên chống lại sự cai trị của người Inca, buộc họ phải duy trì một lực lượng thường trực tại biên giới; mà những con người đang nhìn chúng tôi đi qua những con đường của thị trấn này là một giống dân đã bị đánh bại. Cái nhìn của họ như đã được thuần hóa, mang đầy vẻ sợ hãi, và hoàn toàn thờ ơ với thế giới bên ngoài. Có một số người tạo cho chúng tôi ấn tượng rằng họ tiếp tục sống chỉ vì đó là một thói quen mà họ không thể giữ bỏ. Viên sĩ quan biên phòng đưa chúng tôi đến đồn cảnh sát, nơi đây chúng tôi được cho ở trọ và một số sĩ quan cảnh sát đã mời chúng tôi ăn. Chúng tôi đi quanh thị trấn rồi nghỉ ngơi một chút, bởi vì vào lúc ba giờ sáng chúng tôi sẽ đi đến Puno trên một chiếc xe tải chở khách. Nhờ có sự giúp đỡ của viên sĩ quan, chúng tôi sẽ được đi miễn phí.

Trên đất mẹ PACHAMAMA

Đến ba giờ sáng, những tấm chăn của cảnh sát Peru cho chúng tôi mượn đã chứng tỏ tính hữu dụng khi giúp chúng tôi duy trì được hơi ấm. Viên cảnh sát trực đánh thức chúng tôi dậy vì có một chiếc xe tải đang đến Ilave. Chúng tôi cảm thấy rất buồn khi phải chia tay họ. Trời đêm lẽ ra sẽ rất tuyệt vời nếu không khí không lạnh buốt như thế.

Chúng tôi được ưu tiên cho vài miếng ván để ngồi nhằm ngăn cách chúng tôi khỏi cái mùi khó chịu và đám cháy rận bên dưới. Chỉ khi chiếc xe bắt đầu lên dốc, chúng tôi mới thấy hết sự khắc nghiệt của nơi này: không còn mùi nào có thể phảng phất và ngay cả một con rận khỏe nhất cũng không thể nhảy lên người chúng tôi tìm nơi trú ẩn. Gió thổi như đập vào người và chỉ trong vài phút, toàn thân chúng tôi đã lạnh cóng.

Chiếc xe tiếp tục leo dốc, và trời càng lúc càng lạnh dữ dội. Để khỏi bị văng ra khỏi xe, chúng tôi buộc phải thò tay ra ngoài tẩm chắn bảo vệ để bám vào thành xe. Thật là khó thay đổi tư thế mà không đụng đầu vào phía sau xe. Gần sáng thì bộ chế hòa khí bị trục trặc và xe phải ngừng lại, lúc này chúng tôi đang ở gần điểm cao nhất của con đường, với độ cao khoảng 5.000 mét. Một vài nơi, mặt trời bắt đầu mọc và những tia sáng mờ mờ dần thay thế bóng tối đang vây quanh chúng tôi. Hiệu ứng tâm lý của mặt trời thật là diệu kỳ: mặc dù mặt trời chưa lên khỏi đường chân trời nhưng chỉ cần tưởng tượng hơi ấm do mặt trời mang đến, chúng tôi đã cảm thấy dễ chịu.

Ở phía bên kia của con đường rộng lớn có rất nhiều loại nấm hình bán nguyệt - là loại cây duy nhất ở vùng này - và chúng tôi đành phải hái nấm để cố nhóm lửa nấu nước từ một ít tuyết. Có lẽ cảnh hai đứa chúng tôi uống trà đã làm những thổ dân thích thú - cảm giác này cũng giống như lúc chúng tôi nhìn thấy trang phục truyền thống của họ - bởi vì họ liên tục hỏi chúng tôi bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha đứt quãng rằng tại sao chúng tôi lại đổ nước vào một cái bình như thế. Chiếc xe tải nhất quyết không chịu chở chúng tôi đi tiếp, vì thế tất cả mọi người phải lội bộ ba cây số trong tuyết. Thật ấn tượng khi nhìn những thổ dân rảo bước trong tuyết, đôi chân trần chai cứng của họ dường như chẳng làm họ lo lắng, trong khi ngón chân chúng tôi bắt đầu tê cóng cho dù chúng tôi mang giày ống đã mòn vẹt và vớ len. Với nhịp bước đều đặn, mệt mỏi, họ đi thành một hàng dài như đàn lạc đà không bướu.

Sau khi được sửa chữa tại khu đất gồ ghề gần đó, chiếc xe tải tiếp tục lên đường. Với tinh thần phấn khởi, chúng tôi đã vượt qua ngọn đèo cao nhất, nơi có một cái tháp kỳ lạ xây dựng bằng những khối đá có kích thước không đều và trên đỉnh tháp là một cây thánh giá. Khi chiếc xe chạy ngang qua tháp thì hầu như mọi người trên xe đều nhổ nước bọt, còn một hoặc hai người khác thì làm dấu thánh trước ngực. Tò mò, chúng tôi hỏi ý nghĩa của nghi thức kỳ lạ này nhưng chỉ có sự yên lặng trả lời chúng tôi.

Mặt trời chiếu những tia nắng ấm áp và thời tiết tương đối dễ chịu hơn khi chúng tôi đổ dốc, luôn đi theo hướng của một con sông mà chúng tôi thấy bắt nguồn từ đỉnh núi và dần dần mở rộng. Xung quanh chúng tôi là những đỉnh núi phủ đầy tuyết. Những con lạc đà không bướu và lạc đà lông dài lạnh lùng nhìn khi xe chạy ngang qua, trong khi vài con lạc đà hoang Vicuna chạy trốn.

Tại một điểm dừng dọc đường, một thổ dân rút rè đến gần chúng tôi cùng với người con trai nói tiếng Tây Ban Nha khá giỏi, và bắt đầu hỏi chúng tôi về "vùng đất tuyệt vời của Peron". Trí tưởng tượng của chúng tôi được kích thích bởi quang cảnh hùng vĩ và ngoạn mục mà chúng tôi vừa đi qua nên thật dễ dàng để chúng tôi vẽ nên những sự kiện phi thường, làm tràn ngập tâm trí người thổ dân đang lắng nghe những câu chuyện về cuộc sống bình dị và tươi đẹp trên đất nước chúng tôi. Qua người con trai, người thổ dân hỏi xin chúng tôi một bản sao hiến pháp Argentina với tuyên ngôn về quyền của những người cao tuổi, và chúng tôi nhiệt tình hứa sẽ gửi cho ông ta một bản. Khi tiếp tục chuyển đi, người đàn ông này lấy ra từ trong bộ quần áo một trái bắp ngon và đưa cho chúng tôi. Chúng tôi bẻ trái bắp làm đôi và thanh toán thật nhanh.

Vào giữa buổi chiều, bầu trời trên đầu chúng tôi trở nên xám xịt nặng nề. Chúng tôi đi ngang qua một vùng đất hấp dẫn, ven đường là những tòa nhà phong kiến được xây bằng những tảng đá khổng lồ, giờ đây đã bị xói mòn. Trên bức tường lâu đài có lỗ châu mai, có máng xối cũ, và những quái thú khổng lồ khắc chạm trên tường dường như đang đứng canh và bảo vệ sự yên tĩnh cho những nhân vật thần thoại cư ngụ bên trong. Cơn mưa bụi đôi khi mờ mờ trên mặt chúng tôi giờ đây đã nặng hạt hơn và trở thành cơn mưa như trút nước. Tài xế gọi "các bác sĩ Argentina" và mời chúng tôi vào trong cabin, là nơi thoải mái nhất. Chúng tôi kết bạn ngay với một giáo viên ở Puno, người bị chính phủ sa thải vì là thành viên của APRA(1). Người đàn ông này, rõ ràng là có dòng máu bản địa, biết rất nhiều câu chuyện kỳ lạ về phong tục tập quán và văn hóa của thổ dân, làm chúng tôi say mê với hàng ngàn giai thoại và kỷ niệm về cuộc đời giáo viên của ông. Nghe theo tiếng gọi của dòng máu thổ dân, ông đã đứng về phía những người Aymara trong những cuộc tranh luận bất tận giữa những chuyên gia tại khu vực, chống lại người Coya mà ông gọi là bọn ladino(1) hèn nhát.

Ông cũng cho chúng tôi câu trả lời về nghi thức kỳ lạ do những thổ dân đi cùng chuyển xe với chúng tôi thực hiện lúc sáng sớm. Đến đỉnh cao nhất của ngọn núi, người thổ dân kính dâng tất cả những nỗi buồn của mình cho Pachamama, Mẹ Đất, dưới hình thức biểu tượng là một hòn đá. Những hòn đá ấy tích lũy dần thành cái tháp mà chúng tôi đã thấy. Khi người Tây Ban Nha đến chinh phục vùng đất này, họ đã cố hủy diệt niềm tin ấy của thổ dân nên đã ra lệnh bãi bỏ những nghi thức như thế. Nhưng họ đã không thành công. Các giáo sĩ người Tây Ban Nha đành phải chấp nhận nghi thức của thổ dân, nhưng đặt thêm một cây thánh giá trên mỗi đồng đá.

Tất cả những điều này xảy ra vào bốn thế kỷ trước (theo lời kể của Garcilaso de la Vega(2)) và theo đánh giá của chúng tôi qua số thổ dân làm dấu thánh, Thiên Chúa giáo ở đây không phát triển được bao nhiêu. Cùng với sự phát triển của phương tiện giao thông hiện đại, những thổ dân trung thành ngày nay biểu hiện niềm tin bằng cách nhổ ra lá coca nhai nát thay vì đặt những hòn đá, điều này sẽ mang những nỗi buồn phiền của họ về với Mẹ Đất Pachamama.

Lời nói đầy nhiệt huyết của người giáo viên cất cao và ngân vang khi ông nói về những thổ dân, giống dân Aymara đã từng ngăn chặn những đạo quân Inca, và giọng nói ấy chợt trầm xuống khi ông nói đến tình trạng hiện thời của người thổ dân, bị đối xử tàn bạo bởi nền văn minh hiện đại và bởi những người anh em, những thổ dân lai châu Âu, những người đã ra sức chèn ép dân Ayrama để giành lấy vị trí của họ giữa hai thế giới của thổ dân và người da trắng. Ông nói đến nhu cầu phải xây dựng trường học để định hướng cuộc sống của thổ dân trong thế giới của riêng họ, cho phép họ đóng một vai trò quan trọng trong cái thế giới đó; ông nói đến nhu cầu phải thay đổi về cơ bản đối với hệ thống giáo dục hiện thời, một hệ thống mà hiếm hoi lắm mới cho thổ dân cơ hội được học hành (và phải theo kiểu của người da trắng), còn phần lớn là nhồi nhét vào đầu họ sự tủi nhục và uất ức khiến họ không thể giúp được đồng bào của mình, cũng như không thể nào đấu tranh trong một xã hội da trắng đầy thù nghịch đã từ chối không chấp nhận họ. Số phận của những con người đau khổ đó bị phụ thuộc vào bộ máy chính quyền quan liêu và rồi họ chết đi trong niềm hy vọng rằng thế hệ con cái của họ, với dòng máu thuộc địa chảy mạnh mẽ trong huyết quản, một ngày nào đó và bằng một cách nào đó sẽ thực hiện được mục tiêu mà cả đời họ hằng khao khát. Nhìn bàn tay nắm chặt lại của ông, bất cứ ai cũng có thể cảm nhận được đây là sự thú nhận của một con người bị giày vò bởi chính nỗi bất hạnh của mình. Có phải ông là một sản phẩm tiêu biểu của nền "giáo dục" chỉ làm tổn hại con người, hay ông đang tự nhượng bộ bản thân trước sức mạnh diệu kỳ của "giọt máu thuộc địa" chảy trong ông, thậm chí khi đó là giọt máu của người phụ nữ lai châu Âu đáng thương phải bán mình cho một trùm chính trị tại địa phương hoặc đó là kết quả của một cô trinh nữ thổ dân bị ông chủ Tây Ban Nha cưỡng hiếp trong một lần say rượu?

Nhưng cuộc hành trình của chúng tôi sắp kết thúc và người giáo viên trở nên im lặng. Con đường uốn lượn và chúng tôi vượt qua một cây cầu bắc ngang một con sông mà lúc sáng sớm chúng tôi cứ tưởng là một con suối nhỏ. Ilave đã ở bờ bên kia.

Đi qua hồ mặt trời

Vùng hồ thiêng liêng chỉ hé lộ một phần nhỏ vẻ hùng vĩ của nó do bị che khuất bởi dải đất hẹp bao quanh vịnh Puno. Những chiếc thuyền độc mộc nhấp nhô, bập bênh đây đó trên mặt nước tĩnh lặng và vài chiếc thuyền câu nối tiếp nhau ra khơi qua cửa hồ. Gió rất lạnh và bầu trời mịt mù xám xịt dường như muốn nói lên tâm trạng của chúng tôi.

Mặc dù chúng tôi đã đến thẳng Puno mà không dừng lại ở Ilave, và có chỗ nghỉ chân cũng như đã được ăn ngon tại một trại lính ở địa phương, nhưng vận may của chúng tôi dường như đã cạn kiệt. Viên sĩ quan chỉ huy lịch sự tiễn chúng tôi ra cửa và giải thích rằng đây là chốt kiểm tra tại biên giới nên công dân nước ngoài không được phép ở lại qua đêm.

Không muốn đi khi chưa tham quan được cảnh hồ, chúng tôi đến cầu tàu xem có chiếc thuyền nào có thể đưa chúng tôi đi chiêm ngưỡng toàn bộ vẻ mênh mông bát ngát của nơi này. Chúng tôi phải nhờ đến thông dịch bởi vì không một ngư dân nào - tất cả đều là dân Ayrama - biết nói tiếng Tây Ban Nha. Với năm sol khiêm tốn, chúng tôi đã nài nỉ họ chở chúng tôi và người hướng dẫn đi cùng. Chúng tôi dự định bơi trong hồ, nhưng sau khi dùng đầu ngón tay út thử nhiệt độ, chúng tôi đành chịu thua (Alberto còn cởi sẵn hết quần áo và giày ống, nhưng rồi đành phải mặc vào ngay sau đó).

Những cụm đảo nhô lên ở phía xa như những đốm nhỏ rải rác trên mặt hồ mênh mông xám xịt. Người thông dịch mô tả cuộc sống của những ngư dân trên đảo, một số người chưa bao giờ thấy một người da trắng, và họ sống như thời xa xưa, ăn cùng một loại thức ăn, đánh cá bằng kỹ thuật đã có từ 500 năm trước và vẫn giữ cách ăn mặc, các nghi thức truyền thống.

Khi trở lại bến cảng, chúng tôi đến một trong những chiếc thuyền chạy giữa Puno và cảng Bolivia để thử xin một ít trà thảo dược vì chúng tôi đã hết. Nhưng ở Bắc Bolivia người ta hầu như không uống trà thảo dược, thậm chí họ chưa bao giờ nghe nói đến loại trà này. Chúng tôi

ngắm nhìn chiếc thuyền được thiết kế ở Anh và đóng ở đây. Vẻ lộng lẫy của nó không hợp với sự nghèo khổ của nơi này.

Chúng tôi đã giải quyết được vấn đề chỗ trọ khi viên trung úy thân thiện tại đồn biên phòng cho phép chúng tôi được ở tại bệnh xá. Dù hai người phải nằm chung một giường nhưng chúng tôi cũng cảm thấy thoải mái và ấm cúng. Sau chuyến viếng thăm khá thú vị ngôi giáo đường vào ngày hôm sau, chúng tôi tìm được một chiếc xe tải đến Cuzco. Vị bác sĩ ở Puno đã cho chúng tôi một giấy giới thiệu đến bác sĩ Hermosa - nguyên là chuyên gia bệnh phong hiện đang sống và làm việc tại Cuzco.

Tâm điểm thế giới cổ...

Chặng đầu tiên của chuyến đi không dài lắm bởi vì tài xế xe tải thả chúng tôi xuống ở Juliaca, tại đây chúng tôi phải tìm một chiếc xe khác để đi tiếp về hướng Bắc. Nhờ sự giới thiệu của viên sĩ quan biên phòng tại Puno, chúng tôi đến trạm cảnh sát và gặp một viên trung sĩ đang say xỉn.

Anh ta cảm thấy thích chúng tôi nên gọi bia mời chúng tôi cùng uống. Ly của ai cũng đã cạn, chỉ trừ có ly bia của tôi vẫn còn nguyên trên bàn.

"Chuyện gì vậy, người anh em Argentina, cậu không uống sao?"

"Không, không phải vậy. Ở đất nước chúng tôi người ta không uống như thế. Đừng hiểu lầm, chúng tôi chỉ uống khi đang ăn."

"Nhưng mà, cheee," hắn nói bằng giọng mũi làm nổi bật một âm thanh giống như cách gọi tên Che thân mật của xứ sở chúng tôi, "Tại sao cậu không nói sớm?" Và với một tiếng vỗ tay, hắn gọi mấy cái bánh sandwich phô mai - điều này làm tôi cảm thấy hài lòng. Rồi trong lúc cao hứng, hắn khoa trương lung tung về những hành động anh hùng, về nỗi sợ hãi và nể phục của nhân dân trong khu vực đối với tài bắn súng của hắn. Để chứng minh, hắn rút súng ra và nói với Alberto: "Này, cheee, ngắm thuốc lá đứng cách xa 20 mét ở đằng kia và nếu tớ không bẻ đôi điều thuốc của cậu với viên đạn đầu tiên, tớ sẽ cho cậu 50 sol." Alberto không thích món tiền đó lắm hay sao mà không rời khỏi ghế - ít ra có lẽ là không phải vì 50 sol. "Thôi nào! Cheee, tớ trả cậu 100." Alberto vẫn không nhúc nhích.

Khi hắn đặt 200 đồng sol trên bàn, mắt Alberto bắt đầu nhấp nháy nhìn, nhưng bản năng tự vệ mạnh hơn nên anh vẫn không cử động. Vì thế tên trung sĩ tung nón ra phía sau, nhìn qua một tấm gương và nổ súng. Tất nhiên là chiếc nón rơi xuống vẫn còn nguyên vẹn, nhưng bức tường phía sau thì không. Bà chủ quán dùng dùng nỗi giận và tru tréo chạy như cơn lốc đến trạm cảnh sát.

Vài phút sau, một viên sĩ quan xuất hiện để xem chuyện gì đã xảy ra và lôi gã trung sĩ vào góc phòng mắng cho một trận. Khi họ quay lại nhóm chúng tôi thì tên trung sĩ chửi rửa người bạn đồng hành của tôi - lúc đó đang trêu chọc hắn: "Nghe này, mấy thằng Argentina, mày có còn viên pháo nào đốt nữa không?" Alberto làm ra vẻ ngây thơ nói rằng anh hết pháo rồi. Viên sĩ quan cảnh cáo anh không được đốt pháo tại nơi công cộng, rồi bảo chủ quán mọi chuyện đã kết thúc: anh ta không thấy vết đạn nào trên tường. Bà chủ quán đến bảo tên trung sĩ đang dựa sát tường tránh sang một bên. Nhưng nhanh trí tính toán sự thiệt hơn, bà ta im miệng, và thay vào đó bà ta mắng Alberto: "Mấy thằng Argentina này tưởng chúng là sếp ở đây chắc!". Bà ta chửi thêm vài câu nữa, nhưng chúng nhanh chóng rơi vào khoảng không vì chúng tôi đã kịp chuồn đi, người thì tiếc ly bia, kẻ thì tiếc mấy cái bánh sandwich.

Chúng tôi tìm được một chiếc xe tải khác và đi cùng với hai thanh niên da trắng đến từ Lima. Trên đường đi, họ cố chứng tỏ với chúng tôi là họ tốt đẹp hơn nhiều so với những thổ dân ngồi lặng lẽ chịu đựng những lời chế nhạo và chẳng tỏ vẻ bức tức. Thoạt tiên chúng tôi nhìn ra chỗ khác, không chú ý đến họ, nhưng sau vài giờ của cuộc hành trình buồn tẻ băng qua thảo nguyên mênh mông, chúng tôi buộc phải trao đổi vài câu với họ. Họ là những người duy nhất

mà chúng tôi có thể trao đổi, bởi vì những thổ dân mệt mỏi hầu như chẳng để ý gì đến câu hỏi của chúng tôi, chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Sự thật là hai thanh niên từ Lima chỉ là những chàng trai bình thường, họ chỉ muốn làm rõ sự khác biệt giữa họ và những thổ dân. Khi chúng tôi nhai thử lá coca do họ kiếm được, thì hai chàng trai đã cảm thấy thoải mái hơn khi trò chuyện với chúng tôi.

Khi ánh sáng cuối cùng của một ngày đã tắt, chúng tôi đến một ngôi làng tên Ayaviry, nơi chúng tôi được ở trong một khách sạn do viên chỉ huy lực lượng biên phòng trả tiền. "Xin lỗi," ông ta đáp lại phản kháng yếu ớt của chúng tôi trước cử chỉ kính ngạc của ông. "Hai bác sĩ Argentina phải ngủ ngoài đường vì không có tiền ư? Không thể như vậy được." Nhưng cho dù có nằm trên một chiếc giường ấm cúng, chúng tôi vẫn không thể nào chợp mắt được: Suốt đêm, lá coca mà chúng tôi đã nuốt bắt đầu trừng trị cái tội làm ra vẻ hiên ngang, xem thường của chúng tôi bằng một loạt những cơn buồn nôn, đau bụng và nhức đầu kinh khủng.

Sáng hôm sau chúng tôi ra đi rất sớm trên cùng chiếc xe tải của ngày hôm qua và đến Sicuani vào giữa buổi chiều. Chúng tôi cảm thấy choáng váng bởi cái lạnh kinh khủng, mưa và cái đói. Như mọi khi, chúng tôi ngủ qua đêm tại đồn biên phòng, và cũng như mọi khi, họ chăm sóc chúng tôi thật tử tế. Con sông Vilcanota nhỏ bé tội nghiệp chảy qua Sicuani, và chúng tôi sẽ đi theo hướng của dòng sông đầy bùn trong một thời gian.

Tại chợ Sicuani, chúng tôi bị choáng ngợp với màu sắc tràn ngập các gian hàng, tiếng người bán hàng rong rao bằng một giọng đều đều và tiếng lao xao của đám đông. Chúng tôi để ý thấy mọi người đang tập trung ở một góc chợ.

Một đám rước đang tiến hành, vây quanh là một đám đông dày đặc nhưng lặng lẽ. Dẫn đầu là 12 tu sĩ mặc áo dài đầy màu sắc, tiếp theo sau là một đoàn thân hào, nhân sĩ mặc áo dài đen, mặt mày nghiêm trang đang khiêng một cái quan tài, theo sau là một đám đông lơ lửng. Đám tang tạm dừng lại và một người mặc đồ đen xuất hiện trên ban công - giấy cầm trên tay: "Khi vĩnh biệt con người vĩ đại và cao quý này, chúng ta có bốn phận phải..." Sau bài diễn văn tràng giang đại hải, đám tang tiếp tục đi thêm một dãy phố nữa và một người mặc đồ đen khác xuất hiện trên ban công: "Ai cũng sẽ chết nhưng danh dự và những hành động tốt đẹp của người ấy sẽ sống mãi..." Đây chính là nghi thức tiễn đưa người chết đến nơi an nghỉ cuối cùng, thế nhưng

đâu đó ở mỗi góc đường vẫn có tiếng nguyên rửa người đã chết.

Một ngày nữa lại trôi qua như mọi ngày, và cuối cùng chúng tôi cũng đã đến Cuzco.

Cái rốn của nền văn minh xưa

Ngôn từ thích hợp nhất để mô tả thành phố Cuzco là "Gọi nhớ". Các con đường ở đây đều bị đóng một lớp đất đen dày lên trông như những vũng bùn. Nhưng có hai hoặc ba Cuzco, hay nói đúng hơn là có hai hoặc ba cách nhắc đến thành phố.

Khi Mẹ Ocllo đánh rơi miếng chêm bằng vàng xuống đất và nó nhanh chóng cắm sâu vào lòng đất, những người Inca đầu tiên biết rằng đây là nơi mà Đấng sáng tạo Viracocha của dân Inca đã chọn làm quê hương cho những người đã được thần lựa chọn, bỏ lại phía sau cuộc

sống du mục để đến chinh phục miền đất hứa.

Họ hăng hái đi tìm những chân trời mới, ngắm nhìn đế chế của họ phát triển, và mở rộng tầm nhìn khắp nơi, vượt xa khỏi những ngọn núi bao quanh. Những người du mục bắt đầu mở rộng Tahuantinsuyo, biến nó thành pháo đài của vùng lãnh thổ mà họ đã chinh phục - đó chính là lịch sử ra đời của Cuzco(1), lỗ rốn của thế giới. Và ở đây, pháo đài khổng lồ Sacsahuaman phát triển hùng mạnh như một nơi phòng vệ cần thiết cho đế chế, chế ngự thành phố từ trên cao và bảo vệ các cung điện và đền thờ khỏi những kẻ thù của đế chế. Hình ảnh này của Cuzco nay hiện ra một cách ảm đạm bởi pháo đài đã bị hủy diệt vì sự đốt nát của những kẻ chinh phục, bởi những tàn tích của những ngôi đền, bởi những cung điện thiêng liêng đã bị tàn phá, bởi những khuôn mặt của một giống dân đã bị đối xử hung bạo. Đây là một hình ảnh Cuzco mời gọi bạn trở thành chiến binh với gậy gộc trong tay để bảo vệ cho sự tự do và cuộc sống của Inca.

Nhìn từ trên cao, người ta có thể thấy một Cuzco khác, thay chỗ cho một pháo đài đã bị hủy diệt: một Cuzco với những ngôi nhà mái ngói nhiều màu sắc, đôi khi một ngôi nhà thờ kiểu Barốc làm gián đoạn vẻ nhất quán mềm mại của thành phố; và khi đến gần thành phố, chúng tôi chỉ thấy những con đường hẹp và những cư dân địa phương mặc trang phục đặc thù với tất cả màu sắc của địa phương. Thành phố Cuzco này mời gọi bạn làm một du khách ngập ngừng giữ bỏ những điều vụn vặt, tầm thường và thư giãn trong vẻ đẹp của nó bên dưới bầu trời mùa đông xám xịt nặng nề.

Và còn có một Cuzco khác nữa, một thành phố đầy sức sống với những tượng đài minh chứng cho lòng dũng cảm vô bờ của những chiến binh Tây Ban Nha đã chinh phục được vùng đất này, một Cuzco có thể tìm thấy nơi các viện bảo tàng và thư viện, nơi mặt tiền của những ngôi giáo đường và nơi hình ảnh rõ ràng, sắc nét của những thủ lĩnh da trắng mà thậm chí ngày nay cũng cảm thấy tự hào với công cuộc chinh phục. Đây là Cuzco mời gọi bạn mặc áo giáp và cưỡi trên lưng con tuấn mã dũng mãnh, xẻ một đường vượt qua bức tường người của những thổ dân không mảnh vải che thân và tiêu diệt họ dưới vó ngựa dũng mãnh.

Mỗi hình ảnh của Cuzco phải được cảm nhận bằng một cách riêng, từ đó ta có thể khám phá ra nhiều điều. Và đó cũng là lý do để chúng tôi lưu lại vùng này.

Lãnh địa người Inca

Bao quanh thành phố Cuzco là những ngọn núi. Những ngọn núi này không là thành trì để bảo vệ thành phố mà lại là mối nguy hiểm cho dân Inca. Chính vì vậy, để tự bảo vệ mình, họ đã xây dựng pháo đài Sacsahuaman khổng lồ. Giải thích như vậy cho sự ra đời của pháo đài này ít nhất cũng thỏa mãn tính hiếu kỳ của con người, và là một giải thích có vẻ hợp lý.

Tuy nhiên, rất có thể pháo đài là cơ sở ban đầu của một thành phố vĩ đại. Vào khoảng thời gian ngay sau khi từ bỏ đời sống du mục, người Inca là một bộ tộc không có nhiều tham vọng và họ cần phải chống lại kẻ thù mạnh hơn mình. Để bảo vệ cư dân thì những bức tường của pháo đài Sacsahuaman là một giải pháp lý tưởng. Kiến trúc của pháo đài đã thể hiện chức năng kép của nó.

Sẽ chẳng có nghĩa lý gì khi mục đích của pháo đài là để đẩy lùi quân xâm lược, bởi vì Cuzco sẽ thất thủ ở những hướng khác. Cần phải lưu ý rằng pháo đài được xây dựng để có thể kiểm soát được hai thung lũng sâu dẫn vào thành phố. Những bức tường có cấu trúc hình răng cưa để khi quân thù tấn công thì chúng sẽ bị chặn lại ở ba sườn núi, và nếu chúng chọc thủng phòng tuyến này, thì khi tiến lên chúng sẽ gặp một bức tường thứ hai tương tự rồi gặp bức tường thứ ba. Những người phòng thủ có chỗ để luyện quân, khiến họ có thể tập trung vào việc phản công.

Tất cả những điều ấy và sự vinh quang sau này của thành phố đã tạo ra một ấn tượng rằng những chiến binh Quechua là bất khả chiến bại trong việc bảo vệ pháo đài. Mặc dù những kỹ thuật xây dựng pháo đài cho thấy đó là kết quả sáng tạo của những con người có óc phát minh và có trình độ toán học, nhưng theo quan điểm của tôi, pháo đài thuộc về thời kỳ văn minh tiền Inca, thời kỳ trước khi họ biết đánh giá cao sự tiện nghi của đời sống vật chất. Quechua là

giống dân trầm tĩnh và nhạy cảm, mặc dù không đạt tới một nền văn hóa huy hoàng, rực rỡ, nhưng họ đã có những tiến bộ đáng kể trong lãnh vực kiến trúc và hội họa. Thắng lợi liên tục của các chiến binh Quechua đã đẩy lùi các bộ tộc thù địch xa khỏi Cuzco, tạo giới hạn an toàn cho pháo đài, giúp họ mở rộng lãnh thổ xuống các thung lũng lân cận dọc theo con suối. Nhận thức cao về vinh quang hiện thời, họ hướng về quá khứ để tìm lời giải thích cho sự ưu việt của mình. Để tưởng nhớ đáng toàn năng đã cho họ vươn lên đến vị trí thống trị, họ đã xây dựng nhiều đền thờ và tạo ra tầng lớp tăng lữ. Và công trình thể hiện sự vĩ đại của họ chính là pháo đài đồ sộ Cuzco được xây dựng bằng đá, dần phát triển thành một thành phố mà sau này đã bị người Tây Ban Nha xâm chiếm.

Thậm chí ngày nay, khi những hành động dã man đầy thú tính của bọn người chinh phục vẫn còn để lại dấu ấn qua những hành động tàn phá, mặc dù tầng lớp tăng lữ với quyền lực thống trị đã biến mất, nhưng những công trình bằng đá của người Quechua vẫn còn đó một cách thần bí, trường tồn bất kể sự hủy hoại của thời gian. Những toán quân da trắng đã cướp phá thành phố thất thủ, đã tấn công những ngôi đền Inca trong cơn cuồng nộ. Những biểu tượng bằng vàng tượng trưng cho thần mặt trời Inti treo đầy trên các bức tường đã bị chúng cướp mất do lòng tham và sự tàn ác. Biểu tượng của niềm vui và sự dâng hiến của một dân tộc đau khổ đã bị đám người kia đem trao đổi trong sự khoái trá và bạo ác. Những đền thờ thần Inti bị san bằng hoặc những bức tường của ngôi đền phải phục vụ cho việc xây dựng những ngôi nhà thờ của một tôn giáo mới: ngôi giáo đường được xây dựng trên những tàn tích của một cung điện tráng lệ, và bên trên những bức tường của đền thờ Mặt Trời đã mọc lên nhà thờ Santo Domingo, một bài học và là sự trừng phạt của kẻ chinh phục đầy kiêu hãnh. Tuy nhiên khu vực trung tâm của châu Mỹ đã nhiều lần rung mình phần nộ nên những cơn chấn động thường xuyên lan qua phía sau dãy Andes, sóng chấn động dữ dội tàn phá khắp mặt đất. Ba lần ngôi nhà thờ Santo Domingo đầy kiêu hãnh đã sụp đổ và những bức tường trên cao cũng rớt xuống. Nhưng nền đá mà ngôi nhà thờ được xây dựng vẫn không hề hấn gì, những khối đá khổng lồ của ngôi đền thờ Mặt Trời vẫn thản nhiên phô bày những viên đá xám; bất kể những thảm họa to lớn đổ xuống đầu những kẻ xâm lược, không một khối đá khổng lồ nào bị lay chuyển.

Nhưng sự báo thù của thần Kon chẳng là gì so với nỗi ô nhục của cả một dân tộc. Những khối đá đã chán với những lời cầu xin các vị thần hộ mệnh tiêu diệt những kẻ chinh phục tàn ác, và giờ đây chúng chỉ là những tảng đá mòn vô tri vô giác - chỉ có giá trị cho vài du khách trầm trồ này nọ. Mồ hôi và xương máu của thổ dân - những người xây dựng cung điện Inca Roca, những

nhà kiến trúc công trình bằng đá tinh tế - nào có ý nghĩa gì trước sự tàn ác dã man của những kẻ chinh phục da trắng chỉ biết các công trình xây dựng bằng gạch, mái vòm, và kiến trúc hình vòng cung.

Người thổ dân buồn rầu trông chờ sự báo thù từ những vị thần của họ giờ đây chỉ thấy hàng loạt những ngôi nhà thờ mọc lên, xóa nhòa những dấu tích của một quá khứ đầy kiêu hãnh. Những bức tường bằng đá cao sáu mét của cung điện Inca Roca bị những kẻ chinh phục sử dụng làm vật chịu tải cho tòa nhà thuộc địa, cấu trúc hoàn hảo của bức tường giờ đây trở thành biểu tượng của tiếng kêu khóc từ những chiến binh bại trận.

Nhưng giống dân đã tạo nên Ollantay(1) đã để lại một cái gì đó còn hơn việc kết hợp những khối đá của Cuzco thành một tượng đài tưởng niệm một quá khứ vĩ đại. Hơn 100 km dọc theo Vilcanota hay sông Urubamba, người ta thấy rải rác những dấu tích của Inca trong quá khứ. Dấu tích quan trọng nhất luôn ở trên những ngọn núi cao, nơi những pháo đài của họ không thể bị chọc thủng và rất an toàn trước những cuộc tấn công bất ngờ. Sau hai giờ đi dọc theo con đường gồ ghề, chúng tôi đã lên đến đỉnh núi Pisac, nơi xưa kia những thanh gươm của binh sĩ Tây Ban Nha đã tiêu diệt những người bảo vệ Pisac và cả ngôi đền. Giữa những khối đá rải rác, bạn có thể nhận biết rằng nơi đây đã từng là một công sự phòng thủ, là nơi cư trú của những tu sĩ; là nơi ở của Intiwatana và cũng là nơi ông bị bắt và trói dưới ánh mặt trời giữa trưa. Di tích chẳng còn lại bao nhiêu!

Lần theo hướng Vilcanota đi qua một số nơi tương đối không quan trọng, chúng tôi đã đến Ollantaytambo, một pháo đài rộng lớn nơi Manco II(1) khởi nghĩa vũ trang chống lại những kẻ chinh phục Tây Ban Nha, chống lại những đội quân của Hernando Pizarro và lập nên triều đại Inca son trẻ. Triều đại này cùng tồn tại với đế chế Tây Ban Nha cho đến khi đại diện nhu nhược cuối cùng bị sát hại theo lệnh của Phó vương Toledo.

Một ngọn đồi đá cao hơn 100 mét đổ dốc đột ngột xuống sông Vilcanota. Pháo đài nằm trên đỉnh đồi và phía dễ bị tấn công của nó thông với ngọn núi lân cận bằng những con đường hẹp. Pháo đài được bảo vệ bởi những công sự phòng thủ bằng đá giúp lực lượng phòng thủ có thể ngăn chặn bất kỳ hướng tấn công nào. Phần bên dưới của pháo đài chỉ có mục đích phòng thủ, những khu vực ít dốc hơn tỏa ra thành 20 khu vực phòng thủ, mỗi phía có thể phản kích lại

những cuộc tấn công. Phần trên của pháo đài là doanh trại của binh sĩ, và bên trên là một ngôi đền thường dùng để chứa những chiến lợi phẩm bằng kim loại quý. Nhưng tất cả những vết tích đó, ngay cả những khối đá khổng lồ xây dựng nên ngôi đền, đã bị xóa sạch.

Trên đường trở lại Cuzco, gần pháo đài Sacsahuaman, có một công trình điển hình cho kiến trúc của Inca, mà theo lời người hướng dẫn thì đó là chỗ tắm của người Inca. Khi ước lượng khoảng cách giữa chỗ tắm và Cuzco tôi thấy thật kỳ lạ. Ất hẳn đây phải là nơi tắm theo nghi thức của hoàng tộc. Nếu giả thuyết này đúng thì da của những vị hoàng đế Inca thời xưa chắc là dẻo dai hơn con cháu sau này bởi vì nước ở đây dù uống rất ngon nhưng cực kỳ lạnh. Nơi này được gọi là Tamboma, có ba công trình hình thang đầy bí ẩn (hình dạng và mục đích vẫn chưa rõ), và nằm tại lối vào thung lũng Inca.

Nhưng địa danh mà ý nghĩa về mặt khảo cổ và du lịch của nó nổi bật hơn tất cả những nơi khác trong khu vực là Machu Picchu, tiếng địa phương có nghĩa là Núi Cổ. Theo Bingham, nhà khảo cổ người Mỹ người đã khám phá ra di tích này, nơi này không những là nơi trú ẩn, chống lại quân xâm lược, mà còn là nơi định cư đầu tiên của những người Quechua và là nơi thiêng liêng đối với họ. Sau này, vào thời người Tây Ban Nha chinh phục, nó trở thành nơi ẩn náu của đội quân bị đánh bại. Thoạt nhìn có nhiều dấu hiệu cho thấy nhận xét của nhà khảo cổ là đúng. Ở Ollantaytambo chẳng hạn, công trình phòng thủ quan trọng nhất này cách xa Machu Picchu nhưng mặt sau của nó không có độ dốc đủ để đảm bảo phòng thủ hiệu quả chống lại những cuộc tấn công từ bên ngoài nên dễ dàng bị phong tỏa hơn là Machu Picchu. Một dấu hiệu nữa là nhìn từ bên ngoài, rất khó phát hiện ra nơi trú ẩn này, nên đây là một nơi ẩn nấp rất an toàn, thậm chí mọi người vẫn có thể ở đây sau khi tất cả những ổ kháng cự khác đã bị tiêu diệt. Người Inca cuối cùng bị bắt ở chỗ rất xa Machu Picchu, nơi Bingham tìm thấy những bộ xương hầu hết là của phụ nữ. Ông phát hiện đó là những trinh nữ của đền Mặt Trời mà các binh sĩ của đoàn quân Tây Ban Nha không bao giờ dám chạm đến. Ngôi đền Mặt Trời với thần Intiwatana nổi tiếng đã làm tôn vinh thành phố. Ngôi đền được xây dựng từ những khối đá làm nền móng, và gần đó là một loạt những bức tượng được điêu khắc công phu cho thấy đây là một nơi rất quan trọng. Nhìn ra xa về hướng con sông là ba cửa sổ hình thang tiêu biểu cho kiến trúc của người Quechua, mà Bingham mô tả như những cửa sổ mà qua đó anh em Allyus trong thần thoại Inca bước ra ngoài thế giới để chỉ cho những người được lựa chọn con đường đến miền đất hứa. Theo hiểu biết của tôi thì giải thích này đã gây ra cuộc tranh luận khá căng thẳng và bị nhiều nhà nghiên cứu có uy tín phản đối. Có nhiều cuộc tranh cãi về chức năng của đền thờ Mặt

Trời mà Bingham, người khám phá ra nó, cho rằng đó là một cấu trúc rào kín tương tự như ngôi đền thờ thần Mặt Trời ở Cuzco. Cho dù thế nào chăng nữa thì hình thức và nghệ thuật cắt những khối đá khổng lồ cho thấy đây là một nơi có ý nghĩa quan trọng, và người ta cho rằng bên dưới những khối đá khổng lồ làm nền cho ngôi đền là những lăng mộ của người Inca.

Ở đây bạn có thể dễ dàng thấy sự khác biệt của những tầng lớp xã hội trong làng. Mỗi tầng lớp chiếm một nơi riêng biệt tùy theo chủng tộc, và về một phương diện nào đó vẫn còn độc lập với những thành phần còn lại của cộng đồng. Thật là tội nghiệp, họ không biết vật liệu làm mái nhà nào khác ngoại trừ rơm rạ; và bây giờ không còn mái nhà nào kiểu ấy còn sót lại, ngay cả tại những nơi từng là chỗ sang trọng nhất. Nhờ có những nhà kiến trúc với sự hiểu biết về kiến trúc mái vòm và cấu trúc chống đỡ hình vòng cung, nếu không ắt hẳn vấn đề nhà ở của nơi này đã khó giải quyết. Trong những tòa nhà dành cho các chiến binh, chúng tôi thấy những cái hốc trong những bức tường bằng đá, giống như những căn phòng nhỏ; ở hai bên là những cái lỗ vừa đủ cho một cánh tay thò vào. Hiển nhiên đây là một nơi để tra tấn. Nạn nhân bị buộc phải cho hai tay vào lỗ và sau đó bị đẩy từ sau lưng cho đến lúc gãy xương. Tôi không tin về hiệu quả của việc tra tấn này nên thử cho hai cánh tay vào lỗ. Alberto đẩy từ từ phía sau: áp lực tạo ra sự đau đớn cùng cực và tôi có cảm giác như cơ thể mình bị vỡ tan nếu như Alberto tiếp tục đẩy.

Nhưng bạn có thể thực sự chiêm ngưỡng vẻ đồ sộ của thành phố-pháo đài này từ Huayna Picchu (Núi Trẻ), cao hơn khoảng 200 mét. Nơi này ắt hẳn là được sử dụng để canh phòng hơn là một nơi để ở hoặc xây dựng pháo đài, bởi vì những vết tích còn lại cho thấy nó chỉ có tầm quan trọng thứ yếu. Machu Picchu không thể bị chiếm cứ từ hai bên hông, bởi nó được bảo vệ bởi một vực sâu rơi thẳng 300 mét đến con sông và một hẻm núi thông với "núi trẻ". Phía sườn dễ bị tấn công nhất được bảo vệ bởi những thềm đất cao liên tục nối tiếp nhau, khiến cho bất cứ cuộc tấn công nào cũng trở nên khó khăn, trong khi đó về hướng nam của Machu Picchu, những pháo đài to lớn và địa thế hẹp tự nhiên của ngọn đồi cũng cản trở những cuộc tấn công từ hướng này. Nếu bạn còn nhớ rằng dòng sông Vilcanota như thác lũ cuộn cuộn quanh chân núi, thì bạn sẽ thấy rằng những cư dân đầu tiên của Machu Picchu quả là rất khôn ngoan trong lựa chọn của họ.

Trong thực tế, chúng tôi hầu như không quan tâm đến nguồn gốc của thành phố. Tốt nhất là hãy để những vấn đề này cho các nhà khảo cổ. Tuy nhiên, quan trọng nhất và không thể chối

cải được là ở đây, chúng tôi tìm thấy vẻ thuần khiết của một giống dân bản xứ hùng mạnh nhất ở châu Mỹ - một giống dân chưa bị nền văn minh chinh phục và có nhiều thứ quý báu giữa những bức tường. Bản thân những bức tường cũng đã chết vì sự quạnh hiu do không có cuộc sống nào ở đó. Phong cảnh ngoạn mục bao quanh pháo đài tạo thành một cái phong thu hút những người hay mơ mộng lang thang đến khu di tích này. Những du khách Bắc Mỹ, với cái nhìn thực dụng và hạn hẹp, có thể gộp chung những thành viên của những bộ tộc đã tan vỡ họ gặp trong chuyến du lịch vào giữa những bức tường này mà không hề ý thức được khoảng cách tâm linh phân biệt những tộc người đó, chỉ có tinh thần bản xứ của những người Nam Mỹ mới có thể nắm bắt được sự khác biệt tinh tế này.

Một đám rước...

Những hồi chuông của ngôi giáo đường Maria Angola ngân vang lần đầu tiên kể từ sau trận động đất. Truyền thuyết cho rằng cái chuông nổi tiếng này, một trong những cái chuông lớn nhất thế giới, trong chuông có chứa 27 kg vàng bên trong. Chuông này được tài trợ bởi một phụ nữ tên Maria Angulo, nhưng tên của cái chuông đã bị đổi do nó có vần với một tiếng lóng(1).

Chi phí trùng tu những tháp chuông của ngôi giáo đường, bị động đất hủy diệt năm 1950, do chính phủ của tướng Franco(2) chi trả, và để tỏ lòng biết ơn, một ban nhạc được chỉ định chơi quốc ca Tây Ban Nha. Khi những hợp âm đầu tiên vang lên, vị giám mục nắm chặt chiếc khăn trùm đầu màu đỏ và vung tay như một con rối. "Ngừng lại. Ngừng lại. Nhầm rồi," ông thì thầm nhưng mọi người có thể nghe rõ giọng đầy phẫn nộ của một người Tây Ban Nha đi chinh phục, "Công trình hai năm trời, bây giờ chúng nó lại chơi như thế này!". Tôi không biết đó có phải là chủ ý không, nhưng thay vì chơi quốc ca Tây Ban Nha, ban nhạc lại chơi bài quốc ca của Đảng Cộng hòa Tây Ban Nha.

Vào buổi chiều, vị mục sư rời khỏi ngôi giáo đường. Trung tâm của sự náo nhiệt chính là bức

tượng Chúa màu nâu sẫm mà ông mang theo. Đoàn người hành hương của ông diễu hành qua thành phố và dừng lại ở tất cả những ngôi giáo đường chính. Khi ông đi ngang qua, một đám đông những kẻ lang thang tranh nhau tung lên những bông hoa nhỏ, loại hoa mọc rất nhiều trên sườn dốc của những ngọn núi lân cận, tiếng địa phương gọi là nucchu. Màu đỏ thắm của hoa, màu đồng dữ dội của bức tượng Chúa và màu bạc của bàn thờ mà họ đặt tượng Chúa làm cho đám rước có ấn tượng như là một lễ hội của đa thần giáo. Cảm giác này càng trở nên mãnh liệt thêm khi mọi người mặc những bộ trang phục nhiều màu sắc của thổ dân. Ngược lại, một nhóm thổ dân mặc trang phục châu Âu, tay cầm biểu ngữ đang đi tuần hành phía trước đám rước. Những gương mặt mệt mỏi, không tự nhiên gợi lên hình ảnh của những người Quechua từ chối nghe theo lời kêu gọi của Manco II, cam kết theo Pizarro để rồi đến khi thất bại, họ đã làm tàn lụi niềm tự hào của một dân tộc độc lập.

Những thổ dân đứng nhìn đám rước đi ngang qua, và thấp thoáng ẩn hiện trong đó là cái đầu tóc vàng hoe của một người Bắc Mỹ. Với chiếc máy ảnh và chiếc áo thể thao, dường như anh ta là (và quả thật, thực sự anh ta là) một phóng viên đến từ một thế giới khác và bị lạc vào cái hoang vắng tịch liêu của đế chế Inca.

Thành phố của những kẻ chinh phục...

Thành phố thịnh vượng trước kia của đế chế Inca đã duy trì thời kỳ vàng son trong nhiều năm. Nơi đây có những con người khoe khoang sự giàu có thật sự của mình. Theo thời gian, họ càng giàu có hơn vì khu vực này là nơi hội tụ của những mỏ vàng, mỏ bạc. Điều làm cho Cuzco không còn mang cái tên "cái rốn của thế giới" lại xuất phát từ bên ngoài.

Của cải, châu báu của thành phố đã tuôn về thủ phủ mới ở bên kia đại dương để làm giàu có thêm cho một triều đình khác. Người thổ dân không còn lao động với lòng quyết tâm trên mảnh đất cằn cỗi của mình; mặc dù những kẻ chinh phục người Tây Ban Nha không đến đây để tranh giành đất đai sinh sống hằng ngày, nhưng họ đến để thu gom của cải với mục đích thể hiện chiến công hay đơn giản là do lòng tham. Dần dần Cuzco trở nên tàn lụi, bị đẩy ra ngoài lề,

mất hút trong những dãy núi. Trên bờ biển Thái Bình Dương, một dịch thủ mới xuất hiện, chính là Lima, phát triển nhờ lợi tức thu được từ việc đánh thuế khi làm nơi trung chuyển của cải tuôn ra từ Peru. Mặc dù không có những biến cố lớn đánh dấu thời kỳ chuyển tiếp này nhưng thủ đô huy hoàng của Inca ngày nay chỉ là những dấu tích của thời gian. Thời gian gần đây có một vài tòa nhà hiện đại mọc lên tương phản với những phế tích, nhưng tất cả những tượng đài của một thời huy hoàng vẫn còn tồn tại.

Ngôi giáo đường đứng sừng sững giữa trung tâm thành phố. Về kiến cổ tiêu biểu cho một thời đại đã làm nó trông giống như một pháo đài hơn là một ngôi nhà thờ. Về rực rỡ của kiến trúc bên trong phản ánh một quá khứ huy hoàng; những bức họa khổng lồ trên các bức tường tuy không sang trọng như những vật trang trí khác nhưng dù sao vẫn còn hài hòa với kiến trúc của ngôi giáo đường, và bức họa thánh Christopher hiện lên khỏi mặt nước, theo tôi là một tác phẩm có giá trị. Động đất đã tàn phá ngôi giáo đường: những bức họa bị vỡ khung và tranh thì trầy trụa hoặc nhàu nát. Tất cả khung và cánh cửa bằng vàng ở phía hông bàn thờ đều bị văng ra khỏi bản lề, tạo ra một hình ảnh kỳ lạ, như thể chúng đang phô bày sự tổn thương đối với thời gian. Không như bạc, vẻ mềm mại, dịu dàng chỉ tồn tại trong một thời gian, vàng luôn giữ được màu sắc và vẻ rực rỡ của nó. Chính vì vậy, ngôi giáo đường trông giống như một phụ nữ đã lớn tuổi nhưng lại trang điểm quá lòe loẹt. Đường nét nghệ thuật đích thực của ngôi giáo đường có thể tìm thấy nơi các đục sâu khâu dành cho ca đoàn. Sân khấu được làm bằng gỗ do thợ thủ công gốc thổ dân hoặc lai châu Âu thực hiện. Khi chạm khắc để mô tả cuộc đời của các vị thánh, những người thợ này đã pha trộn tinh thần Thiên chúa giáo và tâm hồn đầy bí ẩn của nhân dân miền Andes.

Một báu vật của Cuzco rất đáng để du khách thăm viếng là đục giảng kinh của nhà thờ Basilica ở San Blas. Điểm đặc biệt của chiếc đục này chính là ở những đường nét điêu khắc buộc bạn phải dừng chân lại, chiêm ngưỡng trong sự thích thú. Và cũng như đục sâu khâu dành cho ca đoàn, đục giảng kinh này cũng thể hiện sự hợp nhất của hai giống dân thù nghịch nhưng bổ sung cho nhau. Cả thành phố là một viện bảo tàng nghệ thuật rộng lớn: tất nhiên là có sự hiện hữu của những ngôi nhà thờ, nhưng mỗi căn nhà, mỗi ban công nhìn ra đường phố, đều khơi dậy quá khứ. Tất nhiên mỗi thứ có một giá trị riêng của nó. Nhưng giờ đây tại một nơi rất xa thành phố cổ đó, khi tôi viết những dòng nhật ký này, dòng chữ trước mắt tôi dường như nhạt nhòa và trở nên giả tạo, tôi không thể nói điều gì đã gây ấn tượng cho tôi mạnh mẽ nhất. Trong số những dấu tích của những ngôi nhà thờ mà tôi đã viếng thăm, tôi nhớ hình ảnh đáng

thương của những tháp chuông nhà thờ Belen đã bị sụp đổ trong một trận động đất, nhìn giống như những con thú bị chặt hết chân tay nằm trên sườn đồi.

Trước sự tàn phá của thời gian, chỉ có vài bức họa còn sót lại. Nhưng Cuzco không phải là thành phố để viếng thăm chỉ vì có bức tranh này hay bức tranh kia, mà cả thành phố cùng tạo ấn tượng về một thủ phủ thanh bình, dù đôi lúc không yên tĩnh, của một nền văn minh đã bị mai một.

Dấu tích thành phố cổ Cuzco

Nếu mọi thứ hình thành nên Cuzco đã bị xóa sạch khỏi mặt đất, thì vẫn còn một ngôi làng bé nhỏ, dù chẳng có ý nghĩa gì đối với lịch sử, nhưng luôn có những điều khiến người ta nhắc đến. Cuộc sống của chúng tôi trong hai tuần đó vẫn không mất đi chất lãng

du của một cuộc hành trình.

Thư giới thiệu gửi cho bác sĩ Hermosa khá hữu dụng, dù thực ra ông không phải là loại người cần phải có những hình thức trịnh trọng mới ra tay giúp đỡ. Ông chỉ cần biết Alberto đã từng làm việc với bác sĩ Fernandez, một trong những chuyên gia hàng đầu về bệnh phong của châu Mỹ, và Alberto xuất trình danh thiếp bằng những động tác quen thuộc, thế là đủ. Cuộc nói chuyện cởi mở với bác sĩ Hermosa đã cho chúng tôi hình ảnh khá rõ về cuộc sống ở Peru và cơ hội thực hiện một chuyến đi vòng quanh thung lũng của người Inca bằng xe hơi của ông. Ông rất tử tế và cũng là người kiểm cho chúng tôi hai vé xe lửa đi Machu Picchu.

Tốc độ xe lửa ở vùng này trung bình từ 10 đến 20 km/h, chậm như thế là do địa hình ở đây quá nhiều đèo dốc. Để xe lửa có thể vượt qua những con dốc khó khăn khi rời thành phố, đường ray phải được xây dựng sao cho xe chạy tới phía trước một lúc rồi trượt về phía sau sang một tuyến đường khác, rồi từ đó nó bắt đầu leo dốc, và việc chạy tới chạy lui này tiếp tục nhiều lần cho đến khi xe lên đến đỉnh và bắt đầu đổ dốc dọc theo hướng của một con sông mà cuối nguồn là Vilcanota. Trên chuyến xe lửa, chúng tôi gặp hai tên lừa đảo bán thảo dược và bói toán. Chúng rất thân thiện với chúng tôi, chia sẻ thức ăn sau khi chúng tôi mời chúng uống trà thảo dược. Trên đường đến khu di tích, chúng tôi tình cờ gặp một nhóm cầu thủ bóng đá và được mời tham gia. Tôi đã có dịp phô trương vài cú bắt bóng điệu nghệ trước khi khiêm tốn tự nhận mình đã từng chơi trong giải ngoại hạng tại Buenos Aires. Còn Alberto thể hiện mình trong vai trò một trung phong xuất sắc. Chúng tôi chơi trên một sân địa phương gọi là Pampa. Phong cách của chúng tôi đã gây sự chú ý cho ông bầu của đội bóng và cũng là chủ khách sạn. Ông mời chúng tôi ở lại vài ngày, cho đến khi một nhóm người Bắc Mỹ đến bằng xe lửa chở hành khách đặc biệt. Ngài Soto, một con người tuyệt vời và có học thức cao, và sau khi nói chán về thể thao chúng tôi chuyển sang nói chi tiết về văn hóa Inca, đây là lĩnh vực mà ông hiểu biết rất rộng.

Chúng tôi cảm thấy rất buồn khi đến lúc phải ra đi. Chúng tôi uống ly cà phê tuyệt vời cuối cùng do chính tay ngài Soto pha và lên chiếc xe lửa nhỏ trong cuộc hành trình kéo dài 12 giờ trở về Cuzco. Trên những chuyến xe lửa loại này có những toa xe hạng ba dành cho thổ dân địa phương: chúng trông giống như những toa xe chở súc vật mà người ta thường sử dụng tại Argentina, ngoại trừ một điều là mùi phân bò còn dễ chịu hơn mùi con người ở đây. Những cư dân địa phương này có nhận thức và phương tiện vệ sinh rất kém. Bất kể nam nữ và tuổi tác,

họ đi vệ sinh ngay ở lề đường, phụ nữ thì lấy váy lau chùi, còn đàn ông thì thản nhiên như không, và rồi họ lại tiếp tục lên đường. Váy lót của phụ nữ có con nhỏ thực sự là một nơi chứa phân, hậu quả của việc họ lau chùi mấy đứa nhỏ khi chúng làm bậy. Tất nhiên du khách đi trên những toa xe sang trọng chỉ có những khái niệm mơ hồ về điều kiện sống của thổ dân khi họ nhìn lướt qua, lúc xe của họ vượt qua xe chúng tôi. Sự thật chính là do Bingham - nhà khảo cổ người Mỹ khám phá ra khu di tích Machu Picchu - đã trình bày tỉ mỉ những khám phá của ông trong những bài báo, rằng Machu Picchu bây giờ rất nổi tiếng và đại đa số người Bắc Mỹ khi viếng thăm Peru đều đến đây. (Thường thì họ bay thẳng đến Lima, đi tour đến Cuzco, viếng thăm khu di tích và quay thẳng về nhà, tin rằng không còn cái gì khác đáng để xem ở đây.)

Viện bảo tàng khảo cổ ở Cuzco khá nghèo nàn. Khi chính quyền để ý đến núi kho báu bị bọn buôn lậu chuyển đi thì đã quá muộn. Những kẻ săn lùng kho báu, du khách, những nhà khảo cổ nước ngoài, và bất cứ ai thích đồ cổ cũng có thể ra tay cướp phá một cách có hệ thống và người ta chỉ có thể thu thập cho viện bảo tàng những gì còn sót lại, nói chính xác hơn là những mảnh vụn rơi rớt lại. Vậy mà đối với những người như chúng tôi, những người không có hiểu biết nhiều về khảo cổ và với mức kiến thức lộn xộn mới thu thập được về nền văn minh Inca, như thế cũng đủ để tham quan, khiến chúng tôi trở đi trở lại nơi này trong vài ngày. Người phụ trách bảo tàng là một thổ dân lai châu Âu. Ông có kiến thức rất rộng và vẫn giữ được sự nhiệt tình đối với bộ tộc mà dòng máu của họ vẫn còn chảy trong huyết quản của ông. Ông kể cho chúng tôi về quá khứ huy hoàng và thực tại khốn khổ, về nhu cầu cấp thiết phải giáo dục thổ dân, như là bước đầu tiên trong công cuộc phục hồi sức mạnh của một dân tộc.

Ông nhấn mạnh rằng việc cải thiện ngay đời sống kinh tế của những gia đình thổ dân là cách duy nhất để làm giảm tác dụng gây nghiện của coca và rượu. Ông nói về việc khuyến khích người dân tìm hiểu về người Quechua, để có thể nhìn lại và tự hào về quá khứ, hơn là nhìn vào thực tại và cảm thấy tủi nhục vì là người thổ dân hay là người thổ dân lai châu Âu. Vấn đề về cây coca đang còn tranh cãi ở Liên hiệp quốc, chúng tôi nói với ông về kinh nghiệm của mình đối với ma túy và tác hại của nó. Ông đáp lại rằng ông đã từng bị nghiện và tuôn ra một tràng chửi rủa đối với những ai kiếm tiền bằng việc đầu độc rất nhiều người dân. Người Quechua và Colla chiếm đại đa số ở Peru chính là những người tiêu thụ coca. Tính cách của người hướng dẫn, đôi mắt rực sáng nhiệt tình và niềm tin vào tương lai của ông đã góp thêm một báu vật nữa cho viện bảo tàng, nhưng là một báu vật sống, bằng chứng của một chủng tộc vẫn còn đang đấu tranh để được công nhận.

Nỗi đau trại phong Huambo

Không còn nơi nào để đi tiếp nên theo lời khuyên của Gardel(1), chúng tôi chuyển hướng sang phía bắc. Abancay là một chặng dừng bắt buộc vì chỉ ở đó mới có xe tải đi Huancarama, thị trấn cuối cùng trước khi đến trại phong ở Huambo.

Mánh lới cầu xin giường ngủ và chỗ trọ chẳng có gì thay đổi so với trước đó (tại đồn biên phòng và bệnh viện), và cách xin đi quá giang cũng vẫn như xưa, ngoại trừ lần này chúng tôi phải đợi đến hai ngày vì không có xe trong những ngày lễ Phục sinh. Chúng tôi đi lang thang quanh ngôi làng nhỏ, chẳng thấy gì đặc biệt hấp dẫn để quên cơn đói, vì thức ăn tại bệnh viện rất ít ỏi. Nằm trên cánh đồng cạnh một con suối, chúng tôi ngắm nhìn trời chiều, mơ màng về kỷ niệm của những cuộc tình xưa, hoặc ngắm nhìn hình dáng của mây trời và tưởng tượng những hình ảnh hấp dẫn của thức ăn.

Trên đường trở về trạm canh sát để ngủ một chút, chúng tôi đi bằng đường tắt và nhanh chóng bị lạc đường. Chúng tôi băng qua những cánh đồng, vượt qua những hàng rào và cuối cùng dừng chân trước cổng một căn nhà. Chúng tôi leo qua bức tường đá và thấy một con chó cùng với người chủ, dưới ánh trăng tròn trông cả hai như những bóng ma. Nhưng chúng tôi đã không nhận ra rằng hình hài của mình trên nền trời đêm cũng thật là khủng khiếp. Chúng tôi lịch sự chào nhưng chỉ nghe đáp lại bằng những âm thanh khó hiểu - tôi nghĩ là tôi nghe được tiếng "Viracocha"(1) - rồi người đàn ông và con chó chạy biến vào nhà, không màng đến những lời xin lỗi và tiếng gọi thân thiện của chúng tôi. Chúng tôi lặng lẽ đi khỏi bằng cổng trước, dẫn đến một con đường có lẽ đưa chúng tôi đi đúng hướng.

Trong lúc buồn chán, chúng tôi đến nhà thờ để xem lễ tại địa phương. Vị giáo sĩ đáng thương cố giảng một bài khoảng ba tiếng đồng hồ, nhưng được một tiếng ruồi thì số vốn những câu trích dẫn của ông đã cạn kiệt. Ông nhìn về phía giáo dân với ánh mắt như van xin, trong khi bàn tay ông tuyệt vọng chỉ các nơi trong nhà thờ: "Nhìn kia, nhìn kia, Chúa đã đến với chúng ta, Chúa đang ngự trị trong mỗi chúng ta và tinh thần của Người hướng dẫn chúng ta". Sau giây lát im lặng, vị giáo sĩ chuyển sang một chủ đề khác và ngay khi ông ta im lặng một lần nữa - sự im

lặng đầy kịch tính - ông ta lại nói những câu vô nghĩa tương tự. Chúa bị đem ra giới thiệu đến năm sáu lần, và chúng tôi nhanh chân ra về trước sự nhốn nháo của những giáo dân.

Tôi không thể nói chính xác đâu là nguyên nhân của một cơn suyễn (mặc dù tôi có thể đoán được), nhưng cho đến khi chúng tôi đến Huancarama thì tôi hầu như không còn đứng nổi. Không còn thuốc Adrenalin nên cơn suyễn càng trở nên tệ hại. Cuộn mình trong một tấm chăn của cảnh sát, tôi nhìn trời mưa và hút thuốc lá đen hết điếu này đến điếu khác để làm giảm phần nào sự mệt mỏi. Đến gần sáng, tôi dựa vào cột hành lang cố dỗ giấc ngủ. Sáng hôm sau tôi cảm thấy khá hơn một chút và Alberto đã tìm được một ít thuốc Adrenalin. Adrenalin cùng với thuốc Aspirin đã làm tôi cảm thấy khỏe hẳn.

Chúng tôi trình diện viên trung úy phụ trách, một chức vụ tương đương với trưởng làng, và xin anh ta cấp cho một cặp ngựa để đến trại phong. Con người thân thiện này hứa trong năm phút ngựa sẽ chờ sẵn chúng tôi tại trạm cảnh sát. Trong khi chờ đợi, chúng tôi xem một tập thanh niên lố nhố tập luyện dưới sự quát tháo của người lính hôm trước đã đối xử với chúng tôi rất tử tế. Khi thấy chúng tôi đến, anh ta đứng chào đầy vẻ tôn kính rồi tiếp tục ra lệnh cho đám thanh niên lóng ngóng tập luyện. Tại Peru, cứ 5 thanh niên đến tuổi thì một người phải thi hành nghĩa vụ quân sự. Những người còn lại phải tập quân sự vào mỗi Chủ Nhật, và đây là những nạn nhân của anh lính mà chúng tôi đã được tận mắt chứng kiến. Thật ra, tất cả bọn họ đều là nạn nhân: mọi thanh niên đến tuổi nhập ngũ đều phải chịu đựng sự hà khắc của người chỉ huy. Hầu như không ai hiểu được tiếng Tây Ban Nha của người chỉ huy, cũng không hiểu được tầm quan trọng cơ bản của việc quay trái, quay phải; không biết đi đều bước và dừng lại theo mệnh lệnh, những thanh niên này tập luyện không tích cực và như thế cũng đủ làm bất cứ ai tức giận.

Khi ngựa đã sẵn sàng, anh lính phân công một người dẫn đường chỉ biết nói tiếng Quechua đi kèm với chúng tôi. Con đường bắt đầu bằng một đoạn đường núi mà có lẽ không một con ngựa nào khác có thể vượt qua được. Ở những chỗ khó khăn, người dẫn đường dắt ngựa đi trước. Đi được 2/3 đoạn đường thì có một bà lão và một người thanh niên xuất hiện. Họ nắm lấy dây cương và tuôn ra một tràng tiếng chửi rủa mà tôi chỉ đoán được một tiếng "ngựa". Lúc đầu tôi cứ nghĩ là họ là người bán rổ vì người đàn bà mang theo rất nhiều rổ mây. "Tôi không mua. Tôi không muốn", có lẽ tôi sẽ tiếp tục nói như thế với bà lão nếu Alberto không nhắc tôi rằng họ là người Quechua, chứ không phải là Tarzan hoặc khỉ đột. Cuối cùng chúng tôi tìm

được một người đi từ hướng ngược lại và biết nói tiếng Tây Ban Nha. Anh ta giải thích rằng những thổ dân này là chủ của những con ngựa; rằng họ đang cưỡi ngựa đi ngang nhà của viên trung úy thì anh ta lấy ngựa của họ đem cho chúng tôi. Một trong những thanh niên đang tập quân sự là chủ của con ngựa. Anh phải vượt qua bảy dặm đường để thi hành nghĩa vụ quân sự, và người đàn bà nghèo khổ này sống ở nơi chúng tôi đang hướng đến. Chúng tôi đã hành xử như những con người có hiểu biết - xuống ngựa và tiếp tục cuộc bộ. Người dẫn đường mang hết đồ đạc của chúng tôi trên lưng. Chúng tôi đã hoàn tất đoạn đường cuối cùng để đến trại phong bằng cách ấy. Khi chúng tôi cho người dẫn đường một đồng sol, anh ta cảm ơn rồi rút cho dù đó chỉ là một đồng bạc nhỏ nhoi.

Ngài Montejo, giám đốc bệnh viện phong, đã tiếp đón chúng tôi. Dù không cho chỗ trọ, ông đã gửi chúng tôi đến nhà của một chủ đất trong khu vực. Người chủ trại cho chúng tôi một căn phòng có giường ngủ và thức ăn, đối với chúng tôi như thế là quá đủ. Sáng hôm sau chúng tôi đi thăm bệnh nhân tại một bệnh xá. Những người ở đây đang làm một công việc rất cao cả, cho dù chẳng ai quan tâm chú ý đến điều đó. Tình trạng của nơi này thật là thảm hại. 2/3 của một khu vực nhỏ, kích thước nhỏ hơn nửa dãy phòng ở bệnh viện, được dùng làm "khu bệnh" và trong đó diễn ra toàn bộ cuộc sống của 31 con người không còn hy vọng sống. Tôi có cảm giác họ đang nhìn thời gian trôi qua và thờ ơ với cái chết đang đến. Điều kiện vệ sinh ở đây thật khủng khiếp. Dù điều này chẳng là gì với thổ dân miền núi, nhưng đối với những người đến từ vùng khác, chỉ cần có một chút trình độ giáo dục, họ sẽ thấy nơi đây thật là khốn khổ. Chỉ nghĩ đến việc phải sống cả đời giữa bốn bức tường gạch, xung quanh là những người khác ngôn ngữ và chỉ có bốn người phục vụ mỗi ngày đến thăm một lần ngắn ngủi, cũng đủ khiến thần kinh người ta suy sụp.

Chúng tôi đến một căn phòng mái lợp rơm, nền đất, nơi một cô gái da trắng đang đọc Cousin Basilio của Queiros. Ngay sau khi chúng tôi bắt đầu nói chuyện, cô gái đã khóc òa, kể rằng cuộc đời cô khổ nhục như khi Chúa bị đóng đinh - cô đang sống trong địa ngục trần gian. Cô gái đáng thương này đến từ vùng Amazon và được thông báo tin chẳng lành. Cô nói người ta sẽ đưa cô đến một nơi tốt đẹp hơn để chữa trị. Bệnh viện ở Cuzco, dù không toàn mỹ, nhưng là một nơi có tiện nghi. Tôi tin vào sự diễn đạt của cô, "Chúa bị đóng đinh" là cách nói duy nhất để diễn tả tình trạng hiện thời của cô gái. Chỉ có một điều có thể chấp nhận được ở bệnh viện này là việc điều trị bằng thuốc, còn những thứ khác tùy thuộc vào định mệnh và tinh thần chịu đựng của những thổ dân miền núi của Peru.

Sự kém hiểu biết của cư dân quanh vùng càng làm tăng nỗi cô đơn của những bệnh nhân và nhân viên y tế. Một người đã nói với chúng tôi rằng bác sĩ trưởng kíp mổ của bệnh viện cần phải thực hiện một ca phẫu thuật quan trọng, nhưng ông không thể làm việc này trên bàn mổ trong tình trạng thiếu các thiết bị phẫu thuật. Vậy nên ông đã yêu cầu một nơi để giải phẫu, thậm chí cho dù đó là một nhà xác, tại một bệnh viện gần đó ở Andahuaylas. Nhưng câu trả lời là "Không", và bệnh nhân đã chết vì không được điều trị. Ngài Montejo bảo chúng tôi rằng khi trung tâm điều trị bệnh phong này được thành lập theo sáng kiến của bác sĩ Pesce, một chuyên gia nổi tiếng về bệnh phong, ông có trách nhiệm tổ chức những dịch vụ mới. Nhưng khi ông đến thị trấn Huancarama, không có một lý quán hoặc khách sạn nào dám cho ông thuê phòng nghỉ qua đêm; bạn bè quen biết ở thị trấn cũng từ chối không cho ông tạm trú; và khi mưa xuống, ông buộc phải tìm nơi trú ẩn và ngủ qua đêm trong một chuồng heo. Bệnh nhân nói rằng họ phải đi bộ tới trại phong bởi vì không ai dám cho họ mượn ngựa - đó là những năm sau khi trại phong đã được thành lập.

Sau khi chào đón trịnh trọng, họ hướng dẫn chúng tôi lên thăm một bệnh viện mới cách bệnh viện cũ vài kilômét. Khi hỏi ý kiến chúng tôi, ánh mắt của những nhân viên bệnh viện sáng lên vì kiêu hãnh, như thể tòa nhà này là sáng tạo của riêng họ, do mồ hôi công sức của họ xây dựng nên từng viên gạch một. Thật là khá nhấn tâm khi phải phê phán, nhưng bệnh viện phong mới cũng có cùng những thiếu sót như bệnh viện cũ: thiếu phòng thí nghiệm, thiếu trang thiết bị phẫu thuật, tệ hơn nữa, nó nằm trên một vùng đất luôn bị muỗi quấy phá, cho thấy nỗi thống khổ của những ai phải sống cả ngày ở đây. Vâng, nó có thể chứa được 250 bệnh nhân, có một bác sĩ thường trực và có một số tiến bộ về mặt vệ sinh, nhưng vẫn còn nhiều thứ phải làm.

Sau hai ngày ở lại nơi này, bệnh suyễn của tôi càng trở nên tệ hại, chúng tôi quyết định ra đi và tìm chỗ chữa trị thích hợp.

Được người chủ trại cung cấp ngựa, chúng tôi lên đường trở về cùng với người dẫn đường chỉ biết nói tiếng Quechua. Anh ta phải mang những bao hành lý của chúng tôi theo như lời dặn dò của ông chủ. Trong suy nghĩ của những người giàu có ở thành thị thì người làm công, dù phải đi bộ, phải mang vác và phải chịu những khó khăn gian khổ, cũng là chuyện bình thường. Chúng tôi chờ cho đến lúc đi qua khúc cua, khi bóng dáng chúng tôi đã khuất thì lấy lại bao

hành lý trên lưng người dẫn đường. Gương mặt đầy bí ẩn của anh chẳng lộ vẻ gì là tán đồng hay không trước hành động tử tế của chúng tôi.

Trở lại Huancarama, chúng tôi vẫn ở đồn biên phòng và chờ qua ngày hôm sau thì đón được một chiếc xe tải chạy về hướng bắc. Sau một ngày ngồi xe đến kiệt sức, cuối cùng chúng tôi đã đến thị trấn Andahuaylas, và tôi đi thẳng đến bệnh viện để điều trị.

Hướng đến phương Bắc

Sau khi nghỉ ngơi hai ngày tại bệnh viện và đã hồi phục được phần nào sức khỏe, chúng tôi rời nơi đó để một lần nữa chấp nhận lòng tử tế của những người bạn của chúng tôi, những chiến sĩ biên phòng, những người vẫn vui vẻ đón tiếp chúng tôi như thường lệ.

Chúng tôi đã cạn tiền nên hầu như không dám ăn thứ gì; chúng tôi không muốn đụng đến số tiền còn lại trước khi đến Lima, nơi chúng tôi hy vọng sẽ kiếm được một công việc làm có thù lao để tiết kiệm đủ tiền tiếp tục cuộc hành trình, bởi vì bây giờ chắc chắn là không còn có chuyện quay trở lại nữa.

Đêm chờ đợi đầu tiên trôi qua rất đẹp bởi vì viên trung úy phụ trách đồn biên phòng thân thiện và dễ gần đã mời chúng tôi ăn uống no say để đủ sức cho những gì đang chờ đợi phía trước. Tuy nhiên hai ngày tiếp theo là hai ngày buồn chán và đói. Chúng tôi không dám đi xa hơn trạm kiểm soát bởi vì đây là nơi các tài xế xe vận tải phải dừng lại để kiểm tra giấy tờ trước khi tiếp tục hành trình.

Vào cuối ngày thứ ba, tức là ngày thứ năm chúng tôi ở lại Andahuaylas, xe xuất hiện kịp lúc chúng tôi đang đợi chờ mòn mỏi. Bởi vì trước đó Alberto đã phản ứng dữ dội khi thấy những binh sĩ biên phòng lăng nhục một phụ nữ thổ dân khi bà ta mang thức ăn cho chồng đang bị giam giữ. Phản ứng của anh ắt hẳn là hoàn toàn xa lạ với những người chỉ xem thổ dân không

hơn gì những món đồ vật, được sống là may mắn lắm rồi. Sau chuyện đó, chúng tôi không còn được họ quý mến và ưu đãi như trước nữa.

Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi rời ngôi làng mà chúng tôi bất đắc dĩ trở thành tù nhân trong vài ngày. Chiếc xe tải bây giờ phải leo lên đỉnh những ngọn núi bảo vệ cửa ngõ phía bắc của Andahuaylas, và mỗi phút trời càng lạnh hơn. Khi lên đến đỉnh, chúng tôi hoàn toàn bị ướt sũng vì cơn mưa đông dữ dội của khu vực và lần này chúng tôi phải chống lại cơn mưa bằng cách chui vào thùng một xe tải đang chở 10 con bò con đến Lima và một thằng bé thổ dân phụ việc cho tài xế. Tất cả chúng tôi ngủ đêm tại một thị trấn tên là Chincheros. Lạnh quá, chúng tôi quên mình cũng là những người cùng khổ, không tiền, chúng tôi ăn một bữa ăn vô cùng đạm bạc và hỏi xin giường ngủ cho hai người. Không cần phải nói, kèm theo những lời thỉnh cầu là những giọt nước mắt và những lời than khóc phần nào làm động lòng người chủ: năm đồng sol cho mọi thứ. Cả ngày hôm sau xe chúng tôi đi từ hẻm núi đến những cánh đồng cỏ hoang mà người ta gọi là cao nguyên trên đỉnh những dãy núi xuyên suốt Peru. Địa hình của đất nước này hầu như không có chỗ nào bằng phẳng, ngoại trừ vùng rừng rậm Amazon. Nhiều giờ trôi qua và nhiệm vụ của chúng tôi càng trở nên khó khăn hơn vì những con bò quá mệt mỏi do phải đứng mãi một vị trí đã bắt đầu té ngã trước những cú dằn xóc của chiếc xe tải. Chúng tôi phải vực chúng dậy, bởi chúng có thể chết vì giẫm đạp lẫn nhau.

Có lúc Alberto nghĩ là sừng của một con bò này làm trầy mắt một con bò khác và anh nói điều này với thằng bé thổ dân đứng gần đó. Với một cái nhún vai, nó nói, "Mặc kệ nó! Bò chỉ nhìn phân của nó thôi!" rồi lại lặng lẽ cột một cái nút đang làm dở.

Cuối cùng chúng tôi đến Ayacucho, nổi tiếng trong lịch sử châu Mỹ La tinh về trận đánh có tính chất quyết định mà Bolivar đã giành chiến thắng trên vùng thảo nguyên vây quanh thị trấn. Hệ thống đèn đường kém cỏi là điều khó chịu cho toàn vùng đồi núi lởm chởm của Peru, đến đây lại càng tệ hại hơn, chỉ đủ sức phát ra những tia màu cam yếu ớt le lói trong đêm. Một người đàn ông có sở thích kết bạn với người nước ngoài đã mời chúng tôi nghỉ đêm tại nhà ông và ngày hôm sau tìm cho chúng tôi một chiếc xe tải đi tiếp về hướng bắc. Vậy nên chúng tôi chỉ có thể thăm một hoặc hai ngôi nhà thờ trong số 33 nhà thờ của thị trấn nhỏ bé này. Chúng tôi nói lời từ biệt với người bạn tốt rồi lên đường đến Lima.

Băng qua Beru

Cuộc hành trình của chúng tôi vẫn tiếp tục theo cùng một kiểu như cũ, thỉnh thoảng được ăn no khi gặp được một tấm lòng quảng đại. Tối hôm đó người ta nói với chúng tôi rằng có một vụ lở đất ở phía trước và xe không thể vượt qua được. Chúng tôi phải qua đêm trong một ngôi làng nhỏ tên là Anco.

Sáng sớm hôm sau mọi người lại lên đường, nhưng mới chạy được một chút thì xe đã đến chỗ đất lở và chúng tôi phải nghỉ cả một ngày ở đó, đói bụng và hiếu kỳ, quan sát công nhân cho nổ những khối đá khổng lồ nằm giữa đường. Cứ mỗi công nhân thì có không ít hơn năm

giám sát hồng hách. Họ quát tháo và cản trở công việc của những người cho nổ mìn, những người mà bản thân họ đã không phải là công nhân chuyên nghiệp.

Chúng tôi cố dẫn cơn đói bằng cách xuống bơi ở một dòng sông cuộn cuộn như thác, nhưng nước quá lạnh không thể tắm lâu được và cả hai đều không thể chống lại cái lạnh như đã nói trước đây. Cuối cùng, trước nỗi thảm hại của chúng tôi, một người đàn ông cho chúng tôi vài trái bắp và một người khác cho một ít tim bò và đồ lòng chưa nấu.

Một phụ nữ cho chúng tôi mượn cái nồi và chúng tôi bắt đầu nấu bữa ăn. Nhưng vừa mới nửa chừng thì thợ nổ mìn đã thông đường và đoàn xe tải bắt đầu lăn bánh. Người đàn bà lấy lại cái nồi. Thế là chúng tôi đành phải cắt mấy miếng thịt sống và ăn bắp chưa chín. Như để che phủ nỗi khốn cùng của chúng tôi, màn đêm buông xuống và một cơn mưa dông khủng khiếp đã biến con đường thành một dòng sông đầy bùn thật nguy hiểm. Mỗi lần chỉ có một xe tải được đi qua, vì vậy những xe ở gần chỗ đất lở được qua trước, tiếp theo là những xe ở bên phía chúng tôi. Xe của chúng tôi là một trong những xe đầu tiên của một hàng dài những xe tải, nhưng chiếc xe đầu tiên mất thăng bằng và đâm vào một chiếc xe máy kéo, thế là tất cả lại bị mắc kẹt. Cuối cùng một chiếc xe cần cẩu từ phía bên kia con dốc chạy xuống trục chiếc xe tải qua một bên đường, và đoàn xe lại tiếp tục lăn bánh. Xe chúng tôi chạy suốt đêm, từ những thung lũng đến những đồng cỏ Peru giá lạnh, nơi chúng tôi phải hứng chịu những cơn mưa đá. Alberto và tôi ngồi yên một chỗ, răng đánh bò cạp vì lạnh và chúng tôi phải co duỗi chân liên tục để khỏi bị chuột rút. Cơn đói như một con thú kỳ lạ, không ở yên một chỗ mà lại ở khắp cơ thể, khiến chúng tôi trở nên bồn chồn và khó chịu.

Chúng tôi đến Huancallo vào lúc bình minh và phải đi bộ 15 dặm phố từ chỗ xe tải thả chúng tôi xuống tại đồn biên phòng. Chúng tôi mua một ít bánh mì, pha trà thảo dược và bắt đầu mang tim và lòng bò ra nấu tiếp, nhưng chưa kịp cho thêm than vào ngọn lửa mới nhóm thì một chiếc xe tải hướng đến Oxapampa cho chúng tôi quá giang. Chúng tôi muốn đi Oxapampa vì mẹ của một người bạn Argentina của chúng tôi đang sống ở đó. Chúng tôi hy vọng bà sẽ giúp chúng tôi giải quyết cơn đói trong vài ngày và có lẽ sẽ cho chúng tôi vài đồng sol. Vì vậy chúng tôi rời khỏi Huancallo mà chưa được tham quan nơi đây do bị thúc đẩy bởi tiếng than khóc của hai cái bao tử trống rỗng.

Đoạn đầu của con đường thật là tuyệt vời, đi qua một số thị trấn, nhưng đến sáu giờ tối thì xe bắt đầu đổ dốc xuống một con đường cực kỳ hẹp và nguy hiểm, chỉ vừa đủ cho một chiếc xe lọt qua. Thông thường thì người ta quy định chiều lưu thông vào những ngày cụ thể, nhưng vì những lý do không rõ mà luôn có những ngoại lệ vào những ngày này. Và xe tải nhường nhau để nhích từng chút qua bờ dốc cheo leo - một cảnh tượng chẳng yên tâm chút nào.

Alberto và tôi nép mình trong một góc xe, sẵn sàng nhảy ra ngoài khi có dấu hiệu đầu tiên của tai nạn. Nhưng những người thổ dân chẳng hề sợ hãi. Nỗi sợ của chúng tôi là có căn cứ, bởi vì nhiều tai nạn đã xảy ra quanh chỗ núi non hiểm trở này. Bất cứ xe tải nào bị lệch ra khỏi đường sẽ cùng những hành khách của nó lao xuống vực sâu 200 mét, lao vào con sông đang sôi bọt bên dưới - và không hy vọng có ai sống sót.

May mắn thay, lần này không có chuyện rủi ro xảy ra. Khoảng 10 giờ đêm, chúng tôi đến một ngôi làng mang tên La Merced, nằm trong một vùng đất thấp và có dáng vẻ của một ngôi làng trong rừng già nhiệt đới. Một tấm lòng nhân hậu đã nhường cho chúng tôi một cái giường để nghỉ qua đêm và một bữa ăn no. Bữa ăn được mang đến vào phút chót khi có một người đến xem chúng tôi có làm sao không, đúng vào lúc chúng tôi chưa kịp giấu một mớ vỏ cam dùng để làm dịu cơn đói.

Tại đồn biên phòng của thị trấn, chúng tôi được biết rằng không có xe nào dừng lại để trình giấy, và như thế rất khó để chúng tôi xin đi quá giang. Và chúng tôi cũng được nghe một vụ mưu sát mà thủ phạm bị nghi ngờ chính là con trai của nạn nhân và một người da ngăm đen, bạn của nạn nhân. Vụ mưu sát xảy ra một cách đầy bí ẩn vài ngày trước đó, và nghi can số một là anh con trai thổ dân. Viên trung sĩ cho chúng tôi xem tấm ảnh và nói, "Nhìn này các bác sĩ, hình ảnh điển hình của một tên sát nhân." Chúng tôi gật đầu, nhưng khi rời khỏi trạm cảnh sát tôi hỏi Alberto, "Ai mới thực sự là kẻ sát nhân?" Và suy nghĩ của anh rất giống tôi rằng gã da ngăm đen mới đáng nghi hơn người thổ dân.

Trong nhiều giờ liền chờ xe, chúng tôi làm bạn với một người nói rằng anh ta có thể thu xếp mọi thứ mà chúng tôi không phải tốn một đồng nào. Để minh chứng cho lời nói, hắn nói chuyện với một tài xế xe tải và người này đồng ý chở chúng tôi. Nhưng một lát sau chúng tôi mới biết là hắn đã dàn xếp với tài xế chở chúng tôi với giá 15 đồng sol mỗi người, tức là rẻ hơn

giá thông thường năm đồng. Chúng tôi nài nỉ là chúng tôi hoàn toàn rỗng túi, thực sự là chỉ còn lại vài xu. Hắn hứa là sẽ trả món nợ tiền xe, và đây là những gì hắn đã làm: chở chúng tôi trở về trong đêm ngay sau khi đã đến nơi.

Không đến nỗi tệ hại như con đường hôm trước, con đường lần này hẹp nhưng khá đẹp, lượn qua khu rừng già hoặc một đồn điền trái cây nhiệt đới: chuối, đu đủ và những loại trái cây khác. Con đường hết lên dốc rồi lại xuống đồi suốt tuyến đường đến Oxapampa, khoảng 1.000 mét cao hơn mặt biển, đó là nơi đến của chúng tôi và cũng là điểm cuối của con đường.

Cho đến lúc này chúng tôi vẫn đi cùng xe với gã da ngăm đen, nhân vật đã được nói đến trong vụ mưu sát. Tại một chặng dừng giữa đường, hắn mua cho chúng tôi một phần ăn và lên lớp về cà phê, đu đủ và nô lệ da đen mà ông nội của hắn là một trong số đó. Hắn nói một cách cởi mở về vấn đề này, nhưng nếu để ý, bạn có thể thấy sự tủi nhục trong giọng nói của hắn. Lúc này, tôi và Alberto đồng ý rằng hắn không có liên quan đến vụ mưu sát người bạn của hắn.

Làm khách không mời mà đến...

Chúng tôi chán nản cùng cực khi sáng hôm sau mới biết rằng người bạn Argentina đã cho chúng tôi thông tin không đúng và mẹ của anh ta đã lâu rồi không sống ở Oxapampa. Sống ở đó là một người anh em rể, vì vậy người này phải lãnh đủ trong việc giúp cho hai thân xác lang thang của chúng tôi khỏi chết đói.

Sự tiếp đãi thật là nồng hậu và chúng tôi có một bữa ăn được làm ngay tại chỗ, nhưng chẳng bao lâu sau chúng tôi nhận ra rằng mình được tiếp đãi tử tế là do truyền thống lịch sự của người Peru. Nhưng chúng tôi quyết định quên hết mọi thứ để tiếp tục ăn tại nhà của những người bạn bất đắc dĩ, bởi chúng tôi đã cạn tiền và đã trải qua nhiều ngày đói khát.

Chúng tôi có một ngày thật tuyệt vời: tắm sông để cho tất cả ưu phiền tan biến, ăn nhiều thức ăn ngon và uống cà phê tuyệt hảo. Nhưng tất cả những điều tốt đẹp rồi thì cũng đau buồn đi đến hồi kết thúc, vì đến đêm ngày thứ hai, người kỹ sư ("ông chủ" của chúng tôi là kỹ sư) xuất hiện với một giải pháp có thể giúp ông thoát khỏi kiếp nạn này. Cách này không những hiệu quả mà còn đặc biệt rẻ: một thanh tra cầu đường đã đồng ý chở chúng tôi thẳng đến Lima. Đối với chúng tôi dường như đây là một ý kiến tuyệt vời, bởi vì chúng tôi muốn đến thủ đô để thử cải thiện thời vận. Nói một cách khác, đến Lima là một giải pháp vẹn toàn.

Đêm hôm đó chúng tôi lên phía sau xe tải, và sau khi chúng tôi chịu trận với một cơn mưa lớn ướt tới tận xương, tài xế thả chúng tôi xuống San Ramon vào lúc hai giờ sáng, tức là chưa được nửa đường đến Lima. Tài xế nói rằng chúng tôi phải chờ trong khi hắn đổi xe và để trấn an, hắn để người phụ xế ở lại cùng chúng tôi. Sau 10 phút, gã đàn ông đó đi mua thuốc lá và cho đến năm giờ sáng thì hai gã thanh niên Argentina khôn ngoan này ăn sáng trong sự cay đắng khi nhận ra mình đã bị lừa.

Tôi rửa thầm và cầu mong tên tài xế đó sẽ phải trả giá cho những lời nói dối của hắn: tài xế - dững sĩ đấu bò sẽ chết trên chính cái sừng của một trong những con bò của hắn... (trong thâm tâm tôi biết có một điều gì đó không ổn nhưng dường như hắn là một người tốt mà chúng tôi đã tin tưởng ... ngay cả câu chuyện đổi xe.)

Đến rạng sáng, chúng tôi gặp hai tên say rượu và chúng tôi đã sử dụng mảnh lời cũ như sau:

1. Nói lớn một điều gì đó để người ta nhận biết chúng tôi là người Argentina, đại loại như nói điều gì có tiếng "che" cùng với một số tiếng lóng và làm ra vẻ lè nhè. Khi cá đã cắn câu, chúng tôi bắt đầu gọt chuyện.

2. Bắt đầu nói về những nỗi khổ nhưng không nên nói nhiều quá, trong khi đó mắt nhìn về một hướng xa xăm.

3. Tôi xen vào và hỏi ngày tháng; một người nào đó trả lời và Alberto thở dài nói, "Thật là trùng hợp, ngày này năm ngoái..." Đối tượng sẽ hỏi đó là ngày gì ; chúng tôi đáp rằng đó là lúc chúng tôi bắt đầu chuyển đi.

4. Alberto, trơ tráo hơn tôi, buông ra một tiếng thở dài và nói, "Thật là tệ hại khi tụi tôi phải ở trong tình cảnh như thế này, tụi tôi không thể tổ chức lễ kỷ niệm" (anh nói thì thầm như muốn giải bày). Đối tượng ngay lập tức sẽ đề nghị được chi trả; chúng tôi giả vờ từ chối, ý muốn nói là chúng tôi không thể trả lại... và cuối cùng chúng tôi đành phải chấp nhận sự giúp đỡ đó.

5. Sau ly đầu tiên, tôi cương quyết từ chối không uống nữa và Alberto tỏ vẻ khó chịu. Đối tượng có vẻ giận và cố ép tôi uống, nhưng tôi từ chối mà không cho biết lý do. Đối tượng hỏi tới hỏi lui cho đến khi tôi bối rối thú thật rằng tập quán của người Argentina là uống thì phải ăn. Chúng tôi ăn nhiều hay ít là tùy thuộc vào nét mặt của khổ chủ. Nói chung, đây là một mảnh lới rất công phu.

Ở San Ramon chúng tôi lấy bốn cũ soạn lại, và lúc nào chúng tôi cũng được ăn uống no nê. Sáng hôm đó, chúng tôi nghỉ ngơi tại bờ sông - khung cảnh ở đây thật đẹp, nhưng chúng tôi không còn hơi sức để thưởng thức cái đẹp và nhìn đâu cũng cố hình dung ra cái gì thơm ngon có thể ăn được. Nhìn lén qua hàng rào gần đó, chúng tôi thấy những quả cam tròn trĩnh; và chỉ trong một phút, bụng chúng tôi căng đầy nhưng cũng chứa đầy vị chua của acid. Và thế là cơn đói trở lại cồn cào và dữ dội hơn trước.

Đói là người, chúng tôi đành phải vớt luôn chút ít xấu hổ còn sót lại để tìm đến một bệnh viện địa phương. Cuối cùng chúng tôi cũng tìm được một người trong bệnh viện. Lần này Alberto cảm thấy rụt rè, và tôi phải lựa lời để nói:

"Thưa bác sĩ, tôi là sinh viên y khoa và bạn tôi là một nhà hóa sinh. Cả hai chúng tôi từ Argentina đến và chúng tôi đang đói bụng. Chúng tôi muốn ăn." Trước một cú tấn công bất ngờ đánh động đến điều gì đó tận tâm can như thế, vị bác sĩ kia không thể làm gì khác ngoài việc mua cho chúng tôi một phần ăn tại một nhà hàng quen. Thật là trơ tráo và thẳng thắn biết chừng nào! Tôi thầm tự nhận xét mình.

Alberto sau đó xấu hổ quá nên không thốt lên được một lời cảm ơn, và chúng tôi tiếp tục đón một chiếc xe tải khác. Giờ đây ngồi thoải mái trong cabin của tài xế, chúng tôi đang hướng đến

Lima. Thỉnh thoảng tài xế lại bao chúng tôi một châu cà phê.

Xe chúng tôi đang leo lên một con đường núi cực kỳ hẹp và nguy hiểm. Trong khi tài xế đang vui vẻ kể về lịch sử của mỗi giao lộ trên suốt đường đi thì xe lao vào một ổ gà lớn nằm rõ ràng ở giữa đường. Nỗi lo sợ tài xế không biết lái xe trong chúng tôi ngày càng tăng, nhưng linh tính bảo chúng tôi rằng điều này không thể xảy ra được. Với lòng kiên nhẫn và sự nhã nhặn, cuối cùng Alberto cũng tìm hiểu được vấn đề. Người tài xế này có một lần bị tai nạn làm thị lực của anh rất kém, đó là lý do tại sao anh cứ lao vào ổ gà. Chúng tôi cố làm cho anh ta hiểu sự nguy hiểm - cho anh ta và cho hành khách. Nhưng tài xế rất ngoan cố: đây là công việc của anh ta và ông chủ trả anh ta thật nhiều tiền không phải để lái như thế nào mà là anh có đồng ý lái xe hay không. Ngoài ra anh còn phải mua bằng lái với một giá tiền rất đắt.

Khi xe chạy xuôi theo con đường được một đoạn thì chủ xe xuất hiện. Dường như ông rất vui vẻ đồng ý cho chúng tôi đi nhờ đến Lima, nhưng chúng tôi phải ẩn nấp khi đến trạm kiểm soát, vì xe chở hàng không được chở hành khách. Chủ xe là một người tốt, cho chúng tôi thức ăn suốt trên đường đến thủ đô. Tuy nhiên, trước khi đến thủ đô, chúng tôi đã chạy qua La Oroya, một thị trấn khai thác mỏ mà chúng tôi rất muốn ghé vào nhưng xe không thể dừng lại được. La Oroya ở độ cao khoảng 4.000 mét, và từ dáng vẻ hoang sơ của thị trấn, bạn có thể hình dung được cảnh đời khốn khổ của thợ mỏ ở đây. Những ống khói cao nhả khói đen, bồ hóng bám trên mọi vật, bám trên gương mặt của thợ mỏ đang đi trên đường, đường phố ảm đạm mịt mù trong khói, tất cả kết hợp lại thành một màu xám tẻ nhạt, rất hợp với những ngày xám xịt ở miền núi. Chúng tôi vượt qua điểm cao nhất trên đường, khoảng 4.853 mét so với mặt biển, trong khi trời vẫn còn sáng và lạnh kinh khủng. Rúc mình trong tấm chăn, nhìn ra xung quanh, tôi lắng nghe những câu thơ chắp nối đủ loại trong tiếng gầm rú của chiếc xe tải.

Đêm đó chúng tôi ngủ ở ngoại ô thành phố, và sáng sớm hôm sau chúng tôi tiến vào Lima.

Lima - Thủ đô Peru

Chúng tôi đang ở vào giai đoạn cuối của một trong những chặng đường quan trọng

nhất của cuộc hành trình, không một xu dính túi cũng chẳng có bao nhiêu cơ hội để kiếm tiền, nhưng chúng tôi rất vui.

Lima là một thành phố đẹp, quá khứ thuộc địa của nó (sau khi chúng tôi thăm Cuzco) như bị đè nén bên dưới những ngôi nhà mới. Việc Lima được xem là một viên ngọc quý có vẻ hơi quá, nhưng nó có những đại lộ rộng thênh thang nối liền các khu dân cư ở ngoại ô với những khu nghỉ mát thật hài hòa nằm sát biển. Người dân Lima đi từ thành phố đến cảng Callao dọc theo nhiều trục lộ chính rộng lớn chỉ trong vài phút.

Hải cảng không có gì đặc biệt hấp dẫn (với các công trình kiến trúc được tiêu chuẩn hóa), ngoại trừ pháo đài là dấu tích của nhiều trận chiến. Dọc theo những bức tường khổng lồ của pháo đài, chúng tôi đứng trầm trồ những chiến công phi thường của Cochrane khi ông lãnh đạo những thủy thủ châu Mỹ La tinh tấn công và chiếm pháo đài này, viết nên một trong những trang sử oai hùng nhất của phong trào giải phóng dân tộc châu Mỹ La tinh.

Nơi thật sự đáng được miêu tả ở Lima là khu vực trung tâm thành phố quanh ngôi giáo đường tuyệt vời, hoàn toàn khác với kiến trúc kỳ quái ở Cuzco mà thực dân Tây Ban Nha xây dựng để tự ca tụng họ một cách thô thiển. Ở Lima, nghệ thuật mang phong cách ước lệ, khuôn sáo, với một vẻ mềm mại: tòa tháp của ngôi giáo đường thật cao và duyên dáng, có lẽ đây là công trình kiến trúc thanh tú nhất trong số tất cả những ngôi giáo đường ở các thuộc địa của Tây Ban Nha. Phần trung tâm của ngôi giáo đường ngập tràn ánh sáng và không khí, hoàn toàn tương phản với những hang động tối tăm, đầy vẻ thù nghịch của một thành phố Inca. Những bức họa cũng sáng và rạng rỡ, mang phong cách cận đại hơn là tác phẩm của những họa sĩ lai căng vẽ những vị thánh trong cuồng nộ, ngục tù và bóng tối. Mặt tiền và bàn thờ của tất cả các nhà thờ đều mang phong cách nghệ thuật Churrigueresque(1) trang trí bằng vàng. Cửa cái đồ sộ này khiến giai cấp quý tộc chống lại những đoàn quân giải phóng châu Mỹ La tinh cho đến giây phút cuối cùng. Lima là một điển hình của Peru chưa phát triển vượt qua tình trạng phong kiến của một thuộc địa. Lima vẫn còn chờ đợi máu của một cuộc cách mạng giải phóng thật sự.

Nhưng có một góc của thành phố huy hoàng đã trở nên rất thân thương đối với chúng tôi, và chúng tôi vẫn thường đến đó để làm sống lại những kỷ niệm về Machu Picchu; đó là Viện bảo tàng Khảo cổ và Nhân chủng học. Người sáng lập là Don Julio Tello, một học giả mang dòng

máu thổ dân thuần túy. Trong viện bảo tàng có những bộ sưu tập vô giá, tổng hợp toàn bộ những nền văn hóa châu Mỹ La tinh.

Lima hoàn toàn không giống như Cordoba, nhưng nó có cùng cái dáng vẻ của một thành phố thuộc địa, hoặc đúng hơn là có vẻ hơi tỉnh lẻ. Chúng tôi đến lãnh sự quán để nhận thư, và sau khi đọc xong, chúng tôi xem có thể làm gì với lời giới thiệu của một viên chức tại Phòng Ngoại Vụ. Tất nhiên là ông này không muốn biết chúng tôi. Chúng tôi lang thang từ trạm cảnh sát này đến trạm cảnh sát khác cho đến khi nhận được một đĩa cơm. Vào buổi chiều, chúng tôi thăm bác sĩ Hugo Pesce, một chuyên gia về bệnh phong. Vị bác sĩ này đã tiếp đón chúng tôi thật niềm nở so với vị trí đứng đầu một đơn vị y khoa đáng nể của ông. Ông dành cho chúng tôi một chỗ nghỉ tại bệnh viện phong và tối hôm đó mời chúng tôi ăn tại nhà riêng. Ông là một người nói chuyện rất lôi cuốn, và mãi đến khuya chúng tôi mới đi ngủ.

Chúng tôi thức dậy và ăn sáng rất trễ, hiển nhiên là không có chỉ thị nào về việc tiếp tục thết đãi chúng tôi, vì vậy chúng tôi quyết định thả bộ xuống khu Callao và thăm bến cảng. Chuyển đi thật là chậm vì hôm đó là ngày 1 tháng 5, không có phương tiện chuyên chở công cộng, và chúng tôi phải cuốc bộ 14 cây số. Tại Callao chẳng có gì đặc biệt để xem, có rất ít thuyền của Argentina. Mặt dày mày dạn hơn bao giờ hết, chúng tôi trình diện tại một trạm cảnh sát và xin một ít thức ăn rồi rút nhanh về Lima. Một lần nữa, chúng tôi đến ăn tại nhà bác sĩ Pesce. Ông kể cho chúng tôi những kinh nghiệm về các loại bệnh phong khác nhau.

Sáng hôm sau, chúng tôi thăm Viện bảo tàng Khảo cổ và Nhân chủng học. Thật là tuyệt vời, nhưng chúng tôi không có đủ thời gian để tham quan mọi thứ. Buổi chiều chúng tôi đến làm quen với bệnh viện phong De Guia, dưới sự hướng dẫn của bác sĩ Molina, một chuyên gia về bệnh phong và cũng là nhà phẫu thuật tạo hình ngực xuất sắc. Theo thói quen, chúng tôi đến ăn tại nhà bác sĩ Pesce.

Chúng tôi mất cả một buổi sáng thứ Bảy tại trung tâm thành phố để cố đổi 50 đồng curon Thụy Điển; chạy ngược chạy xuôi, cuối cùng chúng tôi cũng đổi được tiền. Buổi chiều chúng tôi đến thăm phòng thí nghiệm y khoa. Phòng thí nghiệm này chẳng có gì để chúng tôi phải ganh tỵ, trái lại còn có nhiều thứ cần phải bổ sung. Tuy nhiên, các bản thư mục thật đáng nể ở sự rõ ràng sáng sủa, ở phương pháp tổ chức cũng như trong các chi tiết dễ hiểu của chúng. Buổi tối,

tất nhiên là chúng tôi đến ăn tại nhà bác sĩ Pesce, và một lần nữa ông lại chứng tỏ mình là một người hoạt bát với những câu chuyện thật sống động.

Chủ Nhật là một ngày quan trọng. Chúng tôi sẽ được xem đấu bò lần đầu tiên, và mặc dù những con bò và đấu sĩ ở đây không đúng tiêu chuẩn, chúng tôi cũng thấy vô cùng thích thú đến nỗi hầu như tôi không thể tập trung vào một trong những cuốn sách của Tello mà tôi đọc trong thư viện vào buổi sáng. Chúng tôi đến khi trận đấu vừa mới bắt đầu và ngay sau khi chúng tôi vào thì đã có một người đang giết con bò, nhưng không phải theo cách thông thường, mà bằng nhát dao ân huệ(1). Kết quả là con bò ngã lăn ra đất, trong khi đấu sĩ cố kết liễu nó trong tiếng reo hò của khán giả. Trận đấu thứ ba thật là hào hứng khi con bò húc vào bụng đấu sĩ và hất anh ta lên không, nhưng tất cả chỉ có thế. Lễ hội kết thúc bằng cái chết của sáu con bò. Nghệ thuật, tôi chẳng thấy gì; lòng can đảm, ở một mức độ nào đó; kỹ năng, không nhiều; hào hứng, tương đối. Nói chung, tất cả tùy thuộc vào việc bạn có gì để làm hay không vào ngày Chủ Nhật.

Sáng thứ hai, chúng tôi lại đến Viện bảo tàng. Vào buổi tối, chúng tôi đến nhà bác sĩ Pesce, tại đây chúng tôi gặp bác sĩ Valenza, giáo sư về tâm thần học, một người nói chuyện rất hấp dẫn. Ông kể cho chúng tôi những giai thoại trong chiến tranh và những câu chuyện đại loại như: "Ngày hôm kia tôi đến rạp xinê ở địa phương xem phim của danh hài Cantinflas(2). Mọi người cười nhưng tôi chẳng hiểu gì cả. Điều này không phải là kỳ lạ; những người còn lại cũng không hiểu gì hết. Thế thì tại sao họ lại cười? Thực ra, họ cười chính họ. Đất nước chúng tôi còn non trẻ, không có truyền thống hoặc văn hóa, đất nước chúng tôi chỉ mới được khám phá thôi. Vì vậy họ cười chế nhạo nền văn minh ấu trĩ của chúng tôi... Nhưng thử hỏi bây giờ Bắc Mỹ đã hoàn toàn trưởng thành chưa, cho dù họ có những tòa nhà cao tầng, xe hơi, và lăm của cải? Họ có quên thời kỳ non trẻ của họ không? Không, sự khác biệt chỉ là hình thức mà thôi, không phải là chủ yếu. Tất cả các nước châu Mỹ đều là anh em. Xem Cantinflas đóng, tôi đã thấy thấm thía tình cảnh của toàn châu Mỹ."

Thứ ba, chúng tôi lại thăm Viện bảo tàng và thấy chẳng có gì thay đổi. Vào lúc ba giờ chiều chúng tôi gặp bác sĩ Pesce. Ông cho Alberto một bộ comple trắng và tôi được một áo jacket cùng màu. Tất cả mọi người đều đồng ý là bây giờ chúng tôi mới ra dáng con người. Thời gian còn lại trong ngày chẳng có gì quan trọng.

Nhiều ngày trôi qua và chúng tôi đã sẵn sàng lên đường, nhưng vẫn chưa chắc chắn sẽ ra đi ngày nào. Chúng tôi dự tính ra đi vào hai ngày trước đó, nhưng chiếc xe tải chịu chở chúng tôi chưa rời bến. Nhiều yếu tố trong cuộc hành trình đã tiến triển tốt đẹp. Về mặt mở mang kiến thức, chúng tôi thăm viếng Viện bảo tàng và các thư viện. Nhưng chỉ có một nơi đáng nói là Viện bảo tàng Khảo cổ và Nhân chủng học do bác sĩ Tello thành lập. Về mặt khoa học, đó là chuyên ngành về bệnh phong, chúng tôi đã gặp bác sĩ Pesce, những người khác chỉ đáng làm học trò của ông, và còn lâu lắm họ mới tạo ra được một cái gì xứng đáng. Vì không có những nhà sinh hóa tại Peru, phòng thí nghiệm được điều khiển bởi các bác sĩ chuyên gia. Alberto đã nói chuyện với một số bác sĩ và giới thiệu cho họ có thể liên lạc với những bác sĩ ở Buenos Aires. Anh nói chuyện tương đắc với hai bác sĩ nhưng đến người thứ ba thì... Alberto tự giới thiệu mình là bác sĩ Granado, chuyên gia về bệnh phong... và họ coi anh là bác sĩ y khoa. Vì vậy mà anh chàng ngốc nghếch này trả lời câu hỏi của Alberto: "Không, ở đây không có nhà sinh hóa. Luật pháp nghiêm cấm bác sĩ mở tiệm thuốc tây, chúng tôi không cho các dược sĩ can thiệp vào những điều mà họ không hiểu." Alberto sắp sửa nổi giận, vì vậy tôi thúc cùi chỏ ngăn cản anh.

Mặc dù giản đơn, nhưng một trong những điều lưu lại ấn tượng sâu sắc trong chúng tôi tại Lima là cách bệnh nhân ở bệnh viện phong từ biệt chúng tôi. Họ quỳn góp được một ít tiền cho chúng tôi kèm theo một lá thư đầy những lời lẽ thăm thiết. Sau đó một số bệnh nhân đích thân đến từ biệt chúng tôi và nước mắt đã tuôn rơi khi họ cảm ơn chúng tôi về một chút cuộc sống chúng tôi đã mang lại cho họ. Chúng tôi bắt tay họ, nhận quà, và cùng ngồi lắng nghe với họ buổi tường thuật bóng đá trên radio. Nếu có một điều gì đó khiến chúng tôi cố gắng hiến cuộc đời mình cho ngành điều trị phong, thì đó chính là những tình cảm thân thương mà chúng tôi nhận được nơi tất cả bệnh nhân phong mà chúng tôi đã gặp trong cuộc hành trình.

Là một thành phố, Lima không sống theo truyền thống xưa cũ như là một nơi dành cho những bậc vương giả, nhưng những khu dân cư ở ngoại ô thì rất đẹp, thoáng mát và có cả những con đường mới. Một điều thú vị là có quá nhiều cảnh sát bao quanh đại sứ quán Colombia. Có khoảng không dưới 50 cảnh sát mặc sắc phục và cảnh sát chìm đang làm nhiệm vụ bảo vệ thường xuyên quanh toàn bộ khu nhà.

Ngày đầu tiên của chuyến đi khỏi Lima không có gì quan trọng. Chúng tôi thấy con đường

lên đến La Oroya và cả đêm chúng tôi đi suốt con đường đó, đến Cerro de Pasco lúc bình minh. Đi cùng chúng tôi có anh em nhà Becerra, mà chúng tôi gọi tắt là Cambalache(1) hay Camba. Họ là những người rất tốt, đặc biệt là người anh. Chúng tôi tiếp tục lái xe cả ngày, chạy xuống những nơi phong cảnh tuyệt đẹp, nhưng cơn đau đầu và cảm giác muốn bệnh mà tôi có từ Ticlio, ở độ cao 4853 mét trên mặt biển, trở nên nặng hơn. Khi chúng tôi chạy qua Huanuco và đến gần Tingo Maria, trục bánh xe trước bị gãy, nhưng may mắn thay, bánh xe chỉ kẹt vào thanh chắn bùn. Đêm hôm đó chúng tôi phải ở nguyên một chỗ. Tôi cần phải chích thuốc, nhưng thật là may, ống tiêm đã bị vỡ.

Ngày hôm sau không có chuyện gì xảy ra và tôi lại lên cơn suyễn, nhưng tối hôm đó Alberto bằng giọng buồn buồn nói hôm nay, 20 tháng 5 là kỷ niệm sáu tháng ngày chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình. Đó là cái cớ để rượu pisco tuôn chảy. Cho đến chai thứ ba, Alberto loạng choạng đứng lên, thả con khỉ nhỏ mà anh đang bồng trên tay, và biến đi. Camba em tiếp tục uống nửa chai nữa, rồi lăn đùng xuống đất.

Chúng tôi phải ra đi vội vàng vào sáng hôm sau, trước khi bà chủ nhà trọ đánh thức chúng tôi dậy, bởi vì chúng tôi chưa trả tiền ăn ở và anh em nhà Camba dùng tiền để sửa trục bánh xe nên chẳng còn bao nhiêu. Chúng tôi lái xe suốt ngày cho đến khi phải dừng lại tại rào cản do quân đội dựng lên để cấm người ta đi qua khi trời mưa lớn.

Ngày hôm sau chúng tôi lại lên đường và một lần nữa bị chặn lại tại một rào cản khác. Mãi đến chiều tối họ mới cho chúng tôi qua, tuy nhiên chúng tôi lại bị chặn tại một thị trấn nhỏ tên là Nescuilla, chặng dừng cuối cùng trong ngày.

Ngày hôm sau đường vẫn còn bị cấm, vì vậy chúng tôi đến một chốt gác của quân đội để xin một ít thức ăn. Chúng tôi ra đi vào buổi chiều, mang theo một binh sĩ bị thương, và nhờ mảnh lối này mà chúng tôi có thể vượt qua các chốt chặn của quân đội một cách dễ dàng: hàng đoàn xe tải bị chặn lại nối đuôi nhau đến vài kilômét, còn xe của chúng tôi được phép chạy qua và chúng tôi đã đến Pucallpa vào lúc trời tối. Camba em trả tiền ăn cho chúng tôi và để từ biệt, chúng tôi uống hết bốn chai rượu vang khiến hăng lên tinh thần và hứa hẹn đủ thứ. Sau đó hăng còn trả tiền khách sạn cho chúng tôi.

Mục tiêu lớn trước mắt là đến Iquitos, vì vậy chúng tôi tập trung mọi nỗ lực để đến được nơi đây. Người đầu tiên mà chúng tôi liên hệ là viên thị trưởng, một người được gọi là Cohen. Chúng tôi đã nghe nói nhiều về ông này, rằng ông ta là người Do Thái keo kiệt, nhưng chúng tôi thấy ông là một người tốt. Chắc chắn ông ta là một kẻ bủn xỉn; vấn đề cần xác định là ông ta có phải là người tốt hay không. Ông ta từ chối khéo bằng cách giới thiệu chúng tôi đến những nhân viên phụ trách vận tải bằng đường biển. Những người này lại bảo chúng tôi đến gặp thuyền trưởng. Ông này cũng tử tế hứa cho chúng tôi đi vé hạng nhất mà sau đó chỉ trả tiền vé hạng ba. Chúng tôi chẳng thích điều này chút nào, và vì vậy chúng tôi đến gặp chỉ huy trưởng một đơn vị đồn trú, và người này nói ông ta không thể làm được điều gì để giúp đỡ chúng tôi. Rồi chúng tôi đến gặp chỉ huy phó. Sau một hồi tra hỏi (và làm như thế chỉ lộ ra sự ngu ngốc của hắn), người này đã hứa giúp.

Chiều hôm đó chúng tôi đi bơi trên sông Ucayali. Sông này trông rất giống thượng nguồn sông Parana. Chúng tôi tình cờ gặp viên chỉ huy phó và hắn nói đã dành nhiều ưu ái cho chúng tôi: thuyền trưởng đã đồng ý cho chúng tôi đi vé hạng nhất mà chỉ trả tiền vé hạng ba. Làm như ghê gớm lắm!

Rất hiếm có cá Bufo (theo cách gọi của dân địa phương) tại dòng sông mà chúng tôi đang bơi. Truyền thuyết kể rằng những con cá này ăn thịt đàn ông, cưỡng hiếp phụ nữ và làm hàng ngàn tội ác dã man khác. Có vẻ đó là một loại cá heo nước ngọt, và một trong những đặc điểm kỳ lạ của loài cá này là chúng có bộ phận sinh dục giống như của phụ nữ. Vì vậy thổ dân dùng chúng để thay cho phụ nữ, có điều sau khi giao hợp họ phải giết con cá ngay bởi vì bộ phận sinh dục của nó co lại và dương vật không thể rút ra được. Tối hôm đó, chúng tôi phải khổ sở đến gặp các đồng nghiệp ở bệnh viện để xin chỗ ngủ. Tất nhiên là họ rất lạnh lùng tiếp đón chúng tôi, và chắc là họ đã đuổi chúng tôi đi nếu như vẻ bình thản của chúng tôi không chinh phục được họ. Chúng tôi được cho hai cái giường để ngả lưng.

Xuôi dòng sông UCAYALI

Như những nhà thám hiểm, chúng tôi mang balô lên chiếc La Cenepa, một con tàu nhỏ, ngay trước khi nó nhổ neo. Như đã thỏa thuận, viên thuyền trưởng cho chúng tôi ngồi chỗ hạng nhất cùng với những hành khách ưu tiên. Sau vài tiếng còi hụ, con tàu rời bến và bắt đầu chặng thứ hai trong cuộc hành trình của chúng tôi đến San Pablo.

Khi những căn nhà của Pucallpa bắt đầu xa khuất chỉ còn lại toàn là cảnh những khu rừng nhiệt đới bạt ngàn, thì người ta bắt đầu tùm lại quanh những bàn cờ bạc. Chúng tôi cũng dè dặt đến gần nhưng rồi Alberto bị lôi cuốn vào đám cờ bạc và thắng 90 đồng sol. Alberto thắng làm những tay cờ bạc trên tàu căm ghét, bởi vì ban đầu anh chỉ đặt cược với 1 đồng tiền địa phương.

Vào ngày đầu tiên chúng tôi chẳng có mấy cơ hội để trao đổi thân mật với hành khách trên tàu và chúng tôi cố giữ vẻ kín đáo, không tham dự vào những cuộc chuyện trò của họ. Thức ăn trên tàu rất kham khổ và nghèo nàn. Tàu không chạy vào ban đêm vì sông quá cạn. Hầu như không có con muỗi nào, và thậm chí cho dù người ta bảo với chúng tôi đây là điều bình thường, chúng tôi vẫn không tin, bởi vì giờ đây chúng tôi đã quen với cách nói phóng đại của người dân ở đây khi họ phải đối phó với những tình huống khó khăn.

Sáng sớm hôm sau tàu lại tiếp tục cuộc hành trình. Một ngày trôi qua êm ả. Chúng tôi làm quen với một cô gái khá dễ tính; có lẽ cô ta nghĩ rằng chúng tôi còn vài đồng pêsô cho dù chúng tôi có than thở bất cứ khi nào nói đến chuyện tiền bạc. Đến tối khi tàu dừng lại ở dọc bờ sông,

những đàn muỗi ào ạt tấn công suốt đêm. Alberto lấy miếng lưới che mặt và cuộn mình trong chiếc túi ngủ, do đó có thể ngủ được một chút, nhưng tôi lại cảm thấy cơn suyễn bắt đầu hành hạ, vì vậy tôi chịu trận giữa muỗi và suyễn nên mãi cho đến sáng vẫn không tài nào chợp mắt được. Tôi đã quên cái đêm hôm đó nhưng vẫn còn nhớ cái cảm giác trên vùng mông với quá nhiều vết muỗi đốt. Cả ngày hôm sau tôi ngủ gà ngủ gật, mượn đỡ một cái võng ở một góc nào đó và cố chợp mắt được một chút. Cơn suyễn vẫn chưa có dấu hiệu dịu bớt và tôi buộc lòng phải dùng tiền mua thuốc suyễn. Thuốc men làm dịu cơn suyễn được một chút. Chúng tôi mở màn nhìn ra con sông đến tận khu rừng nhiệt đới với cây cối mang đầy vẻ huyền bí. Cơn suyễn và những đàn muỗi có làm tôi ngần ngại đôi chút, nhưng những khu rừng nguyên sinh đang vẫy gọi những tâm hồn như chúng tôi đến nỗi cơn đau về thể xác và trở ngại của thiên nhiên chỉ làm sục sôi khát vọng phiêu lưu mà thôi.

Mấy ngày trôi qua thật đơn điệu. Trò giải trí duy nhất là cờ bạc mà chúng tôi không thể tham gia thoải mái vì không thể mạo hiểm hết mức như vậy với túi tiền eo hẹp. Hai ngày nữa lặng lẽ trôi qua. Thường thì chuyến đi kéo dài trong bốn ngày nhưng vì sông quá cạn nên chúng tôi phải dừng lại mỗi đêm, làm cuộc hành trình kéo dài thêm và biến chúng tôi thành mục tiêu béo bở của những đàn muỗi. Mặc dù ngồi ở chỗ hạng nhất thì được ăn thức ăn ngon hơn và ít bị muỗi chích hơn, tôi không chắc là ngồi ở ghế hạng nhất là tốt nhất. Chúng tôi thấy gần gũi với những thủy thủ bản hàn hơn là giới trung lưu đi vé hạng nhất. Dù giàu có hay không, họ vẫn cố bám víu vào cái quá khứ vàng son nên không thể thân mật với hai kẻ lữ hành không một xu dính túi như chúng tôi được. Họ vẫn có cái dốt nát cố hữu, nhưng những thắng lợi nhỏ nhoi mà họ đã đạt được trong cuộc sống đã ăn sâu vào đầu óc họ nên những ý kiến họ đưa ra đều chán ngắt và đầy tự phụ. Tôi triệt để tuân thủ chế độ ăn kiêng, nhưng cơn suyễn ngày càng tệ hại hơn.

Một cử chỉ âu yếm của cô gái dễ tính đã đánh thức những kỷ niệm trong tôi trước chuyến đi. Đêm hôm đó muỗi nhiều quá làm tôi không ngủ được. Tôi nghĩ đến Chichina, bây giờ ở một nơi xa xôi đang say sưa với giấc mộng đẹp. Mặc dù giấc mơ đã tan rồi nhưng nó cũng để lại nơi tôi sự ngọt ngào hơn là cay đắng. Tôi gửi tặng nàng một nụ hôn thật dịu dàng và thật lâu của một người bạn cũ, người đã biết và hiểu nàng. Rồi tôi thấy tôi đang đi trên một con đường đến Malagueno, một sảnh đường thật lớn của nhiều đêm không ngủ, nơi nàng thường thì thầm những lời kỳ diệu bên tai người yêu.

Mắt tôi ngược nhìn cổng thiên đường bao la; bầu trời đầy sao lấp lánh như thể đang trả lời câu hỏi sâu nơi đáy tim tôi: "Tất cả những điều này có đáng không?"

Hai ngày nữa: cũng chẳng có gì thay đổi. Ngã ba sông Ucayali và sông Marañon tạo ra con sông lớn nhất thế giới cũng chẳng có gì siêu việt: chỉ là hai khối nước bùn kết hợp làm một - rộng hơn một chút, có lẽ sâu hơn một chút, ngoài ra chẳng còn gì khác. Thuốc Adrenalin đã hết và cơn suyễn ngày càng tệ hại hơn; tôi chỉ ăn được một ít cơm và uống trà. Vào ngày cuối cùng, gần đến nơi thì chúng tôi gặp bão phải dừng lại. Những đàn muỗi như những đám mây bu quanh chúng tôi tệ hại hơn bao giờ hết, như thể chúng muốn báo thù vì chúng tôi sắp sửa rời bỏ chúng. Tôi có cảm giác đêm hôm ấy dài vô tận với những tiếng đập muỗi trong tuyệt vọng, với những cảm giác hồi hộp, lo âu, bực bội, với những canh bài quyến rũ như ma túy và với những câu nói tình cờ thốt lên để duy trì những cuộc trò chuyện và để giết thời gian. Đến sáng, mọi người hồi hải lo chuyện lên bờ nên có một cái vũng còn trống và tôi nằm xuống đó. Như đắm chìm trong cơn mê, tôi có cảm giác như sợi dây trói buộc quanh người tôi bung ra, ném tôi lên những tầng trời cao, hoặc lôi tôi xuống vực thẳm, tôi cũng không biết nữa... Alberto lay tôi thật mạnh. "Này Pelao(1), đến nơi rồi." Dòng sông mênh mông mở ra trước mặt chúng tôi một thị trấn như nằm thấp dưới mặt nước với một số nhà cao tầng, vây quanh là khu rừng nhiệt đới và phía dưới là vùng đất đỏ.

Đó là ngày Chủ Nhật, là ngày chúng tôi đến Iquitos. Chúng tôi cập bến vào sáng sớm và đến gặp trực tiếp trưởng phòng Dịch vụ Hợp tác quốc tế. Chúng tôi có giấy giới thiệu gặp bác sĩ Chavez Pastor, nhưng ông ta không có mặt tại Iquitos. Dù sao thì họ cũng rất tử tế, bố trí chúng tôi tại khu sốt vàng da và cho chúng tôi ăn uống tại bệnh viện. Cơn suyễn của tôi vẫn còn rất tệ và tôi vẫn thở khò khè cho dù đã tiêm bốn mũi Adrenalin trong một ngày.

Ngày hôm sau tôi cảm thấy chẳng khá hơn chút nào và tôi phải nằm bẹp trên giường cả ngày.

Hôm sau nữa tôi kiên quyết tuân thủ triệt để chế độ ăn kiêng vào buổi sáng, bớt nghiêm ngặt hơn vào buổi tối và giảm bớt phần cơm. Cơn suyễn cũng giảm được một chút. Buổi tối chúng tôi xem phim "Stromboli" do Rosselli làm đạo diễn và Ingrid Bergman là diễn viên chính. Bạn không còn thứ hạng nào khác ngoài hạng tệ nhất dành cho bộ phim.

Ngày thứ tư rõ ràng là ngày quan trọng đối với chúng tôi. Người ta thông báo rằng chúng tôi sẽ lên đường vào ngày hôm sau. Thông báo đó làm chúng tôi vui vẻ hẳn lên, bởi vì bệnh suyễn chết tiệt đó làm tôi bẹp gí trên giường chẳng đi đâu được.

Vào sáng sớm ngày hôm sau, chúng tôi bắt đầu chuẩn bị tinh thần để ra đi. Tuy nhiên, cả một ngày trôi qua mà chúng tôi vẫn còn dậm chân tại chỗ: người ta thông báo rằng phải đến chiều hôm sau mới đi được.

Định ninh rằng theo lịch trình thì tàu sẽ rời bến trễ, chúng tôi ngủ như chết. Sau khi đi dạo, chúng tôi đến thư viện, tại đây người trợ lý hối hả chạy đến báo tin rằng chiếc El Cisne khởi hành lúc 11giờ 30 sáng. Lúc đó đã 11giờ 05. Chúng tôi vội vàng thu xếp hành lý và bởi vì tôi vẫn chưa hết suyễn, chúng tôi đành phải đi taxi, tốn mất nửa đồng libra Peru để chạy qua tám dãy phố. Chúng tôi đến bến tàu và biết rằng đến ba giờ chiều tàu mới nhổ neo, mặc dù người ta yêu cầu chúng tôi lên tàu trước một giờ. Chúng tôi không đủ can đảm để trái lệnh mà đi ăn tại bệnh viện. Tốt hơn hết là đừng ăn tại bệnh viện, bởi vì bây giờ chúng tôi có thể "quên" những ống thuốc mà họ đã cho chúng tôi mượn. Chúng tôi ăn thức ăn đắt tiền nhưng lại quá dở với một thổ dân thuộc bộ tộc Yagua. Hắn mặc khố bằng rơm, vòng đeo cổ cũng bằng rơm. Tên hắn là Benjamin nhưng hắn không nói tiếng Tây Ban Nha. Ngay trên vai trái hắn có một vết sẹo do đạn bắn ở cự ly gần. Hắn nói đó là do kẻ thù bắn.

Đêm hôm đó muỗi lại tấn công da thịt hầu như vẫn còn tươi mới của chúng tôi. Chúng tôi được biết thêm một chi tiết quan trọng là có thể đi từ Manao đến Venezuela bằng đường sông. Ngày hôm sau trôi qua êm ả và chúng tôi ngủ thật nhiều để bù cho những đêm bị hàng đàn muỗi chích. Vào một giờ đêm hôm đó, khi tôi vừa thiêu thiêu ngủ thì người ta đánh thức tôi dậy nói rằng đã đến San Pablo. Họ nói bác sĩ Bresciani, giám đốc trại phong rất hân hoan chào đón và dành một phòng cho chúng tôi ở qua đêm.

Trên những bờ sông lớn là rất nhiều khu định cư. Để tìm được những bộ lạc hoang sơ, cha phải men theo những nhánh sông vào sâu trong đất liền - và ít ra vào thời điểm này chúng con không dự tính làm một chuyến đi như thế. Bệnh truyền nhiễm đã chấm dứt, nhưng nếu bệnh có xuất hiện trở lại thì chúng con cũng đã được tiêm vắc xin phòng bệnh thương hàn và sốt vàng da, lại có mang theo nhiều thuốc Atebrine và ký ninh.

Có nhiều bệnh tật gây ra bởi sự rối loạn về hấp thụ thức ăn: thức ăn trong rừng nhiệt đới không đủ chất dinh dưỡng, nhưng người ta chỉ bị bệnh nặng khi không có vitamin trong hơn một tuần. Thậm chí nếu chúng con đi bằng đường sông, đó là một khoảng thời gian dài nhất, thì chúng con sẽ không còn thức ăn. Chúng con vẫn chưa chắc về điều này và đang tìm kiếm cơ hội bay đến Bogota, hoặc ít nhất cũng đến được Leguisamo, bởi vì từ đó đường bộ rất tốt. Không phải chúng con nghĩ đi bằng đường sông sẽ rất nguy hiểm, nhưng chúng con có thể tiết kiệm được tiền, điều này đối với con rất quan trọng ở những chặng đường kế tiếp.

Ngoại trừ những trung tâm khoa học mà chúng con liệu lĩnh đến, chuyến đi của chúng con là một biến cố đối với tập thể nhân viên các bệnh viện phong, họ đã rất ngưỡng mộ và trân trọng chúng con, hai nhà nghiên cứu về bệnh phong. Con đặc biệt quan tâm đến bệnh phong, nhưng con không biết nhiệt tình đó sẽ kéo dài được bao lâu. Bệnh nhân ở bệnh viện Lima tiễn biệt chúng con thật nồng nàn, và vì thế chúng con như được khích lệ để tiếp tục nghiên cứu. Họ cho chúng con một bếp gas dã chiến và quyên góp được 100 đồng sol, đó là cả một gia tài đối với tình hình kinh tế eo hẹp hiện thời của họ. Một số người đã bật khóc khi nói lời chia tay. Tình cảm của họ nảy sinh từ việc chúng con không bao giờ mặc quần áo bảo hộ hoặc mang găng tay khi tiếp xúc với họ; từ việc chúng con bắt tay họ, ngồi cùng với họ nói về đủ thứ chuyện trên đời, chơi bóng với họ. Đối với chúng con đó không phải là những hành động dửng dưng, nhưng họ đã cảm thấy xúc động sâu xa vì cảm nhận được rằng chúng con đã đối xử với họ như những con người, chứ không phải như những con vật mà họ đã từng bị đối xử trước đây. Đó là điều an ủi lớn đối với những con người khốn khổ này và rủi ro có thể đến với chúng con là rất thấp. Cho đến hôm nay, nhân viên duy nhất bị lây bệnh là một người làm tạp dịch trong bệnh viện, người đã chung sống với các bệnh nhân, và một tu sĩ quá nhiệt tình mà con không muốn dẫn chứng.

Vào Chủ Nhật hôm sau chúng tôi chuẩn bị đi thăm trại phong, nhưng để đến đó bạn phải đi bằng đường sông, mà hôm đó là ngày nghỉ nên chúng tôi không thể đi được. Vì vậy chúng tôi thăm Trưởng phòng Hành chánh của trại phong, Ma Soeur Alberto, một người trông có vẻ mạnh mẽ, cứng cỏi, rồi chơi bóng đá - hai đứa chúng tôi chơi thật tẹt. Con suyễn của tôi cũng đã bớt.

Vào thứ Hai chúng tôi mang một mớ quần áo đi giặt, rồi đến trại phong thăm khu nhà ở của bệnh nhân. Có 600 người bệnh sống độc lập trong những túp lều. Họ được tự do sinh hoạt và chăm sóc nhau trong một tổ chức có phong cách và nhịp điệu của riêng nó. Có văn phòng địa phương, một quan tòa, một cảnh sát... Bác sĩ Bresciani quản lý toàn trại phong, vừa bảo vệ vừa giải quyết những bất đồng giữa các nhóm bệnh nhân.

Vào thứ Ba chúng tôi đến thăm trại phong một lần nữa, đi theo bác sĩ Bresciani khám thần kinh cho bệnh nhân. Ông đang chuẩn bị một nghiên cứu chi tiết về hệ thần kinh của những bệnh nhân phong dựa trên 400 ca bệnh. Đây là một công trình rất hay bởi vì trong khu vực này nhiều ca bệnh phong đã tấn công hệ thần kinh. Thực sự tôi không thấy bệnh nhân nào không có những triệu chứng như thế. Bác sĩ Bresciani bảo chúng tôi rằng bác sĩ Souza Lima đang quan tâm đến những dấu hiệu đầu tiên của trường hợp rối loạn hệ thần kinh trong số những trẻ em sống trong trại.

Chúng tôi thăm khu vực dành riêng cho người khỏe mạnh với khoảng 70 người sinh sống. Ở đây thiếu những tiện nghi tối thiểu như điện ban ngày, tủ lạnh và ngay cả một phòng thí nghiệm. Họ cần một kính hiển vi, một máy vi phẫu, và một kỹ thuật viên - công việc này hiện nay do Mẹ bề trên Margarita đảm nhiệm. Bà rất tử tế nhưng kiến thức không cao lắm. Và họ cần một nhà phẫu thuật về thần kinh, nhãn khoa... Một điều thú vị là ngoài những vấn đề về thần kinh đang lan rộng, có rất ít bệnh nhân bị mù. Có lẽ cần có một kết luận rằng phải làm một điều gì đó, vì hầu hết bệnh nhân không được điều trị gì cả.

Chúng tôi trở lại trại phong vào thứ Tư, cả ngày bơi lội và câu cá. Buổi tối tôi chơi cờ hoặc tán gẫu với bác sĩ Bresciani. Nha sĩ Alfaro là một con người tuyệt vời - rất thoải mái và thân thiện. Thứ Năm là ngày cả trại phong được nghỉ vì thế chúng tôi thay đổi chương trình, không

thăm khu nhà ở của bệnh nhân nữa. Buổi sáng chúng tôi đi câu, nhưng cố gắng mãi mà chẳng câu được con cá nào. Buổi chiều chúng tôi chơi đá bóng, và tôi giữ gôn cũng không đến nổi tệ. Thứ Sáu tôi quay lại khu nhà ở của bệnh nhân trong khi Alberto ở lại làm một số xét nghiệm cùng với Mẹ Margarita. Tôi bắt được hai con cá thuộc loài sumbi, có tên là mota, và đem một con tặng bác sĩ Montoya.

Sinh nhật giữa trại phong

Vào ngày thứ Bảy, 14 tháng 6, năm 1952 tôi bước sang tuổi 24, năm cuối cùng của một phần tư thế kỷ, cũng là năm kỷ niệm đám cưới bạc của một đời người, và cuộc sống đã đối xử với tôi không đến nỗi tệ. Vào sáng sớm tôi ra sông thử thời vận với mấy con cá, nhưng câu cá giống như cờ bạc: thắng lúc đầu nhưng cuối cùng thua sạch.

Buổi chiều chúng tôi chơi bóng đá với kết quả tốt đẹp hơn những lần trước. Buổi tối, sau khi dùng cơm tối thịnh soạn tại nhà bác sĩ Bresciani, họ tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi chúng tôi tại nhà ăn của trại với nhiều rượu pisco, một thức uống truyền thống của Peru. Alberto thì đã quá quen với ảnh hưởng của rượu đối với hệ thần kinh trung ương. Khi mọi người đã ngà ngà say và tinh thần đang phấn khởi, giám đốc trại phong nâng ly chúc mừng chúng tôi thật nồng nhiệt, và tôi cũng đáp lại bằng những lời thật lòng nhưng không kém phần trịnh trọng như sau:

Tôi muốn nói vài lời để đáp lại những lời chúc thật nồng nhiệt của bác sĩ Bresciani. Trong hoàn cảnh bấp bênh hiện nay như là những người lữ hành, tôi cũng như người bạn đồng hành của tôi muốn dùng những lời nói này để bày tỏ lòng cảm ơn của chúng tôi đối với toàn thể nhân viên của trại phong, những người hầu như không biết chúng tôi là ai, đã thể hiện những tình cảm tốt đẹp trong việc tổ chức sinh nhật của tôi thật thân thiết như chính sinh nhật của các bạn. Trong vài ngày nữa chúng tôi sẽ rời đất nước Peru, vì vậy những lời này còn mang ý nghĩa của những lời từ biệt, và tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với nhân dân của đất nước này, những người đã cho chúng tôi biết thế nào là lòng hiếu khách vô hạn từ khi chúng tôi mới đến

Peru.

Tôi cũng muốn nói thêm vài điều không liên quan đến bữa tiệc này. Mặc dù chúng tôi không phải là những đại biểu xuất sắc của chính nghĩa, nhưng chúng tôi tin, và sau cuộc hành trình này chúng tôi càng vững tin hơn nữa, rằng việc chia châu Mỹ La tinh thành những quốc gia nhược tiểu và không bền vững chỉ là những điều không tưởng. Từ Mêhicô đến Magellan Straits, chúng ta có những điểm tương đồng về chủng tộc. Và vì thế, để giải phóng mình khỏi những tư tưởng hẹp hòi, cổ hủ, tôi đề nghị chúng ta nâng ly chúc mừng Peru, chúc mừng một châu Mỹ La tinh thống nhất.

Bài phát biểu của tôi được hoan hô nhiệt liệt. Mọi người uống thật nhiều rượu, và bữa tiệc kéo dài đến ba giờ sáng.

Sáng Chủ Nhật chúng tôi thăm bộ lạc Yaguas, thổ dân da đỏ. Sau 30 phút đi dọc theo một con đường mòn mà người ta đồn rằng cây cối rậm rạp không thể đi xuyên qua rừng được, chúng tôi đến một số túp lều của một gia đình thổ dân. Cách sống của họ rất đặc biệt - sống ở ngoài trời, bên dưới những tấm ván và với những túp lều nhỏ được che kín bằng lá cọ để tránh những đàn muỗi tấn công vào ban đêm. Phụ nữ ở đây đã từ bỏ những trang phục truyền thống. Trẻ con thì bụng ỏng và gầy trơ xương, nhưng người lớn thì không có dấu hiệu của tình trạng thiếu vitamin, hoàn toàn tương phản với những bộ tộc văn minh hơn đang sống trong rừng sâu. Thức ăn của họ chủ yếu là giá, chuối và dừa, cùng với những con thú mà họ săn được bằng súng trường. Rừng của họ hoàn toàn sâu hết. Họ nói bằng thổ ngữ nhưng một số hiểu được tiếng Tây Ban Nha.

Buổi chiều chúng tôi chơi bóng đá. Đêm hôm đó Alberto đánh thức tôi dậy vì anh bị đau bụng dữ dội, sau đó lại đau ngang hông. Tôi đã quá mệt mỏi nên không còn bận tâm đến những cơn đau kỳ lạ của người khác, vì vậy tôi bảo anh ráng chịu đau và lăn ra ngủ cho đến ngày hôm sau.

Thứ Hai là ngày phát thuốc. Alberto được Mẹ Margarita chăm sóc ân cần và được tiêm Penicillin cứ mỗi bốn giờ. Bác sĩ Bresciani bảo tôi là ông đang chờ một chiếc bè chở súc vật đến, và chúng tôi có thể lấy vài tấm ván để làm một chiếc bè cho mình. Ý tưởng đó kích thích

chúng tôi và chúng tôi bắt đầu dự tính đi đến Manaus bằng bè. Chân tôi sưng đau, do đó buổi chiều tôi không chơi đá bóng và thay vào đó, tôi nói chuyện phiếm với bác sĩ Bresciani về đủ thứ trên đời và đi ngủ rất trễ.

Sáng thứ Ba, Alberto gần như hoàn toàn bình phục, chúng tôi đến bệnh xá nơi bác sĩ Montoya thực hiện một ca phẫu thuật trên xương trụ trong hệ thần kinh của bệnh nhân phong với những kết quả mỹ mãn, mặc dù về mặt kỹ thuật còn có nhiều thứ cần phải bàn đến. Vào buổi chiều chúng tôi đi câu ở một vùng nước mặn gần đó, và tất nhiên chẳng câu được con cá nào. Trên đường trở về tôi quyết định bơi băng ngang sông Amazon. Tôi bơi gần hai giờ trong sự chờ đợi tuyệt vọng của bác sĩ Montoya. Tối hôm đó có một bữa tiệc nhỏ kết thúc bằng một cuộc ẩu đả với ngài Lezama Beltran, một tâm hồn ấu trĩ, hướng nội, và cũng là một kẻ bỏ đạo. Người đàn ông tội nghiệp đã say và nổi giận vì không được mời đến dự tiệc, vì vậy ông ta bắt đầu chửi rủa và nói nhảm cho đến khi một người nào đó đánh vào mặt và sau đó cho ông ta một trận. Sự việc này làm chúng tôi hơi bối rối, bởi vì mặc dù là kẻ đồng tính luyến ái và là một kẻ vô duyên hạng nhất, ông ta rất tử tế với chúng tôi, cho chúng tôi mỗi người 10 đồng sol, nâng tổng số tiền tôi có là 479 đồng và Alberto 165 đồng rưỡi.

Thứ Tư bắt đầu bằng cơn mưa trong bình minh, vì vậy chúng tôi không đến khu nhà ở của bệnh nhân và lãng phí mất một ngày. Tôi đọc Garcia Lorca một chút, và chúng tôi đến xem chiếc bè còn cột ở cầu tàu. Sáng thứ Năm là ngày nhân viên y tế được nghỉ, chúng tôi đi với bác sĩ Montoya sang bờ sông bên kia để mua thức ăn. Chúng tôi đi xuôi theo một nhánh của sông Amazon, mua đu đủ, giá, ngô, cá, mía với giá rất rẻ, rồi đi câu cá. Khi chúng tôi quay trở về, một cơn gió mạnh làm dòng sông nổi sóng. Thuyền trưởng Roger Alvarez bị ướt quần khi sóng tràn vào chiếc canô. Tôi yêu cầu để tôi lái, nhưng ông ta từ chối và chúng tôi đành phải vào bờ chờ cho dòng sông lắng dịu. Mãi đến ba giờ chiều chúng tôi mới về nhà. Chúng tôi nấu cá nhưng con cá không đủ thỏa mãn cơn đói của chúng tôi. Roger cho mỗi đứa chúng tôi một chiếc áo sơ mi và riêng tôi được thêm một cái quần tây, vì thế tôi cảm thấy đàng hoàng hơn.

Chiếc bè gần như hoàn tất, chỉ còn thiếu mấy cây chèo. Đêm hôm đó một nhóm bệnh nhân tổ chức hát dạ khúc chia tay với chúng tôi, với nhiều bài hát địa phương do một người mù hát. Ban nhạc gồm một người thổi sáo, một tay guitar và một người chơi accordion hầu như chẳng còn ngón tay nào, và có sự hỗ trợ đột xuất của một cây saxophone, một cây guitar và vài dụng cụ gõ. Sau đó là phần trò chuyện. Bốn bệnh nhân đã cố gắng nói mặc dù họ gặp những trở ngại

về phát âm. Một người bị lạnh cóng, cuối cùng cũng cố gắng la to: "Chúc mừng các bác sĩ!". Alberto cảm ơn họ vì những tình cảm thân thiết. Anh nói rằng cảnh đẹp ở Peru không thể nào đẹp hơn những tình cảm của họ trong giây phút đó, rằng anh thật sự xúc động sâu xa, rằng anh không thể nói gì hơn ngoại trừ "Tôi muốn cảm ơn tất cả các bạn!".

Chiếc xuồng từ từ rời khỏi bờ trong âm điệu của một bài dân ca, đưa những người bệnh nhân ra về. Dưới ánh sáng hiu hắt của chiếc đèn bão, hình hài của họ chập chờn như những bóng ma. Chúng tôi trở lại nhà bác sĩ Bresciani uống vài ly, tán gẫu rồi đi ngủ.

Thứ Sáu là ngày chúng tôi lên đường, vì vậy vào buổi sáng chúng tôi đến chia tay những bệnh nhân. Sau khi chụp vài tấm ảnh lưu niệm, chúng tôi quay trở lại với hai trái thơm là quà của bác sĩ Montoya. Chúng tôi tắm rửa, ăn uống và gần đến ba giờ thì nói lời tạm biệt. Vào lúc ba giờ rưỡi, chiếc bè mang tên Mambo-Tango bắt đầu xuôi dòng, chở theo hai đứa chúng tôi và bác sĩ Bresciani, Alfaro và Chavez, người đã đóng chiếc bè.

Họ đưa chúng tôi ra giữa dòng sông rồi chia tay, để chúng tôi một mình xoay sở.

Lên đèn

Vài ba con muỗi đơn độc không thể ngăn cản giấc ngủ của tôi. Tôi đang thiu thiu thì giọng của Alberto đánh thức tôi dậy. Những ánh đèn yếu ớt của một thị trấn nhỏ, mà nhìn bề ngoài có vẻ như là thị trấn Leticia, có thể nhìn thấy từ bờ bên trái của con sông.

Tiếp theo là công việc vô cùng khó khăn khi hướng chiếc bè về phía ánh đèn, và chính lúc này, chúng tôi phải đối diện với một tai họa: chiếc bè từ chối không chịu trôi gần bờ, nó ngoan cố giạt ra giữa dòng. Chúng tôi chèo hết sức mình, nhưng khi chiếc bè sắp sửa chuyển hướng thì nó lại quay nửa vòng, hướng ra giữa dòng. Chúng tôi tuyệt vọng nhìn những ngọn đèn khuất dần. Kiệt sức, chúng tôi nghĩ rằng ít ra mình cũng chiến thắng được đàn muỗi và lăn ra ngủ cho đến sáng, chuyện gì xảy ra sau đó tính sau.

Viễn cảnh của chúng tôi chẳng hứa hẹn gì nhiều. Nếu tiếp tục xuôi theo dòng sông, chúng tôi sẽ trôi tới tận Manaos, mà theo những nguồn tin tương đối đáng tin cậy thì đó là một quãng đường khá dài, tương đương với 10 ngày đi thuyền. Do tai nạn ngày hôm trước(1), chúng tôi không còn lưới câu và cũng chẳng còn bao nhiêu lương thực dự trữ. Đó là chưa kể chúng tôi vào Brazil mà không có giấy tờ và không biết tiếng...

Nhưng tất cả những vấn đề này không làm chúng tôi bận tâm lâu vì chúng tôi đã sớm chìm vào giấc ngủ. Mặt trời mọc đánh thức tôi và tôi bò ra khỏi mùng để xem mình đang ở đâu. Chiếc bè đã cặp bờ phải của con sông và đang lặng lẽ chờ đợi tại một chiếc cầu nhỏ của một căn nhà gần đó. Tôi quyết định tạm gác lại mọi chuyện, bởi vì đàn muỗi vẫn còn trong phạm vi tấn công và đang tận hưởng bữa tiệc của chúng. Alberto vẫn còn ngủ say nên tôi cũng ngủ tiếp. Cảm giác mệt lả và kiệt sức đã tràn ngập cơ thể tôi. Tôi thấy không thể quyết định được gì ngoài trừ ý nghĩ là: cho dù bất cứ chuyện gì không hay xảy ra, không có lý do gì để nói rằng chúng tôi không thể đương đầu được.

Phút nghĩ về mẹ

Bogota, Colombia

Ngày 6 tháng 7 năm 1952

Mẹ kính yêu,

Con của mẹ đây! Bây giờ con chỉ còn cách Venezuela vài cây số, và tốn thêm vài pêsô nữa. Trước hết, con xin chúc mẹ sinh nhật vui vẻ! Con hy vọng sinh nhật của mẹ sẽ được tổ chức trong yêu thương, với những tiếng cười và sự hiện diện của cả gia đình. Kể đến con xin kể lại chuyến đi của con kể từ khi chúng con rời khỏi Iquitos.

Chúng con khởi hành tương đối đúng theo kế hoạch; lên đên trong hai đêm cùng những đàn muỗi và đến vùng đất có những đồng nghiệp của chúng con ở San Pablo vào lúc bình minh, tại đây chúng con đã nhận được chỗ ăn ở. Vị giám đốc phụ trách chuyên môn, một con người tuyệt vời, đã cảm thấy thích chúng con ngay và chúng con đã sớm tạo được sự thân mật và gần gũi với tất cả mọi người ở trại phong, ngoại trừ những Ma Soeur luôn hỏi tại sao chúng con không bao giờ dự thánh lễ Misa. Những Ma Soeur này trông nom trại phong và những ai không dự thánh lễ sẽ bị cắt giảm phần ăn (nhưng những đứa trẻ ở đó đã giúp chúng con có thức ăn mỗi ngày). Ngoài việc đó ra, đời sống ở đây hoàn toàn thoải mái.

Vào ngày 14, họ tổ chức tiệc chiêu đãi con với nhiều rượu pisco, một loại rượu gin làm cho người ta say thật tuyệt vời. Giám đốc trại phong đã nâng ly chúc mừng chúng con, và cảm kích trước tấm lòng của ông, con đã đáp lại bằng một bài diễn văn thuần túy Mỹ La tinh và được mọi người hoan hô nhiệt liệt. Chúng con ở lại trại phong lâu hơn một chút so với dự tính, nhưng cuối cùng chúng con cũng rời San Pablo để đến Colombia. Vào đêm cuối cùng, một nhóm bệnh nhân từ trại phong đến trên một chiếc xuồng lớn. Họ hát những bài dạ khúc tiễn biệt trên cầu tàu và phát biểu những lời thật xúc động.

Alberto cũng có bài phát biểu thật ấn tượng, tạo được niềm vui nơi những con người thánh thiện ở đây. Đây là một trong những kinh nghiệm thú vị trong chuyến đi của chúng con. Một người chơi accordion không còn ngón tay nào, anh cột một cái que vào cổ tay và cứ thế mà say mê nhấn phím đàn; ca sĩ mù lòa; và hầu hết những người khác hình hài đều bị biến dạng do hệ thần kinh bị tổn thương, một tình trạng khá phổ biến ở vùng này. Dưới ánh sáng của những chiếc đèn lồng phản chiếu trên sông, tất cả trông giống như một cảnh trong phim kinh dị. Nơi

này thật đáng yêu, xung quanh là những khu rừng nhiệt đới, với những bộ lạc thổ dân cách khoảng một dặm (tất nhiên là chúng con cũng đã thăm viếng những bộ lạc này), và có thật nhiều cá và những đặc sản phong phú khác. Tất cả những điều này làm chúng con mơ đến việc băng qua Mato Grosso bằng đường sông, từ Paraguay đến Amazon, thực tập y khoa dọc theo đường đi... Một ước mơ giống như giấc mơ có được một căn nhà của riêng mình... Có lẽ một ngày nào đó... Chúng con có cảm giác như mình là những nhà thám hiểm thật sự và xuôi dòng trên một chiếc bè lộng lẫy mà họ đóng đặc biệt cho chúng con. Ngày đầu tiên trôi qua êm ả nhưng đêm hôm đó, thay vì thức canh chừng, chúng con lại chui vào mùng ngủ, và sáng hôm sau chúng con thấy bè bị mắc cạn trên bờ.

Chúng con ăn thật khỏe. Ngày hôm đó trôi qua thật vui vẻ và chúng con quyết định thay nhau canh chừng bè để tránh những vấn đề đáng tiếc khác xảy ra, bởi vì khi trời tối thủy triều sẽ mang chúng con vào bờ và rong rêu dưới sông sẽ làm bè bị mắc cạn. Con đã phạm một sai lầm trong một lần canh gác. Một trong những con gà mái mà chúng con mang theo để làm thịt bị rơi xuống nước và bị dòng nước cuốn đi. Con trai của mẹ đã bơi băng ngang qua sông Amazon tại San Pablo bây giờ lại không có can đảm nhảy xuống bắt con gà, một phần bởi vì chúng con thấy cá sấu thỉnh thoảng xuất hiện trên mặt nước, một phần vì chúng con sợ hãi sông nước ban đêm. Nếu mẹ có mặt ở đó, chắc là mẹ đã có thể cứu được con gà, và Ana Maria cũng thế, bởi vì mẹ không có những nỗi sợ hãi vớ vẩn về ban đêm như chúng con.

Một con cá to tướng đã mắc câu và chúng con phải vất vả lắm mới kéo được nó lên bè. Chúng con tiếp tục canh chừng cho đến sáng, cột bè vào bờ, và chui vào mùng để tránh đàn muỗi khát máu. Ngủ được một giấc, Alberto, người thích ăn cá hơn thịt gà, thấy hai chiếc cần câu lẫn con mồi đã biến mất trong đêm. Mẹ có thể tưởng tượng anh ta bực mình như thế nào. Có một căn nhà gần đó, và chúng con quyết định xem đường đến Leticia bao xa. Khi người chủ nói với chúng con bằng giọng Bồ Đào Nha rằng Leticia cách bảy tiếng ở thượng nguồn và chúng con bây giờ đang ở Brazil, Alberto và con đã cãi nhau dữ dội xem ai là người đã ngủ quên trong phiên gác. Nhưng cãi nhau cũng chẳng đi đến đâu. Chúng con biểu ông chủ nhà một con cá và một trái thơm bốn kilô của những người ở trại phong, đổi lại chúng con được ngủ qua đêm và sau đó được ông hướng dẫn đi ngược dòng sông. Chúng con quay ngược trở lại dòng sông rất nhanh, nhưng đó là một công việc khó nhọc, bởi vì chúng con phải chèo bảy giờ trên một chiếc xuồng lạ. Chúng con đã tìm được chỗ trọ tại một đồn cảnh sát ở Leticia; nhưng không được giảm giá vé máy bay và phải trả thêm tiền hành lý vượt quá trọng lượng cho phép. Nhưng bù

lại, chúng con được mời làm huấn luyện viên cho một đội bóng trong khi chờ đợi chuyển bay mà hai tuần mới có một chuyến. Lúc đầu chúng con chỉ tính huấn luyện họ cho họ đá được mà thôi; nhưng họ đá tệ quá nên chúng con đành phải nhào vô đá giúp. Kết quả đáng ngạc nhiên là đội bóng yếu nhất lại bước vào vòng chung kết tổ chức trong ngày và chỉ thua ở loạt sút luân lưu. Alberto chơi như cầu thủ Pedernera của Argentina nên được mọi người đặt tên là Pedernerita, và con đã đỡ được một quả penalty, để lại dấu ấn trong lịch sử bóng đá Leticia. Buổi lễ ăn mừng chắc là thật tưng bừng nếu như vào phút cuối họ không hát quốc ca Colombia, và nếu như lúc đó con đừng cúi xuống chùi vết máu trên đầu gối, làm viên đại tá giận dữ quát tháo. Con tính cãi lại thì chợt nhớ đến chuyến đi và đành phải câm miệng lại. Cuối cùng chúng con cũng bay đến Bogota. Alberto tán gẫu với những hành khách khác về chuyến bay tồi tệ mà chúng con đã băng qua Đại Tây Dương khi tham dự Hội nghị quốc tế về bệnh phong tổ chức tại Paris, lúc đó bốn động cơ đã hỏng và chúng con chỉ còn vài phút là rơi xuống Đại Tây Dương...

Chúng con có cảm giác như mình được du hành vòng quanh thế giới hai lần. Ngày đầu tiên ở Bogota trôi qua suôn sẻ, chúng con kiếm được chỗ ăn ở khuôn viên đại học nhưng không có chỗ ở bởi vì ở đó chật cứng sinh viên tham dự những khóa học do Liên Hiệp Quốc tổ chức. Tất nhiên ở đó không có người Argentina nào. Sau một giờ sáng, cuối cùng chúng con cũng tìm được một cái ghế để qua đêm tại một bệnh viện. Chúng con không đến nỗi nghèo mạt, nhưng những nhà thám hiểm với lịch sử và địa vị của chúng con thà chết còn hơn trả tiền để vào ở trong nhà tập thể như thế. Sau đó những người thuộc dịch vụ bệnh phong đã tiếp nhận chúng con, mặc dù ngày đầu tiên họ vẫn còn nghi ngờ lá thư giới thiệu của bác sĩ Pesce chúng con mang từ Peru. Alberto đã phải xuất trình hàng loạt văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận và họ hầu như không kịp thở khi con nói liên tục về những khó khăn và hiểm nguy trong nghề nghiệp của con. Kết quả là cả hai chúng con đều có việc làm. Con không có ý định nhận việc, nhưng Alberto thì có. Khi con dùng con dao của Alberto vẽ trên đường phố thì cảnh sát đến. Chúng con cãi nhau với cảnh sát và kết quả là cả hai chúng con quyết định phải đi Venezuela càng sớm càng tốt. Vì vậy khi mẹ nhận được thư này thì chúng con đang chuẩn bị lên đường. Mẹ có thể gửi thư cho con đến Cucuta, Santander del Norte, Colombia, hoặc gửi chuyển phát nhanh đến Bogota. Ngày mai con sẽ ngồi ở khán đài rẻ tiền nhất để xem Millonarios đá với Real Madrid, bởi vì nhờ cậy người đồng hương ở đây còn khó hơn nhờ bộ trưởng. Ở đây tự do cá nhân bị đàn áp nhiều hơn ở bất cứ quốc gia nào mà chúng con đã từng đặt chân đến. Cảnh sát mang súng trường đi qua đi lại trên các đường phố và cứ vài phút lại xét giấy tờ của người ta, ấy vậy mà một số cảnh sát lại không biết đọc nên cứ lật tới lật lui giấy tờ của khách bộ hành mà chẳng hiểu gì cả. Bầu không khí ở đây rất căng thẳng và dường như cách mạng có thể bùng nổ.

Ở nông thôn người ta chống đối công khai và quân đội đã bắt lực không thể đàn áp họ. Cuộc chiến trong nội bộ phái bảo thủ vẫn tiếp diễn và biến cố ngày 9. 4. 1948(1) vẫn còn đè nặng lên tâm trí mọi người. Nói tóm lại, ở đây rất ngột ngạt. Nếu người Colombia muốn chịu đựng không khí này, con xin chúc họ may mắn, còn chúng con chỉ muốn ra khỏi nơi đây càng sớm càng tốt. Hiển nhiên là Alberto có cơ hội rất tốt để tìm việc ở Caracas.

Con hy vọng một người nào đó sẽ viết vài dòng cho con biết bây giờ mẹ ra sao. Lần này mẹ sẽ không phải thu thập thông tin qua Beatriz hoặc qua bất cứ người trung gian nào (con sẽ không trả lời thư của cô ấy bởi vì chúng con tự giới hạn chỉ viết một lá thư tại mỗi thành phố chúng con đến, đó là lý do tại sao tấm thiệp cho Alfredivito Gabela được gửi kèm theo thư này).

Con trai của mẹ ôm mẹ thật chặt, con nhớ mẹ lắm! Con hy vọng rằng cha có thể xoay xở đến Venezuela. Giá sinh hoạt ở đó đắt đỏ hơn ở đây, nhưng người ta trả lương cao hơn và như thế có lẽ thích hợp với con người tằn tiện như cha. Nếu sau khi sống ở đây được một thời gian mà cha vẫn còn yêu thích Chú Sam... Thôi con lạc đề mất rồi, cha có thể hiểu hết những gì con muốn nói. Chào mẹ.

Trên đường đến Caracas

Sau một số câu hỏi vớ vẩn với những cái nhìn dò xét đầy nghi ngờ, cuối cùng nhân viên hải quan cũng đóng dấu lên hộ chiếu của chúng tôi với ngày hết hạn là 14 tháng 7 in thật lớn, và chúng tôi đi bộ ngang qua chiếc cầu nổi liền đồng thời ngăn cách hai quốc gia.

Cũng với dáng vẻ hằn học, hách dịch như binh lính Colombia - dường như đây là điểm thường thấy nơi quân đội - một binh sĩ Venezuela kiểm tra hành lý của chúng tôi, rồi thẩm vấn vài câu để chứng tỏ rằng chúng tôi đang được nói chuyện với một người có quyền hành. Thủ tục hành chánh đã cản trở chúng tôi khá lâu tại San Antonio de Tachira, và rồi chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình trên một chiếc xe tải mà người chủ xe đã hứa chở chúng tôi đến thành phố

San Cristobal.

Dọc đường có trạm hải quan - nơi chúng tôi bị lục tung cả hành lý và con người. Chúng tôi đã phải giải thích nhiều lần với viên cảnh sát trưởng về xuất xứ của con dao đã gây quá nhiều rắc rối ở Bogota. Những người ở đây có trình độ văn hóa cao nên nói chuyện với họ cũng dễ dàng. Khẩu súng lục vẫn an toàn vì nó nằm trong túi áo jacket da cuộn trong một cái gói mà mùi của nó làm những nhân viên hải quan chịu không nổi nên chẳng để ý. Cuối cùng chúng tôi cũng xin lại được con dao, nhưng đây là một mối bận tâm mới, bởi có nhiều trạm kiểm soát dọc đường từ đây đến Caracas và không phải ai cũng dễ dàng để giải thích. Con đường nối hai thị trấn biên giới được xây dựng hoàn hảo, đặc biệt về phía Venezuela, và nó làm tôi gợi nhớ đến vùng đồi núi quanh Cordoba. Nhìn chung, đất nước này thịnh vượng hơn Colombia.

Trên đường đến San Cristobal đã xảy ra vụ tranh chấp giữa những người chủ của công ty vận tải và chúng tôi, những người muốn đi theo cách tiết kiệm nhất. Lần đầu tiên trong chuyến đi của chúng tôi, lý lẽ của họ về "đi xe tải hai ngày có lợi hơn đi xe buýt ba ngày" đã thắng. Nóng lòng giải quyết vấn đề cho nhanh và để tìm cách làm hạ cơn suyễn, chúng tôi quyết định xuống xe và trả thêm tiền, đành phải hy sinh thêm vài đồng để đến Caracas. Chúng tôi lang thang trong vùng phụ cận San Cristobal cho đến tối và đọc một chút về đất nước Venezuela tại thư viện địa phương.

11 giờ đêm, chúng tôi lên đường đi về hướng bắc, để lại đằng sau tất cả những dấu vết của nhựa đường. Trên băng ghế đã có sẵn ba người ngồi. Họ nhét tiếp bốn người nữa, và như thế không cách nào để ngủ được. Tệ hơn nữa, bánh xe bên phải mất hơn một giờ để sửa chữa và cơn suyễn lại tiếp tục hành hạ tôi. Con đường ở trong tình trạng còn tệ thảm hơn, gây thêm nhiều lỗ thủng nữa; vào ngày thứ hai lại có thêm vài lỗ thủng nữa.

Cảnh sát có những chốt chặn dọc đường, kiểm soát tất cả xe tải, và nếu không có thư giới thiệu của một bà hành khách thì chắc là chúng tôi phải gặp những chuyện cực kỳ rắc rối. Tài xế nói tất cả hành lý là của bà hành khách đó, thế là an toàn. Đồ ăn lại lên giá, một phần ăn ba đồng rưỡi thay vì một đồng bolivar như trước. Để tiết kiệm được đồng nào hay đồng nấy, chúng tôi chỉ ăn uống qua loa tại Punta del Aguila, và tài xế thấy tình cảnh đáng thương của chúng tôi đã bao chúng tôi ăn uống no nê. Punta del Aguila là đỉnh cao nhất của dãy Andes thuộc địa phận Venezuela, độ cao 4.108 mét so với mặt biển. Tôi uống nốt hai viên thuốc còn lại để ngủ yên qua đêm.

Vào lúc bình minh, tài xế dừng lại trong một giờ để ngủ. Ông ta đã lái xe liên tục không nghỉ trong hai ngày. Chúng tôi hy vọng sẽ đến Caracas vào đêm hôm đó, nhưng bánh xe thủng và bình điện không sạc được làm chúng tôi phải dừng lại để sửa chữa. Ở đây thuộc khí hậu nhiệt đới và khắp nơi đều có chuối cùng những đàn muỗi đói hung hăng. Đoạn đường cuối cùng, nơi tôi ngủ để quên cơn suyễn, được trải nhựa thật tốt và trông thật đẹp. Khi chúng tôi đến nơi thì trời đã sáng. Tôi đã kiệt sức, cố thuê một cái giường với giá nửa đồng bolivar và ngủ như chết với một liều Adrenalin mà Alberto đã tiêm cho.

Chia tay

Cơn suyễn tồi tệ bây giờ cũng qua đi và tôi thấy hầu như khoẻ hẳn, mặc dù thỉnh thoảng tôi vẫn phải nhờ đến bình xịt của Pháp. Sự vắng mặt của Alberto làm tôi hụt hẫng. Tôi cảm thấy dường như bên hông tôi không có gì bảo vệ khỏi những đợt tấn công. Mỗi khi tôi quay sang để chia sẻ nỗi niềm với anh thì anh không còn ở đó nữa.

Quả thật vào lúc này tôi không có gì để phàn nàn: được chăm sóc tử tế, có nhiều thức ăn ngon, và hy vọng trở về quê nhà tiếp tục học hành và nhận văn bằng để có thể hành nghề bác sĩ. Tuy nhiên, ý nghĩ chia tay đột ngột đã làm tôi phải ngậm ngùi, xúc động muốn khóc, lòng bồi hồi mãi không nguôi: Nhiều tháng trời bên nhau, cùng chia sẻ những gian khổ, thử thách và hoạn nạn, những niềm vui và nỗi buồn, những lúc liêu lĩnh và cả những lỗi lầm lúc thật ngớ ngẩn, trẻ con, những kỷ niệm không bao giờ quên, những giấc mơ giống nhau trong cùng cảnh ngộ, càng làm chúng tôi gắn gũi nhau, thương yêu nhau hơn bao giờ hết.

Những cảm xúc, ý nghĩ này cứ lớn vồn trong đầu tôi, và tôi thấy mình trôi xa khỏi trung tâm Caracas. Những căn nhà ở vùng ngoại ô nằm rất xa nhau. Caracas trải dài dọc theo một thung lũng hẹp, bị vây quanh và ép chặt giữa hai sườn thung lũng. Vì vậy, chỉ cần đi bộ một chút là bạn sẽ leo lên được những ngọn đồi xung quanh. Và ở đó, với cả thành phố trải dài dưới chân, bạn sẽ bắt đầu thấy một khía cạnh mới của thành phố nhiều mặt này. Người da đen, là giống dân tiêu biểu của châu Phi, vẫn còn giữ được nét thuần chủng của họ nhờ bởi họ không thích tẩm. Họ đã chứng kiến quê cha đất tổ của mình bị người Bồ Đào Nha xâm lược. Hai giống dân

này có một cuộc sống không yên ổn với nhau, sẵn sàng cãi vã, xung đột bất cứ lúc nào. Sự phân biệt chủng tộc và nghèo đói đã liên kết họ lại trong cuộc đấu tranh hằng ngày để tồn tại, nhưng cách sống khác nhau đã chia rẽ họ hoàn toàn: người da đen thì lười biếng, mơ mơ màng màng, làm được bao nhiêu thì đem xài phung phí hoặc để ăn nhậu hết; trong khi đó truyền thống làm lụng và tiết kiệm của người châu Âu đã theo họ đến cái xó xỉnh ở châu Mỹ này và khiến họ phải tiến lên, thậm chí nhiều khi phải hy sinh những ước muốn cá nhân.

Ở độ cao này không có những căn nhà bê tông, mà chỉ còn lại những căn nhà lụp xụp bằng gạch. Tôi nhìn vào một căn. Đó là một căn phòng được ngăn đôi bằng một tấm liếp, với một lò sưởi, một cái bàn và một đồng rơm trên mặt đất dùng làm chỗ ngủ. Vài con mèo gầy trơ xương và một con chó ghẻ đang chơi đùa với ba đứa trẻ da đen trần truồng. Khói từ bếp lửa bay mù mịt khắp phòng. Một bà mẹ tóc quăn, vú xệ đang nấu nướng, bên cạnh là một bé gái khoảng 15 tuổi còn mặc quần áo. Tôi đứng ở ngoài cửa nói chuyện và yêu cầu họ cho chụp một tấm ảnh. Họ nhất quyết từ chối nếu như tôi không đưa cho họ tấm ảnh ngay sau khi chụp. Tôi cố giải thích rằng phim cần phải tráng rọi sau đó mới có ảnh, nhưng cũng vô ích mà thôi. Cuối cùng tôi hứa sẽ giao ảnh ngay, nhưng họ nhìn tôi nghi ngờ và từ chối thẳng. Một đứa nhỏ trốn ra ngoài chơi với bạn trong khi tôi đang nói chuyện với mấy người trong nhà. Cuối cùng, tôi đứng ở ngưỡng cửa, máy ảnh trong tay, tính sẽ chụp ảnh bất cứ ai thò đầu ra. Chúng tôi cứ canh chừng nhau như thế cho đến khi thằng nhỏ vô tình đạp xe trở về. Tôi ngấm và bấm máy nhưng kết quả thật là thảm hại. Để né không bị chụp ảnh, thằng nhỏ bẻ ngoặt tay lái và té xuống đất thật đau và khóc òa. Ngay lập tức đám người trong nhà quên hết nỗi sợ bị chụp ảnh và ào ra ngoài xỉ vả tôi. Tôi sợ hãi rút lui thật nhanh vì biết họ có tài ném đá rất giỏi, bỏ lại phía sau những tiếng chửi rủa, kèm cả một câu đầy miệt thị: "Đồ Bồ Đào Nha chó đẻ!"

Rải rác bên đường là những công-ten-nơ vận chuyển xe hơi mà người Bồ Đào Nha dùng làm nơi trú ẩn. Trong một công-ten-nơ như thế có một gia đình da đen đang sống. Thoạt nhìn tôi thấy một tủ lạnh mới tinh, và từ những công-ten-nơ khác người ta mở nhạc radio phát hết công suất. Những chiếc xe hơi mới đang đậu trước những "căn nhà" khốn khổ này. Đủ loại máy bay đang gầm rú trên trời và cho ra những ánh phản chiếu bàng bạc. Và ở dưới chân tôi là Caracas, thành phố của mùa xuân bất tận. Trung tâm thành phố đang bị đe dọa bởi những mái nhà lợp ngói đỏ trộn lẫn với những nhà cao tầng mái bằng. Nhưng có một cái gì đó cho phép màu vàng của những tòa nhà thời thuộc địa vẫn còn đứng vững, thậm chí ngay sau khi chúng bị xóa khỏi bản đồ thành phố: tinh thần của Caracas không bị làm suy đồi bởi lối sống phương

bắc và vẫn còn bám rễ vào cái quá khứ thuộc địa của nó.

Ánh sáng phía chân trời

Những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời ngôi làng miền núi bé nhỏ, và sự im lặng cùng cái lạnh đã làm bóng tối như tan loãng ra. Tôi không biết phải giải thích như thế nào, nhưng dường như mọi thứ cứng rắn đã tan biến vào trong bầu trời, loại bỏ những điều vụn vặt, cá nhân, ích kỷ, và cuốn hút chúng tôi vào khoảng không mênh mông.

Không một áng mây che khuất bầu trời đầy sao. Ánh sáng mờ nhạt từ những ngọn đèn phía xa xa cũng góp phần làm phai tàn bóng đêm.

Gương mặt của người đàn ông cũng chập chờn trong bóng tối. Tôi chỉ có thể thấy những đốm sáng trong đôi mắt hắt và ánh sáng phản chiếu của bốn cái răng cửa.

Tôi vẫn không thể nói đó là do bầu không khí hay do tính cách của con người đó, nhưng tôi biết rằng đã nhiều lần tôi được chứng kiến những cuộc tranh cãi của nhiều người, nhưng họ không để lại một ấn tượng nào nơi tôi. Còn con người này có những nét thật ấn tượng. Từ một quốc gia ở châu Âu, khi còn trẻ hẳn đã trốn tránh lưỡi dao của chủ nghĩa giáo điều, đã nếm mùi sợ hãi (một trong những kinh nghiệm nhỏ nhoi khiến bạn có thể đánh giá cuộc đời), rồi sau đó hẳn lang thang từ nước này sang nước khác, với hàng ngàn cuộc hành trình, cho đến khi cuối cùng hẳn dừng lại nơi hẻo lánh, quanh hiu này, kiên nhẫn chờ đợi giây phút tận cùng của hẳn.

Sau khi trao đổi vài câu vô nghĩa và vài lời nói vô vị, câu chuyện trở nên nhạt nhẽo và chúng tôi sắp sửa chia tay thì hắn chợt cười phá lên, làm nổi bật bốn cái răng cửa lồm chồm:

"Đành rằng tương lai thuộc về nhân dân; dần dần, hoặc bởi một cuộc đình công, họ sẽ nắm chính quyền, ở đây và tại mỗi quốc gia.

Nhưng điều tệ hại là lúc ấy nhân dân chưa được giáo dục. Họ cần phải được giáo dục, nhưng điều này không thể thực hiện được trước khi họ nắm quyền, chỉ sau khi giành chính quyền mà thôi. Họ chỉ có thể học với cái giá của lỗi lầm của họ, mà những sai lầm đó rất nghiêm trọng và cướp mất bao sinh mạng của những con người vô tội. Hoặc có lẽ không, có lẽ những mạng sống đó là không vô tội bởi vì họ đã làm những điều tội lỗi rất lớn với thiên nhiên; điều đó có nghĩa là họ không có khả năng thích ứng. Tất cả bọn họ, những người không có khả năng thích ứng - chẳng hạn như anh và tôi - sẽ chết do chính cái quyền lực vĩ đại mà họ đã hy sinh để tạo dựng nên. Tội lỗi của tôi rất lớn, bởi vì tôi, nhạy bén hơn và có kinh nghiệm hơn, sẽ chết khi biết rằng hy sinh của tôi là vô ích, chỉ phục vụ cho một nền văn minh thối nát đang vỡ tan. Tôi cũng biết - và điều này không làm thay đổi hướng phát triển của lịch sử cũng như cái nhìn của anh về tôi - rằng anh cũng sẽ chết với bàn tay nắm lại và hàm răng nghiến chặt, là hình ảnh thu nhỏ của hận thù và đấu tranh, bởi vì anh không phải là một biểu tượng của cách mạng (một biểu tượng vô tri vô giác) mà là một thành viên thật sự của một xã hội sẽ bị diệt vong. Anh cũng hữu dụng và có ích như tôi, nhưng anh không ý thức được lợi ích của những cống hiến của anh cho cái xã hội đang sử dụng anh làm vật hy sinh."

Tôi nhìn hàm răng cười trơ tráo của hắn trong lúc hắn đang tiên đoán lịch sử. Tôi cảm thấy cái bắt tay và lời giã biệt của hắn như một lời thì thầm xa vắng. Cả đêm hôm ấy những lời của hắn cứ lờn vờn trong tâm trí tôi. Nhưng giờ đây, bất kể những lời của hắn, tôi biết... tôi biết rằng tôi sẽ đứng về phía nhân dân. Tôi biết điều này và tôi thấy điều đó in dấu trên nền trời đêm. Tôi biết rằng tôi sẽ vượt lên trên những học thuyết giả dối, chủ nghĩa giáo điều, cầm lấy vũ khí, vượt qua những rào cản và tiến lên. Và tôi thấy tôi hy sinh trong một cuộc cách mạng chân chính, mang lại công bằng và bình đẳng cho con người. Tôi thấy tôi đang hít thở mùi khét lẹt của khói súng và máu quân thù. Tôi rèn luyện bản thân, sẵn sàng chiến đấu, và chuẩn bị cho một vùng trời thiêng liêng, trong đó khúc hát khải hoàn của những người vô sản sẽ âm vang vô tận, cùng với sức sống mới và niềm hy vọng mới.

Phụ lục 1

Đưa con của cuộc sống

Tám năm sau khi viết cuốn "Nhật ký hành trình xuyên châu Mỹ La tinh bằng xe gắn máy", Ernesto Che Guevara đã trở thành nhân vật trung tâm trong chính phủ cách mạng Cuba. Sau cuộc hành trình với Alberto Granado, anh đã thực hiện một chuyến đi khác xuyên châu Mỹ La tinh, chứng kiến cuộc đảo chính ở Guatemala do CIA giật dây và tham

gia phong trào cách mạng Cuba đến lúc cuộc cách mạng thành công năm 1959.

Trong bài nói chuyện với sinh viên y khoa và công nhân của Cuba, Che đã phản ánh quá trình phát triển của anh từ một sinh viên y khoa đến một nhà hoạt động chính trị.

Các bạn thân mến,

Hầu như mọi người đều biết rằng tôi bắt đầu nghề bác sĩ cách đây vài năm. Khi tôi mới vào nghề, khi tôi bắt đầu học ngành y, thì những nhận thức cách mạng chưa hình thành trong đầu tôi.

Tôi muốn thành công như bao người khác. Tôi ước mơ được trở thành nhà nghiên cứu nổi tiếng. Tôi mơ được làm việc không mệt mỏi để có được những thành tựu có thể phục vụ nhân loại, và đó cũng là khúc khải hoàn của cá nhân tôi. Nhưng, như tất cả chúng ta, tôi mang nặng ảnh hưởng môi trường sống của mình.

Do một số cảnh ngộ đặc biệt, và có lẽ cũng bởi vì tính cách của tôi, sau khi nhận bằng tốt nghiệp tôi lại bắt đầu chuyển đi xuyên châu Mỹ La tinh và hiểu nó tường tận hơn. Ngoại trừ Haiti và Cộng hòa Dominic, bằng cách này hay cách khác, tôi đã đến tất cả các nước châu Mỹ La tinh. Trong cuộc hành trình, trước hết là một sinh viên, sau đó là một bác sĩ, tôi bắt đầu tiếp xúc với cái nghèo, cái đói, với bệnh tật, với sự bất lực không thể cứu nổi một em bé vì thiếu thuốc men, với nỗi thống khổ lên đến cực điểm đến nỗi người cha, người mẹ xem việc mất đi một đứa con thân yêu chỉ là chuyện bình thường. Và vào lúc ấy, tôi bắt đầu thấy có một điều đối với tôi dường như cũng quan trọng như làm một nhà nghiên cứu nổi tiếng hoặc đóng góp lớn lao cho y học. Đó chính là việc giúp đỡ cho những con người cùng khổ ấy.

Nhưng tôi vẫn là, cũng như tất cả chúng ta sẽ tiếp tục là, một người mang nặng dấu ấn của môi trường mình sống. Tôi muốn giúp những con người đó bằng chính những nỗ lực cá nhân. Tôi đã đi rất nhiều - tôi đã ở Guatemala, một Guatemala của Jacobo Arbenz, chính phủ dân chủ do dân bầu - và tôi bắt đầu quan tâm đến những yêu cầu và phẩm chất của một bác sĩ cách mạng.

Tuy nhiên đàn áp đã diễn ra: cuộc đảo chính năm 1954 do CIA giật dây đã nổ ra. Và chính phủ bù nhìn Castillo Armas đã lật đổ chính phủ Arbenz. Cuộc đảo chính thành công, và người dân Guatemala đã không đạt tới trình độ nhận thức cách mạng như nhân dân Cuba hiện nay. Và vào một ngày đẹp trời, tôi cũng như nhiều người khác đã chấp nhận con đường lưu đày, hay chính xác hơn là trốn khỏi Guatemala, bởi vì đó không phải là quê hương tôi.

Rồi tôi chợt nhận ra một điều cơ bản: để trở thành một bác sĩ cách mạng, hoặc là một nhà cách mạng, trước hết phải có một cuộc cách mạng. Những nỗ lực cá nhân đơn lẻ, những lý tưởng thuần khiết, hoài bão hy sinh cả một đời người cho những lý tưởng cao quý nhất sẽ là vô ích nếu như nỗ lực đó được thực hiện một mình, tại một xó xỉnh nào đó ở châu Mỹ La tinh, đấu tranh chống lại những chính phủ thù nghịch và những thế lực xã hội chống lại sự tiến bộ. Cuộc cách mạng cần những gì chúng ta đang có ở Cuba: toàn thể nhân dân đứng lên, biết cầm vũ khí, biết đoàn kết chiến đấu, biết sức mạnh của bạo lực cách mạng và biết sức mạnh của sự đoàn kết.

Rồi chúng ta đi đến phần cốt lõi của vấn đề đang ở trước mặt. Chúng ta có quyền và có nghĩa vụ đối với vận mạng của mình. Một bác sĩ cách mạng là người biết vận dụng những kiến thức và chuyên môn của ngành y để phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Rồi chúng ta quay trở lại những câu hỏi ban đầu: Làm thế nào để phục vụ cho lợi ích xã hội một cách có hiệu quả? Làm thế nào người ta có thể hòa hợp nỗ lực cá nhân với những nhu cầu của xã hội?

Chúng ta phải nhớ lại cuộc đời của mình trong quá khứ; chúng ta đã nghĩ gì và làm gì với cương vị một bác sĩ hoặc bất cứ chức vụ nào trong ngành y trước cách mạng. Chúng ta phải tích cực kiểm điểm lại. Rồi chúng ta sẽ kết luận rằng mọi thứ chúng ta đã suy nghĩ và cảm nhận trong quá khứ phải được khép lại, rằng con người mới phải được tạo ra. Nếu mỗi chúng ta là một nhà kiến tạo con người mới, thì việc tạo ra những con người mới của một đất nước Cuba mới sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Sẽ thật là hay nếu như các bạn, những cư dân của Havana, thấm nhuần tư tưởng này: rằng ở Cuba những con người mới đang được tạo ra, không phải chỉ ở thủ đô, mà ở khắp đất nước. Những ai trong số các bạn đã đến Sierra Maestra vào ngày 26 tháng 7 ắt hẳn đã thấy một điều gì đó rất quan trọng... Ắt hẳn các bạn đã thấy những trẻ em trạc 8, 9 tuổi khi nhìn dáng vẻ bên

ngoài của chúng, nhưng thực ra, chúng khoảng 13, 14 tuổi. Chúng là những đứa trẻ Sierra Maestra thực sự, những đứa trẻ của nghèo đói, suy dinh dưỡng.

Tại đất nước Cuba nhỏ bé này, với bốn hoặc năm kênh truyền hình, với hàng trăm đài phát thanh, với tất cả tiến bộ của khoa học hiện đại, khi những đứa trẻ đó đến trường vào một buổi tối và lần đầu tiên thấy ánh đèn điện, chúng thốt lên rằng những ngôi sao đang mọc rất thấp vào tối hôm đó. Những đứa trẻ đó, mà một số các bạn có lẽ đã thấy, bây giờ đang học trong những trường tập thể, học từ ABC đến việc kinh doanh, đến ngành khoa học rất khó khăn là học để trở thành những nhà cách mạng.

Đó là những con người mới được sinh ra tại Cuba. Họ được sinh ra ở những vùng hẻo lánh của Sierra Maestra, ở những hợp tác xã và công trường.

Tất cả những điều đó có liên quan mật thiết với chủ đề của buổi nói chuyện của chúng ta hôm nay: sự hợp nhất của bác sĩ và những người trong ngành y vào phong trào cách mạng. Bởi vì nhiệm vụ cách mạng - công việc đào tạo và nuôi dưỡng trẻ em, công việc giáo dục quân đội, công việc chia đất của những địa chủ vắng mặt cho những người hằng ngày đổ mồ hôi trên những mảnh đất đó mà không được hưởng hoa lợi - là những công việc vĩ đại nhất mà ngành y đã cùng thực hiện tại Cuba.

Cuộc đấu tranh chống lại bệnh tật phải dựa trên nguyên lý tạo ra một cơ thể cường tráng - không phải qua thao tác chuyên môn của bác sĩ trên một cơ quan bị bệnh - mà là tạo ra một cơ thể cường tráng qua công việc của một tập thể, đặc biệt là tập thể xã hội.

Rồi sẽ có một ngày y khoa trở thành một ngành khoa học phục vụ sự phòng ngừa bệnh tật, hướng dẫn quần chúng thói quen bảo vệ sức khỏe, và chỉ can thiệp trong trường hợp khẩn cấp, thực hiện những ca phẫu thuật hoặc xử lý những điều bất thường trong một xã hội mới mà chúng ta đang tạo ra... Để thực hiện những nghĩa vụ đó, để thực hiện tất cả những công tác cách mạng, yêu cầu cơ bản là phải có những cá nhân tốt. Cách mạng không phải là sự tiêu chuẩn hóa ý muốn và năng lực của tập thể. Ngược lại, nó là sự giải phóng khả năng cá nhân của con người.

Tuy nhiên, điều mà cách mạng làm là định hướng những khả năng đó. Nhiệm vụ của chúng ta

ngày nay là định hướng khả năng sáng tạo của tất cả giới y khoa để phục vụ cho xã hội.

Chúng ta đang ở giai đoạn cuối của một kỷ nguyên, không phải chỉ ở tại Cuba. Bất kể những quan điểm trái ngược, bất kể hy vọng của một số người, những hình thái của chủ nghĩa tư bản mà chúng ta biết và phải chịu đựng đang bị đánh bại trên toàn thế giới. Chủ nghĩa tư bản độc quyền lũng đoạn đang bị đánh bại. Chủ nghĩa cộng sản khoa học mỗi ngày đều đạt được những thắng lợi quan trọng mới. Và chúng ta có quyền tự hào là những chiến sĩ tiên phong trong phong trào cách mạng ở châu Mỹ La tinh đã bắt đầu cách đây một khoảng thời gian, ở những châu lục còn bị thống trị như châu Phi và châu Á. Những thay đổi sâu sắc về mặt xã hội cũng đòi hỏi những thay đổi sâu sắc về nhận thức của nhân dân.

Chủ nghĩa cá nhân, như một hành động lẻ loi của một con người trong môi trường xã hội, phải biến mất tại Cuba. Chủ nghĩa cá nhân của ngày mai sẽ là việc tận dụng tất cả những cá nhân cho lợi ích tuyệt đối của cộng đồng. Nhưng thậm chí khi mọi người đã hiểu tất cả những điều này, thậm chí khi mọi người sẵn sàng suy nghĩ một chút về hiện tại, về quá khứ, và đến tương lai, thì việc thay đổi tư duy đòi hỏi phải có những thay đổi sâu sắc bên trong dẫn đến những thay đổi sâu sắc bên ngoài, chủ yếu là những thay đổi xã hội.

Những thay đổi bên ngoài đang xảy ra tại Cuba mỗi ngày. Một cách để học hỏi về cách mạng, để biết sức mạnh tiềm tàng của nhân dân, là đến thăm Cuba, thăm viếng tất cả hợp tác xã và công trường, nhà máy đang được tạo dựng. Và một cách để đi đến cốt tủy của những vấn đề về y khoa là không những viếng thăm những hợp tác xã, những công trường, những nhà máy, mà là phải biết những con người đã tạo dựng nên những hợp tác xã, những công trường, những nhà máy đó. Các bạn hãy đến đó và xem họ đã mắc những bệnh gì, họ đang chịu những nỗi đau đớn gì, những nỗi thống khổ, nghèo đói mà họ đã phải chịu đựng trong bao nhiêu năm qua trong sự áp bức, bóc lột và đọa đày. Người bác sĩ, người trong ngành y phải đi sâu vào cốt lõi của công việc mới của họ như một con người của cộng đồng.

Cho dù có bất cứ biến cố nào xảy ra trên thế giới, bằng cách luôn luôn sâu sát với bệnh nhân, bằng cách tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ, bằng cách là đại biểu cho những con người đang chịu đau đớn và làm dịu nỗi đau của họ, thì người bác sĩ luôn luôn có một công việc rất quan trọng, một công việc với trách nhiệm hết sức lớn lao trong đời sống xã hội.

Cách đây vài tháng, tại Havana có một nhóm sinh viên đã không muốn nhận công tác tại nông thôn và đòi hỏi phải trả lương cao nếu như họ chịu đi. Theo quan điểm trước đây thì điều đó là hợp lý, và trước đây tôi cũng nghĩ như thế. Tôi hiểu đây là quan niệm của nhiều năm trước. Một lần nữa, đây là những đấu sĩ trong một cuộc nổi loạn, những chiến binh đơn độc muốn bảo đảm cho riêng họ một tương lai tốt đẹp hơn, những điều kiện tốt đẹp hơn, và muốn được công nhận với những gì họ đã làm.

Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu đó không phải những cá nhân ấy - những cá nhân mà gia đình của họ có thể trang trải toàn bộ chi phí cho nhiều năm học, hoàn thành khóa học và bây giờ đang hành nghề bác sĩ? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như thay vào đó là 200 hoặc 300 con em nông dân xuất hiện trên giảng đường đại học?

Điều đơn giản là những nông dân đó sẽ rất nhiệt tình, hồ hởi tham gia cùng với các anh chị em dưới mái trường đại học. Họ sẽ nhận công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất để chứng tỏ rằng những năm họ được ngồi dưới mái trường đại học không phải là uổng phí. Chuyện đó sẽ xảy ra trong sáu hoặc bảy năm nữa, khi những sinh viên mới, con em của giai cấp công nhân và nông dân, nhận bằng tốt nghiệp đại học.

Nhưng chúng ta không nên nhìn tương lai theo kiểu định mệnh đã an bài và chia nhân loại thành con em của giai cấp công nông và những phần tử phản cách mạng. Điều đó quá đơn giản và không đúng. Không có gì tốt hơn là giáo dục một con người trong môi trường cách mạng.

Không có người nào trong chúng ta ở đây xuất thân từ bần nông hay công nhân - để được học hỏi và kính trọng họ - hoặc đã từng sống với họ. Không có người nào trong chúng ta có quá khứ là một công nhân hay nông dân. Tất nhiên là có những người đã phải làm việc, đã từng biết đến sự nghèo khó trong thời thơ ấu của họ. Nhưng cái đói, cái đói thật sự thì không ai trong chúng ta đã từng biết đến nó. Và chúng ta đã bắt đầu biết đến nó một cách tạm thời trong suốt hai năm dài ở tại Sierra Maestra. Và rồi nhiều thứ đã trở nên rất rõ ràng... Chúng ta biết rất rõ rằng cuộc sống của một con người đáng giá gấp triệu lần tài sản của một người giàu có nhất trên thế giới. Chúng ta đã biết như thế thì tại sao bây giờ chúng ta kêu gào về đặc quyền, đặc lợi của mình và cho rằng những người Cuba khác không thể học được? Vâng, họ có thể học được đấy chứ. Cách mạng ngày nay đòi hỏi họ phải học, đòi hỏi họ phải thấm sâu ý tưởng rằng

niềm tự hào được phục vụ đồng bào còn quan trọng hơn thu nhập cá nhân, rằng lòng biết ơn của nhân dân là bền vững hơn vàng mà một con người có thể tích lũy. Mỗi một bác sĩ, trên cương vị của mình, có thể và nên tích lũy kho báu đó, là lòng biết ơn của nhân dân.

Thế thì chúng ta phải bắt đầu xóa bỏ những quan niệm cũ và đến gần hơn với nhân dân, không phải theo cách mà trước đây chúng ta đã làm. Bởi vì tất cả các bạn sẽ nói: "Không, tôi là bạn của nhân dân. Tôi thích nói chuyện với công nhân và nông dân, và vào Chủ Nhật tôi đi đến chỗ này, làm những điều nọ..." Mọi người đều làm như thế. Nhưng họ làm vì mục đích từ thiện, vì lòng nhân đạo, nhưng điều mà chúng ta làm ngày nay là vì tình đoàn kết. Chúng ta không nên đến gần nhân dân và nói, "Chúng tôi đây! Chúng tôi mang đến cho các người lòng từ thiện của chúng tôi. Chúng tôi sẽ dạy cho các người khoa học, chỉ ra cái sai của các người, cho các người thấy là các người thiếu phương pháp và không có kiến thức cơ bản." Chúng ta phải đến với lòng nhiệt tình muốn khám phá và với một thái độ khiêm tốn, để học hỏi từ nguồn tri thức vĩ đại của nhân dân.

Thường thì chúng ta nhận ra rằng chúng ta đã sai lầm trong những nhận thức mà chúng ta đã biết rõ; những sai lầm đó đã thành một phần của chúng ta và tự động trở thành ý thức của chúng ta. Chúng ta phải thường xuyên thay đổi nhận thức, không những là nhận thức tổng quát, xã hội hoặc triết lý mà còn những nhận thức về y khoa nữa. Chúng ta sẽ thấy rằng bệnh tật không phải luôn luôn được chữa trị theo cách người ta trị bệnh trong những bệnh viện lớn. Lúc đó chúng ta sẽ thấy rằng người bác sĩ cũng sẽ là nông dân, làm ra những loại thực phẩm mới, và nêu gương vun xới niềm khát khao được tiêu thụ những sản phẩm đó, làm phong phú và đa dạng nền công nghiệp thực phẩm của Cuba - vốn đã nhỏ bé và nghèo nàn trong một đất nước nông nghiệp có tiềm năng phong phú nhất thế giới. Chúng ta sẽ thấy rằng trong những cảnh ngộ như thế chúng ta cũng sẽ là những nhà chính trị; rằng điều đầu tiên mà chúng ta phải làm không phải là đi ban bố sự khôn ngoan, nhưng để chứng tỏ rằng chúng ta sẵn sàng học hỏi nơi nhân dân, chia sẻ kinh nghiệm với nhân dân để xây dựng một đất nước Cuba tươi mới.

Chúng ta đã tiến được nhiều bước, và khoảng cách giữa ngày 1 tháng Giêng năm 1959 và ngày hôm nay không thể đo theo những quy ước thông thường. Một thời gian trước đây, người ta hiểu rằng ở đây không những chỉ có một tên độc tài bị lật đổ, mà cả một chế độ độc tài cũng sụp đổ theo. Giờ đây nhân dân phải biết rằng trên đồng hoang tàn đổ nát đó, người ta phải xây dựng một chế độ mới có thể mang đến cho nhân dân hạnh phúc tuyệt đối.

... Chúng ta tin chắc rằng có một kẻ thù chung. Chúng ta biết rằng mỗi người nhìn qua vai xem có ai lắng nghe họ không, có người nào truyền đạt lại những gì họ đang lắng nghe không, trước khi họ phát biểu dứt khoát chống lại chủ nghĩa tư bản độc quyền, trước khi nói rõ ràng: "Kẻ thù của chúng ta, và kẻ thù của tất cả châu Mỹ La tinh, là chính phủ tư bản độc quyền Mỹ."

Mọi người đã biết đây là kẻ thù, và bất cứ ai đấu tranh chống lại kẻ thù đó tức là đang đứng cùng một chiến tuyến với chúng ta. Vậy đâu là mục tiêu của chúng ta ở Cuba? Chúng ta muốn gì? Chúng ta có muốn nhân dân được hạnh phúc hay không? Chúng ta có đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng kinh tế Cuba hay không? Chúng ta có hay không đấu tranh để Cuba trở thành một đất nước tự do giữa những đất nước tự do khác, mà không lệ thuộc vào một khối quân sự nào, không phải nhờ đến bất cứ thế lực lớn nào trên thế giới về những quyết định đối nội và đối ngoại của chúng ta? Chúng ta có nghĩ đến việc phân bổ lại tài sản của những người có quá nhiều để chia cho những người vô sản? Ở đây chúng ta có nghĩ đến việc thực hiện những công việc sáng tạo, tất cả cho hạnh phúc của chúng ta hay không? Nếu có, chúng ta đã có những mục tiêu để phấn đấu... Vào những thời điểm nguy hiểm nhất, căng thẳng nhất và sáng tạo nhất, điều can hệ nhất là xác định kẻ thù lớn nhất và những mục tiêu lớn nhất. Nếu chúng ta đồng lòng, nếu tất cả chúng ta đều biết con đường mình đi, thì cho dù bất cứ điều gì xảy ra, chúng ta cũng phải bắt đầu công việc của mình.

Tôi đã nói với các bạn rằng để trở thành một nhà cách mạng đòi hỏi phải có một cuộc cách mạng. Chúng ta đã có cách mạng. Và một nhà cách mạng phải hiểu rõ tâm tư và nguyện vọng của nhân dân. Tôi nghĩ chúng ta vẫn chưa biết rõ về nhau. Tôi nghĩ chúng ta vẫn phải cùng nhau đi trên con đường dài gian khổ đó... Tuy nhiên, nếu chúng ta biết rõ mục tiêu, nếu chúng ta biết xác định kẻ thù, và nếu chúng ta xác định được phương hướng, thì chúng ta sẽ biết rõ từng chặng đường trong từng ngày ở phía trước và dũng cảm tiến lên. Không ai có thể chỉ ra con đường phía trước đó. Con đường đó là con đường của mỗi cá nhân; đó là điều mà mỗi cá nhân chúng ta phải thực hiện hằng ngày, là những gì chúng ta đạt được từ kinh nghiệm, là những cống hiến của nghề nghiệp chuyên môn vì lợi ích của nhân dân.

Nếu chúng ta đã có tất cả những yếu tố để vững bước tới tương lai, thì hãy làm như câu nói nổi tiếng của Jose Marti: "Lời nói hay nhất là hành động". Tất cả chúng ta hãy tiến lên vì tương

lai của Cuba.

Tám năm sau khi viết cuốn "Nhật ký hành trình xuyên châu Mỹ La tinh bằng xe gắn máy", Ernesto Che Guevara đã trở thành nhân vật trung tâm trong chính phủ cách mạng Cuba. Sau cuộc hành trình với Alberto Granado, anh đã thực hiện một chuyến đi khác xuyên châu Mỹ La tinh, chứng kiến cuộc đảo chính ở Guatemala do CIA giật dây và tham gia phong trào cách mạng Cuba đến lúc cuộc cách mạng thành công năm 1959. Trong bài nói chuyện với sinh viên y khoa và công nhân của Cuba, Che đã phản ánh quá trình phát triển của anh từ một sinh viên y khoa đến một nhà hoạt động chính trị.

Các bạn thân mến,

Hầu như mọi người đều biết rằng tôi bắt đầu nghề bác sĩ cách đây vài năm. Khi tôi mới vào nghề, khi tôi bắt đầu học ngành y, thì những nhận thức cách mạng chưa hình thành trong đầu tôi.

Tôi muốn thành công như bao người khác. Tôi ước mơ được trở thành nhà nghiên cứu nổi tiếng. Tôi mơ được làm việc không mệt mỏi để có được những thành tựu có thể phục vụ nhân loại, và đó cũng là khúc khải hoàn của cá nhân tôi. Nhưng, như tất cả chúng ta, tôi mang nặng ảnh hưởng môi trường sống của mình.

Do một số cảnh ngộ đặc biệt, và có lẽ cũng bởi vì tính cách của tôi, sau khi nhận bằng tốt nghiệp tôi lại bắt đầu chuyến đi xuyên châu Mỹ La tinh và hiểu nó tường tận hơn. Ngoại trừ Haiti và Cộng hòa Dominic, bằng cách này hay cách khác, tôi đã đến tất cả các nước châu Mỹ La tinh. Trong cuộc hành trình, trước hết là một sinh viên, sau đó là một bác sĩ, tôi bắt đầu tiếp xúc với cái nghèo, cái đói, với bệnh tật, với sự bất lực không thể cứu nổi một em bé vì thiếu thuốc men, với nỗi thống khổ lên đến cực điểm đến nỗi người cha, người mẹ xem việc mất đi một đứa con thân yêu chỉ là chuyện bình thường. Và vào lúc ấy, tôi bắt đầu thấy có một điều đối với tôi dường như cũng quan trọng như làm một nhà nghiên cứu nổi tiếng hoặc đóng góp lớn lao cho y học. Đó chính là việc giúp đỡ cho những con người cùng khổ ấy.

Nhưng tôi vẫn là, cũng như tất cả chúng ta sẽ tiếp tục là, một người mang nặng dấu ấn của

môi trường mình sống. Tôi muốn giúp những con người đó bằng chính những nỗ lực cá nhân. Tôi đã đi rất nhiều - tôi đã ở Guatemala, một Guatemala của Jacobo Arbenz, chính phủ dân chủ do dân bầu - và tôi bắt đầu quan tâm đến những yêu cầu và phẩm chất của một bác sĩ cách mạng.

Tuy nhiên đàn áp đã diễn ra: cuộc đảo chính năm 1954 do CIA giật dây đã nổ ra. Và chính phủ bù nhìn Castillo Armas đã lật đổ chính phủ Arbenz. Cuộc đảo chính thành công, và người dân Guatemala đã không đạt tới trình độ nhận thức cách mạng như nhân dân Cuba hiện nay. Và vào một ngày đẹp trời, tôi cũng như nhiều người khác đã chấp nhận con đường lưu đày, hay chính xác hơn là trốn khỏi Guatemala, bởi vì đó không phải là quê hương tôi.

Rồi tôi chợt nhận ra một điều cơ bản: để trở thành một bác sĩ cách mạng, hoặc là một nhà cách mạng, trước hết phải có một cuộc cách mạng. Những nỗ lực cá nhân đơn lẻ, những lý tưởng thuần khiết, hoài bão hy sinh cả một đời người cho những lý tưởng cao quý nhất sẽ là vô ích nếu như nỗ lực đó được thực hiện một mình, tại một xó xỉnh nào đó ở châu Mỹ La tinh, đấu tranh chống lại những chính phủ thù nghịch và những thế lực xã hội chống lại sự tiến bộ. Cuộc cách mạng cần những gì chúng ta đang có ở Cuba: toàn thể nhân dân đứng lên, biết cầm vũ khí, biết đoàn kết chiến đấu, biết sức mạnh của bạo lực cách mạng và biết sức mạnh của sự đoàn kết.

Rồi chúng ta đi đến phần cốt lõi của vấn đề đang ở trước mặt. Chúng ta có quyền và có nghĩa vụ đối với vận mạng của mình. Một bác sĩ cách mạng là người biết vận dụng những kiến thức và chuyên môn của ngành y để phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Rồi chúng ta quay trở lại những câu hỏi ban đầu: Làm thế nào để phục vụ cho lợi ích xã hội một cách có hiệu quả? Làm thế nào người ta có thể hòa hợp nỗ lực cá nhân với những nhu cầu của xã hội?

Chúng ta phải nhớ lại cuộc đời của mình trong quá khứ; chúng ta đã nghĩ gì và làm gì với cương vị một bác sĩ hoặc bất cứ chức vụ nào trong ngành y trước cách mạng. Chúng ta phải tích cực kiểm điểm lại. Rồi chúng ta sẽ kết luận rằng mọi thứ chúng ta đã suy nghĩ và cảm nhận trong quá khứ phải được khép lại, rằng con người mới phải được tạo ra. Nếu mỗi chúng ta là một nhà kiến tạo con người mới, thì việc tạo ra những con người mới của một đất nước Cuba mới sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Sẽ thật là hay nếu như các bạn, những cư dân của Havana, thẩm nhuần tư tưởng này: rằng ở Cuba những con người mới đang được tạo ra, không phải chỉ ở thủ đô, mà ở khắp đất nước. Những ai trong số các bạn đã đến Sierra Maestra vào ngày 26 tháng 7 ắt hẳn đã thấy một điều gì đó rất quan trọng... Ắt hẳn các bạn đã thấy những trẻ em trạc 8, 9 tuổi khi nhìn dáng vẻ bên ngoài của chúng, nhưng thực ra, chúng khoảng 13, 14 tuổi. Chúng là những đứa trẻ Sierra Maestra thực sự, những đứa trẻ của nghèo đói, suy dinh dưỡng.

Tại đất nước Cuba nhỏ bé này, với bốn hoặc năm kênh truyền hình, với hàng trăm đài phát thanh, với tất cả tiến bộ của khoa học hiện đại, khi những đứa trẻ đó đến trường vào một buổi tối và lần đầu tiên thấy ánh đèn điện, chúng thốt lên rằng những ngôi sao đang mọc rất thấp vào tối hôm đó. Những đứa trẻ đó, mà một số các bạn có lẽ đã thấy, bây giờ đang học trong những trường tập thể, học từ ABC đến việc kinh doanh, đến ngành khoa học rất khó khăn là học để trở thành những nhà cách mạng.

Đó là những con người mới được sinh ra tại Cuba. Họ được sinh ra ở những vùng hẻo lánh của Sierra Maestra, ở những hợp tác xã và công trường.

Tất cả những điều đó có liên quan mật thiết với chủ đề của buổi nói chuyện của chúng ta hôm nay: sự hợp nhất của bác sĩ và những người trong ngành y vào phong trào cách mạng. Bởi vì nhiệm vụ cách mạng - công việc đào tạo và nuôi dưỡng trẻ em, công việc giáo dục quân đội, công việc chia đất của những địa chủ vắng mặt cho những người hăng ngày đổ mồ hôi trên những mảnh đất đó mà không được hưởng hoa lợi - là những công việc vĩ đại nhất mà ngành y đã cùng thực hiện tại Cuba.

Cuộc đấu tranh chống lại bệnh tật phải dựa trên nguyên lý tạo ra một cơ thể cường tráng - không phải qua thao tác chuyên môn của bác sĩ trên một cơ quan bị bệnh - mà là tạo ra một cơ thể cường tráng qua công việc của một tập thể, đặc biệt là tập thể xã hội.

Rồi sẽ có một ngày y khoa trở thành một ngành khoa học phục vụ sự phòng ngừa bệnh tật, hướng dẫn quần chúng thói quen bảo vệ sức khỏe, và chỉ can thiệp trong trường hợp khẩn cấp, thực hiện những ca phẫu thuật hoặc xử lý những điều bất thường trong một xã hội mới mà

chúng ta đang tạo ra... Để thực hiện những nghĩa vụ đó, để thực hiện tất cả những công tác cách mạng, yêu cầu cơ bản là phải có những cá nhân tốt. Cách mạng không phải là sự tiêu chuẩn hóa ý muốn và năng lực của tập thể. Ngược lại, nó là sự giải phóng khả năng cá nhân của con người.

Tuy nhiên, điều mà cách mạng làm là định hướng những khả năng đó. Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay là định hướng khả năng sáng tạo của tất cả giới y khoa để phục vụ cho xã hội.

Chúng ta đang ở giai đoạn cuối của một kỷ nguyên, không phải chỉ ở tại Cuba. Bất kể những quan điểm trái ngược, bất kể hy vọng của một số người, những hình thái của chủ nghĩa tư bản mà chúng ta biết và phải chịu đựng đang bị đánh bại trên toàn thế giới. Chủ nghĩa tư bản độc quyền lũng đoạn đang bị đánh bại. Chủ nghĩa cộng sản khoa học mỗi ngày đều đạt được những thắng lợi quan trọng mới. Và chúng ta có quyền tự hào là những chiến sĩ tiên phong trong phong trào cách mạng ở châu Mỹ La tinh đã bắt đầu cách đây một khoảng thời gian, ở những châu lục còn bị thống trị như châu Phi và châu Á. Những thay đổi sâu sắc về mặt xã hội cũng đòi hỏi những thay đổi sâu sắc về nhận thức của nhân dân.

Chủ nghĩa cá nhân, như một hành động lẻ loi của một con người trong môi trường xã hội, phải biến mất tại Cuba. Chủ nghĩa cá nhân của ngày mai sẽ là việc tận dụng tất cả những cá nhân cho lợi ích tuyệt đối của cộng đồng. Nhưng thậm chí khi mọi người đã hiểu tất cả những điều này, thậm chí khi mọi người sẵn sàng suy nghĩ một chút về hiện tại, về quá khứ, và đến tương lai, thì việc thay đổi tư duy đòi hỏi phải có những thay đổi sâu sắc bên trong dẫn đến những thay đổi sâu sắc bên ngoài, chủ yếu là những thay đổi xã hội.

Những thay đổi bên ngoài đang xảy ra tại Cuba mỗi ngày. Một cách để học hỏi về cách mạng, để biết sức mạnh tiềm tàng của nhân dân, là đến thăm Cuba, thăm viếng tất cả hợp tác xã và công trường, nhà máy đang được tạo dựng. Và một cách để đi đến cốt tủy của những vấn đề về y khoa là không những viếng thăm những hợp tác xã, những công trường, những nhà máy, mà là phải biết những con người đã tạo dựng nên những hợp tác xã, những công trường, những nhà máy đó. Các bạn hãy đến đó và xem họ đã mắc những bệnh gì, họ đang chịu những nỗi đau đớn gì, những nỗi thống khổ, nghèo đói mà họ đã phải chịu đựng trong bao nhiêu năm qua trong sự áp bức, bóc lột và đọa đày. Người bác sĩ, người trong ngành y phải đi sâu vào cốt lõi của công việc mới của họ như một con người của cộng đồng.

Cho dù có bất cứ biến cố nào xảy ra trên thế giới, bằng cách luôn luôn sâu sát với bệnh nhân, bằng cách tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ, bằng cách là đại biểu cho những con người đang chịu đau đớn và làm dịu nỗi đau của họ, thì người bác sĩ luôn luôn có một công việc rất quan trọng, một công việc với trách nhiệm hết sức lớn lao trong đời sống xã hội.

Cách đây vài tháng, tại Havana có một nhóm sinh viên đã không muốn nhận công tác tại nông thôn và đòi hỏi phải trả lương cao nếu như họ chịu đi. Theo quan điểm trước đây thì điều đó là hợp lý, và trước đây tôi cũng nghĩ như thế. Tôi hiểu đây là quan niệm của nhiều năm trước. Một lần nữa, đây là những đấu sĩ trong một cuộc nổi loạn, những chiến binh đơn độc muốn bảo đảm cho riêng họ một tương lai tốt đẹp hơn, những điều kiện tốt đẹp hơn, và muốn được công nhận với những gì họ đã làm.

Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu đó không phải những cá nhân ấy - những cá nhân mà gia đình của họ có thể trang trải toàn bộ chi phí cho nhiều năm học, hoàn thành khóa học và bây giờ đang hành nghề bác sĩ? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như thay vào đó là 200 hoặc 300 con em nông dân xuất hiện trên giảng đường đại học?

Điều đơn giản là những nông dân đó sẽ rất nhiệt tình, hồ hởi tham gia cùng với các anh chị em dưới mái trường đại học. Họ sẽ nhận công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất để chứng tỏ rằng những năm họ được ngồi dưới mái trường đại học không phải là uổng phí. Chuyện đó sẽ xảy ra trong sáu hoặc bảy năm nữa, khi những sinh viên mới, con em của giai cấp công nhân và nông dân, nhận bằng tốt nghiệp đại học.

Nhưng chúng ta không nên nhìn tương lai theo kiểu định mệnh đã an bài và chia nhân loại thành con em của giai cấp công nông và những phần tử phản cách mạng. Điều đó quá đơn giản và không đúng. Không có gì tốt hơn là giáo dục một con người trong môi trường cách mạng.

Không có người nào trong chúng ta ở đây xuất thân từ bần nông hay công nhân - để được học hỏi và kính trọng họ - hoặc đã từng sống với họ. Không có người nào trong chúng ta có quá khứ là một công nhân hay nông dân. Tất nhiên là có những người đã phải làm việc, đã từng biết đến sự nghèo khó trong thời thơ ấu của họ. Nhưng cái đói, cái đói thật sự thì không ai trong

chúng ta đã từng biết đến nó. Và chúng ta đã bắt đầu biết đến nó một cách tạm thời trong suốt hai năm dài ở tại Sierra Maestra. Và rồi nhiều thứ đã trở nên rất rõ ràng... Chúng ta biết rất rõ rằng cuộc sống của một con người đáng giá gấp triệu lần tài sản của một người giàu có nhất trên thế giới. Chúng ta đã biết như thế thì tại sao bây giờ chúng ta kêu gào về đặc quyền, đặc lợi của mình và cho rằng những người Cuba khác không thể học được? Vâng, họ có thể học được đấy chứ. Cách mạng ngày nay đòi hỏi họ phải học, đòi hỏi họ phải thấm sâu ý tưởng rằng niềm tự hào được phục vụ đồng bào còn quan trọng hơn thu nhập cá nhân, rằng lòng biết ơn của nhân dân là bền vững hơn vàng mà một con người có thể tích lũy. Mỗi một bác sĩ, trên cương vị của mình, có thể và nên tích lũy kho báu đó, là lòng biết ơn của nhân dân.

Thế thì chúng ta phải bắt đầu xóa bỏ những quan niệm cũ và đến gần hơn với nhân dân, không phải theo cách mà trước đây chúng ta đã làm. Bởi vì tất cả các bạn sẽ nói: "Không, tôi là bạn của nhân dân. Tôi thích nói chuyện với công nhân và nông dân, và vào Chủ Nhật tôi đi đến chỗ này, làm những điều nọ..." Mọi người đều làm như thế. Nhưng họ làm vì mục đích từ thiện, vì lòng nhân đạo, nhưng điều mà chúng ta làm ngày nay là vì tình đoàn kết. Chúng ta không nên đến gần nhân dân và nói, "Chúng tôi đây! Chúng tôi mang đến cho các người lòng từ thiện của chúng tôi. Chúng tôi sẽ dạy cho các người khoa học, chỉ ra cái sai của các người, cho các người thấy là các người thiếu phương pháp và không có kiến thức cơ bản." Chúng ta phải đến với lòng nhiệt tình muốn khám phá và với một thái độ khiêm tốn, để học hỏi từ nguồn tri thức vĩ đại của nhân dân.

Thường thì chúng ta nhận ra rằng chúng ta đã sai lầm trong những nhận thức mà chúng ta đã biết rõ; những sai lầm đó đã thành một phần của chúng ta và tự động trở thành ý thức của chúng ta. Chúng ta phải thường xuyên thay đổi nhận thức, không những là nhận thức tổng quát, xã hội hoặc triết lý mà còn những nhận thức về y khoa nữa. Chúng ta sẽ thấy rằng bệnh tật không phải luôn luôn được chữa trị theo cách người ta trị bệnh trong những bệnh viện lớn. Lúc đó chúng ta sẽ thấy rằng người bác sĩ cũng sẽ là nông dân, làm ra những loại thực phẩm mới, và nêu gương vun xới niềm khát khao được tiêu thụ những sản phẩm đó, làm phong phú và đa dạng nền công nghiệp thực phẩm của Cuba - vốn đã nhỏ bé và nghèo nàn trong một đất nước nông nghiệp có tiềm năng phong phú nhất thế giới. Chúng ta sẽ thấy rằng trong những cảnh ngộ như thế chúng ta cũng sẽ là những nhà chính trị; rằng điều đầu tiên mà chúng ta phải làm không phải là đi ban bố sự khôn ngoan, nhưng để chứng tỏ rằng chúng ta sẵn sàng học hỏi nơi nhân dân, chia sẻ kinh nghiệm với nhân dân để xây dựng một đất nước Cuba tươi mới.

Chúng ta đã tiến được nhiều bước, và khoảng cách giữa ngày 1 tháng Giêng năm 1959 và ngày hôm nay không thể đo theo những quy ước thông thường. Một thời gian trước đây, người ta hiểu rằng ở đây không những chỉ có một tên độc tài bị lật đổ, mà cả một chế độ độc tài cũng sụp đổ theo. Giờ đây nhân dân phải biết rằng trên đồng hoang tàn đổ nát đó, người ta phải xây dựng một chế độ mới có thể mang đến cho nhân dân hạnh phúc tuyệt đối.

... Chúng ta tin chắc rằng có một kẻ thù chung. Chúng ta biết rằng mỗi người nhìn qua vai xem có ai lắng nghe họ không, có người nào truyền đạt lại những gì họ đang lắng nghe không, trước khi họ phát biểu dứt khoát chống lại chủ nghĩa tư bản độc quyền, trước khi nói rõ ràng: "Kẻ thù của chúng ta, và kẻ thù của tất cả châu Mỹ La tinh, là chính phủ tư bản độc quyền Mỹ."

Mọi người đã biết đây là kẻ thù, và bất cứ ai đấu tranh chống lại kẻ thù đó tức là đang đứng cùng một chiến tuyến với chúng ta. Vậy đâu là mục tiêu của chúng ta ở Cuba? Chúng ta muốn gì? Chúng ta có muốn nhân dân được hạnh phúc hay không? Chúng ta có đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng kinh tế Cuba hay không? Chúng ta có hay không đấu tranh để Cuba trở thành một đất nước tự do giữa những đất nước tự do khác, mà không lệ thuộc vào một khối quân sự nào, không phải nhờ đến bất cứ thế lực lớn nào trên thế giới về những quyết định đối nội và đối ngoại của chúng ta? Chúng ta có nghĩ đến việc phân bổ lại tài sản của những người có quá nhiều để chia cho những người vô sản? Ở đây chúng ta có nghĩ đến việc thực hiện những công việc sáng tạo, tất cả cho hạnh phúc của chúng ta hay không? Nếu có, chúng ta đã có những mục tiêu để phấn đấu... Vào những thời điểm nguy hiểm nhất, căng thẳng nhất và sáng tạo nhất, điều can hệ nhất là xác định kẻ thù lớn nhất và những mục tiêu lớn nhất. Nếu chúng ta đồng lòng, nếu tất cả chúng ta đều biết con đường mình đi, thì cho dù bất cứ điều gì xảy ra, chúng ta cũng phải bắt đầu công việc của mình.

Tôi đã nói với các bạn rằng để trở thành một nhà cách mạng đòi hỏi phải có một cuộc cách mạng. Chúng ta đã có cách mạng. Và một nhà cách mạng phải hiểu rõ tâm tư và nguyện vọng của nhân dân. Tôi nghĩ chúng ta vẫn chưa biết rõ về nhau. Tôi nghĩ chúng ta vẫn phải cùng nhau đi trên con đường dài gian khổ đó... Tuy nhiên, nếu chúng ta biết rõ mục tiêu, nếu chúng ta biết xác định kẻ thù, và nếu chúng ta xác định được phương hướng, thì chúng ta sẽ biết rõ từng chặng đường trong từng ngày ở phía trước và dũng cảm tiến lên. Không ai có thể chỉ ra con đường phía trước đó. Con đường đó là con đường của mỗi cá nhân; đó là điều mà mỗi cá

nhân chúng ta phải thực hiện hằng ngày, là những gì chúng ta đạt được từ kinh nghiệm, là những cống hiến của nghề nghiệp chuyên môn vì lợi ích của nhân dân.

Nếu chúng ta đã có tất cả những yếu tố để vững bước tới tương lai, thì hãy làm như câu nói nổi tiếng của Jose Marti: "Lời nói hay nhất là hành động". Tất cả chúng ta hãy tiến lên vì tương lai của Cuba.

Phụ lục 2

Người bạn thân yêu của tôi (Alberto Granado nói về CHE)

Alberto Granado sinh tại Cordoba, Argentina. Ông học hóa sinh và là người bạn đồng hành cùng Ernesto Che Guavara trong cuộc hành trình xuyên châu Mỹ La tinh bằng xe gắn máy. Sau Cách mạng ông định cư tại Cuba, làm giáo sư đại học và là nhà nghiên cứu. Ông là một trong những người sáng lập chương trình công nghệ sinh học của Cuba.

Chúng tôi luôn có cùng quan điểm về tình bạn: tình bạn là trên hết.

Không phải dễ làm bạn với Ernesto bởi vì anh luôn có một điều gì đó rất khác biệt. Có thể bạn cho rằng đã là bạn bè thì phải bảo vệ nhau, cho dù người ấy hay say xỉn, thích chơi bời và không trân trọng phụ nữ. Nhưng Che không phải như thế. Một người bạn thật sự phải biết làm thế nào để cả hai cùng trở thành những người bạn cao cả - với danh dự, chân tình, và luôn sẵn sàng vì người khác.

Che là một con người cương trực và anh đã tạo cho mình những tiêu chuẩn cao, một cái gì đó ngời sáng ngay từ thời niên thiếu. Nếu bạn không chịu nổi sự phê bình, mà chỉ thích tâng bốc, nịnh bợ, hay nói cách khác là bạn tự làm giảm giá trị của mình, thì bạn sẽ không có mấy cơ hội để làm bạn với Che. Anh luôn sẵn sàng dồn bạn vào thế bí, và không sớm thì muộn, anh sẽ làm bạn nổi giận.

Thường khi bạn giúp đỡ Che một điều gì, anh sẽ đền đáp lại ngay. Cụ thể như câu chuyện trong một chuyến Che ghé thăm tôi năm 1950. Lúc đó tôi làm việc cho một trại phong ở San Francisco de Chana và Che thì đang học ở Buenos Aires để trở thành bác sĩ. Anh đang làm một cuộc hành trình vòng quanh Argentina trên chiếc xe đạp có gắn một động cơ nhỏ. Anh đã vượt 3.000 dặm đường, ghé thăm 14 tỉnh thành, và dừng lại trại phong để thăm tôi. Chúng tôi đã sửa chữa chiếc xe để anh có thể tiếp tục cuộc hành trình và vào ngày anh lên đường chúng tôi có tổ chức một bữa tiệc. Một số cô gái là bạn của chúng tôi đã đến tham dự và bữa tiệc rất vui. Khi chúng tôi sắp uống rượu thì tôi chợt nhớ ra rằng anh ấy không thích uống rượu, thỉnh thoảng mới uống rượu nhẹ có đá. Tôi đến nhà một nghị sĩ trong tỉnh vì biết rằng đó là nơi duy nhất có tủ lạnh.

Tôi nói, "Thưa bà, bạn tôi từ Buenos Aires đến. Anh ta bị nhức đầu. Bà làm ơn cho chúng tôi xin một ít đá?"

Sự thật là đá dùng để pha cho anh một ly rượu cocktail. Khi chúng tôi bắt đầu uống thì vợ của ngài nghị sĩ đột nhiên xuất hiện. Ernesto ngã vật xuống sàn và giả vờ bị đau đầu. Tuy nhiên bà nghị sĩ biết rằng anh chỉ giả bộ. Vì vậy anh dừng lại và cười phá lên. Che là thế đó: chỉ là một chàng trai, rất khôi hài, một người như tất cả chúng ta. Đây là điều mọi người muốn quên đi, khi sau này anh vượt lên trên chính mình và thành một con người kiệt xuất. Nhưng nếu chúng tôi quên những giây phút như thế thì anh sẽ trở thành một hình bóng xa cách; làm sao chúng tôi có thể sống theo gương của anh? Nói một cách khác, chúng tôi tôn thờ anh.

Một ví dụ thú vị khác về tình bạn là lá thư già biệt gửi cho Fidel khi anh đi Congo vào tháng 4 năm 1965. Bạn có thực sự nghĩ là Che cần phải viết rằng lỗi lầm duy nhất của anh trong mối quan hệ với Fidel là "đã không tin tưởng anh (Fidel) nhiều hơn từ ngày đầu ở Sierra Maestra, và đã không nhanh chóng hiểu rằng anh có tư chất của một người lãnh đạo và một nhà cách

mạng"? Một người lái chiếc thuyền cũ kỹ, rò rỉ cùng với 81 người để phát động Cách mạng; sẵn sàng đi với Fidel tới những nơi tận cùng của trái đất; thế mà những gì anh viết sau này lại bị những kẻ chống đối Cách mạng sử dụng để tấn công Fidel! Theo tôi, đây chỉ là những lời lẽ biểu lộ một tình bạn thân thiết và chân thành.

Người bạn chân tình là thế đó: nói sự thật khi có cơ hội. Đó là điều cao cả nhất - bạn luôn cảm thấy rằng Che đã khiến bạn có thể vượt qua chính mình. Chính vì vậy mà ngay cả bây giờ, mỗi khi tôi phải có một quyết định quan trọng, hoặc thậm chí là những chọn lựa trong công việc hằng ngày, tôi vẫn thường tự hỏi "Ernesto sẽ nói gì về điều này?" hoặc "Ernesto sẽ nói gì về điều đó?".

Ý nghĩ về việc thực hiện một chuyến viễn du đã nảy sinh trong đầu tôi từ năm tôi 14 tuổi. Vào lúc đó tôi đã đọc tất cả những gì được viết về những cuộc hành trình như thế trên thế giới. Tôi có một tác phẩm mang tựa đề "Kho báu của tuổi trẻ," khoảng 20 tập. Tôi đã đọc đến năm lòng. Nếu tôi không thích một điều gì trong bộ sách đó, tôi sẽ nói "Cái đó để sau chuyến đi", và nếu cảm thấy thích thú một điều gì, tôi sẽ chú ý nhiều hơn và sẽ thực hiện trước chuyến đi.

Mọi người đều muốn đi với tôi trong cuộc hành trình đó. Tuy nhiên, tôi đã gặp một người bạn đồng hành tốt nhất, còn ai khác nếu không phải là Ernesto Guevara de la Serna? Bạn không thể tìm ai thích hợp hơn được.

Thế là chúng tôi lên đường, với điều thuận lợi là cả hai chúng tôi đều không sợ bệnh phong. Vào lúc đó, người ta biết rất ít về bệnh phong. Nhưng cho dù mọi người có sợ hãi bệnh phong, chúng tôi vẫn lên đường và quyết định sẽ đối xử với những nạn nhân đáng thương kia bằng tất cả lòng nhân ái. Chúng tôi tin rằng bệnh phong không lây nhiễm, thậm chí chúng tôi cũng không mang theo găng tay. Chúng tôi biết rằng mình sẽ được chào đón nồng nhiệt. Có những lúc chúng tôi không đồng ý với các bác sĩ vì họ không muốn chúng tôi tiếp xúc với bệnh nhân mà không mang găng tay, hoặc ăn cùng họ một trái dưa hấu... Và chúng tôi cứ làm tất cả những điều đó. Không có người nào trong chúng tôi tỏ vẻ ghê sợ đối với bệnh phong và chính điều này đã giúp chúng tôi rất nhiều.

Đôi khi tôi nghĩ về khoảng thời gian đó, nhớ đến cảm xúc và lòng nhân ái của Che, những

điều mà người ta cố chôn vùi, cố quên rằng anh cũng là một con người bằng xương bằng thịt như chúng ta; cho dù anh có những khả năng xuất chúng như một nhà chiến lược quân sự, nhà kinh tế, nhà chính trị, nhà xã hội học, triết gia, và là họa sĩ; đó là chưa kể đến sở thích về nhiếp ảnh và thi ca của anh.

Anh thường đến làm việc mỗi buổi sáng, sẵn sàng làm sinh thiết. Tôi nhớ một lần viếng thăm trại phong, có một nữ bệnh nhân rất xinh đẹp. Cô có tất cả các biểu hiện của bệnh phong trên cơ thể nhưng vẫn giữ được gương mặt và bàn tay tuyệt đẹp. Khi gặp bác sĩ, cô luôn nói "Xin lỗi bác sĩ. Tôi biết là họ không muốn tôi truyền bệnh, nhưng tôi vẫn là người khỏe mạnh mà. Và gia đình tôi rất muốn tôi về nhà. Tôi sống ở Tucuman."

Ernesto nói ngay "Nghe này, có lẽ cậu lo xa quá đó. Cô ta còn khỏe mạnh mà!"

Vì vậy tôi nói "Để tớ cho cậu thấy cô gái này bị bệnh như thế nào. Đi với tớ!". Tôi yêu cầu cô ta thay quần áo, chỉ khoác bên ngoài một chiếc áo khoác. Tôi bắt đầu khám cho cô ấy với một chậu nước đá và một chậu nước nóng, đặt lần lượt ở những vùng da chưa bị ảnh hưởng của bệnh. Trong khi bệnh nhân nói "nóng" hoặc "lạnh", anh nhìn vào tôi như muốn nói "Tớ đã nói với cậu rồi mà!". Nhưng rồi tôi dùng một kim tiêm giấu bên hông, không cho cô gái thấy, và khi cô quay lưng lại, tôi chích vào chỗ mà tôi biết chắc là cô không có cảm giác gì hết. Cô gái đáng thương nói "nóng," và cố đoán. Cô ta không thể đoán được là tôi đang chích cây kim vì căn bệnh đã làm cho cô không còn cảm giác ở những vùng da đó nữa.

Mặt Ernesto biến sắc, và anh nói với tôi, "Đồ chết tiệt! Cậu không biết xấu hổ hả? Cậu mất hết cảm xúc rồi sao?".

Tôi nói, "Ernesto, tớ chỉ muốn cho cậu thấy bệnh cô ấy thực sự như thế nào". Điều đó đã làm anh rất đau lòng, và tôi cũng thế. Tất nhiên là tôi cũng thấy làm vậy là không tốt. Tôi xin lỗi, nhưng anh cứ nhắc đến điều đó mãi.

Tôi cũng nhớ một ngày khi chúng tôi rời trại phong ở San Pablo. Một nhạc sĩ không có ngón tay, vì vậy anh ta gắn vài cái que vào tay để có thể chơi đàn. Ernesto đã viết thư cho mẹ về người nhạc sĩ này. Trong thư anh kể một số bệnh nhân phong đã đến với anh trong khi những

người khác thì đứng tránh xa họ. Theo tôi thì vào lúc ấy anh cảm thấy thực sự xúc động trước tình cảm của những con người này. Nửa thế kỷ sau tôi vẫn còn thấy điều đó, trong lúc anh chìm đắm vào ý nghĩ về thuốc cho nhân dân, cho người nghèo. Điều này có vẻ kỳ lạ, nhưng đó chính là điều tôi nhận thấy nơi anh.

Sau đó một thời gian dài anh vẫn còn tiếp tục liên lạc với một số bệnh nhân cũ, trong đó có một người được anh giải phẫu khuỷu tay. Anh thích viết thư cho người này, cũng như cho Zoraida Bolearte, trợ lý giám đốc bệnh viện phong ở Lima, Peru. Thậm chí anh còn gửi cho cô ấy một bưu thiếp từ chiếc bè mà chúng tôi đang lênh dênh!

Anh vẫn thường tìm tôi, nhưng khi anh là Bộ trưởng tôi lại nghĩ là mình không nên làm mất thì giờ quý báu của anh. Điều đó đến bây giờ tôi vẫn còn nuối tiếc. Lẽ ra tôi phải đến gặp anh nhiều hơn nữa.

Mỗi khi có dịp đến Santiago de Cuba anh vẫn thường tìm tôi. Đó là thời gian tôi đang công tác tại Easter Medical School, nơi tôi đã góp phần sáng lập. Còn tôi, bất cứ khi nào đến Havana tôi cũng đều gọi cho anh. Tôi có thể đến chỗ anh mà không cần báo trước nhưng tôi thường nói với anh, "Mấy giờ tớ có thể gặp cậu được, nếu như không làm phiền cậu?". Và cứ nói như thế là tôi có thể nghe anh đáp, "Đến vào khoảng một giờ kém mười lăm và chúng ta sẽ uống trà mate".

Tôi rất sung sướng đến gặp anh, nhưng khoảng một giờ sau đó tôi hay nói "Tớ phải đi đây". Tuy nhiên, anh vẫn tiếp tục nói trong một lúc lâu, nhưng khi ấy, đó là sự lựa chọn của anh. Anh biết tôi định cáo từ vì không muốn làm mất thì giờ của anh. Nhưng tôi cũng có thể nói với bạn rằng tôi là một trong những người có thể nhảy vào thang máy của văn phòng Bộ trưởng, mặc dù tôi không có quyền đến đó.

Trước khi anh đi Congo vào tháng 4 năm 1965, tôi nghĩ anh muốn nói lời từ biệt với tôi theo cách đặc biệt của riêng mình - chỉ nói vài lời, và có lẽ không quá yếu đuối, ủy mị. Trước khi ra đi anh đã tặng tôi ba tập sách có những đánh giá quan trọng về lịch sử Cuba, đó là quyển El Ingenio (Nhà máy đường) viết bởi nhà sử học Cuba Manuel Moreno Fraginals.

Điều chính yếu mà tôi muốn nói với bạn có thể tóm gọn bằng những câu anh viết cho tôi trong ba tập sách đó: "Khi mùi thuốc súng đã tan, tôi sẽ lại chờ anh, người gypsy thôi sống đời phiêu lãng." Vì sao tôi lại nói thế? Là vì chúng tôi đã tranh cãi với nhau về quyền lực chính trị và làm thế nào để đạt được nó qua một cuộc cách mạng. Anh chỉ tin vào đấu tranh vũ trang, trong khi tôi cho rằng còn có những cách khác. Tất nhiên là tôi trân trọng luận điểm của anh, và ngược lại. Đó cũng là điều cốt yếu trong mối quan hệ chân thành giữa hai người bạn thực sự. Trong những trường hợp như thế, tôi nhớ đến lời của Benito Juarez: "Giữa những con người cũng như giữa những quốc gia - trân trọng quyền lợi của kẻ khác chính là hòa bình."

Quả đúng như thế. Theo tôi, Che ý thức rất rõ điều này và niềm tin, cách suy nghĩ của anh, tất cả đều xuất phát từ sự trân trọng anh dành cho chính mình và những người khác. Anh luôn chứng tỏ điều này, thậm chí có thể hy sinh bản thân nếu cần thiết. Như một kết quả của cách anh nhìn cuộc sống, tôi nghĩ những dòng chữ Che viết cho tôi là tiếng gọi đi cùng với anh một khi tiếng đại bác vang lên chào mừng; hay nói một cách khác, khi đến ngày thắng lợi, một điều mà anh luôn tin tưởng. Tôi vẫn nhớ lời kết lá thư từ biệt Che viết cho Fidel: "Hasta la Victoria Siempre"- Luôn hướng đến ngày chiến thắng!

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Hành trình của Che Guevara

Những nơi CHE Guevara đã đi qua

ARGENTINA (1951)

Tháng 12 Từ Cordoba đến Buenos Aires

(1952)

4 tháng 1 Rời Buenos Aires

6 tháng 1 Villa Gesell

13 tháng 1 Miramar

14 tháng 1 Necochea

16-21 tháng 1 Bahia Blanca

22 tháng 1 Trên đường tới Choele Choel

25 tháng 1 Choele Choel

29 tháng 1	Piedra del Aguila
31 tháng 1	San Martin de los Andes
8 tháng 2	Nahuel Huapi
11 tháng 2	San Carlos de Bariloche

CHILE

14 tháng 2 Đi	Peulla trên chuyến Modesta Victoria
18 tháng 2	Temuco
21 tháng 2	Lautaro
27 tháng 2	Los Angeles
1 tháng 3	Santiago de Chile
7 tháng 3	Valparaiso
8-10 tháng 3	Lên tàu San Antonio
11 tháng 3	Antofagasta
12 tháng 3	Baquedano
13-15 tháng 3	Chuquicamata
20 tháng 3	Iquique (và Toco, La Rica Aventura và Công ty Prosperidad Nitrate)
22 tháng 3	Arica

PERU

24 tháng 3	Tacna
25 tháng 3	Tarata
26 tháng 3	Puno
27 tháng 3	Đi thuyền trên hồ Titicaca
28 tháng 3	Juliaca
30 tháng 3	Sicuani
31 tháng 3	
đến 3 tháng 4	Cuzco
4-5 tháng 4	Machu Picchu
6-7 tháng 4	Cuzco
11 tháng 4	Abancay
13 tháng 4	Huancarama
14 tháng 4	Huambo
15 tháng 4	Huancarama
16-19 tháng 4	Andahuaylas
22-24 tháng 4	Từ Ayacucho đến Huancallo
25-26 tháng 4	La Merced
27 tháng 4	Giữa Oxapampa và San Ramon

28 tháng 4	San Ramon
30 tháng 4	Tarma
1-17 tháng 5	Lima
19 tháng 5	Cerro de Pasco
24 tháng 5	Pucallpa
25-31 tháng 5	Lên tàu La Cenepa xuôi dòng Rio Ucayali, một nhánh của sông Amazon
1-5 tháng 6	Iquitos
6-7 tháng 6	Lên tàu El Cisne đến trại phong ở San Pablo
8-20 tháng 6	San Pablo
21 tháng 6	Lên bè Mambo-Tango trên sông Amazon COLOMBIA
23 tháng 6	
đến 1 tháng 7	Leticia
2 tháng 7	Rời Leticia bằng máy bay
2-10 tháng 7	Bogota
12-13 tháng 7	Cucuta

VENEZUELA

14 tháng 7	San Cristobal
16 tháng 7	Giữa Barquisimeto và Corona

17-26 tháng 7 Caracas, Che chia tay Alberto Mỹ

Cuối tháng 7 Miami

ARGENTINA

Tháng 8 Che trở về gia đình tại Cordoba

CHE Guevara

Những chặng đường cuộc đời

1928

Ernesto Guevara sinh ngày 14 tháng 6 tại Rosario, Argentina. Che là con trai đầu lòng của Ernesto Guevara Lynch và Celia de la Serna. Che xuất thân từ một gia đình trung lưu thuộc dòng dõi những người thích dẫn thân vào những chuyện phiêu lưu, mạo hiểm.

Ngay từ thời thơ ấu, Che đã nghĩ mình thuộc về thế giới này và đất nước Argentina là nơi sinh ra anh chứ không phải là nơi trú ngụ của anh. Và tất cả những yếu tố đó là cội nguồn của một đứa trẻ mà số phận đã định trước để trở thành một anh hùng, một con người của mọi con người, không có giới hạn dân tộc.

1932

Gia đình Guevara di chuyển từ Buenos Aires đến Alta Gracia, một thị trấn có suối nước khoáng gần Cordoba vì Ernesto thường xuyên bị bệnh hen suyễn nặng. Bệnh hen suyễn thường cản trở cậu trong việc đi học và vui chơi với bè bạn đồng lứa.

1948

Từ bỏ ý định học kỹ thuật ban đầu, Ernesto ghi danh học y khoa tại Đại học Buenos Aires, trong khi đó anh vẫn làm nhiều việc bán thời gian, kể cả làm việc trong một dưỡng đường trị chứng dị ứng.

1950

Ernesto bắt đầu cuộc hành trình dài 4.500 km trên xe gắn máy vòng quanh miền bắc

Argentina.

1951 - 1952

Tháng 10 năm 1951, Ernesto và người bạn là Alberto Granado quyết định làm một cuộc hành trình đến Bắc Mỹ trên chiếc xe gắn máy của Alberto (chiếc La Poderosa II). Granado là một nhà hóa sinh chuyên về bệnh phong và có những người em là bạn cùng trường với Ernesto. Họ rời Cordoba vào tháng 12, trước tiên đến chào từ biệt gia đình Ernesto tại Buenos Aires. Kinh nghiệm về cuộc hành trình do Ernesto ghi lại trong và sau khi kết thúc chuyến đi và đã được xuất bản với tựa đề: "Nhật ký hành trình xuyên châu Mỹ La tinh bằng xe gắn máy".

1953

Ernesto tốt nghiệp bác sĩ và hầu như ngay lập tức anh thực hiện một chuyến đi vòng quanh châu Mỹ La tinh qua Bolivia, Peru, Ecuador, Panama, Costa Rica và Guatemala, nơi anh đã gặp Antonio Lopez, một nhà cách mạng trẻ Cuba. Tại Bolivia anh đã được chứng kiến cuộc cách mạng Bolivia. Nhận xét về những chuyến đi này được xuất bản dưới tựa đề "Ta lại lên đường".

1954

Quan điểm và nhận thức chính trị của Ernesto trở nên cấp tiến sâu sắc khi ở Guatemala anh thấy chính phủ dân chủ của Jacobo Arbenz bị lật đổ bởi những lực lượng do Mỹ hỗ trợ. Anh trốn sang Mexico, tại đây anh liên lạc với nhóm những nhà cách mạng Cuba bị lưu đày. Tại Mexico, anh cưới một cô gái Peru tên Hilda Gadea và hai người có đứa con gái tên Hildita.

1955

Sau khi gặp Fidel Castro, anh đồng ý gia nhập nhóm du kích chống lại chế độ độc tài Batista. Lúc này anh được người Cuba gọi là "Che", một cái tên thân mật theo cách gọi của Argentina. Tháng 11 năm 1956, Che vừa là người lãnh đạo, vừa là bác sĩ cho nhóm du kích trên chiếc du thuyền Granma tấn công vào đất liền.

1956 - 1958

Che đã sớm biểu hiện khả năng quân sự xuất chúng và được phong là sĩ quan chỉ huy vào tháng 7 năm 1957. Tháng 12 năm 1958, Che lãnh đạo một đội quân nổi dậy đánh thắng lực lượng của Batista tại Santa Clara, miền trung Cuba.

1959

Để tưởng thưởng cho những đóng góp của anh cho việc giải phóng đất nước, tháng 2 năm 1959 anh được trao quyền công dân của đất nước Cuba. Anh cưới Aleida March và có bốn đứa

con. Vào tháng 10, anh được bổ nhiệm làm Trưởng ban Công nghiệp của Viện Cải cách ruộng đất quốc gia và vào tháng 11, anh trở thành Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Cuba. Anh đã ký những tờ giấy bạc mới, đơn giản với cái tên "Che".

1960

Đại diện cho chính phủ cách mạng, Che dẫn đầu đoàn đại biểu Cuba đến Liên Xô, CHDC Đức, Tiệp Khắc, Trung Quốc và Bắc Triều Tiên, ký nhiều hiệp ước về mậu dịch quan trọng.

1961

Che được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Công nghiệp mới thành lập. Tháng 8, Che dẫn đầu đoàn đại biểu đến Hội nghị liên châu Mỹ (OAS) tại Punta del Este, Uruguay, tại đây anh lên án tổ chức "Liên minh vì sự tiến bộ" của Tổng thống Mỹ Kennedy.

1962

Các tổ chức cách mạng Cuba hợp nhất và Che được bầu vào Ban chấp hành quốc gia. Che thăm Liên Xô lần thứ hai.

1963

Che đi thăm Algeria, đất nước này mới giành được độc lập từ tay người Pháp dưới quyền của chính phủ Ahmed Ben Bella.

1964

Trước khi thực hiện chuyến công du tới các nước châu Phi, Che dẫn đầu đoàn đại biểu Cuba đến Đại hội đồng Liên hiệp quốc vào tháng 12 và tại đây ông đã phát biểu bài diễn văn nays lửa chống chủ nghĩa thực dân.

1965

Che dẫn đầu một phái đoàn quốc tế đến Congo để hỗ trợ phong trào giải phóng do Patrice Lumumba sáng lập.

Ngày 1-4-1965 Che bí mật rời Cuba với một quyết định từ biệt. Trong buổi lễ thành lập Đảng Cộng sản Cuba, Fidel đọc lá thư già biêt đầy xúc động của Che, tuyên bố ông rút ra khỏi tất cả các trách nhiệm chính thức trong chính quyền cách mạng lúc bấy giờ, cùng những chức vụ khác, để tiếp tục sứ mệnh của mình ở một đất nước khác. Một quyết định gây nhiều xúc động, cả ngạc nhiên và tranh cãi. Tháng 12, Che quay trở lại Cuba âm thầm chuẩn bị kế hoạch cho

một sứ mệnh mới và đầy mạo hiểm cho mình ở Bolivia.

1966

Tháng 11, Che đến Bolivia và cải trang thành thương gia dưới một cái tên giả.

1967

Tháng 4, "Thông điệp Ba châu lục" của Che được xuất bản, kêu gọi các dân tộc chiến đấu với khẩu hiệu: "Hãy là hai, ba, hay nhiều Việt Nam hơn nữa." Cũng trong tháng 4, các lực lượng du kích của Che bị phân tán. Ngày 8 tháng 10, 17 du kích quân còn lại bị phục kích, Che bị thương và bị bắt. Ngày hôm sau, Che bị lực lượng Bolivia hành quyết theo chỉ thị của CIA. Xác của ông được chôn ở một nơi bí mật cùng với nhiều chiến sĩ du kích khác. Sau này, ngày 8 tháng 10 được xem là ngày Du kích anh hùng tại Cuba.

1997

Ngày 12 tháng 7, hài cốt của Che được tìm thấy ở Vallegrande, Bolivia, được mang về Cuba cùng ngày hôm đó và hiện đang được đặt tại đài tưởng niệm Che ở Santa Clara.

Đôi lời về CHE

“Ông là thành viên hấp dẫn nhất và nguy hiểm nhất trong bộ ba lãnh đạo. Bên cạnh tính cách ngang tàng, ông có một nụ cười ngọt ngào, buồn buồn làm nhiều phụ nữ phải ngghet thở. Che đang lèo lái con tàu Cuba bằng một đầu óc tính toán lạnh lùng, bằng tài năng hiểm có, bằng trí thông minh xuất chúng và bằng đầu óc khôi hài thú vị !”

- Thời báo Time, 8 tháng 8 năm 1960

“Ngay vào thời gian 1964, CHE đã phân tích chính xác và rõ ràng về công việc nội bộ của các nước xã hội chủ nghĩa, theo ông, lý do các nước này thua trong cuộc chạy đua với phương Tây không phải vì họ đi theo con đường chân lý của chủ nghĩa Mac - Lê, mà chính vì họ không thật sự trung thành, đã phản bội hay chối bỏ con đường đó!”

- Jorge Castanedo, La vida en rojo

Nguồn: ***The Motorcycle Diaries*** - *First News* và NXB Trẻ TP HCM phối hợp ấn hành.